



BẢN TIN
CỦA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

BAN CHỈ ĐẠO

GS.TS Nguyễn Xuân Thắng
PGS.TS Nguyễn Mạnh Hùng
TS. Bùi Văn Thạch
GS.TS Lại Quốc Khánh
ThS. Trần Thị Minh Thu

BAN BIÊN TẬP

GS.TS Lại Quốc Khánh
GS.TS Nguyễn Quang Thuần
PGS.TS Vũ Văn Hà
PGS.TS Nguyễn Minh Tuấn
PGS.TS Nguyễn Văn Giang
TS. Nguyễn Thị Tuyền
TS. Lê Thị Thúy
TS. Vũ Tú Quyên

Kỹ thuật chế bản: ThS. Nguyễn Gia Đức

Địa chỉ Tòa soạn: 135 Nguyễn Phong Sắc, Nghĩa Đô, Hà Nội

Email: hoidonglyluan@hdl.vn

Giấy phép: Số 148/GP-SVHTTDL, cấp ngày 20/10/2026

In tại: Công ty Cổ phần in và Thương mại Đông Bắc



NĂM (1996-2026)

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

STT	TÊN BÀI	TÁC GIẢ	TRANG
I. ĐỊNH HƯỚNG, TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG			
1	Đổi mới tư duy lý luận, nâng cao năng lực dự báo chiến lược, phát huy vai trò của Hội đồng Lý luận Trung ương trong hoạch định đường lối phát triển đất nước	GS.TS TÔ LÂM Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	7
2	Hội đồng Lý luận Trung ương với sứ mệnh tư vấn chiến lược cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	PGS.TS ĐOÀN MINH HUẤN Ủy viên Bộ Chính trị Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	12
3	Tầm nhìn và định hướng phát triển Hội đồng Lý luận Trung ương đến năm 2030, tầm nhìn 2045	GS.TS NGUYỄN XUÂN THẮNG Ủy viên Bộ Chính trị khóa XIII Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương	24
4	Phát huy vai trò tư vấn chiến lược của Hội đồng Lý luận Trung ương trong kỷ nguyên phát triển mới	GS.TS LÊ VĂN LỢI Ủy viên BCH Trung ương Đảng Chủ tịch Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam Phó Trưởng Ban Chính sách, Chiến lược Trung ương Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương	36
II. HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG - 30 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN			
5	Hội đồng Lý luận Trung ương 2016 - 2021: Những dấu ấn sâu đậm, những cảm hứng đẹp	GS.TS PHÙNG HỮU PHÚ Nguyên Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương	49
6	Những thành tựu nổi bật của Hội đồng Lý luận Trung ương giai đoạn 2021 - 2026	GS.TS TẠ NGỌC TẤN Nguyên Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương	58

7	Về sự ra đời của Hội đồng Lý luận Trung ương - Yêu cầu khách quan của công cuộc đổi mới và phát triển đất nước	TS. PHÙNG QUỐC HIỂN Nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội Chuyên gia tư vấn cấp cao của Hội đồng Lý luận Trung ương	66
8	Vai trò của Hội đồng Lý luận Trung ương trong hệ thống các cơ quan tham mưu chiến lược của Đảng	TS. NGÔ ĐÔNG HẢI Ủy viên BCH Trung ương Đảng Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Trung ương Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương	75
III. NHỮNG ĐÓNG GÓP NỔI BẬT CỦA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG			
9	Hội đồng Lý luận Trung ương với việc phát triển lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	GS.TS VŨ VĂN HIỂN Nguyên Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương	89
10	Các cuộc trao đổi lý luận quốc tế và đóng góp của Hội đồng Lý luận Trung ương đối với công tác đối ngoại của Đảng	TS. NGUYỄN MINH VŨ Ủy viên BCH Trung ương Đảng Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương	107
11	Đóng góp của Hội đồng Lý luận Trung ương trong tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về chủ nghĩa xã hội và việc hoàn thiện nhận thức lý luận về mô hình Chủ nghĩa xã hội Việt Nam	TS. BÙI TRƯỜNG GIANG Nguyên Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương	122
12	Hội đồng Lý luận Trung ương với sự nghiệp phát triển văn hóa, con người Việt Nam	PGS.TS PHẠM VĂN LINH Nguyên Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương	132
13	Đổi mới tư duy lý luận của Đảng qua 40 năm đổi mới và dấu ấn của Hội đồng Lý luận Trung ương	PGS.TS VŨ VĂN HÀ Ban Thư ký khoa học Hội đồng Lý luận Trung ương	141
IV. HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI			
14	Nâng cao chất lượng nghiên cứu lý luận gắn với tổng kết thực tiễn của Hội đồng Lý luận Trung ương	PGS.TS DƯƠNG TRUNG Ý Ủy viên BCH Trung ương Đảng Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương	155



15	Nâng cao hiệu quả hợp tác và đối thoại lý luận quốc tế của Hội đồng Lý luận Trung ương	PGS.TS TRẦN QUỐC CƯỜNG Phó Trưởng Tiểu ban chuyên trách Tiểu ban Quốc phòng, An ninh, Đối ngoại Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương	171
16	Đổi mới phương thức hoạt động của Hội đồng Lý luận Trung ương trong giai đoạn mới	GS.TS NGUYỄN QUANG THUẦN Phó Trưởng Tiểu ban chuyên trách Tiểu ban Kinh tế, Khoa học công nghệ và Môi trường Hội đồng Lý luận Trung ương	181
17	Hội đồng Lý luận Trung ương trong bối cảnh mới: Suy nghĩ về vai trò nghiên cứu lý luận và tư vấn chiến lược	GS.TS LẠI QUỐC KHÁNH Phó Trưởng Tiểu ban chuyên trách Tiểu ban Văn hóa, Xã hội, Con người Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương	192
18	Phát huy vai trò của các tiểu ban chuyên môn trong việc chuyên sâu hóa công tác nghiên cứu lý luận	PGS.TS NGUYỄN MINH TUẤN Ban Thư ký khoa học Hội đồng Lý luận Trung ương	212
19	Phát triển mạng lưới chuyên gia nghiên cứu khoa học lý luận chính trị và kết nối đội ngũ trí thức trong và ngoài nước phục vụ hoạt động của Hội đồng Lý luận Trung ương	PGS.TS NGUYỄN VĂN GIANG Ban Thư ký khoa học Hội đồng Lý luận Trung ương	221
20	Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận chính trị chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của Hội đồng Lý luận Trung ương trong thời kỳ phát triển mới	TS. LÊ THỊ THÚY Ban Thư ký khoa học Hội đồng Lý luận Trung ương	232
21	Vai trò tham mưu, giúp việc của Văn phòng Hội đồng Lý luận Trung ương trong 30 năm xây dựng và phát triển - Những yêu cầu đặt ra trong giai đoạn mới	ThS. TRẦN THỊ MINH THU Chánh Văn phòng Hội đồng Lý luận Trung ương	249

I. ĐỊNH HƯỚNG, TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG



NĂM (1996-2026)

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

ĐỔI MỚI TƯ DUY LÝ LUẬN,
NÂNG CAO NĂNG LỰC DỰ BÁO CHIẾN LƯỢC,
PHÁT HUY VAI TRÒ
CỦA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG
TRONG HOẠCH ĐỊNH ĐƯỜNG LỐI
PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

GS.TS TÔ LÂM

*Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng
Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*

Công tác lý luận có vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp cách mạng. Muốn lãnh đạo, cầm quyền đúng, ngang tầm sứ mệnh, Đảng phải có lý luận đúng; muốn đi xa phải có tầm nhìn xa; muốn xử lý vấn đề mới phải có tư duy mới; muốn giữ vững mục tiêu chiến lược phải không ngừng phát triển sáng tạo nền tảng tư tưởng của Đảng trên cơ sở tổng kết thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa trí tuệ nhân loại.

Trong những thời khắc chuyển đổi có tính bước ngoặt, lý luận càng phải

đi trước một bước. Nếu tư duy lý luận không bắt kịp thực tiễn, chúng ta sẽ lúng túng trong xác định tầm nhìn, lựa chọn mô hình, tháo gỡ điểm nghẽn và nắm bắt thời cơ. Nếu lý luận không đủ sức soi đường, không có năng lực dự báo chiến lược, chúng ta sẽ bị động trước những biến đổi lớn của thời đại.

Do đó, công tác lý luận giai đoạn 2026-2031 phải chủ động hơn, sắc bén hơn, không thể chỉ đi sau để giải thích thực tiễn, mà phải đi cùng, đi trước ở những vấn đề cần dự báo, đi sâu vào các vấn đề cốt lõi, đi thẳng



vào các điểm nghẽn, nút thắt, mâu thuẫn mới của phát triển, qua đó tham mưu kịp thời, hiệu quả cho các quyết sách của Đảng.

Hội đồng Lý luận Trung ương là cơ quan tư vấn quan trọng của Đảng trên lĩnh vực lý luận chính trị. Qua 30 năm hoạt động, 6 nhiệm kỳ, Hội đồng đã xây dựng truyền thống đoàn kết, dân chủ, khoa học, trách nhiệm, sáng tạo; quy tụ nhiều nhà lãnh đạo, quản lý, nhà khoa học, chuyên gia uy tín; đóng góp tích cực vào tổng kết lý luận - thực tiễn, chuẩn bị văn kiện các kỳ Đại hội, cung cấp luận cứ cho Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoạch định chủ trương, chính sách, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và mở rộng trao đổi lý luận với các đảng bạn.

Tôi ghi nhận, biểu dương những đóng góp quan trọng của Hội đồng trong nhiệm kỳ 2021-2026, nhất là trong tổng kết 40 năm đổi mới, xây dựng Văn kiện Đại hội XIV và những tư vấn, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Trung ương. Việc đặt cơ quan Hội đồng tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh không làm giảm vị thế của Hội đồng hay thu hẹp vai trò công tác lý luận, mà để tập trung nguồn lực,

kết nối trí tuệ, phát huy tốt hơn hệ thống nghiên cứu, đào tạo, thông tin, tư liệu của Học viện và cả nước.

Từ đầu nhiệm kỳ 2026-2031, Hội đồng đã đổi mới hoạt động, bám sát nhiệm vụ chính trị; tôi đề nghị Hội đồng phối hợp chặt chẽ với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban tuyên giáo và dân vận Trung ương phát huy vai trò thường trực Ban Chỉ đạo, Tổ Biên tập trong tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, 40 năm thực hiện Cương lĩnh. Đây là nhiệm vụ chính trị, lý luận rất quan trọng. Cần khẩn trương hoàn thiện đề cương chi tiết, phương pháp tổng kết, cơ chế khảo sát, hội thảo, trao đổi. Phân công công việc, sản phẩm và tiến độ; gắn tổng kết Trung ương với địa phương, ngành, lĩnh vực. Trên cơ sở kế thừa các công trình đã có, phát triển, nâng tầm thành hệ luận cứ mới phục vụ chiến lược phát triển của đất nước, nhất là trong thời gian tới.

Đại hội XIV đã xác định những quyết sách chiến lược quan trọng, đang tích cực triển khai, quyết tâm thực hiện thắng lợi hai mục tiêu 100 năm. Để thiết thực phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, Bộ

Chính trị, Ban Bí thư, triển khai nội dung Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, tôi xin “*đặt hàng*” Hội đồng Lý luận Trung ương một số nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ mới:

Thứ nhất, Hội đồng cần nghiên cứu sâu hơn về chủ nghĩa xã hội, mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong điều kiện biến đổi của thời đại, nhất là xây dựng địa phương xã hội chủ nghĩa, thời kỳ quá độ và những nhân tố mới đang hình thành trong thực tiễn. Làm thế nào để sử dụng tối đa sức mạnh của kinh tế thị trường, cơi trói mọi nguồn lực tư nhân, mà vẫn giữ vững định hướng XHCN, không để xảy ra phân hóa giàu nghèo cùng cực? Làm thế nào để xây dựng một thể chế “kiến tạo phát triển” trên không gian số, bảo vệ “chủ quyền dữ liệu”, đồng thời biến dân tộc ta thành một quốc gia thạo công nghệ, giàu có và công bằng? Nghiên cứu sâu hơn về nội dung mới của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và xây dựng con người mới Việt Nam xã hội chủ nghĩa...

Thứ hai, Hội đồng cần tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận mới

của thời đại và cấp bách của đất nước, nhất là mô hình phát triển Việt Nam trong kỷ nguyên mới; thể chế phát triển nhanh, bền vững; quản trị quốc gia hiện đại, kiến tạo; tự chủ chiến lược gắn với hội nhập quốc tế; tác động tổng hợp của chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu, nguồn nhân lực và quản trị; sức mạnh tổng hợp quốc gia, sức mạnh mềm Việt Nam; hình thái cạnh tranh, xung đột mới và kinh nghiệm phát triển quốc tế...

Thứ ba, Hội đồng cần chủ động rà soát và tham gia chuẩn hóa, làm sáng rõ và phát triển hệ khái niệm, phạm trù, ngôn ngữ lý luận của Đảng trong giai đoạn mới. Thực tiễn phát triển đang xuất hiện nhiều khái niệm mới, mô hình mới, cách tiếp cận mới; nếu không được luận giải chặt chẽ, thống nhất, sẽ dễ dẫn đến cách hiểu khác nhau, vận dụng khác nhau, thậm chí làm giảm sức thuyết phục của đường lối, chủ trương; nhiệm vụ này góp phần xây dựng một hệ ngôn ngữ lý luận chuẩn xác, hiện đại, dễ hiểu, dễ vận dụng, giữ được bản sắc tư tưởng của Đảng cũng như mục tiêu của Đảng.



Thứ tư, Hội đồng cần quan tâm nghiên cứu sâu hơn về đạo đức cầm quyền, văn hóa cầm quyền và kiểm soát quyền lực trong điều kiện Đảng ta là đảng lãnh đạo, cầm quyền. Cần làm rõ những chuẩn mực mới về trách nhiệm nêu gương, liêm chính, phụng sự, kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm giải trình, quan hệ giữa quyền lực và trách nhiệm, giữa lãnh đạo và phục vụ Nhân dân; qua đó góp phần xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, ngang tầm yêu cầu lãnh đạo đất nước trong kỷ nguyên mới. Để đáp ứng yêu cầu đó, phải đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức, phương pháp nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn; đầu tư tương xứng, cho công tác lý luận của Đảng. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, nhằm nâng cao năng lực phân tích, dự báo và tư vấn.

Tôi đồng ý chủ trương hình thành Mạng lưới nghiên cứu khoa học lý luận chính trị và tổ chức Hội nghị toàn quốc về công tác nghiên cứu lý luận. Mạng lưới phải lấy Hội đồng làm hạt nhân điều phối, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh làm nền tảng tổ

chức, kết nối chặt chẽ với các ban đảng Trung ương, bộ, ngành, địa phương, học viện, trường đại học, viện nghiên cứu, hội khoa học, chuyên gia trong và ngoài nước. Chú ý yêu cầu thực chất, hiệu quả, tránh hình thức. Xác định rõ nhiệm vụ, cơ chế đặt hàng, chia sẻ kết quả nghiên cứu. Cần có các nhóm nghiên cứu linh hoạt, hiệu quả. Hội nghị toàn quốc phải trở thành diễn đàn khoa học thường niên có uy tín trao đổi học thuật, gợi mở chính sách.

Nhân đây, tôi cũng đề nghị nghiên cứu sâu hơn truyền thống công tác lý luận của Đảng, nhất là khi năm tới sẽ tròn 100 năm tác phẩm *Đường cách mạng* của Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất bản, một tác phẩm có ý nghĩa nền tảng trong lịch sử lý luận chính trị của Đảng. Cần đổi mới cách tổng kết thực tiễn theo hướng lựa chọn một số địa phương, ngành, lĩnh vực, mô hình mới để theo dõi dài hạn, coi đó như những “*phòng thí nghiệm thực tiễn*” của công tác lý luận, bám sát quá trình hình thành, vận hành, từ đó phát hiện nhân tố mới, vấn đề mới, mâu thuẫn mới, bài học mới. Lý luận phải được nuôi dưỡng từ thực tiễn sống

động, được kiểm nghiệm trong thực tiễn và quay trở lại dẫn dắt thực tiễn phát triển.

Thứ năm, cần đặc biệt quan tâm phát triển đội ngũ cán bộ lý luận, nhất là cán bộ trẻ. Nghiên cứu lý luận đòi hỏi trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phương pháp khoa học, am hiểu thực tiễn, tinh thần phụng sự Đảng, phục vụ Nhân dân và năng lực đối thoại với thời đại. Phải xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành có bản lĩnh vững vàng, tư duy hiện đại, khả năng hội nhập, năng lực nghiên cứu vấn đề mới, công nghệ, phương pháp nghiên cứu hiện đại. Đồng thời, cần tạo dựng môi trường học thuật dân chủ, khuyến khích tranh luận khoa học, tôn trọng khác biệt trong nghiên cứu, trên cơ sở kiên định mục tiêu, nguyên tắc, lợi ích quốc gia - dân tộc và nền tảng tư tưởng, mục tiêu của Đảng.

Tôi đề nghị các ban, bộ, ngành, địa phương tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện để Hội đồng Lý luận Trung ương hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ; coi việc tổng kết thực tiễn, cung cấp thông tin, phối hợp nghiên cứu lý luận là trách nhiệm chính trị của chính đơn vị, tổ chức, cá nhân mình.

Tôi mong Hội đồng phát huy truyền thống 30 năm, tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh chính trị, trí tuệ khoa học, tâm huyết với Đảng, đất nước, Nhân dân; không ngừng nâng cao chất lượng từng sản phẩm, báo cáo tư vấn, chuyên đề nghiên cứu. Uy tín của Hội đồng phải được khẳng định bằng chất lượng lý luận, tính kịp thời của tư vấn, năng lực phát hiện vấn đề, sức thuyết phục khoa học và đóng góp thực chất vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Chúng ta cần có niềm tự hào, tự chủ và tự tin về lý luận. Tự tin vì cách mạng Việt Nam có thực tiễn phong phú, thành tựu to lớn, nhiều bài học giá trị. Tự hào vì Đảng ta, Nhân dân ta đã kiên định con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đưa đất nước ta từ thuộc địa, nghèo nàn, chiến tranh, bao vây, cấm vận vươn lên vị thế ngày càng cao; tự chủ vì lý luận Việt Nam phải xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, đồng thời tiếp thu tinh hoa nhân loại bằng tinh thần độc lập, chọn lọc, sáng tạo, góp phần xây dựng nền lý luận cách mạng Việt Nam hiện đại, bản sắc trong kỷ nguyên phát triển mới ■



NĂM (1996-2026)

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG VỚI SỨ MỆNH TƯ VẤN CHIẾN LƯỢC CHO BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG, BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ

PGS.TS ĐOÀN MINH HUÂN

Ủy viên Bộ Chính trị,

Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong ba mươi năm xây dựng và trưởng thành, Hội đồng Lý luận Trung ương đã trở thành nơi hội tụ bản lĩnh, kết tinh trí tuệ của các thế hệ cán bộ lãnh đạo, nhà khoa học và những người hoạt động thực tiễn, góp phần cung cấp cơ sở khoa học, luận cứ thực tiễn cho nhiều quyết sách lớn của Đảng, Nhà nước. Chặng đường ba mươi năm ấy đồng thời đặt ra những yêu cầu phải đổi mới nếp nghĩ, cách làm sao cho ngày càng xứng đáng với niềm tin chính trị, khoa học và cách mạng mà Đảng đã trao gửi khi thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương. Mô hình phát triển, tổ chức bộ máy, khoa học - công nghệ và

quan hệ quốc tế đang biến đổi nhanh chưa từng có; nhiều vấn đề nảy sinh trước khi chu kỳ nghiên cứu, tổng kết và hoạch định chính sách kịp khép lại. Nếu chỉ nghiên cứu khi sự việc đã định hình, lý luận có thể giải thích được những điều đã xảy ra, nhưng sẽ khó có thể giúp ích cho việc lựa chọn kịp thời phương án giải quyết, nhận diện sớm rủi ro và nắm bắt thời cơ.

Yêu cầu ấy đã được nhấn mạnh qua hai nhiệm kỳ. Tại Hội nghị tổng kết công tác nhiệm kỳ 2016-2021 của Hội đồng, cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng yêu cầu: “*không thể để kéo dài tình trạng còn lạc hậu của lý luận so với sự vận động và đòi hỏi của thực*

tiễn”; đồng thời khẳng định: “*Lý luận phải vươn lên dẫn đường và đồng hành với thực tiễn*”¹. Ngày 09/6/2026, tại buổi làm việc với Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2026-2031, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh rằng công tác lý luận “*không thể chỉ đi sau để giải thích thực tiễn, mà phải đi cùng, đi trước ở những vấn đề cần dự báo*”². Hai luận điểm chỉ đạo cùng khẳng định yêu cầu lý luận phải bám sát thực tiễn, đồng thời có năng lực khái quát, dự báo và định hướng. Đổi mới công tác lý luận, vì vậy, không làm giảm vai trò nghiên cứu cơ bản hay chuẩn bị văn kiện; yêu cầu đặt ra là tổ chức nghiên cứu theo ba luồng có nhịp độ và chức năng khác nhau, liên thông thành một quá trình thống nhất. Bài viết tập trung vào tổ chức ba luồng nghiên cứu, nâng cao năng lực dự báo và chất lượng quy trình tư vấn, đồng thời đề xuất những kiến nghị có thể triển khai trong nhiệm

kỳ 2026-2031.

II. YÊU CẦU MỚI ĐỐI VỚI TƯ VẤN CHIẾN LƯỢC

1. Kế thừa kinh nghiệm 30 năm, nhận diện những điểm cần vượt qua

Kinh nghiệm ba mươi năm cho thấy, tư vấn chỉ có sức thuyết phục khi bắt đầu từ việc nhận diện đúng và trúng vấn đề thực tiễn, đặt vấn đề trong mục tiêu và nguyên tắc phát triển của đất nước, rồi kết nối tri thức nhiều lĩnh vực thành lập luận có căn cứ. Đó cũng là sự vận dụng nguyên lý mácxít về sự thống nhất biện chứng giữa lý luận và thực tiễn: thực tiễn nêu vấn đề và là tiêu chuẩn kiểm nghiệm chân lý; lý luận khái quát kinh nghiệm, định hướng lựa chọn và dự báo hệ quả. Kết luận khoa học chỉ thực sự bền vững khi được đối chiếu với thực tiễn thi hành và cập nhật khi xuất hiện bằng chứng mới.

Bên cạnh những kết quả quan trọng đạt được trong ba mươi năm qua, công tác lý luận vẫn còn những vấn đề cần

Ngày 09/6/2026, tại buổi làm việc với Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2026-2031, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh rằng công tác lý luận “*không thể chỉ đi sau để giải thích thực tiễn, mà phải đi cùng, đi trước ở những vấn đề cần dự báo*”.



được tiếp tục tinh chỉnh, khắc phục. Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từng chỉ rõ: *“vẫn còn không ít vấn đề lý luận, thực tiễn chưa được luận giải thấu đáo và làm sáng tỏ”*³. Từ góc độ tổ chức nghiên cứu, có thể tập trung rà soát bốn điểm nghẽn: (i) nhịp nghiên cứu còn phụ thuộc nhiều vào chu kỳ văn kiện và đề tài, chưa theo kịp những vấn đề mới nảy sinh giữa hai kỳ Đại hội; (ii) một số sản phẩm nghiên cứu mới chỉ dừng ở mô tả hiện trạng hoặc kiến nghị chung chung, chưa trở thành luận cứ khoa học cho lựa chọn cụ thể; (iii) việc theo dõi sau chuyển giao kết quả nghiên cứu chưa cho phép đánh giá đầy đủ kiến nghị, giải pháp được sử dụng ra sao và giả định nào đã thay đổi, nghĩa là vòng đời của sản phẩm chưa được kiểm soát chặt chẽ; (iv) tri thức tích lũy từ các sản phẩm nghiên cứu chưa được kế thừa, tiếp thu một cách hệ thống, dẫn đến nguy cơ lặp lại nghiên cứu qua các nhiệm kỳ; sự khác biệt có chăng chỉ là những con số thống kê. Đây là những vấn đề cần được kiểm chứng bằng hoạt động tổng kết nhiệm vụ và đánh giá chất lượng, hiệu quả sản phẩm từ sự phản hồi của cơ quan sử dụng. Muốn nâng cao chiều sâu tư vấn,

Hội đồng cần phát hiện vấn đề sớm, huy động đúng tri thức, đồng thời phân biệt sự việc cá biệt với điểm nghẽn có tính hệ thống và dấu hiệu của xu hướng dài hạn. Để kiểm chứng, cần rà soát một mẫu nhiệm vụ đại diện theo toàn bộ chuỗi từ yêu cầu đặt hàng, quá trình nghiên cứu và thời điểm chuyển giao đến phản hồi của cơ quan sử dụng; đối chiếu sản phẩm với vấn đề mà sản phẩm hướng tới, đồng thời phân biệt hạn chế cá biệt với hạn chế lặp lại có tính hệ thống. Kết quả rà soát sẽ tạo đường chuẩn ban đầu cho đổi mới, không thay thế việc đánh giá cụ thể từng nhiệm vụ.

2. Tư vấn chiến lược là quá trình hình thành và kiểm nghiệm luận cứ trong chu trình chính sách

Quyết định số 10-QĐ/TW ngày 06/3/2026 của Bộ Chính trị xác định Hội đồng Lý luận Trung ương là cơ quan thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, giúp Học viện thực hiện nhiệm vụ tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các vấn đề lý luận chính trị, làm cơ sở hoạch định, hoàn thiện và phát triển đường lối của Đảng⁴. Quy định này đặt rõ vị trí của Hội đồng

trong hệ thống: Hội đồng tổ chức nghiên cứu, kết nối tri thức và cung cấp luận cứ thông qua Học viện; quyền lựa chọn, quyết định thuộc về cơ quan có thẩm quyền. Vì vậy, tư vấn chiến lược không thay thế trách nhiệm của cơ quan quản lý chuyên ngành, mà góp phần làm sáng tỏ vấn đề, so sánh lựa chọn và dự báo hệ quả. Nghiên cứu lý luận cần hiện diện ở các khâu của chu trình chính sách: trước khi ban hành, nhận diện vấn đề, đánh giá chính xác thực trạng, làm rõ nguyên nhân và định hướng mục tiêu; khi xây dựng, so sánh phương án, tác động và điều kiện thực hiện; trong quá trình thực hiện, nhận diện khoảng cách giữa mục tiêu với kết quả; khi tổng kết, xác định hạn chế bất nguồn từ thiết kế hay tổ chức thực hiện. Ở mỗi khâu, cần xác định thời điểm luận cứ còn có khả năng tác động đến quyết định.

Tính chiến lược của tư vấn thể hiện ở khả năng làm rõ bản chất vấn đề, quan hệ liên ngành, hệ quả dài hạn và những điều kiện có thể làm thay đổi lựa chọn. Vì vậy, ngay từ khi giao nhiệm vụ, mỗi sản phẩm phải xác định rõ: ai sử dụng, vào thời điểm nào và để quyết định điều gì; đồng thời nêu căn cứ, giả định của

từng phương án và những rủi ro còn phải theo dõi, tránh dừng ở mô tả hiện trạng. Dù tiến độ gấp đến đâu, báo cáo vẫn phải phân biệt rõ dữ kiện đã xác nhận, nhận định của nhóm nghiên cứu và nội dung chưa đủ căn cứ. Đây là nguyên tắc xuyên suốt, bảo đảm tính khoa học và sự trung thực của tư vấn.

III. TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU THEO BA LUỒNG VỚI NHỊP ĐỘ VÀ SẢN PHẨM KHÁC NHAU

1. Nghiên cứu cấp thời những vấn đề mới, diễn biến nhanh

Vấn đề mới thường xuất hiện trước khi dữ liệu đủ để kết luận. Nghiên cứu cấp thời vì vậy không đồng nghĩa với kết luận vội vàng hay dựng ngay một hệ thống lý luận hoàn chỉnh; nhiệm vụ trước hết là nhận diện tín hiệu, đặt đúng câu hỏi, nêu giả thuyết và cung cấp luận cứ ban đầu để cân nhắc hướng xử lý. Việc phân tích cần xem xét tác động đến mục tiêu phát triển, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, hiệu lực thể chế và khả năng thực thi chính sách; đồng thời phân biệt sự việc cá biệt với xu hướng hoặc mâu thuẫn mới có thể lan rộng. Quy trình nên có ba mốc: nhận diện ban đầu, phân tích sau kiểm chứng và cập nhật



khi có dữ liệu mới. Sản phẩm ở từng mốc cần nêu rõ căn cứ, mức độ tin cậy và nội dung còn chưa chắc chắn; hồ sơ chứng cứ được duy trì xuyên suốt để giải thích sự thay đổi trong nhận định. Với vấn đề liên ngành, có thể chia thành sản phẩm trung gian để luận cứ đến kịp tiến trình quyết định mà vẫn bảo đảm yêu cầu kiểm chứng khoa học.

Để nghiên cứu cấp thời không trở thành chạy theo sự vụ, Hội đồng cần có đầu mối tiếp nhận, sàng lọc vấn đề từ chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, báo cáo của ngành và địa phương, kết quả nghiên cứu, biến động quốc tế và những vướng mắc lặp lại. Việc lựa chọn cần cân nhắc đồng thời tính cấp bách, ý nghĩa chiến lược, mức độ liên ngành, dự báo hệ quả nếu chậm xử lý và khả năng cung cấp luận cứ trong thời hạn yêu cầu. Trên cơ sở đó, phân định rõ vấn đề cần trả lời ngay, vấn đề cần theo dõi qua nhiều giai đoạn và câu hỏi cần đưa vào chương trình nền tảng; mỗi nhiệm vụ phải có đơn vị đầu mối, người sử dụng dự kiến và thời điểm cần sản phẩm. Yêu cầu ngoài chức năng tư vấn cần được chuyển đúng cơ quan, tránh dàn trải nguồn lực. Vấn đề lặp lại qua nhiều địa bàn hoặc nhiều kỳ thực

hiện, cần giải thích cơ chế tác động, được chuyển sang luồng tổng kết thực tiễn; câu hỏi liên quan đến mô hình phát triển, thiết chế hoặc giả định lý luận, cần tích lũy chứng cứ dài hạn, được đưa vào chương trình nền tảng. Mỗi lần chuyển luồng cần ghi rõ căn cứ, thời điểm và đơn vị tiếp nhận trong hồ sơ tri thức.

2. Tổng kết thực tiễn liên tục, có trọng điểm

Khác với nghiên cứu cấp thời, tổng kết thực tiễn cần đủ thời gian để quan sát chính sách, mô hình hay thiết chế từ khi hình thành đến khi vận hành. Nếu chỉ khảo sát sau khi chương trình kết thúc, thông tin về quá trình ra quyết định, điều kiện thực hiện, sự điều chỉnh ở cơ sở và phản ứng của người dân, doanh nghiệp có thể không còn đầy đủ. Yêu cầu cốt lõi là thông tin phải đúng, đủ, sạch, sống. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đề nghị lựa chọn “*một số địa phương, ngành, lĩnh vực, mô hình mới để theo dõi dài hạn, coi đó như những ‘phòng thí nghiệm thực tiễn’ của công tác lý luận*”⁵. Muốn thực hiện yêu cầu này, cần thiết kế nghiên cứu ngay từ đầu, xác định câu hỏi, mốc thời gian, dữ liệu nền và chỉ báo theo dõi; ngoài kết quả cuối

cùng, phải làm rõ điều kiện thuận lợi, chi phí, vướng mắc và tác động ngoài dự kiến. Như vậy, tổng kết có thể giải thích quá trình hình thành kết quả, thay vì chỉ mô tả kết quả tại một thời điểm.

Mô hình chính quyền địa phương hai cấp vận hành từ ngày 01/7/2025 là trường hợp phù hợp để áp dụng cách tiếp cận này. Cải cách có quy mô toàn quốc, liên quan đồng thời đến phân cấp, phân quyền, tổ chức bộ máy và cung ứng dịch vụ công, nên đặt ra câu hỏi cho cả ba luồng: vướng mắc trước mắt cần được phân tích cấp thời; quá trình vận hành tại các địa bàn có điều kiện khác nhau cần được theo dõi và tổng kết liên tục; những vấn đề về tổ chức quyền lực nhà nước ở địa phương và quan hệ giữa quy mô quản lý với năng lực phục vụ Nhân dân cần được nghiên cứu nền tảng. Nếu lựa chọn địa bàn theo khác biệt về điều kiện kinh tế - xã hội, quy mô dân số và mức độ chuyển đổi số, đồng thời thống nhất dữ liệu nền và bộ chỉ báo, Hội đồng sẽ có cơ sở so sánh giữa các địa bàn và qua thời gian. Cách làm đó giúp nhận diện rõ hơn tác động của thiết kế thể chế, năng lực tổ chức thực hiện và bối cảnh địa phương; kết luận cần nêu rõ giới

hạn của việc khái quát để tránh suy rộng từ một số trường hợp.

Tổng kết có giá trị khi chỉ ra cơ chế tác động và phạm vi có thể khái quát. Một mô hình thành công ở một địa phương chưa đủ căn cứ để nhân rộng; hạn chế lặp lại ở nhiều nơi có thể bắt nguồn từ thiết kế thể chế, phân định trách nhiệm hoặc điều kiện thực thi. Phương pháp cần kết hợp số liệu để nhận diện quy mô, xu hướng với khảo sát, phỏng vấn và hồ sơ thực thi để giải thích nguyên nhân; địa bàn được chọn phải xuất phát từ câu hỏi nghiên cứu. Như cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã lưu ý, *“Tổng kết thực tiễn ở tầm lý luận đòi hỏi một tinh thần và cách làm việc rất công phu, nghiêm túc, khoa học”*⁶. Kết luận tổng kết cần chỉ rõ bằng chứng, cơ chế tác động, mức độ có thể khái quát, điều kiện áp dụng và những nội dung chưa được kiểm chứng.

3. Kiên trì nghiên cứu những vấn đề nền tảng, dài hạn

Định hướng tập trung nghiên cứu *“những vấn đề lý luận mới của thời đại và cấp bách của đất nước”*, *“nhất là mô hình phát triển Việt Nam trong kỷ nguyên mới”* và *“tự chủ chiến lược gắn với hội nhập quốc tế”*⁷ cho thấy các



câu hỏi nền tảng không thể giải quyết trong một cuộc khảo sát hay một chu kỳ chính sách. Những vấn đề này đòi hỏi chứng cứ được tích lũy qua nhiều giai đoạn, đối thoại với tri thức khoa học thế giới và kiểm nghiệm bằng thực tiễn Việt Nam. Nghiên cứu nền tảng cần cung cấp khung phân tích cho lựa chọn chính sách hiện thời, nhất là khi lợi ích trước mắt có thể đặt ra sức ép đối với mục tiêu phát triển lâu dài.

Để nghiên cứu dài hạn không xa rời yêu cầu trước mắt, mỗi chương trình nền tảng cần xác định câu hỏi trung tâm, đội ngũ chủ trì ổn định, mốc rà soát và sản phẩm sử dụng được ở từng giai đoạn. Cơ chế kế thừa phải ghi nhận kết luận đã được kiểm chứng, vấn đề còn tranh luận, giả thuyết còn mở và dữ liệu cần tích lũy; đồng thời chuyển giao phương pháp, tư liệu và câu hỏi nghiên cứu cho lực lượng kế cận. Mỗi lần rà soát cần quyết định rõ nội dung nào tiếp tục, nội dung nào điều chỉnh và căn cứ của việc điều chỉnh. Nhờ đó, tri thức được tích lũy qua các nhiệm kỳ, hạn chế lặp lại tổng quan cũ hoặc bắt đầu lại từ đầu.

4. Liên thông ba luồng thành một dòng chảy thống nhất

Ba luồng nghiên cứu chỉ phát huy

hiệu quả khi được liên thông bằng cơ chế chuyển tiếp rõ ràng. Nghiên cứu cấp thời phát hiện vấn đề và gợi mở câu hỏi cho tổng kết; tổng kết thực tiễn kiểm nghiệm nhận định, làm rõ điều kiện và cơ chế tác động; nghiên cứu nền tảng cung cấp khung phân tích để giải thích vấn đề và cân nhắc phương án; kết quả thực hiện chính sách lại bổ sung bằng chứng cho cả ba luồng. Công cụ liên thông là hồ sơ tri thức theo từng vấn đề, ghi nhận dữ liệu, diễn biến, nhận định, phương án đã cân nhắc, kết quả triển khai, khoảng trống chứng cứ, mức độ kiểm chứng, đơn vị đầu mối và thời điểm rà soát. Khi có thêm dữ liệu hoặc vấn đề tiếp tục phát sinh, hồ sơ phải được cập nhật và xác định có cần chuyển luồng hay không; kết quả đủ căn cứ khái quát được đưa vào chương trình dài hạn. Việc quản lý, chia sẻ và tiếp cận hồ sơ phải tuân thủ yêu cầu bảo mật. Hồ sơ tri thức tạo nên trí nhớ tổ chức của Hội đồng, hỗ trợ bàn giao nhiệm vụ và kế thừa kết quả giữa các nhiệm kỳ.

IV. NÂNG CAO NĂNG LỰC DỰ BÁO VÀ CHẤT LƯỢNG TƯ VẤN

1. Dự báo xu hướng bằng kịch bản, coi năng lực thực hiện là một biến số

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm

nhấn mạnh: “*Nếu tư duy lý luận không bắt kịp thực tiễn, đất nước có thể lúng túng trong xác định tầm nhìn và lựa chọn mô hình; nếu lý luận không đủ sức soi đường, không có năng lực dự báo chiến lược, chúng ta sẽ bị động trước những biến đổi lớn của thời đại*”⁸. Dự báo chiến lược vì vậy cần đi xa hơn dự báo sự kiện hay chỉ tiêu, hướng tới phân tích xu hướng, điều kiện làm phát sinh xu hướng và dấu hiệu có thể làm xu hướng đổi chiều. Dữ liệu giúp nhận diện chuyển động đã diễn ra nhưng không tự bảo đảm cho dự báo tương lai. Cần kết hợp phân tích dữ liệu với theo dõi tín hiệu từ sớm, từ xa, khảo sát thực địa, trao đổi với chuyên gia và nhóm chịu tác động, so sánh có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế và xây dựng kịch bản.

Ý nghĩa phương pháp luận của cặp phạm trù triết học “khả năng và hiện thực” có vai trò rất quan trọng trong xây dựng năng lực dự báo. Mỗi dự báo quan trọng cần nêu các khả năng chính, điều kiện làm xuất hiện từng khả năng, chỉ báo cần theo dõi và hàm ý hành động tương ứng. Kịch bản giúp chuẩn bị cho nhiều tình huống; báo cáo cần tránh tạo cảm giác chắc chắn quá mức

bằng một kết cục duy nhất, đồng thời không dừng ở việc liệt kê khả năng mà phải chỉ ra lựa chọn. Chỉ báo cần gắn với thời điểm đánh giá lại và căn cứ để điều chỉnh phương án. Năng lực tổ chức thực hiện cũng phải được xem là một điều kiện của kịch bản: mỗi phương án cần chỉ rõ yêu cầu về thể chế, phối hợp, nhân lực, dữ liệu, thẩm quyền và khoảng trống nào có thể trở thành điểm nghẽn. Việc quyết định nhân sự, ngân sách thuộc trách nhiệm của cơ quan thực thi; giá trị của tư vấn là cảnh báo sớm các điều kiện cần chuẩn bị và hệ quả nếu chúng không được đáp ứng.

2. Nâng cao chất lượng từng khâu của quy trình tư vấn

Bước đầu tiên là xác định câu hỏi mà lãnh đạo cần được trả lời. Một yêu cầu rộng như nghiên cứu về cải cách bộ máy cần được cụ thể hóa: vấn đề nào cản trở mục tiêu; nguyên nhân thuộc thể chế, phân công, năng lực hay nguồn lực; có những phương án nào; mỗi phương án đáp ứng yêu cầu chính trị, pháp lý, kinh tế, xã hội đến đâu; cần chuẩn bị điều kiện gì. Câu hỏi rõ giúp lựa chọn đúng chuyên gia, dữ liệu, phương pháp, quy trình triển khai,



tránh những báo cáo dài nhưng không đi vào trọng tâm, không trúng vấn đề cần quyết định.

Phản biện là khâu bảo đảm độ tin cậy; chất lượng phản biện lại phụ thuộc vào môi trường học thuật. Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng yêu cầu: *“Phát huy dân chủ, tự do tư tưởng trong nghiên cứu lý luận vì lợi ích của đất nước, dân tộc”*; đồng thời *“Hết sức tránh tư tưởng bảo thủ, cục bộ, võ đoán, quy chụp và cách làm khép kín”*⁹. Tinh thần đó cần được cụ thể hóa thành quy trình: với vấn đề phức tạp, cần mời chuyên gia độc lập hoặc nhà thực tiễn không trực tiếp tham gia nghiên cứu rà soát giả định, phương pháp và cách diễn giải bằng chứng; công khai tiêu chí lựa chọn phản biện, nhận diện xung đột lợi ích và bảo đảm yêu cầu bảo mật. Khi còn cách giải thích khác nhau, báo cáo cần nêu căn cứ của từng nhận định, không san phẳng khác biệt. Các phương án cần được so sánh theo cùng tiêu chí về sự phù hợp với chủ trương, tính khả thi về thể chế và nguồn lực, tác động đến các nhóm liên quan, khả năng điều chỉnh, lợi ích, chi phí, rủi ro và thời gian thực hiện.

Thời điểm chuyển giao ảnh hưởng

trực tiếp đến khả năng sử dụng báo cáo: nhiệm vụ dài hạn cần sản phẩm trung gian; nghiên cứu cấp thời cần được cập nhật khi có dữ liệu mới. Ngay khi giao nhiệm vụ, cần thống nhất với đơn vị sử dụng về thời hạn, hình thức trao đổi và thông tin cần phản hồi. Sau chuyển giao, Hội đồng cần ghi nhận kiến nghị nào được cân nhắc, giả định nào thay đổi và kết quả thực hiện có xác nhận hay bác bỏ nhận định, giả thuyết ban đầu. Phản hồi đó phải quay lại hồ sơ tri thức và chương trình nghiên cứu, khép kín chu trình từ nghiên cứu, tư vấn đến quyết định và kiểm nghiệm.

3. Phát huy sức mạnh thống nhất trong hệ thống Học viện

Quyết định số 214-QĐ/TW ngày 28/12/2024 của Bộ Chính trị giao Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh nhiệm vụ *“góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định, hoàn thiện đường lối, chủ trương của Đảng”*¹⁰. Cùng với Quyết định số 10-QĐ/TW, đây là cơ sở để kết nối nghiên cứu, tổng kết, đào tạo và tư vấn trong hệ thống Học viện. Sự phối hợp cần dựa trên chương trình chung và phân công rõ: Hội đồng, thông qua Học viện, xác định câu hỏi chiến lược, kết nối

chuyên gia và tổ chức tư vấn; các viện nghiên cứu đóng góp tri thức chuyên ngành và kết quả khảo sát; các cơ sở đào tạo đưa kết quả nghiên cứu vào chương trình; mạng lưới thực tiễn hỗ trợ kiểm nghiệm nhận định. Mỗi chương trình cần xác định đơn vị chủ trì, đầu mối phối hợp, thời hạn chuyển giao, cơ chế chia sẻ dữ liệu và yêu cầu bảo mật, qua đó hạn chế trùng lặp đề tài và phân tán nguồn lực.

Hoạt động đào tạo là một kênh tiếp nhận thực tiễn đặc thù của Học viện. Học viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý đến từ mọi ngành, mọi địa phương; kinh nghiệm của họ có thể gợi mở vấn đề nghiên cứu mới, nhưng phải được kiểm chứng bằng dữ liệu và phương pháp phù hợp. Ngược lại, kết quả nghiên cứu cản trở lại chương trình đào tạo dưới dạng tình huống và phân tích chính sách; phản hồi của người học lại tiếp tục mở ra câu hỏi mới. Mạng lưới học viên và cựu học viên cũng có thể trở thành đầu mối hỗ trợ theo dõi các địa bàn, mô hình được lựa chọn.

4. Đổi mới tiêu chí đánh giá chất lượng tư vấn

Không thể lấy số lượng báo cáo, đề tài, hội thảo làm thước đo duy nhất; các

chỉ số đó mới chỉ phản ánh khối lượng công việc. Chất lượng tư vấn cần được đánh giá theo khả năng nhận diện đúng vấn đề, độ tin cậy của căn cứ, tính kịp thời, chất lượng phương án và điều kiện thực hiện. Tiêu chí phải phù hợp từng luồng: nghiên cứu cấp thời coi trọng tốc độ, độ tin cậy và khả năng cập nhật; tổng kết thực tiễn xem xét chứng cứ, mức độ khái quát và điều kiện áp dụng; nghiên cứu nền tảng đánh giá đóng góp cho khung phân tích, dữ liệu và chương trình nghiên cứu. Cần đánh giá tách bạch chất lượng lập luận, mức độ được cân nhắc và kết quả thực hiện, đồng thời kết hợp với phản hồi của cơ quan sử dụng. Không lấy riêng việc kiến nghị được chấp thuận làm thước đo, bởi quyết định còn chịu nhiều tác động. Cách đánh giá ấy khuyến khích tư vấn trung thực, kể cả khi phát hiện rủi ro hoặc giới hạn của một phương án.

V. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ những phân tích trên, bài viết đề xuất năm kiến nghị cho nhiệm kỳ 2026-2031:

Thứ nhất, trong năm 2026, cơ quan thường trực phối hợp với đơn vị đầu mối của Học viện xây dựng quy chế tổ chức nghiên cứu theo ba luồng, quy



định đầu mỗi tiếp nhận, tiêu chí phân luồng, sản phẩm, thời hạn, yêu cầu về chứng cứ và cơ chế chuyển tiếp; trước khi hoàn thiện, rà soát một số nhiệm vụ đại diện để xác lập đường chuẩn về tiến độ, căn cứ và phản hồi sau chuyển giao.

Thứ hai, trong giai đoạn 2026-2027, lựa chọn từ ba đến năm địa bàn, ngành hoặc mô hình để theo dõi dài hạn, ưu tiên chính quyền địa phương hai cấp; việc lựa chọn dựa trên câu hỏi nghiên cứu và khác biệt về điều kiện, kèm dữ liệu nền, bộ chỉ báo, đầu mối tại chỗ, cập nhật giữa kỳ và tổng kết hằng năm.

Thứ ba, xây dựng hồ sơ tri thức dùng chung trong Học viện, gắn với chuẩn hóa dữ liệu, phân quyền truy cập, bảo mật và trách nhiệm cập nhật; thí điểm tại một số chương trình trọng điểm trước khi mở rộng.

Thứ tư, thể chế hóa phản biện độc lập đối với sản phẩm tư vấn quan trọng, quy định tiêu chí lựa chọn, xử lý xung đột lợi ích và bảo vệ trao đổi học thuật; đồng thời thống nhất mẫu báo cáo phân biệt dữ kiện, nhận định, giả định, mức

độ chắc chắn, phương án, điều kiện thực hiện, rủi ro và chỉ báo theo dõi.

Thứ năm, ban hành bộ tiêu chí đánh giá theo từng loại sản phẩm, kết hợp đánh giá chuyên môn với phản hồi của cơ quan sử dụng sau chuyển giao; kết quả là căn cứ điều chỉnh cách tổ chức, lựa chọn chủ đề và đặt hàng nhiệm vụ tiếp theo.

Đổi mới công tác lý luận là điều kiện để Hội đồng Lý luận Trung ương nâng cao chất lượng tư vấn chiến lược trong giai đoạn phát triển mới.

Kế hoạch triển khai cần xác định đơn vị chủ trì, phối hợp, sản phẩm, mốc hoàn thành, nguồn lực và chỉ báo. Cơ quan thường trực tổng hợp tiến độ; Hội đồng rà soát hằng năm theo chất lượng luận cứ, tính kịp thời, mức độ được cân nhắc và phản hồi, không lấy riêng việc kiến nghị được chấp thuận làm thước đo.

VI. KẾT LUẬN

Đổi mới công tác lý luận là điều kiện để Hội đồng Lý luận Trung ương nâng cao chất lượng tư vấn chiến lược trong giai đoạn phát triển mới. Trọng tâm là tổ chức nghiên cứu thành ba luồng có nhịp độ và sản phẩm phù hợp: xử lý kịp thời vấn đề mới, tổng kết thực tiễn liên tục và kiên trì theo đuổi câu hỏi nền tảng. Ba luồng cần được liên thông

bằng dữ liệu, cơ chế chuyển tiếp và trách nhiệm cập nhật; năng lực dự báo phải tính đến bối cảnh, thể chế, con người và khả năng tổ chức thực hiện. Lý luận đi trước khi nhận diện tín hiệu, giải thích nguyên nhân và dự báo có căn cứ; lý luận đồng hành khi kiểm nghiệm nhận định, tiếp nhận phản hồi và tự điều chỉnh theo thực tiễn.

Với vị trí là cơ quan thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hội đồng có điều kiện kết nối nghiên cứu,

đào tạo và thực tiễn trong một chu trình thống nhất. Khi mỗi nhiệm vụ xác định rõ vấn đề cần trả lời, người sử dụng, thời hạn và sản phẩm; mỗi kiến nghị nêu rõ căn cứ, điều kiện, rủi ro và mức độ chắc chắn, *công tác lý luận sẽ nâng cao khả năng tư vấn kịp thời, hiệu quả cho các quyết sách của Đảng*¹¹. Đổi mới theo hướng đó sẽ nâng cao chất lượng lựa chọn chiến lược và năng lực tổ chức thực hiện trong kỷ nguyên phát triển mới ■

^{1, 3, 6, 9} Nguyễn Phú Trọng: *Phát biểu tại Hội nghị tổng kết công tác của Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2016-2021*, Hà Nội, ngày 17/4/2021.

² Tô Lâm: *Phát biểu chỉ đạo tại buổi làm việc với Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2026-2031*, Hà Nội, ngày 09/6/2026. Nội dung được đăng trên Báo Nhân dân và các cơ quan báo chí ngày 09/6/2026.

⁴ Bộ Chính trị: *Quyết định số 10-QĐ/TW ngày 06/3/2026 về thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương*.

^{5, 8} Tô Lâm: *Phát biểu chỉ đạo tại buổi làm việc với Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2026-2031*, Hà Nội, ngày 09/6/2026; Xem Báo Quân đội Nhân dân: “*Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm: Tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận mới và cấp bách*”, ngày 09/6/2026.

^{7, 11} Tô Lâm: *Phát biểu chỉ đạo tại buổi làm việc với Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2026-2031*, Hà Nội, ngày 09/6/2026.

¹⁰ Bộ Chính trị: *Quyết định số 214-QĐ/TW ngày 28/12/2024 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*.



NĂM (1996-2026)

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

TẦM NHÌN VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2045

GS.TS NGUYỄN XUÂN THẮNG

Ủy viên Bộ Chính trị khóa XIII,

Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

Lý luận có vai trò đặc biệt quan trọng đối với một đảng cách mạng và cầm quyền. Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh: “*Nền tảng lý luận vững chắc là kim chỉ nam cho hành động của Đảng, quyết định sự đúng đắn trong đường lối lãnh đạo và chiến lược phát triển đất nước*”¹.

Đất nước đang bước vào giai đoạn phát triển mới với mục tiêu cao hơn, yêu cầu lớn hơn, thời cơ và thách thức đan xen. Công tác lý luận vì thế phải thực sự đi trước một bước, phải trở thành ngọn đuốc soi đường, dẫn dắt, định hướng và kiến tạo phát triển; kịp thời luận giải những vấn đề mới của thực tiễn, cung cấp cơ sở khoa học cho các quyết sách chiến lược.

Năm 2026 đánh dấu 30 năm xây dựng và phát triển của Hội đồng Lý luận Trung ương. Trên nền tảng thành tựu, bài học kinh nghiệm và vai trò đã được khẳng định, Hội đồng cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, thực sự trở thành nơi hội tụ, kết tinh trí tuệ, là “túi khôn”, trung tâm nghiên cứu lý luận và tư vấn chiến lược hàng đầu của Đảng.

1. Những kết quả nổi bật qua 30 năm xây dựng và phát triển

Ba mươi năm, từ năm 1996 đến năm 2026, là một chặng đường không dài so với lịch sử công tác lý luận của Đảng, nhưng là giai đoạn Hội đồng Lý luận Trung ương từng bước khẳng định nổi bật vị trí, vai

trò trung tâm của mình trong hệ thống các cơ quan nghiên cứu, tư vấn của Đảng.

Thứ nhất, Hội đồng ngày càng khẳng định vai trò là cơ quan nghiên cứu, tư vấn về những vấn đề lý luận chính trị, cung cấp cơ sở khoa học phục vụ sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

Ngay từ những nhiệm kỳ đầu, Hội đồng đã xây dựng chương trình nghiên cứu theo hệ các vấn đề nền tảng của công cuộc đổi mới. Một mặt, Hội đồng tiếp tục làm sâu sắc nhận thức, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; mặt khác, từng bước đi sâu nghiên cứu, đề xuất các đột phá lý luận cơ bản về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới hệ thống chính trị, lý luận về Đảng cầm quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đề xuất các tư duy mới về phát triển văn hóa, con người, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế. Sự phát triển đó cho thấy nghiên cứu của Hội đồng đã

luôn gắn chặt với những vấn đề chiến lược lớn đặt ra từ thực tiễn lãnh đạo và phát triển đất nước.

Qua sáu nhiệm kỳ, các báo cáo tư vấn của Hội đồng thường xuyên bám sát hơn chương trình công tác của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, tập trung vào những vấn đề lớn, mới, khó, có ý nghĩa chiến lược. Nhiều kiến nghị của Hội đồng đã được nghiên cứu, tiếp thu trong quá trình xây dựng các văn kiện từ Đại hội IX đến Đại hội XIV cũng như trong nhiều nghị quyết, kết luận quan trọng của Trung ương.

Trong nhiệm kỳ 2021-2026, Hội đồng hoàn thành 8 báo cáo tư vấn trực tiếp phục vụ các Hội nghị Trung ương 5, 6, 7, 8 khóa XIII, tập trung vào những vấn đề lớn về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; về công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh mới; về xây dựng đội ngũ trí thức; chính sách xã hội; chiến lược bảo vệ Tổ quốc. Nhiều báo cáo được Bộ Chính trị, Ban Bí thư đánh giá cao và được sử dụng trong quá trình chuẩn bị các quyết sách của Trung ương.



Thứ hai, Hội đồng đã có đóng góp nổi bật trên tư cách là cơ quan thường trực của những cuộc tổng kết lý luận - thực tiễn lớn của Đảng

Một dấu ấn đặc biệt trong lịch sử 30 năm của Hội đồng là được giao làm Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo của ba cuộc tổng kết lớn: Tổng kết 20 năm đổi mới, Tổng kết 30 năm đổi mới và Tổng kết 40 năm đổi mới.

Ba cuộc tổng kết lớn về đổi mới đã góp phần nâng tầm nhận thức lý luận của Đảng, nhất là việc hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới, lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt, với tổng kết 40 năm, trên cơ sở kế thừa hai lần tổng kết trước và cập nhật những biến đổi mới của đất nước, thế giới, Hội đồng đã góp phần khái quát sâu hơn tiến trình phát triển tư duy lý luận của Đảng, nhận diện những nội dung cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện trong hệ thống lý luận về đường lối đổi mới và đề xuất bổ sung lý luận đường lối đổi mới trở thành một cấu phần mới trong nền tảng tư tưởng của Đảng.

Đóng góp của Hội đồng còn thể hiện ở việc tham gia các đợt tổng kết

Cương lĩnh và quá trình chuẩn bị văn kiện Đại hội: từ Tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, đến Tổng kết 10 năm thực hiện Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011. Nhiều đồng chí Thường trực, Ủy viên Hội đồng trực tiếp tham gia các Tiểu ban và Tổ Biên tập văn kiện. Theo đó, vai trò của Hội đồng từng bước chuyển từ cung cấp kết quả nghiên cứu và góp ý sang tham gia sâu hơn vào quá trình chất lọc, khái quát và chuyển hóa tri thức lý luận - thực tiễn thành những quan điểm, định hướng trong đường lối của Đảng.

Thứ ba, Hội đồng đã góp phần xây dựng và tổ chức một hệ thống nghiên cứu lý luận chính trị bài bản, liên tục kế thừa và phát triển qua các nhiệm kỳ

Từ nhiệm vụ giúp định hướng các chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước giai đoạn 1996-2000, Hội đồng từng bước được giao chủ trì, rồi chủ quản các Chương trình nghiên cứu khoa học lý luận chính trị KX.04. Qua các chương trình này, một lực lượng lớn các học viện, viện nghiên cứu, trường đại học, chuyên gia, nhà khoa học và cán bộ hoạt động thực tiễn

được huy động vào nghiên cứu những vấn đề chiến lược của đất nước.

Riêng Chương trình KX.04/21-25 đã nghiên cứu khá toàn diện những vấn đề cốt lõi và những vấn đề mới đặt ra. Điều quan trọng hơn các con số là kết quả nghiên cứu của Chương trình đã được kết nối với Tổng kết 40 năm đổi mới, các báo cáo tư vấn và xây dựng Văn kiện Đại hội XIV.

Thứ tư, hoạt động của Hội đồng ngày càng toàn diện hơn, gắn nghiên cứu hợp tác quốc tế và phát triển lý luận với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Hội đồng đã tổ chức nghiên cứu, xây dựng hệ thống luận cứ, phối hợp đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; tổ chức các tọa đàm, chuyên đề và hình thành nguồn bài viết phục vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Quan hệ trao đổi lý luận giữa Đảng ta với các đảng cộng sản, đảng cầm quyền và một số chính đảng trên thế giới được duy trì, mở rộng; qua đó vừa tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm và tri thức quốc tế, vừa giới thiệu những thành tựu đổi mới và giá trị lý luận của Việt Nam.

Thứ năm, qua thực tiễn, xây dựng và hoàn thiện phương thức làm việc đặc trưng của Hội đồng Lý luận

Xuất phát từ những yêu cầu lớn trong chương trình lãnh đạo của Trung ương, đi sâu vào thực tiễn để phát hiện vấn đề; tổ chức nghiên cứu, khảo sát, hội thảo, tranh luận; quy tụ trí tuệ các nhà khoa học và cán bộ hoạt động thực tiễn; chất lọc kết quả nghiên cứu thành báo cáo tư vấn; góp phần chuyển hóa tri thức khoa học thành luận cứ cho việc hình thành đường lối, chủ trương. Chính khả năng kết nối thực tiễn - lý luận - tư vấn - hoạch định đường lối là giá trị nổi bật nhất mà Hội đồng đã tạo dựng được qua 30 năm.

2. Tầm nhìn và định hướng phát triển Hội đồng Lý luận Trung ương trong giai đoạn mới

Thế giới đang trải qua những biến đổi sâu sắc, có tính thời đại, làm xuất hiện nhiều vấn đề chưa từng có hoặc chưa được giải thích đầy đủ bằng những khuôn khổ lý luận truyền thống

Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng; cấu trúc quyền lực và trật tự thế giới tiếp tục chuyển dịch; chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa



bảo hộ và xu hướng phân mảnh kinh tế xuất hiện song hành với toàn cầu hóa và hội nhập sâu rộng. Xung đột địa chính trị, an ninh phi truyền thống, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh dữ liệu đặt ra những vấn đề mới về phát triển và quản trị.

Đáng chú ý, cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và sự phát triển nhanh của trí tuệ nhân tạo không chỉ tạo ra công cụ sản xuất mới mà đang tác động trực tiếp tới cách tổ chức sản xuất, phân bổ nguồn lực, cơ cấu việc làm, phương thức quản trị, truyền thông và đời sống xã hội. Điều đó làm xuất hiện những câu hỏi lý luận mới về sự biến đổi của lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, các chủ thể quản trị và cách thức bảo đảm phát triển hài hòa trong môi trường số. Theo chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm, công tác lý luận vì vậy phải đổi mới đồng thời tư duy và phương pháp, khai thác hiệu quả chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu và các công cụ phân tích hiện đại để nâng cao chất lượng tổng hợp, dự báo và tư vấn chiến lược.

Những biến đổi đó đặt ra cho Hội

đồng yêu cầu không chỉ theo dõi tình hình mà phải phát hiện sớm những chuyển dịch mang tính cấu trúc, nhận diện tác động tới Việt Nam, nghiên cứu các kịch bản phát triển và cung cấp luận cứ cho việc hình thành tư duy chiến lược.

Đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới với những mục tiêu cao hơn đặt ra yêu cầu đổi mới có tính cách mạng trong tất cả các lĩnh vực

Sau 40 năm đổi mới, thế và lực của đất nước đã thay đổi căn bản. Mục tiêu đến năm 2030 và năm 2045 đặt ra yêu cầu phải chuyển mạnh mô hình phát triển, tạo động lực mới cho tăng trưởng, nâng cao năng suất và chất lượng phát triển, đồng thời bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa, củng cố quốc phòng, an ninh và nâng cao vị thế quốc tế.

Đó không chỉ là yêu cầu của thực tiễn phát triển và quản trị phát triển mà trước hết đó là những bài toán lý luận mới: mô hình phát triển Việt Nam trong kỷ nguyên mới có những đặc trưng gì; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển ở trình độ cao cần được hoàn thiện

như thế nào; quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội được xác lập mới ra sao? Các mối quan hệ lớn: giữa tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa đổi mới, phát triển và ổn định; giữa khoa học - công nghệ với con người, văn hóa và công bằng xã hội phải được nhận thức và xử lý thế nào?

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đánh giá cao công tác lý luận của Hội đồng và yêu cầu trong giai đoạn mới; công tác lý luận phải thực sự đi trước một bước, chủ động phát hiện và luận giải những vấn đề mới từ thực tiễn đất nước và những biến đổi của thế giới, góp phần soi sáng con đường phát triển trong nhiều thập niên tới:

Thứ nhất, nhiệm vụ phát triển lý luận của Đảng đặt yêu cầu nâng lên một tầm cao mới

Ở giai đoạn mới, nhiệm vụ phát triển lý luận không chỉ dừng ở việc tiếp tục làm sáng rõ những nhiệm vụ lý luận cụ thể trong kỷ nguyên mới mà cần được kết nối thành một hệ thống lý luận ngày càng đồng bộ về đường lối đổi mới gắn với việc làm

sâu sắc hơn mô hình CNXH Việt Nam và con đường đi lên CNXH trong thời đại mới; đặc biệt cần làm sâu sắc hơn lý luận về Đảng lãnh đạo, Đảng cầm quyền và về mô hình phát triển Việt Nam trong điều kiện mới.

Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cũng đã từng xác định một lộ trình rất quan trọng: trên cơ sở tổng kết 40 năm đổi mới phải từng bước hoàn thiện hệ thống lý luận về đường lối đổi mới; đến năm 2030, gắn với tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng và 40 năm thực hiện Cương lĩnh, nghiên cứu bổ sung, phát triển Cương lĩnh; hướng tới năm 2045 có một hệ thống lý luận khoa học, hiện đại hơn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Theo ý kiến chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, trong nhiệm kỳ Đại hội XIV, chúng ta phải hoàn thành ba nhiệm vụ lớn: Tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh làm cơ sở xây dựng Cương lĩnh phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới; cơ bản hoàn thiện hệ thống lý luận về đường lối đổi mới.



Đây là những nhiệm vụ có quy mô, tầm vóc lớn và đặc biệt quan tâm, đòi hỏi Hội đồng phải tổ chức nghiên cứu từ sớm, có hệ thống, liên ngành và dài hạn.

Thứ hai, trên cơ sở mô hình tổ chức mới, Hội đồng cần tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động

Theo Quyết định số 10-QĐ/TW ngày 06/3/2026, Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2026-2031 đặt tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; nhưng được giao các nhiệm vụ lớn: tham gia Tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh và chủ trì Chương trình KX.04/26-30.

Mô hình này tạo điều kiện kết nối sức mạnh của Hội đồng với tiềm lực nghiên cứu, đào tạo, dữ liệu, mạng lưới trường chính trị và nguồn nhân lực của Học viện. Tổng Bí thư Tô Lâm đánh giá đây là điều kiện thuận lợi để gắn chặt nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, đào tạo cán bộ và phát triển tri thức khoa học chính trị.

Cần phải giữ được đặc trưng là cơ chế kết nối trí tuệ rộng mở của toàn bộ hệ thống nghiên cứu lý luận trên phạm

vi toàn quốc chứ không thu hẹp thành hoạt động của một cơ quan hay một học viện.

Thứ ba, những hạn chế đã được chỉ ra qua nhiều nhiệm kỳ đang đặt ra yêu cầu phải có bước đột phá thực chất

Kết luận số 231-KL/TW thẳng thắn chỉ rõ công tác lý luận còn chậm đổi mới, chưa theo kịp sự phát triển của thực tiễn, chưa phát huy đầy đủ vai trò định hướng, dẫn dắt; đội ngũ chuyên gia đầu ngành còn thiếu; dân chủ trong nghiên cứu còn hạn chế; hợp tác quốc tế chưa tương xứng.

Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2021-2026 của Hội đồng cũng chỉ ra chất lượng một số sản phẩm nghiên cứu chưa đáp ứng thật tốt yêu cầu; sự gắn kết giữa nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn và định hướng chính sách chưa chặt; năng lực của đội ngũ chuyên trách còn hạn chế và mức độ tham gia của các thành viên Hội đồng chưa đồng đều.

Vì vậy, yêu cầu đặt ra không phải chủ yếu là gia tăng số lượng nhiệm vụ hay sản phẩm nghiên cứu, mà là tạo chuyển biến thực sự về chất lượng: phát hiện vấn đề sớm hơn, tổ chức

nguyên cứu sâu hơn, kết luận sắc hơn và rút ngắn khoảng cách từ kết quả nghiên cứu đến tư vấn chiến lược. Đây là điều kiện để công tác lý luận thực sự nâng cao năng lực định hướng, dẫn dắt và đáp ứng kịp thời những yêu cầu mới của thực tiễn.

3. Nhiệm vụ và giải pháp phát triển Hội đồng Lý luận Trung ương đến năm 2030, tầm nhìn 2045

Trên cơ sở thành tựu, kinh nghiệm 30 năm xây dựng và phát triển; quán triệt định hướng của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, nhất là chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm đối với Hội đồng nhiệm kỳ 2026-2031, thời gian tới cần tập trung vào một số nhiệm vụ và giải pháp lớn sau đây.

Thứ nhất, tiếp tục xác lập rõ hơn vị thế và sứ mệnh của Hội đồng là hạt nhân nòng cốt về nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và tư vấn chiến lược trong công tác lý luận của Đảng

Đây là định hướng bao trùm. Giá trị riêng có của Hội đồng không nằm ở việc thay thế các cơ quan nghiên cứu chuyên ngành, mà ở khả năng phát hiện và đề xuất những vấn đề chiến lược, quy tụ nhiều nguồn tri thức, tổ chức nghiên cứu và phản

biện liên ngành, rồi chất lọc kết quả thành luận cứ phục vụ trực tiếp các quyết sách của Đảng. Vì vậy, nâng tầm vị thế của Hội đồng trước hết là nâng cao năng lực kiến tạo chương trình nghiên cứu, kết nối mạng lưới trí tuệ và tư vấn cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những lựa chọn phát triển lớn của đất nước.

Đến năm 2030, cần xây dựng Hội đồng thành cơ chế tư vấn chiến lược vừa phản ứng nhanh trước các vấn đề mới, vừa đủ năng lực chủ động nghiên cứu cơ bản, dài hạn. Tầm nhìn đến năm 2045, Hội đồng phải trở thành trung tâm hội tụ, kết tinh trí tuệ lý luận của Đảng và đất nước, có năng lực nghiên cứu, tư vấn, dự báo chiến lược ngang tầm yêu cầu phát triển mới.

Thứ hai, tập trung cao nhất cho những nhiệm vụ lý luận có ý nghĩa lịch sử đến năm 2030

Trọng tâm trước hết là tổ chức tốt Tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, không chỉ tái hiện lịch sử mà quan trọng hơn là nhận diện, khái quát những quy luật, bài học có giá trị lâu dài về sự lãnh đạo của Đảng; làm rõ cơ sở lý luận và



thực tiễn để tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền trong giai đoạn mới.

Cùng với Tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, làm cơ sở nghiên cứu xây dựng Cương lĩnh phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới. Cuộc tổng kết phải có tầm nhìn dài hạn, góp phần giải đáp những vấn đề căn bản về mô hình, con đường và phương thức phát triển Việt Nam trong những thập niên tới.

Các kết quả nghiên cứu phải gắn trực tiếp với chuẩn bị Văn kiện Đại hội XV; việc chuẩn bị lý luận và thực tiễn cho Đại hội cần triển khai ngay từ đầu nhiệm kỳ, gắn với tổ chức thực hiện Chương trình nghiên cứu lý luận KX.04/2026-2031.

Thứ ba, đổi mới chương trình nghiên cứu theo hướng tập trung vào những vấn đề có khả năng tạo đột phá về tư duy phát triển

Chương trình KX.04/26-30 cần được tổ chức như một hệ sinh thái nghiên cứu phục vụ trực tiếp chiến lược phát triển đất nước. Ở trực nghiên cứu các vấn đề nền tảng cốt lõi phải hướng vào việc nhận diện rõ hơn giá

trị bền vững và những vấn đề cần tiếp tục phát triển trong chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh khi điều kiện lịch sử, lực lượng sản xuất và môi trường quốc tế đã có nhiều thay đổi; trên cơ sở đó, làm sâu sắc các luận cứ về chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và những đặc trưng của mô hình xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới.

Ở trực nghiên cứu khác, cần tập trung kiến giải mô hình phát triển Việt Nam trong kỷ nguyên mới như một chỉnh thể, trọng tâm là làm rõ cơ chế tương tác giữa 3 trụ cột kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; xác lập cơ sở lý luận cho việc xử lý hài hòa giữa yêu cầu phát triển nhanh với bền vững, giữa trọng tâm phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, con người, tiến bộ và công bằng xã hội, giữa độc lập, tự chủ với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

Trên cả hai trực đó, cần hình thành các cụm nghiên cứu mũi nhọn về lực lượng sản xuất mới, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, kinh tế xanh và thể

chép phát triển; đồng thời làm sâu sắc lý luận về Đảng cầm quyền, phương thức lãnh đạo, kiểm soát quyền lực và quản trị quốc gia hiện đại. Các vấn đề văn hóa, con người, chính sách xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và tự chủ chiến lược cần được đặt trong quan hệ hữu cơ với mô hình phát triển tổng thể, qua đó tăng khả năng tích hợp kết quả nghiên cứu thành luận cứ chiến lược.

Thứ tư, thực hiện một cuộc đổi mới mạnh mẽ về phương pháp nghiên cứu và tổng kết thực tiễn

Đổi mới phương pháp phải được thể hiện trong toàn bộ quy trình nghiên cứu: từ lựa chọn vấn đề, thu thập và kiểm chứng dữ liệu, tổ chức khảo sát, so sánh, tranh luận học thuật đến xây dựng kịch bản và lượng hóa tác động chính sách. Hội đồng cần hình thành hệ thống dữ liệu lý luận - thực tiễn được cập nhật thường xuyên, từng bước ứng dụng dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các mô hình phân tích, dự báo để hỗ trợ phát hiện xu hướng, nhận diện điểm nghẽn và nâng cao độ tin cậy của các báo cáo tư vấn.

Cần tiến tới hình thành cơ sở dữ liệu lý luận quốc gia, kết nối với dữ

liệu của các cơ quan Đảng, Nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học và địa phương. Tuy nhiên, công nghệ không thay thế tư duy lý luận; nó chỉ phát huy giá trị khi được sử dụng bởi đội ngũ có bản lĩnh chính trị, năng lực tư duy, khả năng tổng kết, khái quát và hiểu sâu thực tiễn Việt Nam.

Thứ năm, xây dựng cơ chế kết nối chặt chẽ hơn giữa nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn và hoạch định chính sách

Mỗi nhiệm vụ nghiên cứu lớn cần bắt đầu từ yêu cầu của thực tiễn và nhu cầu cung cấp luận cứ cho Trung ương; sản phẩm nghiên cứu phải xác định rõ khả năng sử dụng. Sau khi chính sách được ban hành, Hội đồng cần tiếp tục theo dõi quá trình triển khai để kiểm nghiệm những luận điểm đã đề xuất.

Hoạt động của Hội đồng cần được thiết kế theo hướng khép kín và có cơ chế phản hồi: từ phát hiện vấn đề, tổ chức nghiên cứu và tranh luận học thuật, hình thành kiến nghị tư vấn, đến theo dõi quá trình quyết sách được triển khai, tổng kết thực tiễn và bổ sung lý luận. Một khâu cần được tăng cường là sự tham gia của Hội



đồng nên được vào cuộc ngay từ giai đoạn đầu trong quá trình chuẩn bị các đề án chiến lược quan trọng của Đảng và Nhà nước, với vai trò cung cấp luận cứ, phản biện và thẩm định về mặt lý luận - thực tiễn; qua đó góp phần nhận diện sớm những vấn đề cần hoàn thiện trước khi hình thành chủ trương, đường lối và chính sách.

Thứ sáu, khai thác tối đa ưu thế của mô hình Hội đồng gắn với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, đồng thời bảo đảm tính mở và khả năng quy tụ trí tuệ toàn quốc

Cần kết hợp năng lực của Hội đồng với hệ thống nghiên cứu, đào tạo của Học viện; gắn nghiên cứu với đào tạo cán bộ, đưa vấn đề thực tiễn lãnh đạo, quản lý vào nghiên cứu và chuyển kết quả nghiên cứu mới vào đào tạo, bồi dưỡng.

Đồng thời, Hội đồng phải vận hành như một mạng lưới mở của trí tuệ Việt Nam, có khả năng quy tụ nhà khoa học, chuyên gia và cán bộ thực tiễn trong và ngoài nước theo từng vấn đề chiến lược. Cần xây dựng các nhóm chuyên gia nòng cốt, mạnh theo lĩnh vực, có cơ chế phát triển đội ngũ kế cận, thu hút chuyên gia đầu ngành và

cán bộ trẻ triển vọng. Chất lượng đội ngũ và cơ chế phối hợp liên ngành sẽ quyết định trực tiếp khả năng hình thành những công trình lớn, có giá trị khái quát và sức sống lâu dài.

Thứ bảy, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển lý luận với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Trong môi trường truyền thông số, các quan điểm sai trái, xuyên tạc lan truyền nhanh và dưới nhiều hình thức mới. Đấu tranh tư tưởng không thể chỉ dừng ở phản bác từng luận điểm, mà quan trọng hơn là nâng cao sức thuyết phục của chính hệ thống lý luận của Đảng.

Hội đồng cần ưu tiên xây dựng các hệ luận cứ khoa học có chiều sâu, trực tiếp giải đáp những vấn đề thực tiễn và xã hội đang quan tâm; chủ động làm rõ cơ sở lý luận của các chủ trương mới, đồng thời phát hiện sớm những khoảng trống nhận thức có thể bị xuyên tạc, lợi dụng. Cách tiếp cận cần chuyển mạnh từ phản ứng theo vụ việc sang kết hợp chủ động giữa “xây” và “chống”, lấy chất lượng phát triển lý luận và sức thuyết phục của luận cứ khoa học làm nền tảng nâng cao sức đề kháng tư tưởng, nhất là trong không gian số.

Thứ tám, nâng tầm hợp tác quốc tế về lý luận từ trao đổi kinh nghiệm tới hợp tác nghiên cứu và đối thoại chiến lược

Hội đồng cần duy trì quan hệ với các đảng cộng sản, đảng cầm quyền truyền thống; đồng thời mở rộng hợp tác với các chính đảng, viện nghiên cứu, trường đại học và trung tâm tư duy chiến lược có uy tín. Trọng tâm là phối hợp nghiên cứu chung, trao đổi lý luận, đối thoại chính sách, chia sẻ mô hình phát triển, tiếp cận thành tựu khoa học tiên tiến và chủ động giới thiệu thành tựu lý luận, kinh nghiệm đổi mới của Việt Nam.

*

* *

Ba mươi năm xây dựng và phát triển đã tạo cho Hội đồng Lý luận Trung ương nền tảng quan trọng về truyền thống, kinh nghiệm, đội ngũ và phương thức hoạt động. Dấu mốc 30 năm không chỉ để tổng kết những gì đã làm được, mà quan trọng hơn là mở

ra một chặng đường phát triển mới.

Yêu cầu của thời kỳ mới đặt Hội đồng trước một sự chuyển đổi về chất: từ theo sát thực tiễn tiến tới nắm bắt, dự báo và đi trước thực tiễn; từ nghiên cứu vấn đề được giao sang chủ động phát hiện vấn đề chiến lược; từ tập hợp kết quả nghiên cứu sang tổ chức, dẫn dắt mạng lưới tri thức lý luận; từ cung cấp luận cứ lên năng lực tư vấn chiến lược và góp phần kiến tạo tư duy phát triển. Đó cũng là tinh thần chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm: công tác lý luận phải đi trước một bước; Hội đồng phải là nơi hội tụ, kết tinh trí tuệ, là túi khôn của Đảng, trung tâm nghiên cứu và tư vấn chiến lược những vấn đề lớn của đất nước. Với truyền thống 30 năm và yêu cầu đổi mới mạnh mẽ, Hội đồng có đủ cơ sở để vững bước vào giai đoạn phát triển mới, góp phần làm cho lý luận thực sự trở thành nguồn lực trí tuệ, soi đường cho sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới ■

¹ GS. TS Tô Lâm: *Rạng rỡ Việt Nam*, Tạp chí Cộng sản, số 1.055 (tháng 2/2025).



NĂM (1996-2026)

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

PHÁT HUY VAI TRÒ TƯ VẤN CHIẾN LƯỢC CỦA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI

GS. TS LÊ VĂN LỢI

*Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam,
Phó Trưởng Ban Chính sách, Chiến lược Trung ương,
Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương*

1. Hội đồng Lý luận Trung ương với yêu cầu đổi mới tư duy lý luận của Đảng

Hội đồng Lý luận Trung ương được thành lập theo Quyết định số 06-QĐ/TW ngày 30/10/1996 của Bộ Chính trị, với chức năng, nhiệm vụ được xác định là: “tư vấn cho Bộ Chính trị về công tác lý luận chính trị; giúp Thường vụ Bộ Chính trị chỉ đạo phương hướng, nội dung các chương trình nghiên cứu khoa học xã hội thời kỳ 1996 - 2000 nhằm xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam”¹. Thời điểm này, đất nước

mới trải qua 10 năm đổi mới, vừa thoát ra khỏi tình trạng khủng hoảng và từng bước đạt được những thành tựu quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội. Về mặt lý luận, mô hình xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ đã bước đầu được làm rõ trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* năm 1991, tuy nhiên, thực tiễn đổi mới cũng đặt ra không ít vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu, giải quyết. Đặc biệt, sự tan rã của Liên Xô sau Đại hội VII đã tác động sâu sắc đến tâm tư của một bộ phận lớn cán bộ, Nhân

dân, dẫn đến hiện tượng dao động, hoài nghi về tương lai của chủ nghĩa xã hội. Đúng như văn kiện Đại hội VIII nhận định: *“Trước sự phát triển của cách mạng, có nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn rất phức tạp, chưa sáng tỏ, trong Đảng cần có sự thảo luận, tranh luận”*².

Nói cách khác, những biến động to lớn của tình hình quốc tế, cùng với những chuyển biến sâu sắc của đất nước trong 10 năm đầu đổi mới, đã đặt ra những vấn đề mới, phức tạp và cấp thiết về lý luận, trong đó có những vấn đề liên quan trực tiếp đến việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, tiếp tục xác định mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Thành công bước đầu của công cuộc đổi mới không làm giảm đi yêu cầu đối với công tác lý luận, mà ngược lại, càng đòi hỏi phải nâng công tác nghiên cứu lý luận lên một trình độ mới, kịp thời phát hiện, nhận diện và giải quyết những vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn, để nghiên cứu lý luận gắn kết chặt chẽ với tham mưu, tư vấn chiến lược cho Đảng, Nhà nước. Trong bối cảnh đó, yêu cầu đổi mới tư duy lý luận đặt ra

không chỉ đối với nội dung nghiên cứu mà còn đối với phương thức tổ chức, hoạt động của công tác lý luận và của các cơ quan nghiên cứu lý luận của Đảng. Thực tiễn đòi hỏi phải có một thiết chế có khả năng tập hợp, kết nối và phát huy trí tuệ của đội ngũ chuyên gia, đồng thời tạo ra sự gắn kết chặt chẽ hơn giữa nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn và tư vấn cho quá trình hoạch định đường lối của Đảng. Việc thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương năm 1996, do đó, không đơn thuần là sự kiện kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác lý luận, mà còn thể hiện một bước đổi mới trong phương thức tổ chức công tác lý luận của Đảng, nhằm đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Với tư cách là một thiết chế nghiên cứu, tư vấn lý luận theo mô hình hội đồng, Hội đồng Lý luận Trung ương được tổ chức theo hướng tập hợp nhiều chuyên gia, nhà khoa học có uy tín, phát huy trí tuệ liên ngành và tăng cường sự gắn kết giữa nghiên cứu lý luận với yêu cầu thực tiễn của công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Điểm đặc biệt của mô hình này là tính chất mở,



động, khách quan, độc lập, cơ chế hoạt động linh hoạt, với chức năng tư vấn chiến lược được đặt ở vị trí trung tâm: *“Hội đồng Lý luận Trung ương có chức năng được quy định xuyên suốt 25 năm qua là cơ quan tư vấn”*³.

Có thể thấy, sự ra đời của Hội đồng Lý luận Trung ương gắn trực tiếp với yêu cầu đổi mới tư duy lý luận của Đảng, *làm cho nghiên cứu lý luận gắn kết chặt hơn với tổng kết thực tiễn và tư vấn chiến lược, trực tiếp phục vụ quá trình hoạch định đường lối của Đảng*. Từ đây, Hội đồng Lý luận Trung ương từng bước trở thành một thiết chế quan trọng trong cơ chế kết nối giữa lý luận và thực tiễn, giữa nghiên cứu khoa học và tư vấn chiến lược, là nơi tập hợp, phát huy nguồn lực trí tuệ của đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học cả nước để nghiên cứu, luận giải và tư vấn những vấn đề lý luận chính trị có ý nghĩa chiến lược.

2. Đóng góp của Hội đồng Lý luận Trung ương trong tư vấn chiến lược và đổi mới tư duy lý luận của Đảng

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, kể từ khi thành lập đến nay, Hội đồng Lý luận Trung ương đã

tham gia và đóng góp tích cực vào quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng. Ngay sau khi thành lập, trong nhiệm kỳ 1996-2001, Hội đồng đã tập trung vào một số vấn đề quan trọng, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn để tiến hành nghiên cứu, tư vấn, như: những vấn đề cần nhận thức cho đúng và cần tiếp tục bổ sung, điều chỉnh, phát triển đối với chủ nghĩa Mác - Lênin; những vấn đề về tư tưởng Hồ Chí Minh cần được xem xét một cách toàn diện và có hệ thống; những vấn đề về kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước; những quan điểm về đổi mới hệ thống chính trị, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể Nhân dân; vấn đề xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng lãnh đạo Nhà nước; vấn đề xây dựng chính quyền của dân, do dân, vì dân, xây dựng nền pháp chế và sự quản lý xã hội bằng pháp luật; vấn đề xây dựng nền văn hóa Việt Nam và con người Việt Nam trong thời đại mới⁴. Đây đều là những vấn đề căn bản liên quan đến việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, hoàn thiện lý luận về chủ nghĩa xã hội và

con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trong nhiệm kỳ 2001-2005, cùng với việc tham gia tổng kết 20 năm đổi mới với kết quả là Báo cáo *Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới*, Hội đồng Lý luận Trung ương tiếp tục triển khai nghiên cứu, tư vấn về một số vấn đề lý luận chính trị quan trọng, phức tạp, liên quan đến con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, như: vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân, vấn đề định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam, vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa, dân chủ trong điều kiện một đảng cầm quyền v.v... Đây là những vấn đề khó, có nhiều tranh luận và đã được thảo luận trong thời gian dài. Những kết quả nghiên cứu tổng kết, tư vấn của Hội đồng đã phục vụ trực tiếp cho quá trình xây dựng các văn kiện trình Đại hội X của Đảng.

Đặc biệt, trong nhiệm kỳ 2006-2010, Hội đồng Lý luận Trung ương đã có đóng góp hết sức quan trọng đối với việc bổ sung, phát triển *Cương lĩnh 1991*, tiếp tục làm sáng tỏ nhiều vấn đề như: đặc trưng của xã hội xã

hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng, phương hướng cơ bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, những định hướng lớn về phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại v.v... Những kết quả nghiên cứu, tư vấn của Hội đồng được thể hiện qua các cuộc hội thảo khoa học, các báo cáo tư vấn đã phục vụ trực tiếp cho việc hoàn thiện các văn kiện quan trọng như *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)*, *Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011-2020*.

Trong nhiệm kỳ 2011-2015, Hội đồng Lý luận Trung ương đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, tiếp tục tư vấn cho Trung ương Đảng nhiều vấn đề về xây dựng Đảng, đổi mới hệ thống chính trị và phương thức lãnh đạo của Đảng, như: nhận diện những vấn đề cấp bách trong công tác xây dựng Đảng; vấn đề sửa đổi, bổ sung Hiến pháp; đổi mới giáo dục, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa v.v...⁵. Bên cạnh đó, với vai trò cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực



tiền qua 30 năm đổi mới, Hội đồng đã hướng dẫn các ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các địa phương tiến hành tổng kết 30 năm đổi mới, phối hợp với bộ phận thường trực Tổ Biên tập Văn kiện Đại hội XII chất lọc báo cáo của các cơ quan, địa phương để phục vụ công tác nghiên cứu, đồng thời trực tiếp xây dựng, hoàn thiện Báo cáo tổng kết trình Ban Chỉ đạo và Bộ Chính trị.

Trong nhiệm kỳ 2016-2021, Hội đồng Lý luận Trung ương tập trung tư vấn cho Trung ương Đảng những vấn đề lý luận chính trị phục vụ việc thực hiện *Cương lĩnh 2011* và *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020*, đồng thời tư vấn những vấn đề phục vụ trực tiếp việc soạn thảo các văn kiện Hội nghị Trung ương khóa XII và văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Trong đó, một số vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình đổi mới tư duy của Đảng đã được Hội đồng tiến hành nghiên cứu và xây dựng báo cáo tư vấn là: vấn đề giải pháp ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị

trường định hướng xã hội chủ nghĩa; vấn đề đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân; vấn đề đặt ra trên các lĩnh vực trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, v.v...⁶

Gần đây nhất, trong nhiệm kỳ 2021-2026, Hội đồng đã để lại dấu ấn nổi bật trong vai trò cơ quan thường trực xây dựng văn kiện Đại hội XIV với nhiều đổi mới mang tính đột phá trên tất cả các lĩnh vực, cũng như trong vai trò cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo tổng kết 40 năm đổi mới, trực tiếp tham gia và có đóng góp quan trọng vào việc xây dựng Báo cáo *Tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam*. Bên cạnh đó, những nghiên cứu của Hội đồng tiếp tục làm sáng tỏ những vấn đề lý luận quan trọng như: mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; mô hình quản lý phát triển xã hội Việt Nam, đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng v.v...⁷

Có thể nói, kể từ khi thành lập, qua các nhiệm kỳ, Hội đồng Lý luận Trung ương đã luôn thực hiện đầy đủ chức

năng, nhiệm vụ tư vấn chiến lược mà Đảng giao phó, bám sát mọi vận động của thực tiễn, không ngừng tổng kết những vấn đề lý luận và thực tiễn của quá trình đổi mới đất nước, xác định đúng, trúng những vấn đề trọng tâm cần phải được giải quyết về mặt lý luận trong từng giai đoạn, làm rõ mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam thời kỳ quá độ, qua đó đóng góp hiệu quả cho quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng.

3. Phát huy vai trò của Hội đồng Lý luận Trung ương cho tư vấn chiến lược và đổi mới tư duy lý luận của Đảng trong kỷ nguyên phát triển mới

Đại hội XIV của Đảng đánh dấu một cột mốc trọng đại trong quá trình phát triển đất nước: khởi đầu một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình, “hướng tới xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh và thịnh vượng”⁸. Kỷ nguyên mới mở ra những kỳ vọng lớn lao vào tương lai của đất nước, đồng thời cũng đặt ra những yêu cầu rất cao, những mục tiêu rất táo bạo, những trách nhiệm rất nặng nề đối với toàn Đảng, toàn quân, toàn dân: “Những quyết sách đúng đắn và đột

phá hôm nay không chỉ đem lại kết quả tức thì cho giai đoạn 2026 - 2030, mà còn tạo đà cho bước phát triển nhảy vọt trong những thập niên tới. Nếu chúng ta tận dụng tốt thời cơ, vượt qua thách thức của 5-10 năm bản lề này, chắc chắn đất nước sẽ cất cánh mạnh mẽ, hiện thực hóa được hoài bão trở thành một Việt Nam hùng cường vào giữa thế kỷ XXI. Ngược lại, nếu để lỡ thời cơ hoặc chậm trễ, sai sót trong giai đoạn bản lề, cái giá phải trả sẽ rất đắt - có thể đánh mất cơ hội của cả dân tộc, tụt hậu xa hơn trong một thế giới biến động nhanh chóng”⁹. Trong bối cảnh đó, Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ mới (2026 - 2031) càng cần phải phát huy hơn nữa vai trò tư vấn chiến lược của mình, tiếp tục đóng góp cho quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng.

Thực tiễn luôn luôn vận động, biến đổi và đặt ra những vấn đề mới cần phải được nhận thức và giải quyết một cách đúng đắn về mặt lý luận. Mỗi bước tiến của đất nước trên con đường đổi mới và hội nhập đều gắn với những vấn đề lý luận mới. Trong kỷ nguyên phát triển mới, thực tiễn đất nước sẽ còn vận động nhanh, phức tạp



hơn nữa, điều này đặt ra thách thức không nhỏ đối với công tác lý luận của Đảng, đòi hỏi lý luận không thể chỉ đi sau thực tiễn, chờ đợi tổng kết thực tiễn mà phải thực sự đi trước, dẫn đường cho thực tiễn. Với vai trò hạt nhân, nòng cốt trong công tác lý luận của Đảng, Hội đồng Lý luận Trung ương cần tập trung vào một số định hướng sau:

Thứ nhất, tiếp tục tham gia tổng kết thực tiễn, đồng thời gắn tổng kết thực tiễn với phát triển, hoàn thiện lý luận của Đảng về lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Trong nhiệm kỳ 2026 - 2031, Hội đồng Lý luận Trung ương có trách nhiệm quan trọng trong tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, tổng kết 40 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội*. Đây là những nhiệm vụ tổng kết rất lớn, không chỉ nhằm đúc rút bài học kinh nghiệm từ quá khứ, mà gắn trực tiếp với việc hoạch định chủ trương, đường lối phát triển cho tương lai. Tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo đất nước đồng thời nhằm định hướng lãnh đạo phát triển đất nước trong 100 năm tiếp theo, tổng kết 40 năm thực

hiện Cương lĩnh đồng thời nhằm tư vấn bổ sung Cương lĩnh đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, Hội đồng cần có sự đổi mới phương thức tổng kết thực tiễn theo hướng đồng hành với thực tiễn. Trong đó, lưu ý lựa chọn một số địa phương, ngành, lĩnh vực, mô hình mới để theo dõi dài hạn, “*coi đó như những “phòng thí nghiệm thực tiễn” của công tác lý luận, bám sát quá trình hình thành, vận hành, từ đó phát hiện nhân tố mới, vấn đề mới, mâu thuẫn mới, bài học mới*”¹⁰ theo gợi ý của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc với Hội đồng Lý luận Trung ương về triển khai các nhiệm vụ lý luận nhiệm kỳ 2026-2031. Như vậy, lý luận mới thực sự đi cùng thực tiễn và có thể vươn lên đi trước, dẫn đường cho thực tiễn.

Thứ hai, tiếp tục tham gia hoàn thiện, phát triển lý luận về đường lối đổi mới của Đảng. Một trong những điểm mới quan trọng của Đại hội XIV là việc lý luận về đường lối của Đảng chính thức trở thành một cấu phần của nền tảng tư tưởng của Đảng. Vì vậy, để phục vụ yêu cầu xây dựng Đảng về

tư tưởng, lý luận, bảo vệ, củng cố nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn mới, Hội đồng Lý luận Trung ương cần chủ động xác định, nghiên cứu, giải quyết những vấn đề lý luận mới về đường lối đổi mới, về mô hình chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trong đó, cần đặc biệt quan tâm đến một số vấn đề lý luận cấp bách của thời đại, *“nhất là mô hình phát triển Việt Nam trong kỷ nguyên mới; thể chế phát triển nhanh, bền vững; quản trị quốc gia hiện đại, kiến tạo; tự chủ chiến lược gắn với hội nhập quốc tế; tác động tổng hợp của chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu, nguồn nhân lực và quản trị; sức mạnh tổng hợp quốc gia, sức mạnh mềm Việt Nam; hình thái cạnh tranh, xung đột mới và kinh nghiệm phát triển quốc tế...”*¹¹. Đặc biệt, để tiến thêm một bước làm sáng tỏ mô hình chủ nghĩa xã hội trong kỷ nguyên mới, cần triển khai nghiên cứu xây dựng địa phương xã hội chủ nghĩa (xã xã hội chủ nghĩa, phường xã hội chủ nghĩa), chủ nghĩa xã hội công nghệ số v.v..., đồng thời, chú trọng nghiên

cứu, bổ sung, phát triển lý luận về đường lối đổi mới trên các lĩnh vực: quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng cầm quyền. Bên cạnh đó, để góp phần thực hiện Nghị quyết 25-NQ/TW mới được ban hành ngày 22/8/2026 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác tư tưởng trong bối cảnh mới, Hội đồng cần bám sát kế hoạch thực hiện Nghị quyết, tập trung làm rõ những vấn đề về quản trị niềm tin, tạo đồng thuận xã hội, an ninh tư tưởng, sức đề kháng tư tưởng và công tác tư tưởng trên không gian số¹².

Thứ ba, tiếp tục chủ động, tích cực xây dựng dự thảo các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XV của Đảng. Trong các nhiệm kỳ vừa qua, Hội đồng Lý luận Trung ương luôn đóng vai trò hết sức quan trọng trong quá trình xây dựng văn kiện trình Đại hội toàn quốc của Đảng. Ngay sau Đại hội XIV, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, mọi cấp, mọi ngành đã đồng loạt vào cuộc thực hiện Nghị quyết Đại hội với tinh thần hành động quyết liệt, với *“quyết tâm hành động thần tốc, quyết liệt ngay từ đầu nhiệm kỳ, không để “một ngày lãng phí, một tuần chậm trễ”*¹³. Trong bối



cảnh đó, công tác tư vấn xây dựng văn kiện trình Đại hội XV cũng cần phải được triển khai thực hiện một cách chủ động, khẩn trương ngay từ đầu nhiệm kỳ, gắn với từng hoạt động nghiên cứu, hội thảo của Hội đồng.

Thứ tư, tiếp tục mở rộng, hình thành mạng lưới nghiên cứu khoa học lý luận chính trị trong nước, đồng thời tăng cường giao lưu, trao đổi quốc tế về mặt lý luận. Hội đồng Lý luận Trung ương đóng vai trò hạt nhân trong công tác lý luận của Đảng nói chung, công tác tư vấn chiến lược cho Đảng về lý luận chính trị nói riêng, vì vậy, Hội đồng cần phải trở thành trung tâm kết nối các cơ quan, đơn vị nghiên cứu lý luận chính trị trong nước, quy tụ, huy động trí tuệ của cả quốc gia để phục vụ nhiệm vụ tư vấn hoạch định chủ trương, đường lối, chính sách cho Đảng, Nhà nước. Hội đồng cần phải phối hợp chặt chẽ với các cơ quan khác cũng có nhiệm vụ nghiên cứu lý luận chính trị, đồng thời có sự phân công, phân nhiệm giữa các cơ quan để đảm bảo tránh chồng chéo, phát huy tối đa thế mạnh của các thiết chế nghiên cứu, tư vấn lý luận chính trị khác nhau, trong đó đảm bảo vai trò

chuyên trách, trung tâm của Hội đồng. Đẩy mạnh công tác đối ngoại về lý luận, tăng cường giao lưu, trao đổi lý luận với cơ quan lý luận của các chính đảng trên thế giới, để một mặt, học tập, tiếp thu kinh nghiệm quốc tế trong nghiên cứu, tư vấn lý luận phục vụ đổi mới tư duy lý luận của Đảng; mặt khác, cùng với các chính đảng thảo luận, giải quyết những vấn đề lý luận mới về xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời đại mới, đóng góp thiết thực vào sự phát triển của phong trào cộng sản quốc tế.

Thứ năm, đổi mới mạnh mẽ phương thức nghiên cứu, tư vấn lý luận chính trị gắn với tăng cường ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Trong kỷ nguyên mới, công tác lý luận cũng không thể đứng ngoài xu thế chung của sự phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đặc biệt, khi công tác tư vấn lý luận chính trị đứng trước yêu cầu ngày càng cao về phương diện dự báo, đi trước những vận động của thực tiễn, Hội đồng Lý luận Trung ương cần ứng dụng một cách triệt để những thành tựu của trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn cùng các

công cụ phân tích hiện đại để nâng cao khả năng phân tích, dự báo xu hướng vận động của xã hội, của cục diện quốc tế, nhận diện sớm những vấn đề lý luận cần phải giải quyết, kịp thời tư vấn cho Đảng, Nhà nước.

Nói tóm lại, trước yêu cầu phát triển bứt phá của đất nước cũng như đổi mới tư duy lý luận của Đảng trong kỷ nguyên mới, Hội đồng Lý luận Trung ương cần tiếp nối truyền thống quý báu đã được tích lũy qua 3 thập kỷ kể từ khi thành lập, không ngừng đổi mới về tổ chức, phương thức và nội dung hoạt động theo hướng tăng cường tính chủ động, kịp thời, bám sát thực tiễn, gắn với sản phẩm cụ thể, “*giải quyết tốt mối quan hệ giữa kế thừa, bổ sung và phát triển; giữa kiên định và đổi mới; kết hợp nhuần nhuyễn và kịp thời giữa tổng kết thực tiễn với nghiên cứu lý luận; giữa tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận với*

hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước”¹⁴, khắc phục cơ bản tình trạng lạc hậu của lý luận so với đòi hỏi của thực tiễn vẫn còn tồn tại ở một mức độ nhất định trong các nhiệm kỳ trước đây. Với tinh thần vào cuộc chủ động, tích cực ngay trong năm đầu nhiệm kỳ, chúng ta có thể tin tưởng rằng, Hội đồng Lý luận Trung ương sẽ tiếp tục phát huy vai trò tư vấn chiến lược, hoàn thành sứ mệnh mà Đảng giao phó, với tầm nhìn đến năm 2045 hoàn thiện “*hệ thống lý luận hoàn chỉnh, khoa học và hiện đại về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam*”¹⁵, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng thành công một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội ■

¹ Ban Chấp hành Trung ương (1996): *Quyết định số 06-QĐ/TW ngày 30/10/1996 về việc thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương*.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2019): *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ Đổi mới*, phần I, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.736.



³ Xem: *Hội đồng Lý luận Trung ương - 25 năm xây dựng và phát triển (2021)*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.18.

⁴ Xem: *Hội đồng Lý luận Trung ương - 25 năm xây dựng và phát triển (2021)*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.34.

⁵ Xem: *Hội đồng Lý luận Trung ương - 25 năm xây dựng và phát triển (2021)*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.211-214.

⁶ Xem: *Hội đồng Lý luận Trung ương - 25 năm xây dựng và phát triển (2021)*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.215-216.

⁷ Xem: “Hội đồng Lý luận Trung ương Tổng kết hoạt động nhiệm kỳ 2021-2026” (2026), Lý luận & Thực tiễn, số 151 (285), tr.18.

⁸ Xem: “Diễn văn của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại Lễ kỷ niệm 81 năm Quốc khánh 2/9” (2026), nguồn: <https://nhandan.vn/special/dien-van-cua-Tong-Bi-thu-Chu-tich-nuoc-To-Lam-81-nam-Quoc-khanh/index.html>

¹⁰ Tô Lâm (2026): “Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta!”, https://nhandan.vn/special/bai_viet_cua_TBT_To_Lam/index.html

¹¹ Theo: Hiền Hòa (2026): “Xây dựng nền lý luận cách mạng Việt Nam hiện đại, bản sắc trong kỷ nguyên phát triển mới”, nguồn: <https://dangcongsan.vn/tbt/xay-dung-dang/hoi-dong-ly-luan-trung-uong.html>

¹² Theo: Hiền Hòa (2026): “Xây dựng nền lý luận cách mạng Việt Nam hiện đại, bản sắc trong kỷ nguyên phát triển mới”, nguồn: <https://dangcongsan.vn/tbt/xay-dung-dang/hoi-dong-ly-luan-trung-uong.html>

¹³ Xem: *Ban Chấp hành Trung ương (2026): Kế hoạch số 08-KH/TW ngày 22/8/2026 thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác tư tưởng trong bối cảnh mới*.

¹⁴ Tô Lâm (2026): “Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta!”, https://nhandan.vn/special/bai_viet_cua_TBT_To_Lam/index.html

¹⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam (2026): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập I, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.75.

¹⁶ Nguyễn Phú Trọng (2022): *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.279.

II. HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG
30 NĂM
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN



NĂM (1996-2026)

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG 2016 - 2021: NHỮNG DẤU ẤN SÂU ĐẬM, NHỮNG CẢM HỨNG ĐẸP

GS.TS PHÙNG HỮU PHÚ

Nguyên Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương

Trên cuộc hành trình 30 năm xây dựng, phát triển rất đáng tự hào của Hội đồng Lý luận Trung ương, giai đoạn nào, chặng đường nào cũng đáng nhớ, đáng trân trọng bởi công sức đóng góp đầy tâm huyết của anh chị em cán bộ Hội đồng cùng các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý trong cả nước. Những năm 2016 - 2021 là một chặng đường có dấu ấn đặc biệt và những kỷ niệm không thể nào quên.

Những năm tháng có nhiều thuận lợi, đồng thời phải đối mặt với không ít khó khăn

Nhìn từ quốc tế

Từ nửa cuối thập niên thứ hai của Thế kỷ XX, tình hình thế giới tiếp

tục biến đổi nhanh, ngày càng phức tạp, xuất hiện nhiều vấn đề lý luận, thực tiễn mới cần được luận giải đúng và thích ứng hiệu quả. Nhìn tổng thể, hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế lớn, song quan hệ và đời sống quốc tế có nhiều động thái phức tạp, khó đoán định. Cục diện thế giới tiếp tục biến đổi theo xu hướng đa cực, đa trung tâm, song hành với sự gia tăng mạnh mẽ cạnh tranh, cọ xát chiến lược, tranh giành ảnh hưởng, địa chiến lược, thị trường, nguồn nguyên liệu, công nghệ cao, nguồn nhân lực chất lượng cao, chiến tranh thương mại... giữa các quốc gia, nhất là các nước lớn. Xuất hiện chủ nghĩa dân tộc cực



đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa dân túy...

Biến đổi khí hậu, thiên tai cực đoan, dịch bệnh nguy hiểm và an ninh mạng... ngày càng trở thành những thách thức gay gắt đối với an ninh toàn cầu. Đặc biệt, sự bùng nổ đại dịch COVID-19 từ đầu năm 2020 đã tác động mạnh đến các quốc gia, tàn phá nặng nề kinh tế thế giới, làm suy giảm, đứt gãy nghiêm trọng chuỗi cung ứng và sản xuất, đẩy kinh tế toàn cầu vào tình trạng suy thoái nghiêm trọng. Thảm họa đó buộc nhiều nước, nhất là các nước lớn, phải điều chỉnh chiến lược phát triển, giảm bớt sự phụ thuộc vào bên ngoài, bảo đảm tự chủ hơn về kinh tế và y sinh...

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển rất nhanh, mạnh mẽ, tác động sâu rộng đến mọi mặt đời sống của các quốc gia. Thích ứng, chạy đua phát triển công nghệ cao, nhất là công nghệ số, trở thành xu hướng chung của các quốc gia.

Nhìn từ tình hình đất nước

Sau 30 năm đổi mới, thế và lực, tiềm năng và vị thế của đất nước được nâng lên về nhiều mặt với những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử,

tạo tiền đề quan trọng để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Tư duy lý luận của Đảng có những bước phát triển mới; đường lối đổi mới ngày càng được hoàn thiện. Tuy nhiên, nước ta vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Kinh tế phát triển chưa thật bền vững; năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh còn thấp. Bốn nguy cơ được xác định từ Đại hội VII cùng với những hạn chế, bất cập trong lãnh đạo, quản lý chậm được khắc phục, có mặt còn gay gắt hơn. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được đẩy mạnh, đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân, song còn diễn biến phức tạp, còn những mặt hạn chế, bất cập phải tiếp tục giải quyết. Công tác nghiên cứu lý luận có tiến bộ, nhưng chưa đáp ứng kịp với yêu cầu ngày càng cao của công cuộc xây dựng đất nước, bảo vệ Tổ quốc. Sự nghiệp đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới đặt ra cho công tác nghiên cứu lý luận nhiều vấn đề mới, khó, cần tập trung làm rõ.

Nhìn từ thực tiễn của Hội đồng

Bước vào nhiệm kỳ 2016-2021 -

Nhiệm kỳ thứ IV, Hội đồng Lý luận Trung ương đã trải qua 20 năm xây dựng, phát triển; từng bước được kiện toàn về tổ chức bộ máy, về đội ngũ cán bộ, về cơ sở vật chất. Hội đồng được sự quan tâm sâu sắc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đặc biệt là sự chỉ đạo sát sao, ân cần của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, sự giúp đỡ tận tình, hiệu quả của Văn phòng Trung ương, sự ủng hộ, phối hợp của các ban, bộ, ngành, của cấp ủy các tỉnh thành trong cả nước, sự hợp tác của cơ quan nghiên cứu lý luận của một số đảng cộng sản, đảng cầm quyền. Qua 20 năm hoạt động, các đồng chí lãnh đạo Hội đồng, phụ trách các tiểu ban, Ban Thư ký, Văn phòng Hội đồng cùng các thành viên Hội đồng, cán bộ, người lao động của Hội đồng đã trưởng thành về nhiều mặt, hoạt động ngày càng chuyên nghiệp, hiệu quả hơn. Từ tháng 3 năm 2018, đồng chí Nguyễn Xuân Thắng được Bộ Chính trị bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng, kế nhiệm đồng chí Đinh Thế Huynh. Tác phong làm việc cụ thể, quyết liệt, khoa học của đồng chí Chủ tịch đã kích hoạt, tạo xung lực mới cho Hội

đồng. Tháng 10 năm 2016, Hội đồng trang trọng tổ chức kỷ niệm 20 năm thành lập, nghiêm túc tự đánh giá và đúc kết các kinh nghiệm hoạt động thiết thực, bổ ích, tạo tiền đề, động lực, niềm tin để Hội đồng tiếp tục vững vàng tiến về phía trước.

Tuy nhiên, bước vào nhiệm kỳ 2016-2021, Hội đồng cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. So với yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng nặng nề, phức tạp, đội ngũ cán bộ của Hội đồng còn mỏng, năng lực tổng kết thực tiễn; cập nhật, dự báo tình hình; nghiên cứu, đột phá lý luận; đối thoại quốc tế... còn có những hạn chế, bất cập. Cơ sở vật chất, nhất là hạ tầng thông tin, chưa đáp ứng được yêu cầu. Đại dịch COVID-19 tác động trực tiếp đến mọi hoạt động của Hội đồng. Vào cuối nhiệm kỳ, khi công việc dồn bễ, đi vào nước rút, Hội đồng phải hoạt động trong trạng thái cách ly, phân tán với nhiều khó khăn, trở ngại. Đây là thử thách lớn và cũng là khoảng thời gian đáng nhớ nhất trong quá trình xây dựng, phát triển Hội đồng.

Khối lượng công việc đồ sộ và những yêu cầu cao



Nhiệm kỳ 2016-2021, Hội đồng phải thực hiện một khối lượng công việc rất lớn với yêu cầu mới, cấp bách, ngày càng cao.

Nhiệm vụ trọng tâm vẫn là tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cung cấp các luận cứ khoa học giúp Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XII xây dựng, ban hành và lãnh đạo thực hiện các chủ trương, quyết sách nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XII của Đảng. Chủ động chuẩn bị, tiến hành tổng kết 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh phát triển đất nước, năm 1991 và 10 năm thực hiện Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011; trực tiếp phục vụ việc xây dựng dự thảo Báo cáo chính trị và tham gia xây dựng dự thảo các văn kiện trình Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Thực hiện trách nhiệm là đầu mối tổ chức, vận hành hiệu quả Chương trình nghiên cứu khoa học lý luận chính trị trọng điểm KX.04/16-21; duy trì thường xuyên nhiệm vụ truyền bá tri thức lý luận, định hướng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; đấu tranh bảo vệ nền tảng chính trị, tư tưởng của Đảng;

mở rộng hợp tác, trao đổi quốc tế về lý luận.

Sự biến động của thời cuộc, sự phát triển mạnh mẽ của đất nước, trọng trách lãnh đạo nặng nề của Đảng đặt trước công tác nghiên cứu lý luận những yêu cầu lớn.

Thứ nhất, yêu cầu tiếp tục đổi mới tư duy lý luận, bám sát thực tiễn đất nước và quốc tế, phát hiện kịp thời những điểm nghẽn về nhận thức và hoạt động, chủ động tư vấn, giúp các cơ quan lãnh đạo Đảng, Nhà nước giải quyết, góp phần hiện thực hóa Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng.

Thứ hai, nâng tầm dự báo chiến lược, năng lực đột phá lý luận, góp phần phát triển, tiếp tục hoàn thiện hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; tích cực, chủ động phục vụ quá trình hoàn thiện đường lối đổi mới với những đề xuất định hướng chiến lược đúng đắn, hệ giải pháp có ý nghĩa đột phá để phát triển đất nước nhanh, bền vững; tiếp tục phát triển lý luận về xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của

Đảng, ngang tầm sứ mệnh và vai trò lịch sử trong bối cảnh mới.

Thứ ba, nâng cao tính chiến đấu, thường xuyên, kiên quyết, sắc bén đấu tranh phản bác các luận thuyết, luận điệu phản động, chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng, lý luận của Đảng, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh quốc tế, khu vực đầy biến động phức tạp.

Thứ tư, không ngừng tự đổi mới phương thức hoạt động, khắc phục những hạn chế, phấn đấu nâng cao chất lượng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, hiệu quả tư vấn của Hội đồng và tính chuyên nghiệp, khoa học của cơ quan Hội đồng.

Những dấu ấn và đóng góp nổi bật

Trong nhiệm kỳ 2016-2021, Hội đồng đã phát huy cao độ tinh thần đoàn kết, ý thức trách nhiệm, trí tuệ tập thể và nỗ lực cống hiến của từng thành viên, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tạo nên những dấu ấn nổi bật và có những đóng góp thiết thực, hiệu quả.

Một là, Hội đồng đã tích cực, chủ động chuẩn bị từ sớm và tham gia trực tiếp vào quá trình xây dựng dự

thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng, đặc biệt là xây dựng dự thảo Báo cáo chính trị.

Trên thực tế, Hội đồng đã thực hiện xuất sắc vai trò của bộ phận thường trực, giúp việc Tiểu ban Văn kiện. Các đồng chí Thường trực Hội đồng và nhiều chuyên gia của Hội đồng đã tham gia Tổ biên tập dự thảo Báo cáo chính trị, trực tiếp thu thập, xử lý tư liệu, xây dựng đề cương, tiếp thu các ý kiến chỉ đạo, biên soạn nhiều lần các văn bản dự thảo Báo cáo chính trị, trình Tiểu ban, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương để trình ra Đại hội đúng thời hạn với chất lượng tốt. Bước hoàn tất dự thảo Báo cáo chính trị được thực hiện vào đúng thời điểm đại dịch COVID-19 bùng phát, Thường trực Hội đồng và các đồng chí tham gia Tổ Biên tập đã vượt qua nhiều khó khăn, làm việc với cường độ cao, quyết tâm cao để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tâm huyết, trách nhiệm, trí tuệ của tập thể Hội đồng, đặc biệt là Tổ biên tập Văn kiện đã góp phần trực tiếp nâng cao chất lượng của Báo cáo chính trị trình Đại hội XIII của Đảng - một Văn kiện được ghi



nhận là có nhiều đổi mới, nhiều đột phá về tư duy lý luận.

Hai là, Hội đồng đã hoàn thành tốt trách nhiệm là cơ quan thường trực, đầu mối kết nối, triển khai tổng kết 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh phát triển đất nước, năm 1991, 10 năm thực hiện Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 với nhiều đóng góp mới về lý luận, thực tiễn.

Kế thừa kinh nghiệm của các nhiệm kỳ trước, trong nhiệm kỳ 2016-2021, Hội đồng đã thực hiện đồng bộ, quyết liệt nhiều phương thức hoạt động: triển khai bài bản, chặt chẽ Chương trình nghiên cứu lý luận chính trị trọng điểm KX04/16-21; phối hợp thường xuyên với các ban, bộ, ngành, các trung tâm nghiên cứu, đào tạo tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm tổng kết quá trình đổi mới gắn với việc thực hiện Cương lĩnh, tìm tòi, khái quát những vấn đề mới về lý luận, thực tiễn; kết hợp với nhiều địa phương tổ chức các cuộc khảo sát, tổng kết thực tiễn theo hướng thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm, chú trọng phát hiện những nhân tố mới, những nút thắt và điểm

ngheen trong đời sống để khái quát thành lý luận.

Nhờ có phương pháp, giải pháp làm việc khoa học, việc tổng kết 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, 10 năm thực hiện Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 đã đạt chất lượng tốt, có nhiều đóng góp mới, làm sáng rõ hơn lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; lý luận về đường lối đổi mới; về xây dựng chính đồn Đảng, hệ thống chính trị, nổi bật là:

Bổ sung thành tố văn minh, hạnh phúc vào mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội; xác định rõ hơn mục tiêu chiến lược phát triển nhanh, bền vững, phấn đấu đến năm 2030 đưa nước ta trở thành nước có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, đến năm 2045, trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Phát triển lý luận về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, luận giải thấu đáo hơn bản chất, đặc trưng, mô hình tổng quát, mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường, xã hội và quan hệ giữa các thành phần, các loại hình kinh tế.

Tiếp tục hoàn thiện lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, về xây dựng, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa; làm rõ hơn biện chứng khách quan của sự phân công, phối hợp, kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp; nhấn mạnh yêu cầu kiểm soát quyền lực; đề cao vai trò chủ thể, trung tâm của Nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước...

Đưa ra cách tiếp cận mới về thể chế tổng thể, đồng bộ phát triển đất nước, nhanh, bền vững; về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; về những động lực mới và những đột phá chiến lược.

Phát triển lý luận về văn hóa, con người, đề xuất xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực giá trị con người Việt Nam trong giai đoạn mới. Bổ sung, phát triển lý luận về quốc phòng, an ninh, đối ngoại; làm rõ vấn đề an ninh con người; vấn đề bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; vấn đề đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa và tích cực, chủ động hợp tác quốc tế.

Bổ sung, hoàn thiện nhận thức về mười mối quan hệ lớn có tính quy luật cần được giải quyết hiệu quả trong tiến trình phát triển đất nước.

Phát triển lý luận về xây dựng Đảng với năm nội dung lớn: chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức, cán bộ; đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện gắn với đấu tranh kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nội bộ...

Những đóng góp lý luận nêu trên đã được chất lọc, đưa vào Văn kiện Đại hội XIII, được thực tiễn 10 năm qua kiểm nghiệm là đúng, được Đại hội XIV tiếp tục khẳng định và bổ sung, phát triển.

Ba là, Hội đồng tiếp tục triển khai đồng bộ các công việc thường xuyên, tạo những điểm nhấn ấn tượng.

Trong nhiệm kỳ 2016-2021, thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị giao, Hội đồng đã tổ chức thành công các cuộc hội thảo, trao đổi lý luận định kỳ với Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Đảng Cộng sản Cuba, Đảng Cộng



sản Pháp, Đảng Cộng sản Nhật Bản, Đảng Dân chủ Xã hội Đức..., nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của Hội đồng, góp phần tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Đảng ta và một số đảng cộng sản, đảng cầm quyền.

Công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, lý luận của Đảng có bước tiến mới. Hội đồng đã biên soạn, xuất bản một số sách chuyên đề, cung cấp các luận cứ khoa học cho cuộc đấu tranh chống các luận điểm phản động, thù địch.

Việc thẩm định các chương trình, đề án của các bộ, ban, ngành trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, được thực hiện nền nếp với chất lượng ngày càng tốt hơn. Quan hệ hợp tác, phối hợp giữa Hội đồng với các bộ, ban, ngành, địa phương phát triển tốt đẹp. Hội đồng đã tiến hành ký kết chương trình, kế hoạch hợp tác với Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Thành ủy Hà Nội...

Công tác tuyên truyền, định hướng nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn

có bước tiến mới. Bản tin *Thông tin lý luận* của Hội đồng được nâng cấp, có chức năng như một tạp chí lý luận của Đảng với những bài nghiên cứu có chất lượng cao. Hội đồng cho xuất bản bộ *Niên giám khoa học*, tuyển chọn, công bố những bài nghiên cứu, tư vấn tiêu biểu hằng năm của các Tiểu ban. *Niên giám khoa học* trở thành một ấn phẩm lý luận có uy tín, được giới nghiên cứu trân trọng, đánh giá cao.

Trong nhiệm kỳ, các cuộc họp Hội đồng được đổi mới, bám sát nhiệm vụ trọng tâm; hoạt động của các tiểu ban được thực hiện thường xuyên, thiết thực, hiệu quả hơn. Cơ quan Hội đồng được kiện toàn, đổi mới phương thức hoạt động theo hướng khoa học, chuyên nghiệp, rõ người, rõ việc, dứt điểm công việc theo kế hoạch từng tuần, từng tháng.

Sự trưởng thành, những dấu ấn công việc và những đóng góp của Hội đồng những năm cuối thập niên thứ hai không chỉ được phản ánh trên các báo cáo mà được lưu giữ, trân trọng trong ký ức tự hào của anh chị em cán bộ, công chức, người lao động của Hội đồng.

Cảm hứng vui và những kỷ niệm đẹp

Trong nhiệm kỳ, Cơ quan Hội đồng có một niềm vui đặc biệt. Được sự quan tâm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, trực tiếp là Thường trực Ban Bí thư Trần Quốc Vượng cùng sự giúp đỡ nhiệt tình của Văn phòng Trung ương Đảng, Hội đồng đã được xây dựng phòng họp và thư viện trong khuôn viên Biệt thự 57 Phan Đình Phùng. Tuy không nguy nga, đồ sộ, nhưng trụ sở Cơ quan Hội đồng trở thành một không gian làm việc hoàn chỉnh, đồng bộ, rất xinh xắn với đầy đủ các điều kiện cần thiết, cho phép Hội đồng có thể chủ động thực hiện các hoạt động lao động, sáng tạo.

Chính tại khuôn viên này, anh chị em cơ quan Hội đồng đã chung tay xây dựng môi trường ĐOÀN KẾT, DÂN CHỦ, KỶ CƯƠNG, NHÂN VĂN, SÁNG TẠO, CÔNG HIẾN - một mái nhà chung, một tổ ấm gia đình yêu thương, gắn bó. Tập thể cơ quan thật sự là một cộng đồng thống nhất, bền chặt, ấm áp nghĩa tình. Mọi người đều lấy công việc chung, ý thức trách nhiệm làm nền tảng; lấy

sự tôn trọng, giúp đỡ nhau làm động lực. Các đồng chí Thường trực đoàn kết, gương mẫu, làm việc hết mình. Anh chị em trong Ban Thư ký, Văn phòng, Đội xe... làm việc tự giác, say mê, hoàn thành một khối lượng công việc rất lớn. Tuy điều kiện vật chất có hạn, nhưng các thành viên của cơ quan, không phân biệt chức vụ, đều được quan tâm, chăm lo. Thường trực Hội đồng đã tận dụng mọi cơ hội có thể để anh chị em cơ quan đi khảo sát các địa phương trong nước và nước ngoài, được tiếp cận các nguồn phúc lợi khiêm tốn nhưng công bằng. Sự ấm lạnh trong một thời gian ngắn của nhiệm kỳ trước đã được khắc phục triệt để bằng tinh thần bao dung, nhân văn.

Khuôn viên 57 Phan Đình Phùng luôn đầy ắp tiếng cười, đầy ắp những kỷ niệm thân thương. Nhiều anh chị em thật sự coi cơ quan Hội đồng là gia đình thứ hai; ngày nào cũng mong đến cơ quan và xa thì rất nhớ...

Có thể xem đây là một điểm nhấn, một nét đẹp góp phần tạo nên truyền thống quý báu và phong cách của Hội đồng, của cơ quan Hội đồng Lý luận Trung ương ■



NĂM (1996-2026)

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT CỦA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2026

GS.TS TẠ NGỌC TÂN

Nguyên Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương

Nhiệm kỳ 2021-2026 của Hội đồng Lý luận Trung ương diễn ra trong bối cảnh thế giới và trong nước rất phức tạp, đặc biệt là ảnh hưởng của Đại dịch COVID-19 và những biến động về tổ chức bộ máy và địa điểm làm việc của cơ quan. Trong hoàn cảnh đó, Hội đồng đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt toàn bộ khối lượng rất lớn các công việc thường xuyên và đột xuất, trong đó nổi bật là những thành tựu chủ yếu sau:

1. Hoàn thành với chất lượng tốt các chuyên đề phục vụ nghiên cứu, học tập lý luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIII

Theo chức năng của Hội đồng Lý luận Trung ương và nhiệm vụ được

Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao cho, Hội đồng đã chủ động đề xuất, được Bộ Chính trị phê duyệt và giao cho tổ chức thực hiện 18 chuyên đề trong Chương trình nghiên cứu, học tập của Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIII. Việc thực hiện các chuyên đề được tổ chức thực hiện theo một quy trình khoa học chặt chẽ, nghiêm túc, với sự tham gia của các tổ chức khoa học, các chuyên gia có uy tín; có nghiệm thu đánh giá theo yêu cầu khoa học và thực tiễn. Từng chuyên đề được trao đổi, thảo luận, chỉnh sửa nhiều lần, với tinh thần cố gắng để bảo đảm chất lượng cao nhất có thể.

Các chuyên đề tập trung vào các vấn đề mới trong nước và trên thế giới,

hướng vào lý giải, trả lời những câu hỏi mà thực tiễn đang đặt ra, cần giải quyết, những bài học thực tiễn có ý nghĩa quan trọng để phục vụ cho công cuộc xây dựng đất nước, bảo vệ Tổ quốc. Nội dung các chuyên đề tập trung vào các nhóm:

Nhóm thứ nhất là các chuyên đề lý luận về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị như: Lý luận về đảng cầm quyền và đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong điều kiện mới (CĐ 1); Mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương: Những vấn đề lý luận và thực tiễn (CĐ 3)...

Nhóm thứ hai là các chuyên đề về các vấn đề thế giới đương đại như: Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại: Những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra (CĐ 5); Những vấn đề mới trong lý thuyết chính trị - phát triển trên thế giới (CĐ 6); Chủ nghĩa dân tộc trong tình hình thế giới hiện nay - Vấn đề đặt ra cho Việt Nam (CĐ 13); Vấn đề tôn giáo trên thế giới hiện nay và đề xuất cho Việt Nam (CĐ 14); Sự thay đổi tình hình quốc tế, khu vực và xu hướng điều chỉnh chiến lược của

các nước lớn và một số vấn đề đặt ra cho Việt Nam (CĐ 16);...

Nhóm thứ ba là các chuyên đề nhằm tổng kết, đánh giá, rút ra những bài học kinh nghiệm, những mối quan hệ có tính quy luật từ thực tiễn công cuộc Đổi mới như: Tình hình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trong thời gian vừa qua và những vấn đề đặt ra (CĐ 8); Quản trị quốc gia ứng phó với đại dịch COVID-19: Kinh nghiệm trên thế giới, thực tiễn Việt Nam (CĐ 10);...

Nhóm thứ tư bao gồm các chuyên đề về các vấn đề thực tiễn mới, nóng bỏng của đất nước hiện nay như: Mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh với mục tiêu phát triển bền vững (CĐ 7); Vấn đề đổi mới sáng tạo trong chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số và kiến nghị chính sách (CĐ 9); Phân hóa xã hội, xung đột xã hội trong quá trình phát triển và những vấn đề đặt ra đối với sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc (CĐ 11); Xu hướng phát triển các phương thức truyền thông mới trên thế giới và lựa chọn giải pháp cho Việt Nam (CĐ 12); Chủ động bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy: Lý luận và thực tiễn (CĐ 18);...



2. Tổ chức thực hiện thành công Chương trình Nghiên cứu lý luận chính trị đặc biệt cấp quốc gia giai đoạn 2021-2025 (mã số KX.04/21-25)

Sau khi Chương trình KX.04/21-25 được Bộ Chính trị xem xét, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định thực hiện với tư cách là Chương trình nghiên cứu khoa học đặc biệt cấp quốc gia, Thường trực Hội đồng đã nhanh chóng hoàn thành một khối lượng lớn các thủ tục, điều kiện, công việc để sớm triển khai thực hiện. Do có kinh nghiệm triển khai chương trình nghiên cứu từ các khóa trước và sự chuẩn bị chủ động từ trước nên các công việc cụ thể như: Dự toán ngân sách; xây dựng Quy chế làm việc, Quy chế chỉ tiêu nội bộ; xác định yêu cầu, nội dung và kết quả cho từng đề tài; các khâu thủ tục đấu thầu, chỉ định thực hiện; xây dựng hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện;... đã được nhanh chóng hoàn thành ngay trong năm 2021.

Chương trình KX 04/21-25 gồm 47 đề tài, tập trung vào 5 nhóm: 1) Các vấn đề lý luận chung; 2) Các vấn đề về chính trị, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; 3) Các vấn đề về kinh tế; 4) Các vấn đề về văn hóa, xã hội,

con người; 5) Các vấn đề về quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Việc triển khai chương trình được thực hiện theo quy trình bài bản, chặt chẽ từ kiểm tra, đánh giá tiến độ; theo dõi chất lượng; tiến độ giải ngân; các báo cáo định kỳ về kết quả nghiên cứu; công tác quyết toán; thủ tục cho các đoàn đi nghiên cứu trong nước và ngoài nước...

Kết quả là, tất cả các đề tài đều hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu, trong đó 28/39 đề tài đạt loại Xuất sắc. Toàn bộ Chương trình đã có 55 sách chuyên khảo được xuất bản; 477 bài báo trong nước được đăng trên các Tạp chí có uy tín; 42 bài báo được đăng trên các Tạp chí có uy tín theo quy chuẩn ở nước ngoài. Thành viên các đề tài đã tham gia đào tạo: 82 nghiên cứu sinh và 185 học viên cao học; thực hiện hơn 200 báo cáo khoa học, chất lượng kết quả nghiên cứu và kiến nghị phục vụ kịp thời cho công tác lãnh đạo chỉ đạo của Trung ương và xây dựng đường lối của Đảng

Đặc biệt, các nội dung nghiên cứu của 39 đề tài cơ bản đã thực hiện xong trong năm 2024, tạo điều kiện để phục vụ kịp thời công tác xây dựng Văn

kiện Đại hội XIV của Đảng. Các kết quả của Chương trình KX.04/21-25 không chỉ cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn mà còn đóng góp trực tiếp nhiều nội dung, quan điểm mới cho quá trình hoạch định đường lối của Đảng tại Đại hội XIV.

3. Chủ trì tổ chức thực hiện các cuộc hội thảo, tọa đàm trao đổi lý luận, duy trì và từng bước mở rộng quan hệ hợp tác nghiên cứu lý luận với các đảng cộng sản và đảng cầm quyền trên thế giới

Trong nhiệm kỳ 5 năm vừa qua, Hội đồng đã tổ chức thực hiện hơn 20 cuộc hội thảo, trao đổi lý luận với các đảng cộng sản và các đảng cầm quyền trên thế giới. Trong đó, 5 cuộc hội thảo với Đảng Cộng sản Trung Quốc; 5 cuộc hội thảo với Đảng Nhân dân Cách mạng Lào; 02 cuộc hội thảo với Đảng Cộng sản Cuba; 02 cuộc Trao đổi lý luận với Đảng Cộng sản Nhật Bản; 03 cuộc đối thoại lý luận với Đảng Dân chủ Xã hội Đức; 03 cuộc đối thoại lý luận với Đảng Cảnh tả Đức.

Các cuộc hội thảo, trao đổi lý luận với các đảng cộng sản và đảng cầm quyền của một số nước trên thế giới đều tập trung vào những vấn đề mới có

liên quan mật thiết đến tình hình biến đổi trên thế giới có ảnh hưởng đến mỗi nước hoặc những vấn đề, kinh nghiệm mới nảy sinh từ thực tiễn xây dựng, phát triển của mỗi nước. Một số cuộc hội thảo, trao đổi lý luận còn góp phần chuẩn bị cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ trực tiếp cho việc xây dựng văn kiện đại hội XIV của Đảng như: Các cuộc hội thảo với Đảng Cộng sản Trubg Quốc: *“Những thành tựu to lớn và kinh nghiệm lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc trong quá trình lãnh đạo tìm tòi xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước”* (12/2021); *“Kinh nghiệm và giải pháp tăng cường bảo vệ môi trường sinh thái trong xây dựng, hiện đại hóa đất nước”* (01/2024); *“Con đường và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội trong thế kỷ XXI”* (11/2025)...; Các cuộc hội thảo với Đảng Nhân dân cách mạng Lào: *“Phát triển văn hóa, con người trong tiến trình phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa: Kinh nghiệm của Việt Nam, kinh nghiệm của Lào”* (12/2023); *“Phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ - Kinh nghiệm của Lào - Việt Nam”* (11/2024)...



Mỗi cuộc hội thảo, trao đổi lý luận đều được chuẩn bị công phu, theo quy trình khoa học nghiêm cẩn, bảo đảm đúng quan điểm, đường lối Đổi mới xây dựng, phát triển đất nước và phù hợp với chủ trương đối ngoại, hội nhập quốc tế của Đảng ta. Các khâu công việc từ lựa chọn chủ đề, phân công người chuẩn bị, góp ý và thẩm định các báo cáo, tổ chức các đoàn tham dự, đến thủ tục, lễ nghi đón tiếp, bố trí địa điểm, công tác hậu cần phục vụ, thanh quyết toán tài chính, đều được thực hiện công phu, nghiêm túc.

Cùng với các cuộc hội thảo, trao đổi lý luận, Thường trực Hội đồng còn chủ động tổ chức các chuyến công tác nhằm hợp tác nghiên cứu, trao đổi thông tin lý luận chính trị với các tổ chức nghiên cứu của một số nước; tham dự các cuộc tiếp, trao đổi thông tin lý luận chính trị với một số đoàn đại biểu các đảng chính trị theo yêu cầu của Ban Đối ngoại Trung ương. Đặc biệt, Hội đồng Lý luận Trung ương được Bộ Chính trị giao nhiệm vụ hợp tác giúp đỡ trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào xây dựng một văn kiện quan trọng. Hội đồng đã tổ chức các chuyên gia chuẩn bị nội dung, tổ chức

một số cuộc làm việc với phía bạn, qua đó chia sẻ nhiều vấn đề lý luận và kinh nghiệm của Việt Nam, đồng thời đóng góp nhiều ý kiến quan trọng giúp bạn xây dựng thành công văn kiện và được Đại hội Đảng bạn thông qua.

4. Hoàn thành nhiệm vụ Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam

Theo chỉ đạo của Thường trực Ban Bí thư khóa XII, Thường trực Hội đồng đã chủ động xây dựng “*Đề án tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam*” (gọi tắt là Đề án Tổng kết 40 năm Đổi mới). Sau khi Bộ Chính trị khóa XIII phê duyệt việc thực hiện Đề án, Cơ quan Hội đồng được phân công là *Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo tổng kết*. Thường trực Hội đồng đã nhanh chóng hoàn thiện Đề cương nội dung tổng kết, Kế hoạch thực hiện đề án, tư vấn cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương về tổ chức bộ máy và nhân sự tham gia thực hiện Đề án. Trên cơ sở Đề cương nội dung và Kế hoạch

thực hiện Đề án, ngày 21/7/2023 Ban Bí thư đã ban hành Quyết định số 115-QĐ/TW, về việc thành lập Ban chỉ đạo Tổng kết và phân công nhân sự tham gia 6 Nhóm tổng kết. Ngay sau khi có quyết định 115, Thường trực Hội đồng đã chuẩn bị và trình Ban Chỉ đạo tổng kết ký ban hành các quyết định về việc: thành lập Tổ Biên tập Tổng kết, Tiểu ban Giúp việc Ban Chỉ đạo Tổng kết, Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo tổng kết và Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo Tổng kết. Đồng thời, Thường trực Hội đồng đã chỉ đạo Văn phòng cơ quan Hội đồng nhanh chóng hoàn thiện Dự toán tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ và các thủ tục về sử dụng nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động của Ban chỉ đạo tổng kết, trình cơ quan có trách nhiệm phê chuẩn.

Mặc dù trong điều kiện lãnh đạo Ban Chỉ đạo Tổng kết có nhiều thay đổi, Thường trực Hội đồng đã kịp thời bám sát sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, chủ động tổ chức thực hiện kế hoạch chung của toàn bộ Ban Chỉ đạo Tổng kết. Vì thế, 6 nhóm tổng kết đã thực hiện 47 chuyên đề nghiên cứu chuyên sâu, thực hiện khảo sát thực tế tại một loạt tỉnh thành, bộ,

ngành và tổ chức một đoàn đi khảo sát tại Trung Quốc. Hầu hết các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học lớn và hàng nghìn nhà khoa học, chuyên gia đã được huy động tham gia tổng kết.

Đề án tổng kết 40 năm Đổi mới đã được thực hiện theo đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng. Từ kết quả nghiên cứu, khảo sát của Đề án tổng kết 40 năm Đổi mới, Ban Chỉ đạo đã xây dựng Báo cáo tổng kết “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam*” trình Đại hội XIV của Đảng. Báo cáo đảm bảo về chất lượng nội dung, có sự kế thừa các lần tổng kết trước, đồng thời cập nhật, bổ sung nhiều điểm mới về mặt lý luận, thực tiễn trong bối cảnh có nhiều thay đổi ở trong nước và nhiều biến động trong khu vực và trên thế giới. Ngay sau Đại hội XIV, Thường trực Tổ Biên tập đã nghiên cứu, tiếp thu, hoàn thiện nội dung cuốn sách “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua 40 năm đổi mới và phát triển ở Việt Nam*”.

5. Hội đồng lý luận Trung ương có nhiều đóng góp quan trọng trong quá trình xây dựng Văn kiện Đại hội XIV của Đảng



Với chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm được giao phó, Hội đồng Lý luận Trung ương đã có nhiều đóng góp vào quá trình xây dựng Văn kiện Đại hội XIV của Đảng:

Trước hết, toàn bộ hoạt động nghiên cứu do Hội đồng thực hiện và tổ chức thực hiện, nhất là Chương trình KX 04/21-25, đã góp phần quan trọng cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc xây dựng Văn kiện Đại hội. Các kết quả nghiên cứu được tổ hợp thành các báo cáo định kỳ mỗi 6 tháng, trong đó đã tổng hợp các kết quả nghiên cứu, đặc biệt là các nhận định, đánh giá tình hình về những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn trong nước và thế giới, đề xuất nhiều luận điểm nội dung cần được quan tâm, nhất là những mối quan hệ có tính phổ biến hoặc ở tầm quy luật. Các báo cáo thường kỳ và một số báo cáo khác cũng đã tổng hợp các dự báo, cảnh báo những vấn đề phức tạp có thể ảnh hưởng đến quá trình xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn sắp tới.

Đặc biệt từ giữa năm 2024, Hội đồng đã chuẩn bị và đưa ra thảo luận tại phiên họp toàn thể Hội đồng, sau đó đã hoàn thiện *Báo cáo về một số cơ*

sở lý luận và thực tiễn phục vụ xây dựng Văn kiện Đại hội XIV. Báo cáo quan trọng này đã gửi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương, Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIV của Đảng. Nhiều nội dung trong Báo cáo đã được Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIV tham khảo để triển khai thành các nội dung của Văn kiện hoặc sử dụng trực tiếp trong Văn kiện.

Thường trực Hội đồng và nhiều đồng chí Ủy viên Hội đồng, Ban Thư ký khoa học đã trực tiếp tham gia các Tiểu ban, Tổ Biên tập Văn kiện Đại hội XIV của Đảng, trong đó các đồng chí Thường trực Hội đồng giữ vai trò nòng cốt quan trọng trong Thường trực Tổ Biên tập. Các thành viên Hội đồng tham gia Tổ Biên tập của Tiểu ban Văn kiện đã phát huy kinh nghiệm qua nhiều năm tham xây dựng văn kiện Đại hội, đề cao tinh thần trách nhiệm, chủ động cao trong huy động các nhà khoa học, chuyên gia tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến cho việc hoàn thiện các bản thảo. Qua quá trình xây dựng Văn kiện Đại hội XIV có thể khẳng định chắc chắn rằng, Hội đồng Lý luận Trung ương đã thực sự đóng góp sức lực và trí lực trong suốt quá

trình xây dựng Văn kiện với hàng chục lần thảo luận, hàng chục lần trình Bộ Chính trị, Trung ương, đáp ứng yêu cầu của Tiểu ban Văn kiện và của Đại hội XIV.

Ngay sau thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Hội đồng Lý luận Trung ương phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật biên soạn nội dung 04 cuốn sách làm tài liệu nghiên cứu, học tập và tuyên truyền về Văn kiện Đại hội XIV của Đảng.

Có thể nói, trong nhiệm kỳ 2021-2026 vừa qua, 5 thành tựu kể trên chỉ là 5 nhóm công việc đặc biệt nổi bật, có ý nghĩa quan trọng, có đóng góp thiết thực đối với các nhiệm vụ chính trị của Đảng, mà Hội đồng Lý luận Trung ương đã thực hiện. Cùng với 5 nội dung công tác nổi bật trên, Hội đồng còn hoàn thành một khối lượng công việc rất lớn, trong đó có những công việc theo chức năng, nhiệm vụ như: Thẩm định, góp ý các đề án của các ban, bộ, ngành liên quan đến chính trị và đường lối; tổ chức các phiên họp thường kỳ của Hội đồng; hợp tác với các ban, ngành, địa

phương nhằm tổng kết, đánh giá rút ra những bài học kinh nghiệm, góp phần giải quyết những vấn đề thực tiễn đang đặt ra; tổ chức các cuộc tập huấn, các giải thưởng về lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật; chuẩn bị các đề án nghiên cứu, tổng kết đề khóa sau hoàn thiện và triển khai thực hiện sớm; duy trì thường xuyên các tạp chí, trang thông tin điện tử; v.v.. Cũng có nhiều công việc là nhiệm vụ đột xuất đã được thực hiện như: Tổ chức lại bộ máy của cơ quan và chuyển địa điểm làm việc sau khi có quyết định 214 của Bộ Chính trị; Hợp tác hỗ trợ Đảng Nhân dân Cách mạng Lào xây dựng văn kiện về đường lối; thực hiện các cuộc báo cáo, trao đổi với các đoàn của các đảng theo yêu cầu của Ban Đối ngoại Trung ương; v.v..

Những thành tựu nổi bật và khối lượng công việc rất lớn được Hội đồng và Cơ quan Hội đồng hoàn thành trong nhiệm kỳ 2021-2026 là kết quả sự nỗ lực, tinh thần trách nhiệm và năng lực chuyên môn cao của toàn bộ các thành viên Hội đồng và các cán bộ của cơ quan Hội đồng, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, sát sao của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương ■



NĂM (1996-2026)

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

VỀ SỰ RA ĐỜI CỦA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG - YÊU CẦU KHÁCH QUAN CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

TS. PHÙNG QUỐC HIỂN

Nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội,

Chuyên gia tư vấn cấp cao của Hội đồng Lý luận Trung ương

1. Vai trò quan trọng của công tác lý luận trong thực tiễn hoạt động cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Lênin đã từng khẳng định công tác lý luận chính trị đóng vai trò sống còn đối với phong trào cách mạng. Trong tác phẩm nổi tiếng “*Làm gì?*”, Người viết: “*Không có lý luận cách mạng thì không thể có phong trào cách mạng*”, theo đó lý luận chính trị là kim chỉ nam cho mọi hành động, giúp cho phong trào cách mạng có định hướng rõ ràng, cũng là điều kiện tiên quyết của một Đảng tiên phong của giai cấp công nhân. Song lý luận đó phải khoa học, phải gắn

với thực tiễn và độc lập về hệ tư tưởng. Lý luận chính trị phải được tuyên truyền rộng rãi thấm nhuần vào giai cấp công nhân và Nhân dân lao động để biến thành hành động cách mạng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh người sáng lập và lãnh đạo Đảng ta cũng coi công tác lý luận và giáo dục lý luận chính trị là nhiệm vụ cốt lõi để trang bị nền tảng tư tưởng, rèn luyện đạo đức cách mạng, và bảo đảm sự thống nhất hành động của toàn Đảng, toàn dân. Người nhấn mạnh lý luận phải luôn gắn liền với thực tiễn, học tập để hành động, song phải chống bệnh giáo điều và chủ quan.

Trong thực tiễn hoạt động cách mạng của Đảng ta gần 100 năm qua đã minh chứng cho quan điểm đó của Lênin, và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vai trò của công tác lý luận chính trị, đã góp phần quan trọng, nếu không nói có tính quyết định đến thành quả to lớn có ý nghĩa lịch sử của cách mạng Việt Nam kể từ ngày thành lập Đảng 3 tháng 2 năm 1930 đến nay. Tầm quan trọng đó thể hiện rõ ở yếu tố nổi bật chủ yếu sau:

Thứ nhất, Công tác lý luận chính trị của một Đảng chính trị phải lựa chọn được một chủ nghĩa là hệ thống các quan điểm, tư tưởng, học thuyết, chủ trương được tổ chức thành nền tảng lý thuyết vững chắc làm kim chỉ nam cho hành động của Đảng chính trị đó. Đảng Cộng sản Việt Nam đã lựa chọn đúng chủ nghĩa, đó là chủ nghĩa Mác - Lênin, lấy đó làm kim chỉ nam, là Hệ tư tưởng và nền tảng cho

công tác lý luận của Đảng. Đây là lựa chọn đúng đắn nhất, quan trọng nhất của Đảng ta, là một trong những yếu tố quyết định sự thành công, thắng lợi của sự nghiệp cách mạng.

Thật vậy, trong những năm đầu của thế kỷ 20, trước khi có Đảng, các phong trào yêu nước chống thực dân

Đảng Cộng sản Việt Nam đã lựa chọn đúng chủ nghĩa, đó là chủ nghĩa Mác - Lênin, lấy đó làm kim chỉ nam, là hệ tư tưởng và nền tảng cho công tác lý luận của Đảng. Đây là lựa chọn đúng đắn nhất, quan trọng nhất của Đảng ta, là một trong những yếu tố quyết định sự thành công, thắng lợi của sự nghiệp cách mạng.

Pháp diễn ra sôi nổi, nhưng đều lâm vào bế tắc và cuối cùng thất bại, nguyên nhân chính là thiếu một đường lối cứu nước đúng đắn, một hệ tư tưởng đủ sức để dẫn dắt con đường cứu nước. Chính vào thời khắc lịch sử đó, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường đúng đắn để giải phóng dân tộc khỏi kiếp nô lệ, khi người tiếp cận với chủ nghĩa Mác - Lênin.

Người khẳng định:

“Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”, “Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động



trên thế giới khỏi ách nô lệ”. Dựa trên tư duy lý luận đó, Người đã sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam và xây dựng cương lĩnh đầu tiên của Đảng.

Từ đó Đảng ta khẳng định: *“Điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng ở Đông Dương là phải cần có một Đảng Cộng sản có một đường chánh trị đúng, có kỷ luật, tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng và từng trải đấu tranh mà trưởng thành. Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp lấy chủ nghĩa Các Mác và Lênin làm gốc mà đại biểu quyền lợi chánh và lâu dài, chung cho cả giai cấp vô sản ở Đông Dương, và lãnh đạo vô sản giai cấp ở Đông Dương ra tranh đấu để đạt được mục đích cuối cùng của vô sản là chủ nghĩa cộng sản”*¹.

Thứ hai, từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh thực tế của Việt Nam, xây dựng được một hệ thống lý luận của Đảng. Mà đỉnh cao là tư tưởng Hồ Chí Minh, là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa Mác - Lênin, tinh hoa của văn hóa phương Đông, tinh thần yêu nước, bất khuất của dân tộc Việt

Nam và thực tiễn cách mạng Việt Nam do Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo. Là hệ thống lý luận về công cuộc đổi mới và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội được tổng kết đúc rút từ thực tiễn 40 năm đổi mới, dựa trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhờ hệ thống lý luận đó, Đảng ta đã lãnh đạo thành công cuộc cách mạng dân chủ Nhân dân, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược trong các giai đoạn 1954-1975 là miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục thực hiện cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ Nhân dân, trọng tâm là giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Trong giai đoạn sau năm 1975 là thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, đặc biệt trong 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, đã xây dựng được hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, có ý nghĩa quan trọng cho giai đoạn tiếp theo của sự nghiệp cách mạng, nhất là trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Thứ ba, trong suốt 100 năm từ khi thành lập Đảng đến nay, Đảng ta luôn đấu tranh phản bác tư tưởng, lý luận sai trái, sự chống phá của các thế lực thù địch bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng, và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng ta, dân tộc ta, Nhân dân ta đã lựa chọn. Cũng có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng vào con đường đã lựa chọn trong toàn Đảng, toàn dân.

Thứ tư, là một Đảng Marxist-Leninist chân chính, Đảng ta luôn dám nhìn thẳng vào sự thật để sửa chữa sai lầm, hạn chế, khuyết điểm. Nhất là trong quan điểm, đường lối, chính sách và tổ chức thực hiện. Vì cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa chưa có tiền lệ, lại gặp rất nhiều thử thách chồng gai, khúc quanh nên không thể tránh khỏi những sai lầm, khuyết điểm, hạn chế... Điều quan trọng nhất Đảng ta biết đấu tranh, dám sửa chữa sai lầm khuyết điểm, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm và góp phần tổng kết thành lý luận thông qua việc sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm, hạn chế đó trong thực tế,

nâng cao nhận thức, tư duy và xác lập đường lối, chủ trương, hành động đúng đắn hơn góp phần vào sự thành công của sự nghiệp cách mạng.

Thứ năm, trong các giai đoạn cách mạng, Đảng ta luôn nắm đúng xu thế phát triển, cơ hội và mâu thuẫn của thời đại, để từ đó đề ra được chủ trương, sách lược đúng đắn, để hội nhập chung vào sự phát triển của nhân loại. Những dự báo cho những biến động trong tương lai là rất quan trọng, là một nhiệm vụ rất quan trọng của công tác lý luận, dựa trên những luận cứ khoa học và những kinh nghiệm được tổng kết trong thực tiễn, đã giúp Đảng ta luôn có đối sách đúng đắn, không bị động trong lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng Việt Nam, góp phần quan trọng vào sự nghiệp cách mạng.

Thứ sáu, Đảng ta đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động quần chúng Nhân dân. Biến quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng thâm nhập vào quần chúng Nhân dân tạo ra phong trào cách mạng sâu rộng. Đảng ta luôn xác định: sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chính vì vậy



công tác lý luận chính trị, công tác tư tưởng không dừng ở cán bộ, đảng viên, mà muốn đi vào cuộc sống phải làm tốt từ công tác tuyên truyền, vận động quần chúng Nhân dân và bằng hành động cụ thể mang lại lợi ích cho quốc gia, dân tộc và cho người dân.

Có thể nói sáu yếu tố quan trọng trên đã thể hiện vai trò của công tác lý luận chính trị trong thực tiễn cách mạng của Đảng ta trong 100 năm qua, và cũng là kết quả thực hiện tốt quan điểm của Lênin và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác lý luận chính trị.

2. Sự ra đời của Hội đồng Lý luận Trung ương đánh dấu một bước tiến quan trọng về tư duy tổ chức, hình thành một cơ quan nghiên cứu, tham mưu chuyên trách về công tác lý luận của Đảng và cũng là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng

Vì tầm quan trọng của công tác lý luận qua thực tiễn lãnh đạo cách mạng của Đảng. Ngày 28/12/1965 cơ quan tiền thân của Hội đồng Lý luận Trung ương là Ban nghiên cứu lý luận đã được thành lập theo nghị quyết của Bộ Chính trị. Ngày

30/10/1996, Hội đồng Lý luận Trung ương được chính thức thành lập theo quyết định 06-QĐ/TW của Bộ Chính trị. Đây là một sự kiện quan trọng thể hiện tầm nhìn chiến lược, sự đổi mới tư duy về mặt tổ chức và sự quan tâm của Đảng ta về công tác lý luận chính trị trong tình hình mới. Đồng thời cũng là yêu cầu khách quan của công cuộc đổi mới và phát triển đất nước. Thể hiện rất rõ ở các mặt sau:

2.1. Vai trò quan trọng của công tác lý luận chính trị đã được khẳng định qua thực tiễn hoạt động cách mạng của Đảng ta từ 6 yếu tố đã được phân tích ở trên, đó là sự lựa chọn chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, lý luận và kim chỉ nam cho mọi hành động cách mạng của Đảng, là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh Việt Nam, là sự đấu tranh phản bác lại những quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, là sự sửa chữa sai lầm, khuyết điểm, hạn chế, là sự nắm bắt xu thế phát triển của thời đại, dự báo đúng đắn để có những quyết sách đúng và làm tốt công tác tuyên truyền, vận động quần chúng. Trước yêu cầu quan trọng đó rất cần một cơ quan

chuyên trách giúp cho Đảng thực hiện tốt công tác lý luận.

2.2. Hoàn cảnh ra đời của Hội đồng Lý luận Trung ương xuất phát từ đòi hỏi cần thiết trước bối cảnh thế

giới diễn biến phức tạp trong thập niên 80 và 90 của thế kỷ thứ XX, khi phong trào cách mạng thế giới rơi vào suy thoái, cùng với sự sụp đổ Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu. Chủ nghĩa tư bản và các thế lực thù địch tấn công mạnh mẽ vào hệ thống lý luận dựa trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Khi họ cho rằng chủ nghĩa Mác - Lênin

đã lỗi thời và là một sai lầm của một chủ nghĩa mà các Đảng cộng sản đã lựa chọn. Mặt khác sau Đại hội VI công cuộc đổi mới và sự ra đời của cương lĩnh năm 1991, vừa đòi hỏi công tác lý luận phải khẳng định sự đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, phân bác lại các tư tưởng thù địch, sai

trái. Đồng thời từ thực tiễn cách mạng Việt Nam và yêu cầu xây dựng một hệ thống lý luận về đổi mới và con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. Thực tế cho thấy 30

năm qua từ khi thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương, Hội đồng đã làm tốt vai trò, chức năng, nhiệm vụ của một cơ quan lý luận chính trị chuyên sâu của Đảng.

Ngày 30/10/1996, Hội đồng Lý luận Trung ương được chính thức thành lập theo quyết định 06-QĐ/TW của Bộ Chính trị. Đây là một sự kiện quan trọng thể hiện tầm nhìn chiến lược, sự đổi mới tư duy về mặt tổ chức và sự quan tâm của Đảng ta về công tác lý luận chính trị trong tình hình mới.

2.3. Sự vận động liên tục, diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế - xã hội, an ninh quốc tế và khu vực. Sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật và công nghệ, cùng biến đổi khó lường của biến đổi khí

hậu và môi trường đã đặt công tác lý luận chính trị của Đảng phải liên tục đổi mới về tư duy, nhận thức để có thể đáp ứng với tình hình mới, những biến động mới. Những vấn đề cần giữ được nền tảng tư tưởng, nguyên tắc chính trị của Đảng, từ đó hoạch định chiến lược, sách lược nhằm ứng phó kịp thời, hợp lý, chủ động và có tầm



nhìn từ sớm, từ xa, để không dao động, không rơi vào thế bị động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng. Trước yêu cầu đó, càng cần thiết phải nâng cao vai trò, vị thế hơn nữa của Hội đồng Lý luận Trung ương để tổng hợp, nghiên cứu, dự báo, tham mưu, tư vấn ở tầm lý luận, tầm chiến lược cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong xây dựng quan điểm, đường lối, hoạch định chính sách cho phù hợp với tình hình mới.

2.4. Bổ sung, phát triển, hoàn thiện chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và lý luận đường lối đổi mới của Đảng cần phải được xác định là nhiệm vụ liên tục, không ngừng nghỉ của công tác lý luận chính trị của Đảng. Nhất là chúng ta đã xác định: Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng lâu dài, trải qua nhiều giai đoạn trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Mỗi giai đoạn đều có những bối cảnh, đặc điểm thay đổi và những yêu cầu đặt ra khác nhau, đặc biệt trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Những yêu cầu đặt ra đó đòi hỏi Đảng ta phải vừa vận dụng sáng tạo chủ

nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoàn cảnh cụ thể trong từng giai đoạn của cách mạng của Việt Nam, vừa phải tổng kết thực tiễn, đúc rút thành hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội để góp phần bổ sung, phát triển, hoàn thiện chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Trước yêu cầu nhiệm vụ quan trọng mang tính thường xuyên đó, đòi hỏi phải nâng cao hơn nữa vai trò của công tác lý luận của Đảng. Theo đó vị thế, trách nhiệm của Hội đồng Lý luận Trung ương càng trở nên cần thiết, như một yêu cầu khách quan trong kỷ nguyên vươn mình của đất nước và dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

3. Phát huy vai trò tư vấn chiến lược là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Hội đồng Lý luận Trung ương

Quyết định số 10-QĐ/TW ngày 6/3/2026 của Bộ Chính trị về việc thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2026-2031 đã nêu rõ: *“Hội đồng Lý luận Trung ương là cơ quan thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, có chức năng giúp Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh làm nhiệm vụ tư vấn cho Ban*

Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các vấn đề lý luận chính trị, làm cơ sở cho việc hoạch định, hoàn thiện, phát triển đường lối của Đảng, về những chương trình, đề tài, đề án khoa học cấp nhà nước về lý luận chính trị, phục vụ trực tiếp công tác lãnh đạo của Đảng”.

Có thể nói trong các nhiệm vụ tư vấn được giao cho Hội đồng Lý luận Trung ương, thì tư vấn chiến lược là nhiệm vụ quan trọng nhất. Đó là việc tư vấn cho các cơ quan cao nhất của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Nội dung tư vấn là những vấn đề lớn, quan trọng, có ý nghĩa chiến lược về quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách với không gian rộng tác động lớn, phạm vi thời gian thực hiện từ 5 năm trở lên, thậm chí có tầm nhìn 10, 20 năm hoặc lâu hơn. Ví dụ như các văn kiện của Đại hội Đảng, các nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và công tác tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị. Với tầm quan trọng đó, đòi hỏi Hội đồng Lý luận Trung ương phải nâng cao năng lực tổng kết,

nghiên cứu, tham mưu, tư vấn của mình. Tập trung vào các giải pháp sau:

Thứ nhất, phải lựa chọn được vấn đề lớn, quan trọng có tầm chiến lược để tư vấn. Trong bối cảnh tình hình quốc tế diễn biến phức tạp, khó lường và có biến đổi nhanh chóng bởi những tác động của khoa học kỹ thuật và công nghệ. Cùng với những đòi hỏi đặt ra từ thực tiễn của cuộc cách mạng trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Sẽ có rất nhiều vấn đề đặt ra về kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh quốc phòng và đối ngoại. Việc lựa chọn đúng, trúng những vấn đề lớn, quan trọng có tầm chiến lược để tư vấn cho sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng có ý nghĩa rất quan trọng, và là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của Hội đồng Lý luận Trung ương.

Những vấn đề lớn đó là những quan điểm, đường lối, chủ trương, nhiệm vụ và giải pháp cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, các đột phá chiến lược, về kiểm soát và giữ vững các cân đối lớn, các mô hình phát triển để đẩy nhanh và bền vững kinh tế - xã hội của đất nước, về giữ vững quốc phòng, an ninh, mở rộng đối



ngoại và hội nhập quốc tế trong tình hình diễn biến phức tạp, khó lường của thế giới đương đại. Những vấn đề Hội đồng Lý luận Trung ương lựa chọn tư vấn phải có tầm chiến lược dài hạn và phải giải quyết được những điểm nghẽn, điểm chưa rõ trong thực tiễn, phải tổng kết thành lý luận nhằm tham mưu cho Đảng trong xây dựng, hoàn thiện quan điểm, đường lối, chủ trương trong các nghị quyết và biến thành hành động cách mạng cụ thể.

Thứ hai, công tác nghiên cứu phải đi trước một bước, phương pháp nghiên cứu phải khoa học, phải có dự báo tốt và sát đúng. Đây là nhiệm vụ và giải pháp rất quan trọng của Hội đồng Lý luận Trung ương. Vì công tác lý luận không thể đi sau, không thể lạc hậu so với thực tiễn. Nếu đi sau, nếu lạc hậu đồng nghĩa với công tác lý luận không còn giữ được vai trò tiên phong, mở đường cho sự đổi mới về tư duy, nhận thức làm kim chỉ nam cho hành động.

Muốn vậy công tác tổng kết, nghiên cứu, tham mưu của Hội đồng Lý luận Trung ương phải đảm bảo tính Đảng, tính khoa học, tính thực tiễn, tính khả thi và dự báo cáo.

Thứ ba, để thực hiện tốt công tác tư vấn chiến lược, Hội đồng Lý luận Trung ương cần phải tập hợp được các nhà khoa học, nhà quản lý, các chuyên gia có trình độ lý luận và trải qua thực tiễn, để tạo ra một lực lượng tri thức, có đủ trí tuệ và năng lực nghiên cứu, tham mưu cho Hội đồng Lý luận Trung ương thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

Thứ tư, Hội đồng Lý luận Trung ương cần phối hợp tốt với các cơ quan trong hệ thống chính trị, để có thể tiếp cận, tận dụng nguồn thông tin, nguồn tri thức và kinh nghiệm mang tính chuyên sâu của các cơ quan này, giúp cho việc thực hiện nhiệm vụ, chức năng của Hội đồng được thuận lợi và hiệu quả hơn ■

¹ Theo: *tulieuvankien.dangcongsan.vn-Cương lĩnh và chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2009.

VAI TRÒ CỦA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG TRONG HỆ THỐNG CÁC CƠ QUAN THAM MƯU CHIẾN LƯỢC CỦA ĐẢNG

TS. NGÔ ĐÔNG HẢI

*Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương,
Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương*

Mở đầu

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định công tác lý luận, tổng kết thực tiễn là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn. Bước vào kỷ nguyên phát triển mới, những biến đổi nhanh chóng, sâu sắc của tình hình thế giới và yêu cầu phát triển đất nước nhanh, bền vững đòi hỏi Đảng ta phải luôn đi trước một bước trong nhận thức, nắm bắt quy luật, dự báo xu hướng, từ đó xây dựng đường lối, chiến lược và chính

sách đúng đắn, khoa học, sát thực tiễn. Việc nâng cao năng lực của các cơ quan tham mưu, giúp việc trong nghiên cứu lý luận, tham mưu chiến lược càng trở thành yêu cầu cấp thiết.

Để đáp ứng yêu cầu đó, hệ thống các cơ quan nghiên cứu và tham mưu chiến lược của Đảng cần được củng cố, hoàn thiện và nâng cao vai trò, hiệu quả hoạt động, trong đó, Hội đồng Lý luận Trung ương giữ vị trí đặc biệt quan trọng với chức năng tư vấn về các vấn đề lý luận chính trị, góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định, hoàn thiện và phát triển đường lối của Đảng. Mỗi



quan hệ giữa Hội đồng Lý luận Trung ương và các Ban tham mưu giúp việc Trung ương Đảng là một nội dung then chốt, quyết định chất lượng cơ sở lý luận và tầm tư duy chiến lược của toàn hệ thống. Dựa trên quan điểm mỗi ban đảng là “*trung tâm nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, hoạch định chiến lược và tham gia kiến tạo chính sách*”, các cơ quan tham mưu chiến lược của Đảng có trách nhiệm chủ động phối hợp với Hội đồng Lý luận Trung ương trong việc xây dựng cơ sở lý luận chuyên ngành, tổng kết thực tiễn, phát hiện những vấn đề mới, cung cấp luận cứ khoa học phục vụ quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương. Bài tham luận xin trình bày những nhận thức về vai trò của Hội đồng Lý luận Trung ương và phương thức phối hợp với các cơ quan tham mưu chiến lược; đề xuất một số định hướng nhằm nâng cao chất lượng tham mưu, góp phần tăng cường năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng trong giai đoạn phát triển mới.

I. Yêu cầu mới hiện nay đối với công tác lý luận và tham mưu chiến lược của Đảng

Bước vào giai đoạn phát triển mới, yêu cầu đặt ra đối với công tác lý luận và tham mưu chiến lược của Đảng ngày càng cao hơn. Thế giới đang trải qua những biến đổi sâu sắc, trong đó nổi bật là sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, sự thay đổi cấu trúc kinh tế toàn cầu, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, những thách thức an ninh phi truyền thống và yêu cầu phát triển nhanh, bền vững. Những biến đổi đó đặt ra nhiều vấn đề mới cần được nghiên cứu, giải đáp về lý luận, như mô hình phát triển nào phù hợp với điều kiện Việt Nam trong giai đoạn mới? những động lực phát triển mới của đất nước là gì? làm thế nào để phát huy hiệu quả khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trở thành động lực quan trọng của phát triển? làm thế nào tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng? làm thế nào xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả?...

Để trả lời những vấn đề đó, công tác tham mưu của Đảng cần có bước phát triển mới. Các cơ quan tham mưu không chỉ thực hiện chức năng chuẩn

bị nội dung, tổng hợp thông tin, giúp cấp có thẩm quyền xử lý công việc thường xuyên, mà phải làm tốt vai trò trung tâm trí tuệ chiến lược, có khả năng nghiên cứu, dự báo, phát hiện xu hướng, kiến tạo các định hướng phát triển. Điều đó đòi hỏi mỗi cơ quan tham mưu chiến lược phải xây dựng được hệ thống cơ sở lý luận khoa học, đồng bộ, chuyên sâu trong lĩnh vực được phân công; kết hợp chặt chẽ giữa nền tảng lý luận của Đảng với tri thức khoa học hiện đại, giữa tổng kết thực tiễn với nghiên cứu dự báo.

II. Vai trò quan trọng của Hội đồng Lý luận Trung ương

Hội đồng Lý luận Trung ương có vai trò đặc biệt quan trọng. Với chức năng tư vấn về các vấn đề lý luận chính trị cho Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng góp phần cung cấp luận cứ khoa học phục vụ việc hoạch định, hoàn thiện, phát triển đường lối của Đảng.

2.1. Hội đồng Lý luận Trung ương - Trung tâm nghiên cứu, tư vấn lý luận cao cấp, hạt nhân định hướng chung

Hội đồng Lý luận Trung ương là cơ quan tư vấn, nghiên cứu lý luận cấp cao của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; là trung tâm

Các cơ quan tham mưu không chỉ thực hiện chức năng chuẩn bị nội dung, tổng hợp thông tin, giúp cấp có thẩm quyền xử lý công việc thường xuyên, mà phải làm tốt vai trò trung tâm trí tuệ chiến lược, có khả năng nghiên cứu, dự báo, phát hiện xu hướng, kiến tạo các định hướng phát triển.

hạt nhân, nòng cốt trong hệ thống công tác lý luận của Đảng. Vai trò của Hội đồng thể hiện ở ba điểm sau:

Thứ nhất, Hội đồng Lý luận Trung ương góp phần phát hiện, nghiên cứu, giải đáp những vấn đề lý luận mới từ thực tiễn phát triển đất nước. Thực tiễn phát triển đất nước đang xuất hiện nhiều vấn đề mới, phức tạp, không chỉ là những vấn đề của từng ngành, từng lĩnh vực, mà nhiều vấn đề có tính tổng thể, liên ngành, liên quan đến mô hình phát triển, phương thức lãnh đạo, quản trị quốc gia và vị thế của đất nước trong môi trường quốc tế. Một trong những yêu cầu quan trọng của công tác lý



luận trong giai đoạn hiện nay là phải đi trước một bước, chủ động nghiên cứu, nhận diện và giải đáp những vấn đề mới đó, đúc kết thành lý luận, có tính định hướng lâu dài đối với sự phát triển của đất nước.

Thứ hai, vai trò của Hội đồng thể hiện ở chức năng tư vấn các vấn đề lý luận nền tảng, chiến lược, góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định, bổ sung, phát triển đường lối của Đảng. Trong quá trình phát triển đất nước, nhiều vấn đề có ý nghĩa chiến lược lâu dài đều cần được tiếp cận từ chiều sâu lý luận, như nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; mô hình phát triển đất nước; quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; hoàn thiện nhận thức về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phát triển lý luận về đảng cầm quyền, phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới; phát triển văn hóa, con người Việt Nam; mô hình phát triển dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; quản trị quốc gia hiện đại trong môi trường số; kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng,

an ninh, đối ngoại; tự chủ chiến lược trong điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng... Đây là những vấn đề không chỉ cần tổng kết kinh nghiệm, mà đòi hỏi tư duy lý luận mới, cách tiếp cận mới. Trên cơ sở nghiên cứu, Hội đồng chủ động tư vấn, cung cấp cơ sở lý luận cho các đề án, chính sách quan trọng trước khi trình cấp lãnh đạo cao nhất.

Thứ ba, góp phần đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ tính khoa học và cách mạng của đường lối đổi mới. Trong điều kiện thông tin đa chiều, sự phát triển mạnh mẽ của truyền thông số và sự gia tăng các quan điểm khác biệt, Hội đồng có vai trò quan trọng trong việc làm rõ cơ sở khoa học và lý luận của đường lối, quan điểm của Đảng, khẳng định những giá trị lý luận và thực tiễn của con đường phát triển Việt Nam, phản bác những quan điểm sai trái, xuyên tạc, củng cố niềm tin xã hội trên nền tảng nhận thức khoa học.

2.2. Hội đồng Lý luận Trung ương góp phần định hướng phương pháp luận cho hoạt động tham mưu chiến lược

Một đóng góp quan trọng của Hội đồng Lý luận Trung ương là góp phần

định hướng phương pháp luận trong nhận thức và giải quyết các vấn đề lớn của đất nước. Hội đồng nắm giữ, phát triển, làm giàu hệ thống lý luận cơ bản của Đảng, góp phần thống nhất nền tảng tư tưởng cho toàn hệ thống chính trị. Trong bối cảnh hiện nay, nhiều vấn đề phát triển có tính đan xen, phức tạp, không thể giải quyết bằng cách tiếp cận đơn ngành. Ví dụ:

Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không chỉ là vấn đề kinh tế, mà còn liên quan đến giáo dục, văn hóa, nguồn nhân lực, thể chế, tạo ra động lực mới và năng lực cạnh tranh quốc gia.

Chuyển đổi số không chỉ là ứng dụng công nghệ, mà còn là sự thay đổi về nhận thức chính trị, phương thức quản trị, phương thức tổ chức xã hội và phương thức lãnh đạo, quản lý.

Phát triển con người không chỉ là vấn đề xã hội, mà là trung tâm, chủ

thể, mục tiêu và động lực của toàn bộ quá trình phát triển.

Đây là những vấn đề vượt ra ngoài phạm vi của một lĩnh vực chuyên ngành, đòi hỏi cách tiếp cận tổng hợp, liên ngành, chiến lược. Do đó, cần

Một đóng góp quan trọng của Hội đồng Lý luận Trung ương là góp phần định hướng phương pháp luận trong nhận thức và giải quyết các vấn đề lớn của đất nước. Hội đồng nắm giữ, phát triển, làm giàu hệ thống lý luận cơ bản của Đảng, góp phần thống nhất nền tảng tư tưởng cho toàn hệ thống chính trị.

một cách tiếp cận có tính hệ thống, lịch sử - cụ thể, phát triển và toàn diện. Ở phương diện này, Hội đồng Lý luận Trung ương có vai trò quan trọng trong việc kết nối các kết quả nghiên cứu chuyên ngành, góp phần hình thành cách nhìn tổng thể, biện chứng đối với những vấn đề chiến lược đó.

2.3. Hội đồng Lý luận Trung ương là cầu nối giữa giới nghiên cứu lý luận, đội ngũ trí thức với

công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng

Một trong những nguồn lực quan trọng để phát triển lý luận là đội ngũ trí thức, các nhà khoa học, các chuyên gia trong nhiều lĩnh vực. Trong điều kiện hiện nay, phát triển lý luận cần được đặt trong mối quan hệ mở, kết hợp giữa trí tuệ của Đảng,



trí tuệ của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, trí tuệ của giới khoa học, kinh nghiệm thực tiễn của Nhân dân, tạo nên sức mạnh trí tuệ tổng hợp phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước. Hội đồng Lý luận Trung ương có vai trò làm đầu mối tập hợp các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, cán bộ lãnh đạo, quản lý có trình độ, kinh nghiệm; tập hợp, phát huy trí tuệ của đội ngũ này, kết nối nghiên cứu khoa học với yêu cầu thực tiễn lãnh đạo, quản lý, tư vấn cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề lý luận - chính trị lớn, quan trọng, có tính tổng thể, dài hạn, liên ngành phục vụ trực tiếp công tác lãnh đạo của Đảng. Thông qua hoạt động nghiên cứu, hội thảo, tọa đàm khoa học, chương trình nghiên cứu, Hội đồng góp phần huy động nguồn lực trí tuệ trong và ngoài nước, khuyến khích các cách tiếp cận mới, sáng tạo, tạo môi trường trao đổi học thuật nghiêm túc, từ đó chuyên hóa kết quả nghiên cứu thành luận cứ phục vụ hoạch định đường lối.

III. Phát huy vai trò trong mối quan hệ phối hợp, hỗ trợ với các cơ quan tham mưu chiến lược của Đảng

Đứng trước yêu cầu mới, cần nhận

thức rõ ràng phát triển lý luận không phải là nhiệm vụ riêng của một cơ quan, mà là trách nhiệm chung của toàn hệ thống các cơ quan nghiên cứu, tham mưu của Đảng. Trong cộng đồng trách nhiệm chung đó, Hội đồng Lý luận Trung ương giữ vai trò định hướng, tư vấn những vấn đề lý luận lớn, có tính nền tảng, chiến lược; các cơ quan tham mưu chiến lược của Đảng có trách nhiệm chủ động nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận chuyên ngành, cung cấp nguồn luận cứ phong phú cho quá trình phát triển tư duy lý luận của Đảng.

Vì vậy, tăng cường phối hợp giữa Hội đồng Lý luận Trung ương với các cơ quan tham mưu chiến lược của Đảng không chỉ là yêu cầu về tổ chức, mà là yêu cầu khách quan nhằm hình thành một nền tham mưu chiến lược dựa trên tri thức, khoa học và tầm nhìn dài hạn.

3.1. Các ban đảng - Trung tâm nghiên cứu, tổng kết, hoạch định, kiến tạo - chủ thể trực tiếp chịu trách nhiệm

Mỗi Ban Trung ương Đảng, với tư cách là trung tâm nghiên cứu lý luận,

tổng kết thực tiễn, hoạch định chiến lược và tham gia kiến tạo chính sách trong lĩnh vực mình phụ trách, là chủ thể chủ trì, trực tiếp chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương về chất lượng cơ sở lý luận, chiến lược và chính sách của lĩnh vực chuyên môn. Vai trò này thể hiện qua bốn chức năng hữu cơ, khấp kín và phát triển liên tục:

Thứ nhất, nghiên cứu lý luận, chủ trì xây dựng, hoàn thiện, phát triển hệ thống quan điểm, nguyên tắc, phương pháp luận chuyên ngành; bảo vệ và phát triển sáng tạo nền tảng tư tưởng chung của Đảng trong lĩnh vực cụ thể.

Thứ hai, thường xuyên đi sâu tổng kết thực tiễn, nắm bắt tình hình, chủ động nhận diện, phát hiện vấn đề từ thực tiễn; phối hợp từ sớm, từ đầu, tổng kết kinh nghiệm, rút ra quy luật; phát hiện những vấn đề mới, xu hướng mới mà thực tiễn đặt ra, nâng lên thành nhận thức lý luận trên lĩnh vực phụ trách.

Thứ ba, hoạch định chiến lược, xác định tầm nhìn, mục tiêu, định hướng dài hạn; nghiên cứu những vấn đề chiến lược, cơ bản, liên ngành; dự

báo, đánh giá tác động và rủi ro; xây dựng hệ thống chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

Thứ tư, tham gia kiến tạo chính sách, hướng dẫn, theo dõi, giám sát việc cụ thể hóa đường lối, chiến lược thành hệ thống chính sách, quy chế, quy định cụ thể, khả thi; theo dõi, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chính sách trong quá trình thực hiện.

Các Ban là chủ thể trực tiếp, đầu mối chuyên môn, luôn phải nắm vững thực tiễn, sâu sát lĩnh vực, chịu trách nhiệm toàn diện về sản phẩm lý luận, chiến lược, chính sách của mình. Hội đồng Lý luận không làm thay, không chịu trách nhiệm thay cho các Ban.

3.2. Quan hệ phối hợp, hỗ trợ giữa Hội đồng Lý luận Trung ương và các cơ quan tham mưu chiến lược của Đảng là yêu cầu khách quan, tạo thành nền tảng để nâng cao chất lượng tham mưu chiến lược

Sự phối hợp giữa Hội đồng Lý luận Trung ương và các cơ quan tham mưu chiến lược của Đảng là yêu cầu khách quan của quá trình phát triển lý luận và nâng cao chất lượng tham mưu chiến lược.



Trong điều kiện phát triển mới, không một cơ quan đơn lẻ nào có thể tự mình giải quyết đầy đủ những vấn đề lớn, phức tạp đặt ra đối với đất nước. Các vấn đề chiến lược hiện

nay đều có tính liên

ngành, liên lĩnh vực,

đòi hỏi sự kết hợp giữa

nhiều loại tri thức: tri

thức lý luận chính trị,

tri thức khoa học

chuyên ngành, tri thức

quản lý nhà nước, tri

thức kinh nghiệm thực

tiễn, tri thức quốc tế...

Vì vậy, sự phối hợp

giữa Hội đồng Lý luận

Trung ương và các cơ

quan tham mưu chiến

lược của Đảng là yêu

cầu khách quan, xuất

phát từ chính sự phát

triển của thực tiễn. Mỗi quan hệ này

cần được nhận thức không chỉ là sự

phối hợp hành chính, mà là sự liên

kết trí tuệ nhằm tạo ra những giá trị

nhận thức mới, theo đó, Hội đồng Lý

luận Trung ương cung cấp chiều sâu

lý luận và phương pháp luận; các cơ

quan tham mưu chiến lược cung cấp

thực tiễn, tri thức chuyên ngành và yêu cầu chính sách. Sự kết hợp đó tạo thành nền tảng để nâng cao chất lượng tham mưu chiến lược.

3.3. Xây dựng quan hệ tổng thể,

phân công rõ ràng,

phối hợp chặt chẽ,

không thay thế, không

tách rời, bổ sung, nâng

tầm lẫn nhau

Sự phối hợp giữa Hội

đồng Lý luận Trung

ương và các cơ quan

tham mưu chiến lược

của Đảng là yêu cầu

khách quan, xuất phát

từ chính sự phát triển

của thực tiễn. Mỗi quan

hệ này cần được nhận

thức không chỉ là sự

phối hợp hành chính,

mà là sự liên kết trí tuệ

nhằm tạo ra những giá

trị nhận thức mới.

Trong mối quan hệ

phối hợp, hỗ trợ lẫn

nhau, Hội đồng Lý luận

Trung ương giữ vai trò

định hướng chung, thẩm

định, tư vấn chiều sâu lý

luận, đảm bảo tính nhất

quán hệ thống. Các ban

đảng chủ trì nghiên cứu,

tổng kết, hoạch định,

kiến tạo; chịu trách

nhiệm trực tiếp về chất

lượng sản phẩm. Hai bên không thể

thay thế, không thể tách rời, cùng

hướng tới mục tiêu chung: xây dựng

cơ sở lý luận đồng bộ, bài bản, khoa

học, giữ vững định hướng, bám sát

thực tiễn. Trên cơ sở đó, cần nhận

thức rõ sự khác nhau về chức năng để

phát huy tốt hơn vai trò của từng chủ

thể. Hội đồng Lý luận Trung ương tập trung vào phương pháp luận của những vấn đề lý luận nền tảng, chiến lược, liên ngành, có ý nghĩa định hướng lâu dài của quá trình phát triển. Các cơ quan tham mưu chiến lược của Đảng tập trung vào những vấn đề lý luận chuyên ngành; chú trọng tổng kết thực tiễn thuộc lĩnh vực phụ trách, phát hiện vấn đề mới từ quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, từ đó đề xuất chủ trương, chính sách cụ thể.

Chức năng của các chủ thể không tách rời, mà bổ sung cho nhau, nếu thiếu nghiên cứu lý luận nền tảng, nghiên cứu chuyên ngành dễ bị phân tán, thiếu định hướng. Nếu thiếu tổng kết thực tiễn chuyên ngành, lý luận dễ xa rời cuộc sống. Vì vậy, sự phát triển lý luận và chất lượng tham mưu chiến lược chỉ có thể được nâng cao khi có sự gắn kết chặt chẽ giữa hai chủ thể.

Về phương pháp phối hợp, để phát huy đầy đủ vai trò của công tác lý luận, nâng cao chất lượng tham mưu chiến lược, sự phối hợp giữa Hội đồng Lý luận Trung ương và các cơ quan tham mưu của Đảng cần được triển khai theo hướng thực chất, thường xuyên, có trọng tâm, trọng

điểm, tôn trọng sự khác biệt, dân chủ, khoa học, phát huy đầy đủ thế mạnh riêng có. Các cơ quan tham mưu chiến lược của Đảng có ưu thế về khả năng tiếp cận thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết; nắm bắt những vấn đề đang đặt ra trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội. Hội đồng Lý luận Trung ương có thế mạnh về nghiên cứu lý luận, phương pháp luận, tập hợp đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học để phân tích, khái quát hóa những vấn đề thực tiễn thành nhận thức lý luận.

IV. Giải pháp đột phá nâng cao hiệu quả phối hợp giữa Hội đồng Lý luận Trung ương và các cơ quan tham mưu chiến lược của Đảng trong kỷ nguyên phát triển mới

4.1. Thống nhất nhận thức về yêu cầu xây dựng nền tham mưu chiến lược dựa trên tri thức, lý luận và năng lực dự báo

Bước vào kỷ nguyên phát triển mới, yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng đặt ra ngày càng cao. Trong điều kiện môi trường phát triển biến đổi nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo, sức



mạnh lãnh đạo không chỉ phụ thuộc vào năng lực tổ chức, tập hợp lực lượng, mà ngày càng phụ thuộc vào năng lực nhận thức, tư duy lý luận và khả năng kiến tạo tương lai phát triển.

Vì vậy, công tác lý luận với vai trò là nền tảng của tham mưu chiến lược, tạo thành một trong những phương thức quan trọng để chuyển hóa tri thức lý luận thành quyết sách chính trị và năng lực phát triển quốc gia. Các cơ quan tham mưu chiến lược phải coi nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, dự báo chiến lược là bộ phận cấu thành trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính trị; không xem đây là hoạt động bổ trợ hoặc nhiệm vụ riêng của các cơ quan nghiên cứu.

Cùng với đó, cần nhận thức đầy đủ hơn vai trò của Hội đồng Lý luận Trung ương trong hệ thống các chủ thể tham gia phát triển lý luận của Đảng. Hội đồng không thay thế chức năng nghiên cứu chuyên ngành của các cơ quan tham mưu, mà giữ vai trò quan trọng trong định hướng những vấn đề lý luận lớn, kết nối tri thức khoa học, cung cấp phương pháp luận và luận cứ khoa học phục vụ việc phát triển đường lối của Đảng.

4.2. Hình thành cơ chế phối hợp nghiên cứu lý luận chiến lược liên cơ quan, liên ngành

Một yêu cầu quan trọng hiện nay là cần từng bước đổi mới phương thức phối hợp nghiên cứu lý luận theo hướng chủ động, thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm, trong đó cần nghiên cứu xây dựng cơ chế phối hợp giữa Hội đồng Lý luận Trung ương với các cơ quan tham mưu chiến lược của Đảng trên cơ sở xác định danh mục các vấn đề lý luận lớn cần tập trung nghiên cứu trong từng giai đoạn, phân công rõ vai trò của từng cơ quan nhằm kết hợp giữa nghiên cứu lý luận cơ bản với nghiên cứu ứng dụng, gắn nghiên cứu với yêu cầu chuẩn bị các chủ trương, định hướng chiến lược. Cơ chế phối hợp cần hướng tới hình thành các chương trình nghiên cứu chung về những vấn đề có tính liên ngành, liên lĩnh vực, những vấn đề không thể giải quyết bằng cách tiếp cận đơn ngành, mà cần sự kết hợp giữa nhiều lĩnh vực tri thức.

4.3. Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổng kết thực tiễn, gắn nghiên cứu lý luận với đánh giá chính sách

Một hạn chế cần khắc phục trong

hoạt động nghiên cứu lý luận hiện nay là có lúc, có nơi sự gắn kết giữa nghiên cứu lý luận và thực tiễn chưa thật sự chặt chẽ; một số nghiên cứu chưa chuyển hóa đầy đủ thành luận cứ phục vụ trực tiếp quá trình hoạch định chủ trương, chính sách. Các ban tham mưu chiến lược thông qua đổi mới hoạt động thực tiễn của mình theo hướng khoa học, toàn diện, có chiều sâu sẽ có cơ sở để khắc phục tình trạng đó.

4.4. Xây dựng hệ sinh thái tri thức chiến lược trong môi trường số

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, nhất là trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn, đang làm thay đổi căn bản phương thức nghiên cứu, hoạch định chính sách trên thế giới. Điều đó đặt ra yêu cầu đổi mới phương thức hoạt động của các cơ quan tham mưu chiến lược. Hiệu quả phối hợp giữa Hội đồng Lý luận Trung ương với các Ban tham mưu chiến lược của Đảng có thể được nâng cao nhờ từng bước xây dựng hệ sinh thái tri thức chiến lược bao gồm cơ sở dữ liệu lý luận, cơ sở dữ liệu thực tiễn, hệ thống thông tin phục vụ dự báo, mạng lưới chuyên gia, công cụ phân tích chính sách hiện đại. Đây vừa là yêu cầu, vừa là nhiệm vụ của các

Ban tham mưu chiến lược trong việc ứng dụng công nghệ số phục vụ thu thập và xử lý thông tin, phân tích, dự báo xu hướng...

4.5. Phối hợp xây dựng đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược có tư duy lý luận, năng lực khoa học và tầm nhìn phát triển

Sự phối hợp giữa Hội đồng Lý luận Trung ương với các Ban tham mưu chiến lược của Đảng còn mở ra cơ hội quan trọng để đào tạo, bồi dưỡng, hình thành đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu chiến lược đủ năng lực tham gia giải quyết những vấn đề lớn, phức tạp của đất nước trong giai đoạn mới theo hướng kết hợp giữa bản lĩnh chính trị vững vàng, kiến thức lý luận sâu sắc, năng lực nghiên cứu khoa học, khả năng phân tích, dự báo với hiểu biết thực tiễn và tư duy đổi mới, sáng tạo. Vì vậy, cần xây dựng cơ chế phối hợp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo hướng trang bị phương pháp luận nghiên cứu lý luận gắn với thực tiễn lãnh đạo, quản lý và khả năng kết nối tri thức đa ngành.

V. Kiến nghị

Thứ nhất, xây dựng và ban hành quy chế phối hợp chính thức giữa Hội



đồng Lý luận Trung ương và các Ban Đảng Trung ương, quy định rõ nội dung, hình thức, quy trình, thời hạn phối hợp ở từng giai đoạn.

Thứ hai, thiết lập cơ chế trao đổi thường xuyên, định kỳ họp giao ban, hội thảo chung, chia sẻ thông tin, số liệu, tình hình thực tiễn giữa Hội đồng và các Ban.

Thứ ba, đưa nội dung phối hợp lý luận vào quy chế làm việc của từng Ban và của Hội đồng; coi công tác lý luận, phối hợp lý luận là một trong những tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động hằng năm.

Thứ tư, tổ chức bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, trách nhiệm và cơ chế phối hợp cho đội ngũ cán bộ, công chức tại các Ban và Hội đồng Lý luận, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, trưởng các đơn vị.

Thứ năm, khuyến khích tư duy độc lập, sáng tạo, dân chủ học thuật, tạo môi trường thuận lợi cho tranh luận, phản biện, nêu ý kiến khác nhau trên cơ sở tôn trọng chân lý, tôn trọng thực tiễn, góp phần phát triển lý luận cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

Kết luận

Lý luận luôn giữ vị trí đặc biệt quan

trọng trong sự nghiệp cách mạng của Đảng. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới có sự đóng góp quan trọng của quá trình phát triển tư duy lý luận, tổng kết thực tiễn, từng bước hình thành và hoàn thiện hệ thống quan điểm về xây dựng và phát triển đất nước.

Trong giai đoạn phát triển mới, khi đất nước đứng trước những cơ hội lớn và những yêu cầu phát triển chưa từng có, việc nâng cao chất lượng công tác lý luận trong tham mưu chiến lược càng trở thành nhiệm vụ cấp thiết.

Phát huy vai trò của Hội đồng Lý luận Trung ương, tăng cường phối hợp với các cơ quan tham mưu chiến lược của Đảng trên cơ sở phân công rõ ràng, bổ sung cho nhau, cùng nâng tầm là yêu cầu khách quan, là giải pháp then chốt, góp phần xây dựng năng lực trí tuệ chiến lược của Đảng; bảo đảm rằng các chủ trương, quyết sách quan trọng được hình thành trên nền tảng lý luận khoa học, tổng kết thực tiễn sâu sắc và tầm nhìn phát triển dài hạn, là yêu cầu quan trọng để hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc ■

III. NHỮNG ĐÓNG GÓP NỔI BẬT CỦA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG



NĂM (1996-2026)

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN VỀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

GS.TS VŨ VĂN HIỀN

Nguyên Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương

Trong tiến trình cách mạng Việt Nam, lý luận luôn giữ một vị trí đặc biệt quan trọng. Lý luận không phải là những công thức trừu tượng tách rời cuộc sống, càng không phải là sự lặp lại giản đơn những nhận định đã có, mà là sự khái quát ở trình độ cao những quy luật vận động của hiện thực, là cơ sở khoa học để nhận thức đúng tình hình, xác định mục tiêu, phương hướng và phương thức hành động. Đối với một đảng cách mạng, lý luận càng có ý nghĩa đặc biệt, bởi năng lực lãnh đạo trước hết đòi hỏi năng lực nhận thức và giải quyết đúng những vấn đề do thực tiễn đặt ra. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh vai trò của lý luận đối với cách mạng, đồng thời chỉ

rõ lý luận phải gắn với thực tiễn, phải được kiểm nghiệm trong thực tiễn và trở lại phục vụ thực tiễn. Đây chính là một trong những nguyên tắc phương pháp luận quan trọng nhất trong công tác lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một sự nghiệp lâu dài, phức tạp, chưa có tiền lệ hoàn toàn tương đồng. Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội từ một nước có xuất phát điểm thấp, trải qua chiến tranh kéo dài, nền kinh tế nghèo nàn, cơ sở vật chất hạn chế, trong khi thế giới không ngừng biến đổi. Con đường ấy lại diễn ra trong điều kiện chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thế giới có những thăng trầm lớn, hệ thống xã hội chủ nghĩa



thế giới có những biến động sâu sắc, chủ nghĩa tư bản tiếp tục điều chỉnh và phát triển, khoa học - công nghệ, toàn cầu hóa, kinh tế tri thức, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và những vấn đề toàn cầu đang làm thay đổi nhanh chóng môi trường phát triển của mỗi quốc gia. Vì vậy, xây dựng và hoàn thiện lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không thể chỉ dựa vào việc tiếp thu lý luận có sẵn, mà phải không ngừng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, phát hiện những vấn đề mới, giải đáp những câu hỏi mới và từng bước khái quát thành những nhận thức có tính quy luật.

Thực tiễn đổi mới từ năm 1986 đến nay là một minh chứng sinh động cho yêu cầu đó. Công cuộc đổi mới đã đặt ra hàng loạt vấn đề lý luận chưa từng có hoặc chưa được giải đáp đầy đủ: quan niệm về mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; quan hệ giữa kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội; vấn đề sở hữu và các thành phần kinh tế; vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội; giữa

độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất; giữa xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; giữa phát triển văn hóa, con người với phát triển kinh tế; giữa bảo vệ Tổ quốc và phát triển đất nước; giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại. Mỗi vấn đề ấy vừa có phương diện thực tiễn, vừa có phương diện lý luận; vừa đòi hỏi nghiên cứu chuyên sâu, vừa cần được đặt trong tổng thể đường lối cách mạng.

Nhận thức rõ yêu cầu đó, ngày 30-10-1996, Bộ Chính trị ban hành Quyết định số 06-QĐ/TW thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương. Ngay từ khi thành lập, Hội đồng đã được xác định là cơ quan tư vấn cho Bộ Chính trị về công tác lý luận, giúp chỉ đạo phương hướng, nội dung các chương trình nghiên cứu khoa học xã hội nhằm xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. Qua các nhiệm kỳ, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu của Hội đồng từng bước được bổ sung, hoàn thiện. Đến nay, Hội đồng

là cơ quan tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề lý luận chính trị, làm cơ sở cho việc hoạch định, hoàn thiện và phát triển đường lối, chính sách của Đảng, đồng thời tổ chức, quản lý các chương trình, đề tài khoa học về lý luận chính trị phục vụ trực tiếp sự lãnh đạo của Đảng.

Sau 30 năm hoạt động, Hội đồng Lý luận Trung ương đã trở thành một thiết chế đặc biệt trong hệ thống nghiên cứu lý luận của Đảng. Những đóng góp của Hội đồng không chỉ thể hiện ở hàng nghìn công trình, đề tài, báo cáo, hội thảo, khảo sát thực tiễn mà quan trọng hơn là ở việc góp phần cung cấp những luận cứ khoa học cho quá trình đổi mới tư duy, tổng kết thực tiễn, xây dựng và hoàn thiện đường lối của Đảng. Đặc biệt, trong những năm gần đây, Hội đồng đã tham gia sâu vào tổng kết 40 năm đổi mới, xây dựng Văn kiện Đại hội XIV của Đảng, đồng thời triển khai những nhiệm vụ nghiên cứu mới liên quan đến 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa

xã hội và Chương trình nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2026-2030.

Nhìn từ lịch sử hình thành và phát triển ấy, có thể khẳng định: nghiên cứu vai trò của Hội đồng Lý luận Trung ương đối với việc phát triển lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam chính là nghiên cứu một phương diện quan trọng của quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng. Đây không chỉ là việc nhìn lại những kết quả đã đạt được, mà còn nhằm nhận diện những yêu cầu mới, những vấn đề lý luận mới đang đặt ra, từ đó xác định phương hướng để công tác lý luận tiếp tục đi trước một bước, bám sát thực tiễn, góp phần đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển mới.

1. Những nguồn lực và cơ sở quan trọng để Hội đồng Lý luận Trung ương phát triển lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Một trong những yếu tố quyết định chất lượng hoạt động của một cơ quan lý luận chiến lược là nguồn lực trí tuệ. Đối với Hội đồng Lý luận Trung ương, nguồn lực ấy trước hết



được tạo nên từ đội ngũ các nhà khoa học, các nhà lãnh đạo, quản lý, các chuyên gia lý luận và thực tiễn có trình độ cao, có kinh nghiệm hoạt động trong nhiều lĩnh vực. Nhìn lại thành phần Hội đồng qua các nhiệm kỳ có thể thấy đây luôn là nơi tập hợp nhiều nhà lý luận, nhà khoa học và cán bộ lãnh đạo có uy tín của Đảng, Nhà nước và giới khoa học. Việc những nhà lãnh đạo, nhà khoa học có trình độ cao trực tiếp tham gia lãnh đạo Hội đồng qua các thời kỳ tạo nên một nguồn lực đặc biệt: sự kết hợp giữa tư duy lý luận với kinh nghiệm lãnh đạo, giữa nghiên cứu khoa học với thực tiễn đời sống, xã hội, giữa năng lực khái quát với khả năng nhận diện những vấn đề cụ thể của đất nước.

Đây là lợi thế mà không phải cơ quan nghiên cứu nào cũng có. Nghiên cứu lý luận chính trị chiến lược không thể chỉ là hoạt động hàn lâm thuần túy. Một vấn đề lý luận muốn có giá trị đối với sự lãnh đạo của Đảng phải đồng thời trả lời được những câu hỏi thực tiễn: Đất nước đang đứng ở đâu? Những xu hướng nào đang tác động? Điều gì đã được

thực tiễn chứng minh? Điều gì còn chưa rõ? Chính sách nào cần tiếp tục hoàn thiện? Những vấn đề nào có thể trở thành điểm nghẽn đối với phát triển? Để trả lời những câu hỏi ấy, nhà nghiên cứu phải có năng lực khoa học, nhưng đồng thời phải hiểu sâu thực tiễn đất nước, nắm được yêu cầu của công tác lãnh đạo và có khả năng nhìn nhận vấn đề trong tầm chiến lược. Việc Hội đồng tập hợp được đội ngũ như vậy tạo nên một nền tảng quan trọng cho sự phát triển lý luận.

Nguồn lực thứ hai là hệ thống các chương trình khoa học trọng điểm về lý luận chính trị mà Hội đồng được giao chủ trì, tổ chức hoặc quản lý. Đây là một trong những cơ chế quan trọng để huy động trí tuệ xã hội vào công tác lý luận. Hội đồng không tự mình nghiên cứu tất cả mọi vấn đề, mà giữ vai trò tổ chức, định hướng, kết nối và chất lọc kết quả nghiên cứu từ nhiều cơ quan, viện nghiên cứu, trường đại học, cơ quan Trung ương, địa phương và đội ngũ chuyên gia. Kinh nghiệm triển khai Chương trình Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị minh chứng rõ. Bộ Khoa học và Công nghệ đã giao Hội đồng Lý luận

Trung ương làm “Bộ chủ trì”, trực tiếp tổ chức, quản lý toàn bộ chương trình. Trong quá trình xây dựng chương trình, Hội đồng đã phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, các Đại học Quốc gia, các viện nghiên cứu thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao cùng hàng trăm nhà khoa học và nhà quản lý để xác định những nội dung nghiên cứu cấp thiết.

Nguồn lực thứ ba là kinh nghiệm tổng kết thực tiễn và đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác những quan điểm sai trái, thù địch. Đây là lĩnh vực có ý nghĩa đặc biệt đối với sự phát triển lý luận. Một nền lý luận chỉ thực sự có sức sống khi vừa có năng lực giải thích hiện thực, vừa có khả năng đối thoại, phản biện và bảo vệ những giá trị khoa học của mình trước những cách giải thích xuyên tạc. Trong nhiều nhiệm kỳ, Hội đồng đã tham gia nghiên cứu, phê phán những quan điểm sai trái, thù địch, góp phần cung cấp luận cứ khoa học phục vụ công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Trang thông tin của Hội đồng hiện dành một

lĩnh vực nghiên cứu riêng cho đấu tranh, phê phán quan điểm sai trái, thù địch; đồng thời các chương trình hợp tác gần đây giữa Hội đồng với các cơ quan báo chí, nghiên cứu cũng nhấn mạnh yêu cầu xây dựng luận cứ khoa học, cơ sở dữ liệu và sản phẩm truyền thông phục vụ công tác đấu tranh lý luận. Điều quan trọng ở đây là đấu tranh lý luận không nên hiểu đơn giản là phản bác từng luận điệu riêng lẻ. Về bản chất, đó còn là quá trình làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn đang diễn ra trên cả đất nước. Khi một quan điểm đặt ra câu hỏi về bản chất của chủ nghĩa xã hội, về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về vai trò lãnh đạo của Đảng, về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, về quyền làm chủ của Nhân dân hay về con đường phát triển của Việt Nam, cách phản bác có sức thuyết phục nhất không phải là khẩu hiệu, mà là bằng chứng từ thực tiễn, bằng lập luận khoa học và bằng khả năng giải thích những thành tựu cũng như những hạn chế của chính quá trình phát triển.

Nguồn lực thứ tư là quan hệ hợp tác, trao đổi lý luận quốc tế. Hội



đồng có điều kiện tiếp xúc, trao đổi với các cơ quan nghiên cứu, các đảng cộng sản, đảng cầm quyền và các học giả ở nhiều quốc gia. Những hoạt động trao đổi lý luận như vậy giúp mở rộng tầm nhìn, nhận diện những vấn đề chung của thời đại, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và đồng thời giới thiệu những kinh nghiệm, thành tựu và đặc điểm của con đường đổi mới Việt Nam. Việc trao đổi lý luận với các đối tác quốc tế đặc biệt quan trọng trong bối cảnh thế giới biến động nhanh. Chủ nghĩa xã hội, kinh tế thị trường, nhà nước phát triển, quản trị quốc gia, phát triển bền vững, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, bất bình đẳng xã hội, biến đổi khí hậu, an ninh phi truyền thống... đều không còn là những vấn đề thuần túy nội bộ của một quốc gia. Hội đồng vì thế có điều kiện đặt những vấn đề của Việt Nam trong sự vận động chung của thế giới. Những hoạt động hợp tác gần đây tiếp tục nhấn mạnh trao đổi chuyên gia, thông tin đối ngoại và hợp tác quốc tế về lý luận.

Nguồn lực thứ năm có ý nghĩa đặc biệt nổi bật là kinh nghiệm tổng kết

công cuộc đổi mới. Có thể nói, tổng kết đổi mới là một trong những phương thức quan trọng nhất để Đảng phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Hội đồng đã nhiều lần được giao vai trò thường trực hoặc tham gia nòng cốt trong các chương trình tổng kết lớn. Trong tổng kết 30 năm đổi mới, Hội đồng được giao làm thường trực và các kết quả nghiên cứu của chương trình khoa học lý luận chính trị được sử dụng để phục vụ trực tiếp tổng kết 30 năm đổi mới cũng như xây dựng các văn kiện Đại hội XII. Đến tổng kết 40 năm đổi mới, vai trò này càng nổi bật. Hội đồng Lý luận Trung ương được xác định là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam. Trong nhiệm kỳ 2021-2026, Hội đồng đã tham gia xây dựng dự thảo Báo cáo tổng kết 40 năm đổi mới và tổ chức nhiều hoạt động khảo sát, hội thảo, nghiên cứu thực tiễn ở các địa phương cũng như nghiên cứu, khảo sát quốc tế.

Tổng kết 30 năm, 40 năm đổi mới cho thấy một đặc điểm rất quan trọng của phương pháp phát triển lý luận ở Việt Nam: lý luận không tách khỏi thực tiễn. Những nhận thức về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng được hình thành từ chính quá trình đất nước phát triển. Từ thực tiễn đổi mới, Đảng từng bước nhận thức ngày càng rõ hơn những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam xây dựng, những phương thức tổ chức và vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, những mối quan hệ lớn cần giải quyết trong quá trình phát triển và những yêu cầu đối với xây dựng Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị.

Nguồn lực thứ sáu là vai trò của Hội đồng trong các tổ biên tập văn kiện Đại hội Đảng. Đây là vị trí đặc biệt quan trọng, bởi văn kiện Đại hội là sự kết tinh tập trung nhất những nhận thức lý luận và thực tiễn của Đảng về đường lối phát triển đất nước trong từng giai đoạn. Thành viên Hội đồng qua các nhiệm kỳ đã tham gia vào quá trình xây dựng nhiều văn kiện Đại hội. Trong quá trình chuẩn bị Báo cáo Chính trị của các Đại hội X, XI,

XII, XIII, XIV, Hội đồng và các thành viên giữ vai trò nòng cốt trong các tổ biên tập; đồng thời tham gia nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn mới, quan trọng để cung cấp căn cứ cho việc xây dựng các văn kiện.

Như vậy, nguồn lực của Hội đồng không chỉ nằm ở con người, mà còn nằm trong một hệ sinh thái nghiên cứu tương đối hoàn chỉnh: đội ngũ chuyên gia; mạng lưới viện, trường; các chương trình khoa học; cơ chế khảo sát thực tiễn; hoạt động tổng kết đổi mới; trao đổi quốc tế; đấu tranh lý luận; và đặc biệt là khả năng kết nối kết quả nghiên cứu với quá trình hoạch định đường lối của Đảng. Chính sự kết hợp ấy tạo nên điều kiện để Hội đồng thực hiện chức năng tư vấn chiến lược.

2. Những đóng góp nổi bật của Hội đồng Lý luận Trung ương trong phát triển lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Đóng góp lớn nhất của Hội đồng Lý luận Trung ương trước hết thể hiện ở việc góp phần làm sáng rõ hơn nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đây là nhiệm vụ xuyên



suốt từ khi Hội đồng được thành lập. Nếu Quyết định số 06-QĐ/TW năm 1996 xác định ngay mục tiêu của Hội đồng là góp phần xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam, thì qua gần ba thập niên, nhiệm vụ đó đã được triển khai trong những điều kiện lịch sử ngày càng phong phú. Thực tiễn cho thấy, một trong những thành quả quan trọng của đổi mới tư duy lý luận là nhận thức ngày càng đầy đủ hơn về mô hình xã hội mà Việt Nam hướng tới. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và các văn kiện Đại hội Đảng qua các thời kỳ đã từng bước bổ sung, phát triển những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Trong quá trình đó, hoạt động nghiên cứu của Hội đồng đã góp phần cung cấp luận cứ để tiếp tục làm rõ những vấn đề cốt lõi: phát triển lực lượng sản xuất hiện đại; xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp; phát triển kinh tế đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; phát triển văn hóa, con người; bảo đảm quốc

phòng, an ninh; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

Đóng góp nổi bật thứ hai là góp phần phát triển lý luận về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là một trong những vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn lớn nhất của công cuộc đổi mới. Khi Việt Nam chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, rất nhiều câu hỏi lý luận được đặt ra. Kinh tế thị trường có phù hợp với chủ nghĩa xã hội hay không? Định hướng xã hội chủ nghĩa được thể hiện ở đâu? Nhà nước cần can thiệp đến mức nào? Quan hệ giữa thị trường và Nhà nước phải được xử lý ra sao? Các thành phần kinh tế có vị trí như thế nào? Làm thế nào để vừa giải phóng sức sản xuất, vừa bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa? Những câu hỏi đó không thể giải quyết bằng cách sao chép mô hình của bất kỳ quốc gia nào. Thực tiễn Việt Nam đã từng bước hình thành nhận thức rằng thị trường là phương thức phân bổ nguồn lực có hiệu quả trong điều kiện nhất định, còn định hướng xã hội chủ nghĩa được thể hiện ở mục tiêu phát

triển, vai trò quản lý của Nhà nước, sự lãnh đạo của Đảng, việc phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, kết hợp tăng trưởng với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm an sinh và phát triển con người. Hoạt động nghiên cứu lý luận của Hội đồng qua nhiều nhiệm kỳ đã góp phần quan trọng vào việc làm rõ những vấn đề đó.

Đóng góp thứ ba là góp phần tổng kết và phát triển lý luận về các mối quan hệ lớn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Một trong những bước phát triển quan trọng của tư duy lý luận thời kỳ đổi mới là nhận thức ngày càng rõ ràng quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội không thể chỉ được nhìn qua những mục tiêu riêng lẻ, mà phải được xem xét trong hệ thống các mối quan hệ có tính biện chứng. Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc

tế... đều là những vấn đề đòi hỏi tư duy hệ thống. Trong quá trình nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và tư vấn chính sách, Hội đồng góp phần làm rõ những mối quan hệ đó, qua đó giúp tránh cả hai khuynh hướng: một mặt là tuyệt đối hóa một yếu tố riêng biệt, mặt khác là nhìn nhận các vấn đề một cách tách rời. Đây là đóng góp có giá trị phương pháp luận lâu dài, bởi xây dựng chủ nghĩa xã hội là một quá trình tổng thể, trong đó kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và xây dựng Đảng tác động qua lại chặt chẽ.

Đóng góp thứ tư là góp phần phát triển lý luận về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không chỉ là một mô hình kinh tế hay một mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, mà là một dự án phát triển toàn diện, trong đó xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh có ý nghĩa quyết định. Vì vậy, nghiên cứu về chủ nghĩa xã hội phải gắn với nghiên cứu về phương thức lãnh đạo của Đảng, năng lực cầm quyền, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ và quyền làm chủ của Nhân dân, xây dựng hệ



thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Qua tổng kết 40 năm đổi mới, nhiều vấn đề về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được Hội đồng nghiên cứu dưới góc độ lý luận và thực tiễn. Hội đồng đã phối hợp tổ chức những hội thảo chuyên sâu về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong 40 năm đổi mới, qua đó góp phần nhận diện những thành tựu, hạn chế, bài học và những yêu cầu mới.

Đóng góp thứ năm là góp phần phát triển nhận thức lý luận về dân chủ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Đây là một trong những vấn đề có ý nghĩa nền tảng đối với việc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Nếu mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là hướng tới một xã hội trong đó con người được phát triển toàn diện, Nhân dân là chủ thể của quyền lực, thì việc xây dựng cơ chế để Nhân dân thực hiện quyền làm chủ phải trở thành một nội dung quan trọng của lý luận và thực tiễn.

Đóng góp thứ sáu là phát triển lý luận về văn hóa và con người. Đổi

mới tư duy về chủ nghĩa xã hội ngày càng khẳng định rằng phát triển không thể đồng nhất với tăng trưởng kinh tế. Một xã hội phát triển bền vững phải có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phải coi con người vừa là chủ thể, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển. Những nghiên cứu về văn hóa, con người, giáo dục, đạo đức xã hội, nguồn nhân lực, phát triển con người Việt Nam trong giai đoạn mới vì thế có vị trí ngày càng quan trọng trong hoạt động của Hội đồng. Năm 2026, Hội đồng phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức hội thảo khoa học quốc gia về phát triển con người Việt Nam trong giai đoạn mới, cho thấy hướng nghiên cứu này tiếp tục được đặt trong những yêu cầu mới của phát triển đất nước.

Đóng góp thứ bảy là góp phần phát triển lý luận về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Trong một thế giới ngày càng phụ thuộc lẫn nhau, không quốc gia nào có thể phát triển bằng cách khép kín. Nhưng hội

nhập không đồng nghĩa với phụ thuộc; mở cửa không đồng nghĩa với từ bỏ độc lập, tự chủ. Nghiên cứu lý luận trong lĩnh vực này góp phần làm rõ cách thức Việt Nam vừa chủ động hội nhập, vừa bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc, vừa tận dụng nguồn lực bên ngoài, vừa phát huy nội lực.

Đóng góp thứ tám là góp phần hình thành phương pháp tổng kết thực tiễn như một phương thức phát triển lý luận. Đây có thể xem là đóng góp có ý nghĩa phương pháp luận sâu sắc. Hội đồng ngày càng coi trọng việc đi cơ sở, khảo sát địa phương, tiếp xúc với cán bộ, doanh nghiệp, người dân, nghiên cứu những mô hình mới, những vấn đề phát sinh từ thực tiễn. Chẳng hạn, trong quá trình chuẩn bị tổng kết 40 năm đổi mới, các đoàn công tác của Hội đồng đã khảo sát nhiều địa phương để nắm bắt kết quả thực hiện đường lối và nhận diện những vấn đề mới. Thực tiễn ấy khẳng định một nguyên tắc: lý luận muốn phát triển phải “đi vào cuộc sống”. Những khái niệm, mô hình và chính sách chỉ có thể được đánh giá đầy đủ khi được đặt trong điều kiện cụ thể của từng vùng, từng ngành,

từng nhóm xã hội. Từ thực tiễn phong phú đó, nhà nghiên cứu mới có thể phân biệt đâu là hiện tượng nhất thời, đâu là xu hướng, đâu là quy luật; đâu là kinh nghiệm có thể nhân rộng, đâu là kinh nghiệm chỉ phù hợp với một điều kiện nhất định.

Đóng góp thứ chín là góp phần chuẩn bị luận cứ cho những bước phát triển mới của tư duy lý luận trong kỷ nguyên mới. Trong nhiệm kỳ 2021-2026, Hội đồng không chỉ tổng kết 40 năm đổi mới mà còn chuẩn bị những nhiệm vụ nghiên cứu dài hạn như tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và xây dựng chương trình nghiên cứu lý luận chính trị giai đoạn 2026-2030. Đây chính là sự chuyển tiếp từ tổng kết quá khứ sang chuẩn bị lý luận cho tương lai. Đại hội XIV của Đảng đã đặt ra yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Dự thảo Báo cáo Chính trị được chuẩn bị trên cơ sở bám sát Cương lĩnh, các nghị quyết của Trung ương khóa XIII và kết quả tổng kết 40 năm đổi mới;



đồng thời tiếp tục góp phần hoàn thiện hệ thống lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Như vậy, đóng góp của Hội đồng không chỉ nằm ở những kết luận cụ thể, mà còn nằm ở việc tạo dựng một phương thức nghiên cứu: xuất phát từ thực tiễn, đi sâu vào thực tiễn, đối thoại với thực tiễn, khái quát thành lý luận và lại dùng lý luận để soi sáng thực tiễn. Đây chính là con đường để lý luận của Đảng vừa kiên định nền tảng tư tưởng, vừa không ngừng đổi mới và phát triển.

3. Phát huy vai trò của Hội đồng Lý luận Trung ương trong tiếp tục phát triển lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới

Bước vào giai đoạn phát triển mới, yêu cầu đối với công tác lý luận ngày càng cao. Việt Nam đang đứng trước những cơ hội phát triển chưa từng có nhưng đồng thời cũng phải đối mặt với những thách thức mới. Khoa học - công nghệ phát triển với tốc độ rất nhanh; trí tuệ nhân tạo đang làm thay đổi phương thức sản xuất, quản trị và đời sống xã hội; kinh tế số và kinh tế xanh đang hình thành những không

gian phát triển mới; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng phức tạp; các vấn đề an ninh phi truyền thống gia tăng; biến đổi khí hậu, già hóa dân số, bất bình đẳng, dịch chuyển chuỗi cung ứng và những biến động địa chính trị đặt ra nhiều câu hỏi mới đối với mô hình phát triển.

Trong bối cảnh ấy, công tác lý luận không thể chỉ giải thích những gì đã diễn ra mà phải có khả năng dự báo, nhận diện xu hướng và chuẩn bị luận cứ cho những lựa chọn chiến lược. Hội đồng Lý luận Trung ương cần tiếp tục phát huy vai trò là cơ quan tư vấn lý luận chiến lược của Trung ương, đồng thời nâng cao hơn nữa năng lực nghiên cứu những vấn đề mới, khó và có tính nền tảng.

Trước hết, cần tiếp tục kiên định nguyên tắc xuất phát từ thực tiễn, lấy thực tiễn Việt Nam làm điểm tựa để phát triển lý luận. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không thể là sự sao chép mô hình của nước khác. Kinh nghiệm quốc tế rất cần thiết nhưng phải được chọn lọc, phân tích và vận dụng phù hợp với điều kiện Việt Nam. Vì vậy, Hội đồng cần

tiếp tục tăng cường khảo sát thực tiễn, nhất là những nơi đang xuất hiện mô hình phát triển mới, những địa phương có cách làm sáng tạo, những lĩnh vực chịu tác động mạnh của công nghệ và những nơi đang phát sinh những vấn đề xã hội mới.

Thứ hai, cần tiếp tục làm sâu sắc lý luận về mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam trong điều kiện phát triển mới. Đây là nhiệm vụ trung tâm, lâu dài. Cần nghiên cứu sâu hơn những vấn đề như bản chất và đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; quan hệ giữa phát triển kinh tế và định hướng xã hội chủ nghĩa; mô hình tăng trưởng mới; phát triển lực lượng sản xuất hiện đại; kinh tế số, kinh tế xanh; sở hữu và quản trị nguồn lực; phân phối và phân phối lại; bảo đảm công bằng xã hội; phát triển con người; dân chủ và pháp quyền; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

Đặc biệt, cần nghiên cứu sâu hơn tác động của trí tuệ nhân tạo, tự động hóa, robot và công nghệ số đối với quan hệ sản xuất, thị trường lao động và phân phối xã hội. Nếu công nghệ làm thay đổi sâu sắc cách thức tạo ra

của cải, thì những vấn đề lý luận về sở hữu, lao động, phân phối, an sinh xã hội và vai trò điều tiết của Nhà nước cũng cần được xem xét dưới những góc độ mới. Đây là những vấn đề mà lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không thể đứng ngoài.

Thứ ba, cần nâng cao chất lượng nghiên cứu về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế nhanh và bền vững đòi hỏi một Nhà nước kiến tạo phát triển, pháp quyền, hiệu lực, hiệu quả; đồng thời phải bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và nâng cao trách nhiệm giải trình. Đây là những vấn đề vừa mang tính lý luận, vừa có ý nghĩa thực tiễn trực tiếp.

Thứ tư, cần tiếp tục đổi mới phương pháp nghiên cứu lý luận. Không thể phát triển lý luận bằng phương thức nghiên cứu khép kín. Cần kết hợp triết học, kinh tế học, chính trị học, xã hội học, luật học, lịch sử, văn hóa học, khoa học công nghệ và các ngành khoa học mới. Cần tăng cường dữ liệu lớn, phương



pháp định lượng, mô hình dự báo, nghiên cứu so sánh quốc tế và các phương pháp liên ngành. Trong kỷ nguyên số, nghiên cứu lý luận cũng phải chuyển đổi số.

Thứ năm, cần xây dựng đội ngũ cán bộ lý luận kế cận. Đây là vấn đề có tính chiến lược. Những thành tựu của Hội đồng qua nhiều nhiệm kỳ gắn liền với sự đóng góp của các thế hệ nhà lý luận xuất sắc. Nhưng lý luận phải luôn có thế hệ kế tiếp. Vì vậy, cần phát hiện, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lý luận trẻ có bản lĩnh chính trị, tư duy độc lập, năng lực nghiên cứu hiện đại, khả năng sử dụng dữ liệu và ngoại ngữ, đồng thời có trải nghiệm thực tiễn phong phú.

Thứ sáu, cần nâng cao hiệu quả phối hợp giữa Hội đồng với các cơ quan nghiên cứu lý luận, các cơ quan hoạch định chính sách, các trường đại học, viện nghiên cứu, địa phương và cơ quan báo chí. Thực tiễn cho thấy hoạt động lý luận đạt hiệu quả cao nhất khi tạo được mạng lưới nghiên cứu rộng, trong đó Hội đồng đóng vai trò trung tâm kết nối và chất lọc. Các chương trình hợp tác gần đây giữa

Hội đồng với Tạp chí Cộng sản và Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam cho thấy hướng phối hợp này đang tiếp tục được tăng cường.

Thứ bảy, cần nâng cao hơn nữa chất lượng đấu tranh lý luận. Trong điều kiện không gian mạng, các quan điểm sai trái, thù địch có thể lan truyền nhanh, được trình bày dưới nhiều hình thức và đôi khi lồng ghép những thông tin có thật với cách diễn giải sai lệch. Vì vậy, đấu tranh lý luận phải dựa trên sự thật, dữ liệu, lập luận khoa học và khả năng thuyết phục. Muốn phản bác hiệu quả, trước hết phải giải đáp được những vấn đề mà xã hội quan tâm. Một nền lý luận mạnh không chỉ nói rằng mình đúng, mà phải chứng minh được vì sao đúng, đúng ở đâu, điều kiện nào, giới hạn nào và cần tiếp tục phát triển ra sao.

Thứ tám, cần mở rộng hơn nữa hợp tác quốc tế về lý luận. Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực lý luận không có nghĩa là tiếp nhận thụ động các quan điểm bên ngoài, mà là chủ động đối thoại, nghiên cứu, so sánh và giới thiệu những thành tựu lý luận cũng như thực tiễn phát triển của Việt

Nam. Các trao đổi với các đảng cộng sản, đảng cầm quyền, các viện nghiên cứu và học giả quốc tế cần được tiếp tục đổi mới theo hướng đi sâu vào những vấn đề cùng quan tâm và những vấn đề có ý nghĩa đối với tương lai phát triển.

Thứ chín, cần nâng cao khả năng dự báo chiến lược của công tác lý luận. Trong thời đại biến động nhanh, khoảng cách giữa một xu hướng mới xuất hiện và việc nó trở thành nhân tố tác động mạnh đến quốc gia có thể rất ngắn. Vì vậy, Hội đồng cần chú trọng nghiên cứu những vấn đề “đi trước” như trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, biến đổi cấu trúc dân số, đô thị hóa, kinh tế xanh, cạnh tranh công nghệ, địa chính trị mới, các mô hình quản trị mới, tương lai của lao động và những biến đổi trong cấu trúc xã hội.

Cuối cùng, phải tiếp tục bảo đảm mối quan hệ chặt chẽ giữa nghiên cứu lý luận và hoạch định đường lối. Giá trị cao nhất của nghiên cứu lý luận chính trị là góp phần làm cho đường lối của Đảng ngày càng khoa học, sát thực tiễn và có khả năng dẫn dắt phát triển. Vì vậy, các công trình

nghiên cứu phải được chất lọc thành những luận cứ rõ ràng, những kiến nghị có tính khả thi, những dự báo có căn cứ và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu. Hội đồng cần tiếp tục phát huy vai trò “cầu nối” giữa thế giới nghiên cứu và quá trình hoạch định đường lối.

Nhìn lại chặng đường từ khi thành lập năm 1996 đến nay, có thể khẳng định Hội đồng Lý luận Trung ương đã trở thành một bộ phận quan trọng trong hệ thống nghiên cứu lý luận của Đảng, góp phần vào quá trình đổi mới tư duy lý luận và phát triển nhận thức về chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Từ nhiệm vụ ban đầu là tư vấn cho Bộ Chính trị về công tác lý luận và giúp chỉ đạo các chương trình nghiên cứu khoa học xã hội nhằm xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Hội đồng từng bước được kiện toàn, mở rộng chức năng, trở thành cơ quan tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề lý luận chính trị và tổ chức nhiều chương trình nghiên cứu có quy mô lớn.



Những đóng góp ấy được tạo nên bởi nhiều yếu tố: trước hết là sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các đồng chí Tổng Bí thư qua các thời kỳ; là trí tuệ, bản lĩnh và tâm huyết của các thế hệ lãnh đạo, thành viên Hội đồng; là mạng lưới rộng lớn các nhà khoa học, chuyên gia, cán bộ thực tiễn; là những chương trình nghiên cứu lý luận chính trị có quy mô quốc gia; là kinh nghiệm tổng kết 20 năm, 30 năm và 40 năm đổi mới; là hoạt động đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; là quan hệ trao đổi, hợp tác quốc tế; và đặc biệt là khả năng gắn nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn và xây dựng các văn kiện quan trọng của Đảng.

Điều có ý nghĩa sâu sắc nhất là qua thực tiễn hoạt động, Hội đồng đã góp phần khẳng định một chân lý phương pháp luận: lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không phải là một hệ thống đóng kín, bất biến, mà phải không ngừng được bổ sung, phát triển trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời được kiểm nghiệm bằng thực tiễn cách mạng Việt Nam và tiếp thu

có chọn lọc những thành tựu của văn minh nhân loại. Chính thực tiễn đổi mới là nguồn sinh động để phát triển lý luận; còn lý luận đúng đắn lại trở thành công cụ định hướng cho thực tiễn phát triển.

Tổng kết 40 năm đổi mới càng cho thấy rõ giá trị của phương thức đó. Từ một đất nước nghèo, bị chiến tranh tàn phá, Việt Nam đã đạt được những thành tựu phát triển có ý nghĩa lịch sử. Những thành tựu ấy không chỉ có ý nghĩa kinh tế - xã hội mà còn là nguồn thực tiễn quan trọng để Đảng tiếp tục nhận thức rõ hơn về mô hình và con đường phát triển của đất nước. Hội đồng Lý luận Trung ương, với vai trò là cơ quan nghiên cứu, tư vấn và tổng kết lý luận - thực tiễn, có trách nhiệm đặc biệt trong việc biến những kinh nghiệm sống động đó thành những nhận thức có tính khái quát, phục vụ việc hoàn thiện đường lối.

Bước vào kỷ nguyên mới, yêu cầu ấy càng trở nên cấp thiết. Những biến đổi sâu sắc của thế giới và sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ đang làm xuất hiện những vấn đề mà lý luận về chủ

nghĩa xã hội cần tiếp tục giải đáp. Việt Nam muốn vươn lên trở thành một quốc gia phát triển, có thu nhập cao, đồng thời giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, thì không thể chỉ dựa vào nguồn lực vật chất mà phải có năng lực tư duy chiến lược và năng lực phát triển lý luận tương xứng.

Vì vậy, nhiệm vụ đặt ra đối với Hội đồng Lý luận Trung ương trong giai đoạn mới không chỉ là tiếp tục tổng kết những gì đã qua, mà quan trọng hơn là phải góp phần trả lời những câu hỏi của tương lai: chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam sẽ được hiện thực hóa như thế nào trong điều kiện lực lượng sản xuất mới; làm thế nào để phát triển kinh tế thị trường hiện đại nhưng vẫn bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; làm thế nào để khoa học - công nghệ và trí tuệ nhân tạo trở thành động lực phát triển con người chứ không làm gia tăng bất bình đẳng; làm thế nào để dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng thực chất; làm thế nào để Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vận hành hiệu lực, hiệu quả; làm thế nào để văn hóa và con người trở thành

sức mạnh nội sinh; làm thế nào để kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong một thế giới cạnh tranh và biến động.

Đó là những câu hỏi lớn của kỷ nguyên mới, đồng thời cũng là những nhiệm vụ lớn của công tác lý luận.

Với nền tảng đã được tạo dựng qua 30 năm hoạt động, với truyền thống quy tụ những nhà lý luận, nhà khoa học và cán bộ thực tiễn có uy tín, với kinh nghiệm tổ chức các chương trình nghiên cứu trọng điểm, tổng kết đổi mới, xây dựng văn kiện Đại hội và đấu tranh lý luận, Hội đồng Lý luận Trung ương có đầy đủ điều kiện để tiếp tục phát huy vai trò là trung tâm nghiên cứu và tư vấn lý luận chiến lược của Đảng. Điều quan trọng là phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng nghiên cứu, tăng cường tổng kết thực tiễn, mở rộng đối thoại khoa học, phát huy trí tuệ của đội ngũ chuyên gia trong và ngoài hệ thống, đẩy mạnh hợp tác quốc tế và ứng dụng những phương pháp nghiên cứu hiện đại.

Phát triển lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam vì thế



không phải là công việc của riêng một cơ quan hay một nhóm nhà khoa học. Đó là nhiệm vụ của toàn Đảng, của cả hệ thống chính trị và của đội ngũ trí thức, nhà khoa học, cán bộ thực tiễn. Trong quá trình ấy, Hội đồng Lý luận Trung ương giữ một vị trí đặc biệt: là nơi tập hợp, kết nối, tổ chức và chắt lọc trí tuệ; là nơi tổng kết thực tiễn để phát triển lý luận; là cầu nối giữa nghiên cứu khoa học với hoạch định đường lối; đồng thời là một trong những lực lượng quan trọng bảo vệ và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng.

Có thể khẳng định rằng, chặng đường phía trước đòi hỏi công tác lý luận phải đi trước một bước nhưng không được đi xa thực tiễn; phải kiên định nhưng không giáo điều; phải đổi mới nhưng không xa rời nền tảng; phải tiếp thu tinh hoa của nhân loại nhưng không sao chép mô hình bên ngoài; phải có bản lĩnh đấu tranh nhưng đồng thời phải có năng lực thuyết phục bằng khoa học và thực tiễn. Đó cũng chính là phương hướng để Hội đồng Lý luận Trung ương tiếp tục đóng góp vào sự nghiệp phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và

con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trong kỷ nguyên mới, khi đất nước đứng trước yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và vươn lên mạnh mẽ, một nền lý luận có sức sống, có năng lực giải thích, dự báo và dẫn dắt càng trở nên cần thiết. Phát triển lý luận chính là chuẩn bị nền tảng trí tuệ cho phát triển đất nước. Tổng kết thực tiễn chính là làm giàu cho lý luận. Và đưa lý luận trở lại soi sáng thực tiễn chính là cách để bảo đảm đường lối của Đảng luôn xuất phát từ cuộc sống, đáp ứng yêu cầu của cuộc sống và phục vụ lợi ích của Nhân dân.

Với tinh thần đó, Hội đồng Lý luận Trung ương tiếp tục đứng trước một sứ mệnh lớn: góp phần làm sáng rõ hơn con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, góp phần hoàn thiện hệ thống lý luận của Đảng trong điều kiện mới, cung cấp những luận cứ khoa học cho những quyết sách chiến lược, qua đó đóng góp thiết thực vào mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội ■

CÁC CUỘC TRAO ĐỔI LÝ LUẬN QUỐC TẾ VÀ ĐÓNG GÓP CỦA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI ĐẢNG

TS. NGUYỄN MINH VŨ

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
Thư trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao,
Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương

Mở đầu

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần chỉ rõ mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn: “*Thực hành sinh ra hiểu biết, hiểu biết tiến lên lý luận, lý luận lãnh đạo thực hành*”¹. Trong bối cảnh thế giới biến đổi sâu sắc và đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới, yêu cầu gắn kết giữa lý luận và thực tiễn càng trở nên trực tiếp và cấp thiết: phải kịp thời nhận diện những vấn đề mới, tiếp tục bổ sung, phát triển lý luận, nâng cao chất lượng nghiên cứu, dự báo và tham mưu cho Đảng, Nhà nước.

Ba mươi năm xây dựng và phát triển, Hội đồng Lý luận Trung ương đã có những đóng góp hết sức quan trọng vào công tác nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận và tư vấn những vấn đề lớn, chiến lược cho Đảng. Vai trò của Hội đồng ngày càng gắn chặt với những yêu cầu mới của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Trong quá trình đó, trao đổi lý luận quốc tế ngày càng trở thành một nội dung có ý nghĩa trong hoạt động của Hội đồng, góp phần mở rộng thực tiễn so sánh, bổ sung nguồn tri thức và kinh



nghiệm cho nghiên cứu lý luận, đồng thời làm sâu sắc hiểu biết, tin cậy và đối thoại giữa Đảng ta với các chính đảng. Qua trao đổi, chúng ta có điều kiện hiểu sâu hơn những chuyển động của thế giới, và soi chiếu rõ hơn con đường và những lựa chọn phát triển của Việt Nam.

Với ý nghĩa đó, trao đổi lý luận quốc tế là *dòng chảy tri thức hai chiều*. Đó là chất lọc kinh nghiệm, tri thức của thế giới phục vụ tổng kết thực tiễn, nghiên cứu và dự báo; và đưa những thành quả lý luận và thực tiễn của Việt Nam vào đối thoại, đóng góp tiếng nói và cách nhìn đối với những vấn đề của

thời đại. Từ thực tiễn 30 năm hoạt động của Hội đồng, việc nhìn lại sự phát triển, giá trị và đóng góp của công tác trao đổi lý luận quốc tế là cơ sở để phát huy tốt hơn vai trò của hoạt động này, phục vụ yêu cầu của đất nước trong giai đoạn mới.

1. Công tác trao đổi lý luận quốc tế

Trong 30 năm xây dựng và phát triển của Hội đồng Lý luận Trung ương, hoạt động trao đổi lý luận quốc tế được duy trì và mở rộng qua nhiều nhiệm kỳ. Giai đoạn 2021-2026, Hội đồng đã tổ chức gần 30 cuộc hội thảo, đối thoại lý luận chính thức với 7 đối

Trao đổi lý luận quốc tế ngày càng trở thành một nội dung có ý nghĩa trong hoạt động của Hội đồng, góp phần mở rộng thực tiễn so sánh, bổ sung nguồn tri thức và kinh nghiệm cho nghiên cứu lý luận, đồng thời làm sâu sắc hiểu biết, tin cậy và đối thoại giữa Đảng ta với các chính đảng.

tác theo cơ chế định kỳ, cùng nhiều cuộc trao đổi đoàn, tọa đàm và làm việc với các chính đảng, cơ quan nghiên cứu, cơ sở đào tạo tại nhiều nước. Từ thực tiễn đó, có thể khái quát các nét phát triển lớn, giá trị và đóng góp của hoạt động trao đổi lý luận như sau:

1.1. Những bước phát triển của công tác trao đổi lý luận quốc tế

Trước hết, mở rộng phạm vi đối tác. Các cơ chế với những đảng có quan hệ truyền thống như Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Đảng Cộng sản Cuba tiếp tục được duy trì và làm sâu sắc; đồng thời, hoạt động trao đổi được mở rộng tới Đảng Cộng sản Nhật Bản, Đảng Cộng sản

Pháp, Đảng Cánh tả Đức, Đảng Dân chủ Xã hội Đức; các đảng cầm quyền, tham chính tại Indonesia, Malaysia như UMNO, Golkar, PDI-P. Những năm gần đây, Hội đồng tăng cường tiếp xúc, làm việc với các trường đảng, cơ sở đào tạo cán bộ, viện nghiên cứu, trường đại học và giới học giả tại Singapore, Hàn Quốc, Australia, New Zealand và một số địa bàn khác. Với cơ cấu đối tác ngày càng đa dạng, công tác trao đổi lý luận có thêm nhiều kênh tiếp cận với đời sống tư tưởng, chính trị và chính sách ở các nước cũng như linh hoạt hơn trong phương thức hợp tác theo đặc điểm từng địa bàn.

Hai là, làm sâu sắc hơn nội dung trao đổi, từ chia sẻ kinh nghiệm đến cùng trao đổi, nghiên cứu những vấn đề mới của xây dựng Đảng, phát triển đất nước và những chuyển động của thời đại. Chuỗi hội thảo với Đảng Cộng sản Trung Quốc phản ánh rõ những chuyển động này, từ tổng kết kinh nghiệm lịch sử (2021), đến quản lý xã hội trong thời đại thông tin hóa (2023), bảo vệ môi trường sinh thái và hoàn thiện thể chế phát triển (2024), con đường và thực tiễn của

chủ nghĩa xã hội thế kỷ XXI (2025), và dự kiến là đô thị hóa, quản trị thành phố (2026). Các cuộc trao đổi với Lào, Cuba, Nhật Bản cũng đi sâu vào kinh tế độc lập, tự chủ, năng lực hoạch định và tổ chức thực hiện quyết sách, tác động của kỷ nguyên số đối với lao động, xã hội và con người. Với Đảng Dân chủ Xã hội Đức, nội dung mở dần từ tăng trưởng xanh (2022) đến trật tự kinh tế toàn cầu (2025) và chuyển đổi trong một thế giới đa cực (2026). Sự mở rộng nội dung phản ánh yêu cầu lý luận phải giải đáp những vấn đề mới do thực tiễn đặt ra; theo đó, *điểm mới của trao đổi lý luận không chỉ nằm ở việc hiểu nhau nhiều hơn, mà còn ở khả năng cùng tạo ra những nhận thức mới trước những vấn đề chung của thời đại.*

Ba là, đổi mới phương thức, từ hội thảo, đối thoại là hình thức chủ yếu đến sự kết hợp ngày càng chặt chẽ giữa trao đổi, nghiên cứu, đào tạo và hợp tác chuyên môn. Bên cạnh các cơ chế định kỳ, Hội đồng đã triển khai trao đổi đoàn nghiên cứu, khảo sát thực tế, tọa đàm chuyên đề, hợp tác đào tạo, biên dịch và xuất bản. Với



Lào, hợp tác đã bao gồm nghiên cứu khoa học chung, tư vấn chính sách, đào tạo cán bộ, trao đổi chuyên gia, tài liệu và xuất bản các công trình lý luận. Với Cuba, trao đổi lý luận được gắn với hội thảo khoa học quốc tế và các hoạt động trong tổng thể quan hệ đặc biệt giữa hai Đảng, hai nước. Nội dung lý luận cũng được đưa vào một số chuyến thăm, tiếp xúc cấp cao, qua đó tạo thêm động lực chính trị và mở đường cho những cơ chế hợp tác mới. Đáng chú ý, tại Hội thảo Lý luận lần thứ XX giữa hai Đảng Việt Nam - Trung Quốc, cách làm mới đáng chú ý là chuyên gia, học giả hai bên trao đổi và nghiên cứu từ trước, sau đó đưa kết quả ra thảo luận tại hội thảo chính thức; qua đó, nâng cao chiều sâu học thuật, tăng tính đối thoại và giá trị sử dụng của kết quả hội thảo.

1.2. Giá trị tham chiếu lý luận - thực tiễn theo các nhóm đối tác

Sự mở rộng và đa dạng hóa đối tác giúp mang lại những nguồn tham chiếu khác nhau về lý luận và thực tiễn. Mỗi đối tác có thể mạnh riêng, gắn với nền tảng tư tưởng, điều kiện lịch sử, thể chế, mô hình phát triển và thực tiễn quản trị của từng nước;

qua đó, bổ sung những góc nhìn riêng cho công tác nghiên cứu và trao đổi lý luận.

Trước hết, các đảng cộng sản cầm quyền như Trung Quốc, Lào, Cuba. Những điểm tương đồng về mục tiêu phát triển và vai trò lãnh đạo của Đảng tạo điều kiện để các bên cùng nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra ở mỗi nước. Các trao đổi lý luận tập trung vào những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng Đảng và kinh nghiệm lãnh đạo phát triển đất nước. Với Trung Quốc, 20 kỳ hội thảo lý luận đã hình thành quá trình trao đổi thường xuyên, có sự kế thừa về nội dung, từ kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng đảng cầm quyền, quản lý xã hội đến hoàn thiện thể chế phát triển, hiện đại hóa và chủ nghĩa xã hội thế kỷ XXI². Với Lào, quan hệ đặc biệt giữa hai Đảng, hai nước và những vấn đề lý luận, thực tiễn cùng quan tâm tạo thuận lợi cho việc trao đổi kinh nghiệm về xây dựng Đảng, tổ chức bộ máy hệ thống chính trị và lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội³. Với Cuba, nội dung trao đổi gắn

với công cuộc đổi mới ở Việt Nam và quá trình cập nhật hóa mô hình kinh tế - xã hội ở Cuba, qua đó chia sẻ kinh nghiệm kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa và giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong điều kiện mỗi nước⁴.

Thứ hai, các đảng cầm quyền, tham chính tại Đông Nam Á đem lại kinh nghiệm gần gũi hơn về quản trị phát triển, xây dựng đồng thuận và tổ chức thực hiện trong điều kiện xã hội đa dạng. Các cuộc trao đổi với PDI-P, Golkar tại Indonesia đề cập các nội dung quản trị đất nước, phát triển kinh tế, xây dựng Đảng và đối ngoại; trao đổi với Viện Nghiên cứu Lemhannas về các vấn đề dân tộc, tôn giáo và đào tạo nguồn nhân lực. Tại Malaysia, trao đổi với Tổ chức Dân tộc Mã Lai Thống nhất (UMNO) và các cơ quan nghiên cứu tập trung vào vai trò của đảng cầm quyền trong hoạch định và triển khai chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Trong khu vực có độ mở cao, đa dạng về dân tộc, tôn giáo và mô hình chính trị, những kinh nghiệm này có giá trị tham khảo thiết thực đối với việc giữ vững ổn định, củng cố đồng thuận xã hội, nâng cao năng lực thực thi và gắn

kết phát triển quốc gia với hội nhập khu vực.

Thứ ba, các đảng cộng sản, cánh tả và dân chủ xã hội tại các nước phát triển đem lại những cách tiếp cận đáng chú ý về sự vận động của xã hội hiện đại, với nhiều vấn đề đang được quan tâm như lao động, công bằng xã hội, nhà nước phúc lợi, chuyển đổi xanh, tác động xã hội của công nghệ... Đảng Cộng sản Nhật Bản có kinh nghiệm hoạt động lâu dài trong một xã hội tư bản phát triển; những trao đổi gần đây đi sâu vào hòa bình, quyền con người, trí tuệ nhân tạo, lao động và quyền làm chủ của con người trước công nghệ⁵. Với Đảng Dân chủ Xã hội Đức, chuỗi đối thoại từ tăng trưởng xanh, chuyển đổi năng lượng đến trật tự kinh tế toàn cầu và thế giới đa cực phản ánh khá rõ sự thay đổi trong tư duy chính trị và phát triển của châu Âu⁶. Đảng Cộng sản Pháp và Đảng Cánh tả Đức bổ sung thêm các góc nhìn về an ninh con người, công tác thanh niên, vận động chính trị và tổ chức đảng trong điều kiện đa đảng. Các đối tác này cung cấp những góc nhìn đa chiều từ các bối cảnh chính trị, kinh tế và xã hội khác nhau, qua đó làm rõ hơn những điểm



tương đồng, khác biệt để tham khảo, vận dụng phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Thứ tư, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo cán bộ và chính sách công, với thế mạnh riêng về phương pháp nghiên cứu, phân tích chính sách và quản trị công, giúp có thêm góc nhìn thực tiễn đa dạng hơn cho quá trình hoạch định chính sách và tổ chức thực hiện. Các cuộc làm việc với Trường Chính sách công Lý Quang Diệu, ANZSOG, Đại học Quốc gia Australia, Viện Phát triển nhân tài công chức quốc gia Hàn Quốc mở rộng nội dung trao đổi và tiếp cận những phương pháp và kinh nghiệm về quản trị công, xây dựng nền công vụ, phân tích, dự báo, hoạch định chính sách, đào tạo cán bộ cấp chiến lược, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh.

Thứ năm, các cơ chế, diễn đàn đa phương chính đảng mở thêm không gian trao đổi về nhiều vấn đề quan tâm chung. Không gian này đang được mở rộng hơn trong thời gian gần đây. Đảng ta mới thiết lập Cơ chế Đối thoại chiến lược với Đảng Hành động Nhân dân Singapore; theo sáng kiến của Việt Nam, Tọa đàm các chính đảng Đông

Nam Á lần đầu tổ chức tháng 6/2026 quy tụ các chính đảng, học giả và chuyên gia trong khu vực để trao đổi về vai trò của các chính đảng trong xây dựng Cộng đồng ASEAN, có tiềm năng trở thành cơ chế trao đổi thường xuyên giữa các chính đảng về hòa bình, ổn định, phát triển và trách nhiệm đối với tương lai của khu vực. Trong khuôn khổ Hội nghị Quốc tế các chính đảng Châu Á (ICAPP), các chính đảng châu Á trao đổi về những vấn đề xuyên quốc gia như quản trị trí tuệ nhân tạo, tạo dựng đồng thuận xã hội và phát triển đất nước; Việt Nam đã đề xuất đăng cai Hội nghị Toàn thể ICAPP lần thứ 14 vào năm 2028. Gần đây nhất, tháng 9/2026, Đảng ta tham dự Hội nghị Đối thoại liên lục địa giữa các chính đảng lần thứ nhất tại Seoul, với sự tham gia của 21 chính đảng, tổ chức và mạng lưới chính đảng từ châu Á, châu Phi, châu Âu và Mỹ Latinh, mở rộng phạm vi trao đổi và mở ra khả năng kết nối mạng lưới chính đảng ở nhiều châu lục.

1.3. Giá trị và đóng góp của công tác trao đổi lý luận quốc tế

Trên cơ sở các phân tích trên, có thể khái quát những giá trị và đóng góp

của công tác trao đổi lý luận quốc tế trên các phương diện sau:

Thứ nhất, bổ sung luận cứ cho tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận của Đảng. Trao đổi lý luận tạo điều kiện tiếp cận kết quả nghiên cứu, kinh nghiệm lãnh đạo và thực tiễn phát triển của các nước, từ đó xem xét những vấn đề của Việt Nam trong tương quan rộng hơn. Việc cùng nghiên cứu những vấn đề đặt ra trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng Đảng và phát triển đất nước giúp nhận thức rõ hơn cái phổ biến và cái đặc thù, mối quan hệ giữa nguyên lý chung với điều kiện vận dụng ở mỗi quốc gia. Các sản

phẩm nghiên cứu của Hội đồng được hình thành trên cơ sở chất lọc kết quả trao đổi là nguồn bổ sung quan trọng về luận cứ khoa học cho việc vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới, trong đó có lý luận về đối ngoại.

Thứ hai, bồi đắp tin cậy chính trị, củng cố nền tảng quan hệ giữa các đảng, các nước. Trao đổi về nền tảng tư tưởng, đường lối phát triển và kinh nghiệm lãnh đạo, cầm quyền giúp các bên hiểu rõ hơn về nhau, kể cả những điểm tương đồng và khác biệt. Do đó, tin cậy chính trị vừa là điều kiện để đối thoại cởi mở, vừa là kết quả được tích lũy qua quá trình trao đổi. Việc Hội đồng duy trì các cơ chế hợp tác thường xuyên góp phần cụ thể hóa nhận thức chung của lãnh đạo cấp cao, tăng cường sự gắn bó giữa các đảng và tạo cơ sở thuận lợi để xử lý thỏa đáng khác biệt, phát triển quan hệ ổn định,

lâu dài. Đây là một lợi thế riêng của đối ngoại Đảng và cũng là đóng góp có ý nghĩa lâu dài của các hoạt động trao đổi lý luận.

Thứ ba, làm rõ đường lối và thành quả lý luận của Đảng, tăng cường sự hiểu biết và ủng hộ quốc tế đối với Việt Nam. Thông qua trao đổi lý luận,



Hội đồng góp phần giới thiệu một cách có hệ thống những thành quả lý luận và kinh nghiệm đổi mới, giúp đối tác hiểu đúng và đầy đủ về các lựa chọn chiến lược của Việt Nam. Những kinh nghiệm của Việt Nam cũng là cơ sở tham khảo để các bên nghiên cứu những vấn đề cùng quan tâm. Qua đó, trao đổi lý luận vừa góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng, đường lối của Đảng, vừa thể hiện đóng góp chủ động của Đảng ta trong các vấn đề hòa bình, hợp tác và phát triển.

Thứ tư, nâng cao chất lượng nghiên cứu, dự báo và tư vấn chiến lược. Trao đổi lý luận giúp tìm hiểu sâu hơn những vấn đề đối tác đang quan tâm, cơ sở và quá trình thảo luận, định hình chính sách. Những thay đổi về nội dung trao đổi qua từng thời kỳ cũng cung cấp thêm thông tin để nhận biết sự điều chỉnh trong tư duy và ưu tiên của đối tác. Qua đó, chúng ta có thêm căn cứ đánh giá tình hình, nhận diện những vấn đề mới và dự báo xu hướng chính sách, góp phần gắn kết chặt chẽ hơn giữa nghiên cứu lý luận với dự báo và tư vấn chiến lược.

Tựu trung, những chuyển biến trên cho thấy công tác trao đổi lý luận quốc tế đã tạo được nền tảng vững chắc và còn nhiều dư địa để phát huy. Những kết quả đạt được góp phần mở rộng tầm nhìn nghiên cứu, bổ sung luận cứ cho tổng kết, phát triển lý luận, tư vấn chiến lược và làm sâu sắc quan hệ giữa Đảng ta với các chính đảng. Đây là cơ sở để tiếp tục phát huy giá trị của công tác trao đổi lý luận trước những yêu cầu mới của Đảng và đất nước trong giai đoạn tới.

2. Những yêu cầu đặt ra cho công tác trao đổi lý luận quốc tế trong giai đoạn mới

Đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới trong bối cảnh thế giới biến đổi sâu sắc, với những chuyển dịch lớn về khoa học - công nghệ, trí tuệ nhân tạo, mô hình phát triển, quản trị và tương quan sức mạnh. Những thay đổi đó tác động trực tiếp đến môi trường, nguồn lực và không gian phát triển của Việt Nam, đặt ra yêu cầu vừa củng cố nội lực, tự chủ chiến lược, vừa tranh thủ hiệu quả các nguồn lực và thành tựu của thời đại để thực hiện các mục tiêu đến năm 2030, 2045.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm chỉ rõ: “*Trong những thời khắc chuyển đổi có tính bước ngoặt, lý luận càng phải đi trước một bước*”; “muốn lãnh đạo, cầm quyền đúng, ngang tầm sứ mệnh, Đảng phải có lý luận đúng; muốn đi xa phải có tầm nhìn xa; muốn xử lý vấn đề mới phải có tư duy mới”. Do đó, công tác lý luận cần phải tiếp tục củng cố, vận dụng và phát triển sáng tạo nền tảng tư tưởng của Đảng, tổng kết sâu thực tiễn đổi mới, giải đáp những vấn đề mới và nâng cao năng lực dự báo, tham mưu chiến lược.

Trong khi đó, nhiều vấn đề mới về lý luận và chính sách mới chưa được giải đáp thấu đáo đang đặt ra thách thức lớn không chỉ cho Việt Nam mà còn đối với cộng đồng lý luận và học thuật quốc tế, nhất là trong bối cảnh quốc tế mới đang chứng kiến sự dịch chuyển lớn về cấu trúc và trật tự thế giới mới đặc trưng là tính bất định, bất an và đột biến cho những chuyển động phức tạp về địa chính trị, địa kinh tế và tương quan so sánh lực lượng giữa các nước lớn và cách mạng công nghệ 4.0.

Đại hội XIV xác định đầy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế, cùng tăng

cường quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, mở rộng không gian, nguồn lực phát triển, nâng cao vị thế đất nước. Trong đó, Kết luận 49-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 16/6/2026 nhấn mạnh tiếp tục phát huy vai trò của đối ngoại Đảng trong định hướng chiến lược, làm sâu sắc quan hệ chính trị, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế.

Đặt trong mối liên hệ giữa nắm bắt xu thế thời đại, phát triển lý luận, và triển khai đối ngoại, giá trị của trao đổi lý luận quốc tế càng cần được nhìn nhận toàn diện, đầy đủ và phát huy mạnh mẽ hơn.

Trước hết, Đại hội XIV tiếp tục khẳng định yêu cầu kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và lý luận về đường lối đổi mới. *Kiên định* trước hết là giữ vững những nguyên lý, mục tiêu và giá trị nền tảng đã chứng minh qua thực tiễn cách mạng; *vận dụng* là giải quyết đúng những vấn đề cụ thể của Việt Nam trên cơ sở nắm chắc thực tiễn, tránh giáo điều, máy móc; *phát triển sáng tạo* là từ những vấn đề mới của



đất nước và thời đại tiếp tục tổng kết, khái quát, bổ sung những nhận thức, luận điểm và nội dung lý luận mới. Trong bối cảnh khoa học - công nghệ, trí tuệ nhân tạo, mô hình phát triển, quản trị và đời sống xã hội biến đổi nhanh, công tác lý luận càng cần kịp thời nhận diện những vấn đề mới, giải thích được những mâu thuẫn mới và cung cấp cơ sở khoa học cho các quyết sách chiến lược. Trao đổi lý luận quốc tế góp phần vào quá trình đó bằng cách mở rộng thực tiễn so sánh, gợi mở những vấn đề mới cần được lý giải về mặt lý luận, tiếp cận góc nhìn mới, giúp làm rõ hơn cái phổ biến, cái đặc thù và điều kiện vận dụng ở Việt Nam. Qua đó, làm giàu thêm cơ sở nghiên cứu và phát triển lý luận của Đảng, trên nền tảng thực tiễn và con đường phát triển của Việt Nam.

Thứ hai, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về đường lối đổi mới và chuẩn bị tầm nhìn cho chặng đường phát triển mới. Tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh và tiếp tục hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới là những nhiệm vụ

lý luận có ý nghĩa đặc biệt trong nhiệm kỳ này. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước yêu cầu tổng kết phải vượt lên trên việc kể lại lịch sử, để “*đúc kết được những vấn đề, những kết luận và những bài học lớn, những quy luật xuyên suốt*”; xác lập tầm nhìn, định hướng chiến lược cho 100 năm tiếp theo trên cơ sở có căn cứ và sức thuyết phục. Trao đổi lý luận quốc tế có thể góp phần soi rõ hơn bối cảnh và điều kiện hình thành những lựa chọn chiến lược của Đảng, nâng tầm khái quát các bài học, quy luật của cách mạng Việt Nam trong 100 năm qua, mở rộng cơ sở dự báo cho tầm nhìn đến 2130.

Trong tổng thể đó, lý luận về đối ngoại là một nội dung cần tiếp tục được tổng kết và phát triển trên cơ sở cả chiều dài lịch sử đối ngoại của dân tộc, thực tiễn cách mạng Việt Nam và những yêu cầu mới của đất nước. Cần tiếp tục nhận thức sâu sắc những giá trị đã được hun đúc qua lịch sử như độc lập, tự chủ, hòa hiếu, nhân nghĩa; làm rõ những bài học lớn về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, kiên định về nguyên tắc và linh hoạt về sách lược, xử lý quan hệ giữa

lợi ích quốc gia - dân tộc và trách nhiệm quốc tế, giữa mục tiêu chiến lược và yêu cầu thích ứng trước những biến động của tình hình. Trên nền tảng đó, tiếp tục nghiên cứu những vấn đề mới như tự chủ chiến lược trong điều kiện phụ thuộc lẫn nhau sâu sắc và vai trò của đối ngoại trong tạo lập môi trường, điều kiện, nguồn lực cho phát triển. Trao đổi lý luận quốc tế có thể góp phần soi sáng thêm giá trị bền vững của những bài học lịch sử trong bối cảnh mới, cung cấp thêm thực tiễn và cách tiếp cận để tiếp tục phát triển lý luận đối ngoại Việt Nam.

Thứ ba, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đối ngoại Đảng trong tình hình mới. Kết luận số 49-KL/TW đặt trọng tâm vào nâng cao chất lượng, hiệu quả quan hệ chính đảng và phát huy tốt hơn các cơ chế hợp tác trên kênh Đảng. Trong bối cảnh đời sống chính trị quốc tế biến động nhanh, điều này đòi hỏi nắm bắt sự vận động của các lực lượng chính trị, tư duy và chiều hướng chính sách của đối tác; chủ động gây dựng từ sớm quan hệ với các lực lượng có ảnh hưởng, có triển vọng để bảo đảm duy

trì quan hệ ổn định qua các chu kỳ chính trị. Tại Hội nghị Ngoại giao lần thứ 33, đồng chí Thường trực Ban Bí thư Trần Cẩm Tú xác định hội thảo lý luận là một trong những cơ chế quan trọng cần tiếp tục đổi mới và phát huy trên kênh Đảng, yêu cầu “*chuyển mạnh từ tư duy chủ yếu mở rộng quan hệ sang nâng cao chất lượng, hiệu quả và giá trị gia tăng của quan hệ*”. Theo đó, trao đổi lý luận cần bám sát hơn các vấn đề cùng quan tâm trong quan hệ giữa Đảng ta với các chính đảng, cũng như các ưu tiên phát triển mới như khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, quản trị và đào tạo nhân lực, phục vụ thiết thực hơn cho những nhiệm vụ chiến lược của đất nước. Đối với các cơ chế đa phương chính đảng, cần phát huy tốt hơn không gian này để phát hiện những vấn đề lý luận và thực tiễn đảng nổi lên, mở rộng đối thoại với nhiều cách tiếp cận và kinh nghiệm khác nhau, chủ động chia sẻ quan điểm, kinh nghiệm của Việt Nam, qua đó vừa làm giàu thêm nhận thức, vừa nâng cao vai trò và tiếng nói của Đảng ta trong trao đổi chính đảng khu vực và quốc tế.

3. Một số kiến nghị, đề xuất

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được và những yêu cầu của giai đoạn mới, từ thực tiễn công tác đối ngoại, xin nêu một số đề xuất để Hội thảo tham khảo, với mong muốn góp thêm góc nhìn cho việc tiếp tục phát huy giá trị của công tác trao đổi lý luận quốc tế:

Thứ nhất, về trọng tâm trao đổi, có thể dành sự quan tâm nhiều hơn cho những vấn đề lớn đang đặt ra đối với lý luận và thực tiễn phát triển đất nước, theo ba nhóm nội dung chủ yếu. Nhóm vấn đề thứ nhất gồm những chuyển động về kinh tế, chính trị, an ninh, khoa học, công nghệ và xã hội ở phạm vi quốc gia, khu vực và toàn cầu có thể tác động đến quá trình nhận thức và xử lý 10 mối quan hệ lớn trong quá trình phát triển mà Đảng ta đã xác định¹. Nhóm vấn đề thứ hai gồm những vấn đề mới nổi, như tác động của trí tuệ nhân tạo đối với lao động, quản trị và con người; yêu cầu tự chủ trong điều kiện phụ thuộc lẫn nhau; xử lý quan hệ giữa tăng trưởng nhanh với phát triển bền vững, giữa đổi mới sáng tạo với công bằng xã hội; những thay đổi trong mô hình

quản trị và phương thức tổ chức thực hiện. Nhóm vấn đề thứ ba gồm những kinh nghiệm về lãnh đạo của Đảng và quản trị đất nước, gắn với yêu cầu giữ vững vai trò lãnh đạo, sự tồn vong và tính chính danh của đảng cầm quyền. Từ thực tiễn đối ngoại, Bộ Ngoại giao có thể phối hợp chia sẻ những đánh giá về các xu hướng lớn, những thay đổi trong tư duy phát triển và chính sách của các nước, qua đó góp thêm cơ sở thực tiễn cho việc lựa chọn nội dung trao đổi.

Thứ hai, về đối tác, khai thác sâu hơn kinh nghiệm, cách tiếp cận đặc thù của từng nhóm, đồng thời mở rộng những đối tác mới có khả năng đóng góp thiết thực cho nghiên cứu. Trên cơ sở đặc điểm, kinh nghiệm và thế mạnh của từng đối tác, có thể lựa chọn những vấn đề phù hợp để trao đổi. Đơn cử, với Trung Quốc, có thể trao đổi sâu về quản trị đô thị lớn, dữ liệu, xây dựng cường quốc du lịch; với Cuba, kinh nghiệm duy trì sức chống chịu và năng lực điều hành phát triển trong điều kiện sức ép bên ngoài kéo dài; với Đảng Cộng sản Nhật Bản, tác động của trí tuệ nhân tạo đối với việc làm, phân phối lợi ích công nghệ và

bất bình đẳng; với Đảng Dân chủ Xã hội Đức, bài toán giữ sức cạnh tranh công nghiệp trong chuyển đổi xanh, an ninh năng lượng... Đây đều là những vấn đề Việt Nam đang quan tâm và các đối tác hiện có nhiều kinh nghiệm có thể tham khảo. Cùng với việc phát huy các quan hệ đã có, có thể quan tâm thêm những chính đảng, cơ quan nghiên cứu, trường đào tạo và chuyên gia đang có ảnh hưởng trong những lĩnh vực mới. Bộ Ngoại giao có thể phối hợp cung cấp thông tin về sự vận động của các đối tác, giới thiệu và kết nối những cơ quan và chuyên gia phù hợp, góp phần mở rộng phạm vi và chiều sâu của trao đổi.

Thứ ba, về nội dung trao đổi, có thể phát huy tốt hơn sự gắn kết hai chiều giữa nghiên cứu lý luận và thực tiễn đối ngoại. Trên cơ sở nội dung nghiên cứu do Hội đồng xác định, Bộ Ngoại giao có thể phối hợp cung cấp thông tin về bối cảnh chính trị, những điều chỉnh trong đường lối và ưu tiên chính sách của các chính đảng, chính phủ đối tác; qua đó, giúp nội dung trao đổi bám sát hơn những chuyển động của thế giới và đặc điểm của từng quan hệ. Ở chiều ngược lại, kết

quả trao đổi, sau khi được chất lọc, có thể bổ sung thêm thực tiễn so sánh và kinh nghiệm quốc tế cho quá trình nghiên cứu, tổng kết lý luận về đối ngoại, nhất là các vấn đề về độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; tự chủ chiến lược; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; quan hệ giữa lợi ích quốc gia - dân tộc và trách nhiệm quốc tế; vai trò của đối ngoại trong tạo lập môi trường, điều kiện và nguồn lực phát triển; sự phối hợp giữa ba trụ cột đối ngoại.

Thứ tư, kết hợp các cơ chế trao đổi song phương và các kênh đa phương chính đảng. Các cơ chế song phương có điều kiện trao đổi sâu về đường lối, tư duy phát triển, ưu tiên chính sách và những vấn đề nền tảng trong quan hệ giữa hai Đảng, trong khi các diễn đàn đa phương chính đảng là không gian thuận lợi để phát hiện những vấn đề lý luận và thực tiễn được nhiều bên quan tâm, cùng trao đổi một vấn đề từ nhiều góc nhìn và kinh nghiệm khác nhau. Tọa đàm các chính đảng Đông Nam Á, ICAPP và các diễn đàn khu vực, liên khu vực đang mở thêm điều kiện cho hướng này. Những nội dung có giá trị từ trao đổi song phương có thể làm



phong phú thảo luận đa phương; những vấn đề nổi lên tại đa phương lại có thể được lựa chọn để tiếp tục nghiên cứu sâu hơn trong các cơ chế song phương hoặc chuyên đề. Qua đó, trao đổi lý luận vừa góp phần làm sâu sắc quan hệ với từng đối tác, vừa mở rộng không gian để Đảng ta đóng góp quan điểm, kinh nghiệm và sáng kiến.

Kết luận

Nhìn lại 30 năm xây dựng và phát triển của Hội đồng Lý luận Trung ương, đặc biệt là giai đoạn 2021 - 2026, có thể thấy trao đổi lý luận quốc tế đã từng bước trở thành một kênh hoạt động quan trọng, gắn kết chặt chẽ với công tác nghiên cứu, tư vấn và đối ngoại Đảng. Bước vào giai đoạn phát triển mới, yêu cầu đặt ra ngày càng cao, không ngừng nâng cao chất lượng nghiên cứu, khả năng phát hiện vấn đề và giá trị sử dụng của kết

quả trao đổi. Mỗi hoạt động cần góp phần làm sáng rõ những câu hỏi chiến lược của Việt Nam, củng cố nền tảng tư tưởng và lý luận của Đảng, phát huy nền tảng chính trị thuận lợi cho hợp tác phát triển.

Trở lại với lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lý luận chỉ thực sự trở thành kim chỉ nam khi được kiểm nghiệm và vận dụng trong thực tiễn sinh động. Từ góc nhìn và trách nhiệm của mình, Đảng ủy Bộ Ngoại giao sẽ phát huy vai trò cơ quan tham mưu chiến lược về đối ngoại, phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Lý luận Trung ương, huy động mạng lưới các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, góp phần để công tác lý luận của Đảng thực sự đi cùng và đi trước, góp phần soi đường cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc ■

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, năm 2011, tập 7, trang 120.

² Tại Hội thảo lần thứ XX năm 2025 với chủ đề “Con đường và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội thế kỷ XXI”, đồng chí Nguyễn Xuân Thắng giới thiệu mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam trên ba trụ cột: kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội

chủ nghĩa và dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhấn mạnh vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong mô hình tăng trưởng mới.

³ Tại Hội thảo Lý luận lần thứ XII năm 2025 với chủ đề “Sắp xếp, tổ chức bộ máy hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển mới: Kinh nghiệm của Việt Nam và Lào”, hai bên cùng trao đổi về tư duy tổ chức, mô hình thực hiện, năng lực đội ngũ, khung pháp lý và thể chế bảo đảm cho quá trình sắp xếp bộ máy. Đây cũng là hoạt động triển khai Thỏa thuận hợp tác nghiên cứu lý luận và thực tiễn giữa hai Đảng.

⁴ Hội thảo lý luận lần thứ VI năm 2025 tập trung trao đổi vai trò của Đảng trong hoạch định và tổ chức thực hiện các quyết sách chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quản lý đối với khu vực kinh tế nhà nước và khu vực kinh tế ngoài nhà nước, công tác tư tưởng đối với thế hệ trẻ.

⁵ Tại lần thứ XII năm 2026, với chủ đề “Sức sống của chủ nghĩa cộng sản trong kỷ nguyên số”, hai bên thảo luận trực tiếp về tác động của trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số đối với lực lượng sản xuất, phương thức lao động, bất bình đẳng, công bằng xã hội và quyền làm chủ của con người đối với công nghệ. Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng đặt vấn đề căn bản là làm chủ công nghệ và sử dụng tiến bộ khoa học vì sự phát triển tự do, toàn diện của con người. Cùng chuyển công tác, trao đổi với GRIPS còn mở sang những vấn đề về xã hội già hóa, AI, công nghệ lượng tử và quản trị toàn cầu.

⁶ Tại Đối thoại lần thứ X năm 2025, đồng chí Nguyễn Xuân Thắng nhấn mạnh giá trị của trao đổi trong việc nhận diện bản chất những thay đổi của môi trường chính trị, an ninh và văn minh nhân loại. Hai bên cũng trao đổi về chiến tranh thương mại, an ninh phi truyền thống, phát triển bền vững và công bằng xã hội.

⁷ (1) ổn định, đổi mới và phát triển; (2) đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; (3) tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; (4) phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; (5) Nhà nước, thị trường và xã hội; (6) tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; (7) xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; (8) độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; (9) Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ; (10) thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.



NĂM (1996-2026)

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

ĐÓNG GÓP CỦA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG TRONG TỔNG KẾT THỰC TIỄN, NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ VIỆC HOÀN THIỆN NHẬN THỨC LÝ LUẬN VỀ MÔ HÌNH CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VIỆT NAM

TS. BÙI TRƯỜNG GIANG

Nguyên Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương

Hội đồng Lý luận Trung ương (Hội đồng) với vai trò là cơ quan hàng đầu về lý luận, bằng những hoạt động phong phú, qua 30 năm hoạt động, đã có những đóng góp to lớn, quan trọng vào phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và mô hình chủ nghĩa xã hội, góp phần phát triển nhận thức lý luận và nâng tầm tư duy lý luận của Đảng ta.

1. Những đóng góp của Hội đồng Lý luận Trung ương thông qua hoạt động tổng kết thực tiễn, góp

phần phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội, mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Qua 30 năm xây dựng và phát triển, Hội đồng Lý luận Trung ương đã đảm nhiệm vị trí, vai trò là một cơ quan tư vấn chiến lược, một đầu mối quan trọng của Đảng trong tổ chức những cuộc tổng kết lý luận - thực tiễn lớn. Từ Tổng kết 20 năm đổi mới, Tổng kết 30 năm đổi mới đến Tổng kết 40 năm đổi mới, Hội đồng

đều được giao làm Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo. Sự liên tục này cho phép Hội đồng kế thừa phương pháp, kinh nghiệm và kết quả của cuộc tổng kết trước cho cuộc tổng kết sau, qua đó từng bước nâng cao tầm khái quát và chiều sâu lý luận.

Trên cơ sở phê phán khoa học, đã góp phần khắc phục được những quan điểm giản đơn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà chúng ta mắc phải ở thời kỳ trước đổi mới.

Thông qua các cuộc tổng kết lớn, Hội đồng có đóng góp trực tiếp vào sự phát triển nhận thức lý luận của Đảng. Từ việc góp phần bước đầu hình thành hệ thống quan điểm lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội qua tổng kết 20 năm đổi mới; làm sâu sắc hơn những nhận thức đó qua 30 năm đổi mới; đến tổng kết 40 năm đổi mới, nhận thức lý luận của Đảng tiếp tục được hệ thống hóa và phát triển. Cụ thể:

Một là, Hội đồng đã cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn để Đảng ta hoàn thiện lý luận về mô hình CNXH Việt Nam và con đường đi lên chủ

nghĩa xã hội ở Việt Nam. Mô hình CNXH mà Nhân dân Việt Nam xây dựng là một xã hội được định hình bằng tám đặc trưng cơ bản thể hiện mục tiêu tổng quát, bản chất và tính ưu việt của chế độ: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Con đường đi lên CNXH ở Việt Nam là đi lên CNXH bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, trải qua nhiều giai đoạn với 8 phương hướng cơ bản, 10 mối quan hệ lớn.

Hai là, Hội đồng đã cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn để Đảng ta hoàn thiện lý luận trên các lĩnh vực:

+ Lý luận về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm thực hiện mục tiêu “*dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”.

+ Lý luận về Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân do



Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm tính tối cao của pháp luật và tôn trọng, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Lý luận về nền dân chủ XHCN; đại đoàn kết toàn dân tộc. Lý luận về nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và đại đoàn kết toàn dân tộc là hai trụ cột chính trị - xã hội quan trọng của hệ thống lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, có mối quan hệ hữu cơ, gắn bó chặt chẽ.

+ Lý luận về phát triển văn hóa, con người là nền tảng, giáo dục là quốc sách hàng đầu, phát triển khoa học, công nghệ là động lực chính để phát triển nhanh và bền vững đất nước.

+ Lý luận về quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên. Quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ hàng đầu và làm điều kiện tiên quyết để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ,

bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ XHCN. Công tác quốc phòng, an ninh phải được tiến hành liên tục, không ngừng nghỉ trong mọi hoàn cảnh, kể cả trong thời bình, để chủ động phòng ngừa, đối phó kịp thời, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Đường lối đối ngoại và hội nhập quốc tế của Việt Nam là độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, với mục tiêu cao nhất là phục vụ lợi ích quốc gia - dân tộc. Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện trên cơ sở phát huy nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng.

+ Lý luận về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị: Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị là nhiệm vụ nền tảng, bao trùm; có vai trò quyết định đến sự thành công của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, tự hoàn thiện là quy luật phát triển của Đảng.

Ba là, đóng góp nổi bật có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong tổng kết thực tiễn của Hội đồng là thông qua tổng kết 40 năm đổi mới, Hội đồng đã kiến nghị bổ sung *lý luận về*

đường lối đổi mới vào nền tảng tư tưởng của Đảng và đã được Đại hội XIV thông qua. Hội đồng qua tổng kết 40 năm đổi mới đã làm rõ lý luận về đường lối đổi mới là sự vận dụng, bổ sung, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ đổi mới; là sự bổ sung, phát triển sáng tạo lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, phù hợp với các quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn đất nước và xu thế thời đại; kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa, giá trị văn hóa và các thành tựu phát triển của nhân loại.

Cùng với tổng kết 40 năm đổi mới, Hội đồng chủ động xây dựng Báo cáo số 116-BC/HĐLLTW ngày 28/02/2024 đề xuất những vấn đề lý luận - thực tiễn phục vụ xây dựng Văn kiện Đại hội XIV. Báo cáo đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII, nhìn lại 40 năm đổi mới, 50 năm thống nhất đất nước; nghiên cứu định hướng phát triển giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045, các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá chiến lược, qua đó cung cấp cơ sở lý

luận và thực tiễn cho quá trình xây dựng văn kiện.

2. Những đóng góp của Hội đồng Lý luận Trung ương thông qua hoạt động nghiên cứu lý luận, chủ trì các chương trình nghiên cứu đặc biệt cấp quốc gia về khoa học lý luận chính trị (KX.04)

Qua các nhiệm kỳ, vai trò của Hội đồng trong nghiên cứu lý luận ngày càng được nâng cao, được thể hiện ở việc vai trò chủ động trong tổ chức, quản lý nghiên cứu cũng từng bước được nâng lên: từ giúp định hướng các chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước giai đoạn 1996-2000, đến chủ trì thực hiện các Chương trình KX.04/06-10, KX.04/11-15; được giao chủ quản Chương trình KX.04/16-20 và tiếp tục triển khai Chương trình nghiên cứu khoa học lý luận chính trị KX.04/21-25. Cùng với quản lý các chương trình, phương thức chất lọc kết quả nghiên cứu thành báo cáo tư vấn ngày càng được coi trọng, rút ngắn khoảng cách giữa sản phẩm khoa học với yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo. Trong nhiệm kỳ 2021-2026, kết quả Chương trình KX.04/21-25, các cuộc khảo sát, tọa



đàm và nghiên cứu chuyên đề được tập hợp, chắt lọc phục vụ trực tiếp xây dựng các báo cáo tư vấn và Văn kiện Đại hội XIV của Đảng.

Những kết quả nghiên cứu lý luận của Hội đồng 30 năm qua đã góp phần phát triển lý luận của Đảng về chủ nghĩa xã hội, mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Cụ thể:

Một là, làm rõ hơn cơ sở lý luận và thực tiễn cũng như đánh giá những kết quả đạt được và tồn tại trong thực hiện mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước theo con đường XHCN, từ đó đề xuất một số giải pháp giải quyết hiệu quả mối quan hệ này: (1) Tiếp tục rà soát, bổ sung, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, trong đó có pháp luật về dân chủ; bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, công bằng; lấy quyền và lợi ích hợp pháp của người dân là trung tâm; (2) nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong tổ chức thi hành pháp luật; (3) Phát hiện và xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm

chuẩn mực đạo đức và các lợi ích chính đáng của các cá nhân, tổ chức trong xã hội;...

Hai là, với tư duy tiếp cận mới, Hội đồng đã nghiên cứu bài bản hơn các lý thuyết chính trị hiện đại trên thế giới (chủ yếu các lý thuyết chính trị xuất hiện và ảnh hưởng lớn sau khi Liên Xô sụp đổ) và tác động của các lý thuyết đó đối với đời sống chính trị ở Việt Nam. Nhìn chung, các lý thuyết nêu trên bám rất sát nhu cầu của xã hội hiện đại trong các nước tư bản chủ nghĩa; nó cũng là những cơ sở, luận cứ để các nước này giải quyết, xử lý các sự kiện diễn ra trong đời sống xã hội và cung cấp kinh nghiệm, giá trị tham khảo cho Việt Nam. Từ đó, kiến nghị với Đảng, Nhà nước phương pháp tiếp cận, tiếp thu của Việt Nam phục vụ hoàn thiện lý luận về đường lối xây dựng, phát triển đất nước đến 2030 tầm nhìn 2045. Hội đồng cũng đã tập trung nghiên cứu làm rõ vai trò, tác động của CNTB hiện đại đến tiến trình phát triển của thế giới và các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Hội nhập quốc tế thời gian tới của Việt Nam thực chất là hội nhập vào thế giới trong đó CNTB với đại diện là

các nước tư bản phát triển, tiếp tục giữ vai trò chi phối, nhất là về kinh tế và KHCN, nếu không gia tăng lòng tin thì phía ta sẽ khó có quyết sách, phía đối tác sẽ khó làm ăn lâu dài, ổn định với ta.

Ba là, trong lĩnh vực kinh tế, các đề tài tiếp tục đi sâu nghiên cứu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; các thành phần kinh tế và khu vực kinh tế; công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; kinh tế số; phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và nông dân gắn với chuyển đổi số, đô thị hóa, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế vùng và tháo gỡ những điểm nghẽn trong cơ chế liên kết, điều phối vùng. Cùng với đó, Hội đồng tiếp tục nghiên cứu những vấn đề lý luận - thực tiễn về văn hóa, xã hội, con người; quốc phòng, an ninh, đối ngoại; đồng thời bước đầu quan tâm nhiều hơn đến những vấn đề mới nổi lên từ sự phát triển của khoa học và công nghệ, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, kinh tế

xanh, kinh tế tuần hoàn, các yếu tố an ninh phi truyền thống và những biến đổi của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Việc mở rộng phạm vi nghiên cứu sang những vấn đề mới này góp phần nâng cao khả năng dự báo và cung cấp luận cứ khoa học cho việc xác định những định hướng phát triển đất nước trong bối cảnh mới.

Bốn là, thông qua Đề tài KX.04/21-25 “Giải quyết mối quan hệ kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trong hoàn thiện mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam”, đã góp phần *định danh chính thức và định hình “Mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam”*. Sau 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa (1986-2026). *Mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam* là sự tìm tòi, phác thảo và định hình về mục tiêu, quan điểm, đặc trưng, cấu trúc, cơ chế vận hành và nội dung cốt lõi của CNXH riêng có của Việt Nam mà Đảng và Nhân dân ta đã xác định, đang xây dựng và dần hoàn thiện. Đồng thời, xác định *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ*



nghĩa Việt Nam, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam là ba trụ cột đặc trưng của Mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam, dần tạo nên kiến trúc thượng tầng chính trị, xã hội của chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong xây dựng, hoàn thiện 3 trụ cột nêu trên, cần đảm bảo hài hòa, cân bằng, bổ khuyết lẫn nhau để mỗi chủ thể, mỗi trụ cột phát huy được điểm mạnh và hạn chế được điểm yếu; trong đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, quản trị và kiến tạo phát triển của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là tiền đề, điều kiện tiên quyết; phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng tâm; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là động lực, vừa là mục tiêu hướng tới.

3. Những đóng góp nổi bật của Hội đồng Lý luận Trung ương trong việc cung cấp cơ sở lý luận, luận cứ khoa học để xác định tầm nhìn, định hướng chiến lược phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới

Các hoạt động của Hội đồng trong 30 năm qua, đặc biệt là hoạt động

tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận trong 5 năm qua với trọng tâm là tổng kết 40 năm công cuộc đổi mới đất nước đã góp phần làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn phục vụ hoạch định đường lối, chiến lược xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc đến năm 2030, tầm nhìn 2045, cụ thể:

Một là, Hội đồng đã góp phần xác định nội hàm “4 kiên định”; bổ sung phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới là căn cứ khoa học trực tiếp phục vụ việc hoạch định đường lối, chiến lược, xây dựng phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045, hiện thực hóa hai mục tiêu 100 năm; phục vụ xây dựng các Văn kiện Đại hội XIV của Đảng. Trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng, nhìn lại 40 năm đổi mới, tuy còn một số hạn chế, khuyết điểm, đất nước ta đã vững vàng vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện và cơ bản thực hiện thắng lợi một số mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm.

Trong giai đoạn mới đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cần quán triệt

những quan điểm, định hướng chiến lược nhằm phát triển nhanh và bền vững đất nước, trong đó tập trung vào: (1) Kết hợp hài hòa giữa tốc độ tăng trưởng chất lượng cao với bảo đảm cân bằng giữa kinh tế, xã hội và môi trường; trọng tâm là tăng trưởng kinh tế cao để nâng cao đời sống của Nhân dân, hướng tới xã hội phồn vinh, văn minh, hạnh phúc. Động lực chính cho phát triển được xác định là tri thức, nhân lực chất lượng cao, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (2) Gắn kết mục tiêu trước mắt với mục tiêu dài hạn, đồng thời, tăng trưởng tốc độ cao kết hợp với phát triển chất lượng cao, từ mô hình dựa vào nguồn lực truyền thống, khai thác tài nguyên và lao động giá rẻ sang mô hình phát triển dựa vào tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (3) chuyển từ tư duy quản lý hành chính sang tư duy kiến tạo phát triển; từ phát triển kinh tế đơn thuần sang phát triển toàn diện, bao trùm; con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển.

Hai là, Hội đồng đã cung cấp luận cứ khoa học, góp phần để Đại hội XIV của Đảng khẳng định tầm nhìn

chiến lược sâu sắc, toàn diện, vừa kế thừa truyền thống, vừa định hướng phù hợp với bối cảnh mới của thời đại. Hội đồng góp phần làm rõ một số định hướng chiến lược trong kỷ nguyên mới được Đại hội XIV của Đảng thông qua đề xuất, kiến giải về: đổi mới mô hình phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; xác lập mô hình tăng trưởng mới gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính; hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững đất nước; phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại ngang tầm khu vực và thế giới; nâng tầm công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế thành “trọng yếu, thường xuyên”; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh gắn với tự chủ chiến lược...;

Ba là, Hội đồng được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1930-2030), định hướng lãnh đạo phát triển đất nước trong 100



năm tiếp theo (2030-2130) và tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội theo sự phân công của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị khóa XIV. Những nhiệm vụ này nhằm góp phần nâng tầm tư duy lý luận của Đảng, phát triển lý luận về xây dựng Đảng, Đảng lãnh đạo, Đảng cầm quyền; về chủ nghĩa xã hội, mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam, cụ thể: (1) Đánh giá toàn diện, khách quan và khoa học quá trình 100 năm lãnh đạo cách mạng của Đảng, chỉ ra những thành tựu vĩ đại mà Đảng đã lãnh đạo Nhân dân giành được trên tất cả các lĩnh vực; đồng thời thẳng thắn nhìn nhận những hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân, góp phần làm sáng tỏ và sâu sắc lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, bổ sung di sản của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng trong 100 năm qua; (2) Nghiên cứu, tổng kết, đánh giá thành tựu, hạn chế giai đoạn đã qua, rút ra bài học và xác định rõ định hướng, giải pháp lớn, góp phần hoàn thiện lý luận về chủ nghĩa xã hội, mô hình chủ nghĩa

xã hội Việt Nam và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, bước đầu chuẩn bị cho việc nghiên cứu, xây dựng Cương lĩnh xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới, gắn với quá trình tổng kết thi hành và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng, quá trình nghiên cứu sửa đổi toàn diện Hiến pháp.

Như vậy, Hội đồng Lý luận Trung ương đã có nhiều đóng góp rất quan trọng, đặc biệt xuất sắc vào công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu và phát triển lý luận của Đảng, góp phần nâng tầm tư duy lý luận của Đảng, phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng, cung cấp luận cứ khoa học cho quá trình hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Qua những đóng góp của Hội đồng 30 năm qua, rút ra một số bài học kinh nghiệm:

Thứ nhất, không ngừng nâng cao chất lượng tổng kết thực tiễn, gắn kết chặt chẽ với đổi mới phương pháp nghiên cứu

Cùng với phương pháp nghiên cứu truyền thống, cần tăng khả năng khai thác dữ liệu lớn, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các phương pháp phân

tích, dự báo hiện đại, nhưng phải bảo đảm bản chất của nghiên cứu lý luận chính trị và yêu cầu kiểm chứng bằng thực tiễn.

Thứ hai, tăng cường sự gắn kết giữa tổng kết thực tiễn với nghiên cứu lý luận

Không chỉ “đi thực tế, lắng nghe cơ sở” mà phải xây dựng cơ chế thu thập, cập nhật và phân tích dữ liệu thực tiễn thường xuyên, “đúng, đủ, sạch, sống”; phát hiện, theo dõi những mô hình mới, cách làm sáng tạo và cả những thất bại, vướng mắc trong tổ chức thực hiện để đúc rút bài học, điều chỉnh kịp thời. Thực tiễn phải thực sự trở thành nguồn phát hiện vấn đề nghiên cứu và tiêu chuẩn kiểm nghiệm kết quả nghiên cứu.

Thứ ba, tập hợp, xây dựng và kết nối đội ngũ chuyên gia lý luận nòng cốt là nhiệm vụ vừa cơ bản, vừa cấp bách

Cần tập hợp được lực lượng rộng rãi các nhà khoa học có tâm, có tầm, có trí, dày dặn kinh nghiệm thực tiễn; thực hiện tốt sự phối kết hợp giữa các cơ quan khoa học, cơ quan quản lý, cơ quan tham mưu chiến lược và mang lưới các chuyên gia, nhà khoa học, nhà thực tiễn... để tạo thành sức

mạnh tổng hợp, thành “túi khôn” của Đảng. Cần có cơ chế phát hiện, đào tạo, sử dụng và trọng dụng những chuyên gia có năng lực tư duy, bề dày nghiên cứu, phát triển lý luận, tổng kết thực tiễn và nhãn quan chiến lược; kết hợp giữa các nhà lý luận, chuyên gia ngành, cán bộ lãnh đạo quản lý giàu kinh nghiệm và thế hệ cán bộ lý luận trẻ. Trong điều kiện mới hiện nay vấn đề này càng trở nên cấp thiết.

Thứ tư, xây dựng và phát huy môi trường thật sự dân chủ, cầu thị trong nghiên cứu lý luận, lý luận chính trị và tổng kết thực tiễn

Chỉ trong môi trường thật sự dân chủ, cầu thị thì nghiên cứu lý luận mới được khai mở, tìm tòi, khám phá, phát hiện ra những thực tiễn có tính quy luật, những mâu thuẫn trong quá trình phát triển phải giải quyết, những tình huống thực sự có vấn đề... đòi hỏi phải tổng kết thực tiễn để kiểm chứng, chứng minh, khẳng định hay bác bỏ. Cũng chỉ trong môi trường dân chủ, cầu thị thực sự thì tổng kết thực tiễn mới dám nhìn thẳng vào sự thật, đi đến cùng chân lý, đúc rút ra những kết luận, kiến giải khách quan, khoa học, dù là thiểu số ■



NĂM (1996-2026)

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG VỚI SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM

PGS.TS PHẠM VĂN LINH

Nguyên Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương

1. Vai trò của Hội đồng lý luận Trung ương trong sự nghiệp phát triển văn hóa, con người ở Việt Nam

Từ Đề cương văn hóa của Đảng 1943 - “Văn hóa soi đường cho Quốc dân đi” đến nay, Việt Nam đã có một hệ thống lý luận về phát triển văn hóa, con người ngày càng đầy đủ, hoàn thiện và được cụ thể hóa trong thực tiễn. Để có được những kết quả này, là sự đóng góp của toàn Đảng, toàn dân, toàn dân tộc, của các thế hệ người Việt Nam trong và ngoài nước, trong đó nòng cốt và đi đầu là các cơ quan nghiên cứu, thực thi dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đóng góp vào những thành tựu đó, Hội đồng Lý luận Trung ương trong quá trình xây dựng và trưởng thành, luôn coi trọng

công tác nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, phát triển tư duy lý luận và tư vấn cho Đảng những vấn đề lý luận ở tầm chủ trương, đường lối, mang tính chiến lược về văn hóa, con người, hệ giá trị, sức mạnh mềm và các chính sách phát triển văn hóa trong bối cảnh mới. Vai trò tư vấn chiến lược của Hội đồng được thể hiện ít nhất bốn phương diện: Phát triển lý luận; tổng kết thực tiễn; dự báo những vấn đề mới; và kết nối nghiên cứu khoa học với quá trình hoạch định, tổ chức thực hiện chính sách.

Một là, góp phần phát triển lý luận về văn hóa và con người trong điều kiện mới

Trước hết, Hội đồng Lý luận Trung ương có vai trò quan trọng trong việc

tiếp tục nghiên cứu và phát triển hệ thống lý luận của Đảng về văn hóa và con người. Phát triển văn hóa không đơn thuần là bảo tồn di sản, tổ chức các hoạt động nghệ thuật hay mở rộng các thiết chế văn hóa.

Trong điều kiện hiện nay, văn hóa cần được nhìn nhận rộng hơn, bao gồm hệ giá trị, chuẩn mực ứng xử, phương thức tổ chức đời sống xã hội, năng lực sáng tạo và khả năng hình thành sức mạnh mềm của quốc gia. Vì vậy, một yêu cầu quan trọng đặt ra đối với hoạt động nghiên cứu và tư vấn lý luận là phải làm rõ: *Văn hóa đóng vai trò như thế nào trong mô hình phát triển mới của Việt Nam?*

Trong nhiều năm, quá trình phát triển thường được đánh giá chủ yếu thông qua các chỉ tiêu kinh tế, như tốc độ tăng trưởng, thu nhập, đầu tư hay năng suất lao động. Tuy nhiên, thực

tiễn cho thấy tăng trưởng kinh tế không tự nó tạo ra một xã hội phát triển toàn diện. Một quốc gia có thể đạt tốc độ tăng trưởng cao, nhưng vẫn phải đối mặt với sự xuống cấp của môi trường sống, bất bình đẳng xã hội, khủng hoảng niềm tin hoặc suy giảm các chuẩn mực đạo đức. Vì vậy, phát triển văn hóa và con người cần được đặt trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế, chính trị và xã hội.

Ở đây, Hội đồng Lý luận Trung ương có thể đóng góp quan trọng trong việc làm rõ quan điểm “*Văn hóa phải thực sự trở thành sức mạnh nội sinh của phát triển*”. Vấn đề không chỉ là khẳng định, văn hóa

có vai trò quan trọng mà nghiên cứu, làm rõ cơ chế thông qua đó văn hóa tác động đến sự phát triển. Một nền văn hóa khuyến khích sáng tạo, chấp nhận những ý tưởng mới và tôn trọng sự khác biệt có thể thúc đẩy đổi mới

Hội đồng Lý luận Trung ương trong quá trình xây dựng và trưởng thành, luôn coi trọng công tác nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, phát triển tư duy lý luận và tư vấn cho Đảng những vấn đề lý luận ở tầm chủ trương, đường lối, mang tính chiến lược về văn hóa, con người, hệ giá trị, sức mạnh mềm và các chính sách phát triển văn hóa trong bối cảnh mới.



sáng tạo và phát triển kinh tế tri thức... Do đó, hoạt động tư vấn chiến lược đã góp phần chuyển nhận thức về văn hóa từ cách tiếp cận mang tính “lĩnh vực” sang cách tiếp cận xem văn hóa là một *yếu tố xuyên suốt của mô hình phát triển quốc gia*.

Trong lý luận về phát triển con người Việt Nam qua các giai đoạn phát triển của đất nước, nhiều nội dung mới đã tiếp tục được nghiên cứu và làm rõ. Xây dựng con người không chỉ dừng lại ở giáo dục đạo đức hay bồi dưỡng lý tưởng. Trong một nền kinh tế tri thức và xã hội số, con người Việt Nam có bản lĩnh văn hóa, tinh thần trách nhiệm, ý thức cộng đồng, năng lực sáng tạo, tư duy phản biện, khả năng thích ứng và năng lực làm việc trong môi trường quốc tế. Con người Việt Nam trong quá trình đất nước hội nhập và phát triển, làm sao vừa phải giữ gìn được bản sắc, dung hòa giữa các giá trị truyền thống và những yêu cầu của con người hiện đại. Văn hóa Việt Nam đề cao tinh thần cộng đồng, sự gắn kết gia đình và trách nhiệm với tập thể, đây là những giá trị cần được giữ gìn. Tuy nhiên, trong bối cảnh mới, xã hội

cũng cần khuyến khích tính tự chủ, tinh thần sáng tạo, khả năng tranh luận khoa học và trách nhiệm cá nhân. Vai trò của nghiên cứu lý luận là không nên đặt các giá trị này trong thế đối lập, mà cần tìm ra cách thức kết hợp để hình thành một hệ giá trị vừa mang bản sắc Việt Nam, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển hiện đại.

Hai là, tổng kết thực tiễn, nhận diện đúng những vấn đề đang đặt ra

Một vai trò đặc biệt quan trọng khác của Hội đồng Lý luận Trung ương là tổng kết thực tiễn nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho quá trình xây dựng chủ trương và chính sách. Văn hóa và con người là những lĩnh vực biến đổi rất nhanh và chịu ảnh hưởng mạnh từ những thay đổi trong kinh tế, công nghệ và đời sống xã hội. Vì vậy, không thể xây dựng chính sách chỉ dựa trên các quan điểm chung hoặc những đánh giá mang tính cảm tính. Hoạt động tư vấn chiến lược cần bắt đầu từ việc trả lời một cách khách quan: *Thực trạng đời sống văn hóa và sự biến đổi của con người Việt Nam hiện nay đang diễn ra như thế nào? Những vấn đề nào là bản chất, những vấn đề nào chỉ mang tính hiện tượng?*

Trong suốt quá trình đất nước tiến hành công cuộc đổi mới, và đặc biệt những năm gần đây, mạng xã hội đã trở thành một phần quan trọng trong đời sống của người dân. Không gian mạng tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin, học tập, sáng tạo nội dung và kết nối cộng đồng. Tuy nhiên, nó cũng tạo ra nhiều vấn đề như thông tin sai lệch, bạo lực ngôn từ, sự lan truyền nhanh của các xu hướng thiếu lành mạnh và hiện tượng đánh giá giá trị cá nhân thông qua sự nổi tiếng hoặc mức độ tương tác. Trong trường hợp này, tư vấn chiến lược không nên chỉ dừng lại ở những giải pháp hành chính như tăng cường kiểm soát thông tin. Điều quan trọng hơn là nghiên cứu cách thức môi trường số đang làm thay đổi hành vi và hệ giá trị, đặc biệt đối với thế hệ trẻ. Từ đó, Hội đồng có thể tư vấn các định hướng dài hạn liên quan đến giáo dục năng lực số, văn hóa ứng xử trên không gian mạng và khả năng tự bảo vệ của công dân trước thông tin sai lệch.

Bên cạnh đó, sự khác biệt trong phát triển văn hóa giữa các vùng, các nhóm xã hội và các thế hệ cũng là vấn

đề được quan tâm, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, nhóm người yếu thế. Các cộng đồng dân tộc không phải đều có điều kiện tiếp cận như nhau với các sản phẩm văn hóa, giáo dục chất lượng cao hoặc các cơ hội phát triển năng lực sáng tạo, điều này không chỉ có ở Việt Nam. Do đó, nghiên cứu thực tiễn giúp nhận diện những khoảng cách này, để chính sách phát triển văn hóa không chỉ tập trung vào các đô thị lớn hoặc những hoạt động có tính hình thức. Hội đồng Lý luận Trung ương đã phát huy vai trò thông qua việc tổ chức các nghiên cứu liên ngành, khảo sát xã hội và đối thoại với các nhà khoa học, nhà quản lý, văn nghệ sĩ, doanh nghiệp và người dân. Việc tổng kết thực tiễn, đã góp phần phát hiện những xu hướng mới và những vấn đề chưa được phản ánh đầy đủ trong các báo cáo quản lý thông thường.

Ba là, nâng cao năng lực dự báo chiến lược trước những biến đổi mới

Một cơ quan tư vấn chiến lược không chỉ có nhiệm vụ giải thích những gì đã xảy ra mà quan trọng hơn là phải dự báo những xu hướng sắp tới. Đối với lĩnh vực văn hóa và con



người, yêu cầu này ngày càng trở nên cấp thiết. Những thay đổi về công nghệ đang diễn ra với tốc độ nhanh hơn rất nhiều so với khả năng điều chỉnh của chính sách. Trí tuệ nhân tạo, các nền tảng số, công nghệ thực tế ảo và sự phát triển của kinh tế sáng tạo đang tạo ra những hình thức sản xuất, phân phối và tiêu dùng văn hóa hoàn toàn mới. Trong tương lai, một phần ngày càng lớn các sản phẩm văn hóa có thể được tạo ra hoặc hỗ trợ bởi trí tuệ nhân tạo. Điều này đặt ra những câu hỏi mới về bản quyền, tính sáng tạo, giá trị lao động của nghệ sĩ và thậm chí là cách con người hiểu về “sáng tạo”. Tương tự, việc sử dụng AI trong giáo dục và công việc có thể làm thay đổi các kỹ năng mà con người cần có.

Hội đồng Lý luận Trung ương đã và đang nghiên cứu những vấn đề này từ góc độ dài hạn để tham mưu cho Đảng và Nhà nước, chuẩn bị các chính sách phù hợp. Tư vấn chiến lược không chỉ chờ đến khi các vấn đề trở nên nghiêm trọng mới đưa ra giải pháp, chính sách như vậy luôn ở trong trạng thái chạy theo thực tiễn. Năng lực dự báo cũng đặc biệt quan

trọng trong việc xây dựng và bảo vệ hệ giá trị của xã hội. Toàn cầu hóa không chỉ là sự trao đổi hàng hóa mà còn là sự lưu chuyển của các ý tưởng, chuẩn mực và lối sống. Một xã hội không thể đóng cửa để bảo vệ văn hóa của mình. Ngược lại, điều cần thiết là xây dựng một nền văn hóa đủ sức hấp thụ, chọn lọc và chuyển hóa những giá trị bên ngoài.

Theo nghĩa đó, bảo vệ bản sắc văn hóa không đồng nghĩa với bảo tồn nguyên trạng mọi yếu tố của quá khứ. Bản sắc cần được hiểu là khả năng duy trì những giá trị cốt lõi trong khi vẫn thích ứng với những điều kiện mới. Đây là một vấn đề lý luận quan trọng mà Hội đồng đã và tiếp tục được nghiên cứu, tư vấn.

Bốn là, gắn kết giữa lý luận, nghiên cứu khoa học với quá trình hoạch định chính sách.

Một trong những thách thức lớn của phát triển văn hóa hiện nay là khoảng cách giữa quan điểm, chủ trương và việc triển khai trong thực tế. Nhiều mục tiêu về xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh hoặc phát triển con người toàn diện có ý nghĩa đúng đắn, nhưng khi chuyển thành

chương trình cụ thể, đôi khi lại thiếu nguồn lực, cơ chế phối hợp hoặc tiêu chí đánh giá rõ ràng. Vì vậy, vai trò tư vấn của Hội đồng đã quan tâm đến việc đưa ra các quan điểm mang tính định hướng mà còn góp phần chỉ rõ các điểm nghẽn về cơ chế và điều kiện thực hiện. Chẳng hạn, nếu xác định phát triển công nghiệp văn hóa là một hướng đi quan trọng, Hội đồng đã nghiên cứu cụ thể, chỉ ra những rào cản về thể chế, nguồn nhân lực, thị trường, bản quyền và cơ chế huy động nguồn lực xã hội, khâu đột phá để văn hóa thực sự là nền tảng phát triển, là hệ điều tiết phát triển nhanh và bền vững đất nước. Đồng thời, khi xác định xây dựng con người là trung tâm của phát triển, trong các nghiên cứu, Hội đồng đã làm rõ mối quan hệ giữa phát triển văn hóa với yêu cầu hoàn thiện hệ thống giáo dục, gia đình, doanh nghiệp và cộng đồng, cùng tham gia vào quá trình đó. Điều này đòi hỏi hoạt động tư vấn, tiếp tục phải tăng cường tính liên ngành và tính đối thoại. Hội đồng cần trở thành một trong những không gian kết nối giữa lý luận và thực tiễn, giữa các nhà nghiên cứu với nhà quản lý và các chủ

thể trực tiếp tham gia vào đời sống văn hóa.

Đặc biệt, trong hoạt động, Hội đồng thường xuyên đổi mới phương pháp nghiên cứu và tư vấn. Những đánh giá về văn hóa và con người ngày càng được dựa trên bằng chứng thực nghiệm, dữ liệu xã hội và các phương pháp nghiên cứu hiện đại. Việc sử dụng khảo sát quy mô lớn, phân tích dữ liệu, nghiên cứu so sánh quốc tế và đánh giá tác động chính sách có thể giúp nâng cao chất lượng luận cứ tư vấn.

2. Một số định hướng để nâng cao vai trò tư vấn chiến lược trong kỷ nguyên mới

Trong kỷ nguyên mới, đất nước tiếp tục công cuộc đổi mới sâu sắc và toàn diện, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Vì vậy, vị trí và vai trò của văn hóa, con người ngày càng được hoàn thiện cả về lý luận và thực tiễn. Văn hóa từ chỗ được nhìn nhận chủ yếu như một lĩnh vực của đời sống tinh thần, thì ngày nay văn hóa ngày càng được xác định là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực, đồng thời là một nguồn lực nội sinh quan trọng, là nền tảng và



là hệ điều tiết cho phát triển nhanh, bền vững đất nước. Con người không chỉ là đối tượng thụ hưởng thành quả phát triển mà còn là chủ thể sáng tạo, là nhân tố quyết định việc hiện thực hóa các mục tiêu phát triển. Tuy nhiên, phát triển văn hóa và con người Việt Nam trong kỷ

nguyên mới đang đứng trước những yêu cầu mới. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tạo ra cơ hội tiếp xúc, giao lưu và tiếp thu các giá trị văn hóa đa dạng, nhưng đồng thời cũng đặt ra nguy cơ về sự phai nhạt bản sắc, sự xung đột giữa các hệ

giá trị và ảnh hưởng ngày càng mạnh của chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa tiêu dùng và lối sống thực dụng. Đặc biệt, sự phát triển nhanh chóng của internet, mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số đang làm thay đổi sâu sắc cách con người tiếp nhận thông tin, giao tiếp, lao động, học tập và hình thành các giá trị sống.

Trong bối cảnh đó, việc hoạch định chủ trương, đường lối và chính sách về

văn hóa, con người không thể chỉ dựa vào kinh nghiệm quản lý hoặc phản ứng trước những vấn đề đã phát sinh. Điều cần thiết là phải có một cơ quan đủ năng lực nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, dự báo xu hướng và cung cấp các luận cứ khoa học cho quá trình ra quyết sách. Với chức

Hội đồng Lý luận Trung ương ngày càng có vai trò đặc biệt quan trọng, thông qua chức năng nghiên cứu, tư vấn góp phần định hướng tư duy chiến lược về phát triển văn hóa và con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

năng nghiên cứu và tư vấn về các vấn đề lý luận, đường lối và chính sách, Hội đồng Lý luận Trung ương ngày càng có vai trò đặc biệt quan trọng, thông qua chức năng nghiên cứu, tư vấn góp phần định hướng tư duy chiến lược về phát triển văn hóa và con người

Việt Nam trong kỷ nguyên mới, cần chú trọng một số định hướng như sau:

Quán triệt đầy đủ các quan điểm của Nghị quyết 80 của Bộ Chính trị khóa XIII, Văn kiện Đại hội XIV của Đảng và Nghị quyết 19 của Hội nghị lần thứ 3, Ban Chấp hành TW, khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam, xác định: “*Văn hóa là nền tảng tinh thần, nguồn lực và động lực nội sinh, năng lực sáng tạo, sức mạnh*

mềm cho phát triển nhanh, bền vững đất nước. Con người Việt Nam phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, có bản lĩnh văn hóa, năng lực số, năng lực sáng tạo, ý thức thượng tôn pháp luật, kỷ luật và trách nhiệm; có lòng nhân ái, tinh thần dân tộc và khát vọng cống hiến...". Muốn vậy, cần tiếp tục khẳng định, nhất quán trong nhận thức và hành động về việc: Văn hóa được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị và xã hội, trở thành một trụ cột quan trọng của phát triển đất nước. Con người vừa là trung tâm, vừa là chủ thể và mục tiêu của phát triển văn hóa. Phát triển văn hóa trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc đồng thời tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại. Phát triển văn hóa phải toàn diện, đồng bộ và có trọng tâm, trọng điểm. Văn hóa cần thực sự thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, thực sự là hệ điều tiết phát triển nhanh và bền vững đất nước. Khơi dậy sức mạnh nội sinh, tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc và khát vọng phát triển đất nước

phồn vinh, hạnh phúc. Để góp phần hiện thực hóa chủ trương, quan điểm và mục tiêu phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới, Hội đồng lý luận Trung ương cần làm tốt công tác nghiên cứu, tư vấn với những định hướng giải pháp như sau:

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới tư duy nghiên cứu, tư vấn coi văn hóa và con người là những yếu tố trung tâm trong mô hình phát triển bền vững, thay vì chỉ là lĩnh vực hỗ trợ cho phát triển kinh tế.

Thứ hai, tăng cường nghiên cứu, tư vấn những vấn đề mới đang nổi lên, đặc biệt là tác động của chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, toàn cầu hóa và sự thay đổi hệ giá trị của các thế hệ trẻ.

Thứ ba, nâng cao chất lượng tổng kết thực tiễn thông qua các nghiên cứu liên ngành và dựa trên bằng chứng. Cần tránh cả hai khuynh hướng: nghiên cứu lý luận xa rời thực tế hoặc tổng kết thực tiễn đơn thuần mà thiếu khái quát về mặt lý luận.

Thứ tư, tăng cường đối thoại giữa Hội đồng với các cơ quan quản lý, các trường đại học, viện nghiên cứu, văn nghệ sĩ, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. Chính sự đa dạng về góc nhìn



sẽ giúp hoạt động tư vấn phản ánh đầy đủ hơn những biến chuyển của đời sống văn hóa.

Thứ năm, chú trọng nghiên cứu so sánh và kinh nghiệm quốc tế nhưng không sao chép máy móc. Việt Nam cần học hỏi cách các quốc gia khác phát triển công nghiệp văn hóa, xây dựng hệ giá trị và phát huy sức mạnh mềm, đồng thời phải đặt các kinh nghiệm đó trong điều kiện lịch sử, văn hóa và thể chế cụ thể của Việt Nam.

Tóm lại, phát triển văn hóa và con người Việt Nam là một nhiệm vụ chiến lược, có ý nghĩa quyết định đối với chất lượng và tính bền vững của quá trình phát triển đất nước. Trong bối cảnh thế giới biến đổi nhanh chóng, công tác tư vấn lý luận và chiến lược cần đi trước một bước, không chỉ tổng kết những gì đã có mà còn nhận diện và dự báo những vấn đề của tương lai. Với chức năng nghiên cứu, tham

muu và tư vấn lý luận, Hội đồng Lý luận Trung ương cần tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp cơ sở khoa học cho quá trình hoàn thiện quan điểm của Đảng về văn hóa và con người; tổng kết thực tiễn để nhận diện đúng những vấn đề đang đặt ra; dự báo các xu hướng mới. Đồng

Với chức năng nghiên cứu, tham mưu và tư vấn lý luận, Hội đồng Lý luận Trung ương cần tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp cơ sở khoa học cho quá trình hoàn thiện quan điểm của Đảng về văn hóa và con người; tổng kết thực tiễn để nhận diện đúng những vấn đề đang đặt ra; dự báo các xu hướng mới.

thời, góp phần kết nối nghiên cứu lý luận với quá trình hoạch định và thực hiện chính sách, giúp đưa văn hóa và con người thực sự trở thành trung tâm, chủ thể và nguồn lực nội sinh, là hệ điều tiết phát triển nhanh và bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới. Chỉ khi nào phát triển kinh tế được gắn kết chặt chẽ với phát

triển văn hóa, khi tăng trưởng đi cùng với tiến bộ, công bằng xã hội và sự phát triển toàn diện của con người, Việt Nam mới có thể tạo dựng được nền tảng vững chắc cho một quá trình phát triển nhanh, bền vững và có bản sắc trong kỷ nguyên mới ■

ĐỔI MỚI TƯ DUY LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG QUA 40 NĂM ĐỔI MỚI VÀ DẤU ẤN CỦA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

PGS.TS VŨ VĂN HÀ

Ban Thư ký khoa học Hội đồng Lý luận Trung ương

Bốn mươi năm đổi mới là một chặng đường có ý nghĩa lịch sử trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, đồng thời là quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam không ngừng đổi mới tư duy, tổng kết thực tiễn, bổ sung và phát triển lý luận. Từ những đột phá trước hết trong lĩnh vực kinh tế, nhận thức của Đảng dần vượt qua những khuôn khổ cũ, mở rộng sang các lĩnh vực của đời sống xã hội và từng bước hình thành hệ thống quan điểm ngày càng đồng bộ về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Quá trình ấy thể hiện khả năng kết hợp sự kiên

định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với tinh thần xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa nhân loại. Năng lực đổi mới tư duy đó đã góp phần tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới. Trong tiến trình này, Hội đồng Lý luận Trung ương, qua 30 năm xây dựng và phát triển, đã có những đóng góp trong nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tư vấn chiến lược, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoàn thiện đường lối của Đảng.

1. Đổi mới tư duy lý luận - một trong những nhân tố quyết định thành công của 40 năm đổi mới



Qua 40 năm, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng được xác định rõ hơn, từng bước được hiện thực hóa; mục tiêu, đặc trưng, phương hướng, các trụ cột và những mối quan hệ lớn mang tính quy luật ngày càng được bổ sung, cụ thể hóa và phát triển. Có thể khái quát sự đổi mới tư duy lý luận của Đảng trên một số phương diện nổi bật sau đây.

Thứ nhất, từ nhận thức về đổi mới từng mặt đến hình thành hệ thống lý luận ngày càng toàn diện về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Đột phá căn bản trước hết là đổi mới cách tiếp cận về chủ nghĩa xã hội. Nếu trước đổi mới, có những nhận thức còn giản đơn, đồng nhất chủ nghĩa xã hội với những hình thức tổ chức kinh tế - xã hội cụ thể, thì trong quá trình đổi mới, nhận thức ngày càng đi sâu vào bản chất, mục

tiêu và các giá trị của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội tiếp tục là nguyên tắc xuyên suốt, nhưng nội hàm của mô hình xã hội hướng tới ngày càng được nhận thức cụ thể hơn. Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được xác

Qua 40 năm, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng được xác định rõ hơn, từng bước được hiện thực hóa; mục tiêu, đặc trưng, phương hướng, các trụ cột và những mối quan hệ lớn mang tính quy luật ngày càng được bổ sung, cụ thể hóa và phát triển.

định bằng các giá trị phát triển: vì con người, do Nhân dân làm chủ; tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ, công bằng xã hội; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân bằng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước.

Qua các kỳ Đại hội và đặc biệt qua Cương lĩnh

năm 1991, Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011, nhận thức về mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa ngày càng đầy đủ. Đến Đại hội XIV, hệ thống các mục tiêu, các đặc trưng, các phương hướng cơ bản, các trụ cột và

những mối quan hệ lớn mang tính quy luật cần giải quyết trong xây dựng chủ nghĩa xã hội đã tạo thành một hệ thống lý luận về đường lối đổi mới. Như vậy, tư duy về chủ nghĩa xã hội đã có bước phát triển từ việc chủ yếu xác định mô hình phải có những gì đến nhận thức sâu hơn về các quy luật, quan hệ và cơ chế vận hành của quá trình xây dựng xã hội mới. Đây là bước phát triển quan trọng về tư duy lý luận của Đảng.

Thứ hai, đột phá lý luận có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Một bước tiến nổi bật của 40 năm đổi mới là nhận thức đầy đủ hơn về kinh tế thị trường và khả năng sử dụng thị trường để thực hiện mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

Đại hội VI mở đầu bước chuyển trong tư duy kinh tế khi thừa nhận sản xuất hàng hóa, cơ cấu kinh tế nhiều thành phần và yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý. Qua các kỳ Đại hội tiếp theo, nhận thức phát triển từ sử dụng các yếu tố thị trường đến xác lập rõ vai trò của thị trường. Trên cơ sở đó, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xác định là mô hình kinh

tế tổng quát của Việt Nam trong thời kỳ quá độ.

Nhìn lại tiến trình đó có thể thấy những chuyển biến căn bản. Kinh tế thị trường từ chỗ thường được gắn riêng với chủ nghĩa tư bản đã được nhìn nhận là thành tựu chung của văn minh nhân loại, có thể vận dụng trong xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nền kinh tế chuyển từ khuynh hướng thiên về đơn sở hữu sang thừa nhận nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một trong những động lực quan trọng nhất, kinh tế tập thể và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài là những bộ phận quan trọng. Phân bổ nguồn lực chuyển dần từ can thiệp hành chính trực tiếp sang tôn trọng quy luật và tín hiệu thị trường. Đồng thời, nền kinh tế từ tương đối khép kín chuyển sang chủ động, tích cực hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Tư duy về công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng chuyển biến căn bản: từ mô hình khép kín, hướng nội sang gắn với kinh tế tri thức, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; từ tăng trưởng chủ yếu dựa vào mở



rộng quy mô sang coi trọng năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực công nghệ; từ ưu tiên tốc độ tăng trưởng sang kết hợp phát triển nhanh với bền vững, chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và bảo vệ môi trường.

Chiều sâu của bước chuyển này không chỉ ở việc thừa nhận thị trường, mà ở chỗ Đảng từng bước xác lập cách kết hợp các quy luật thị trường với mục tiêu và định hướng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện Việt Nam. Thị trường được phát huy để huy động, phân bổ nguồn lực; đồng thời vai trò quản lý của Nhà nước và chính sách xã hội bảo đảm phát triển hướng tới con người, tiến bộ và công bằng. Vì vậy, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là kết quả của quá trình tìm tòi hình thức tổ chức kinh tế phù hợp, góp phần tháo gỡ rào cản tư duy, giải phóng lực lượng sản xuất, khơi thông nguồn lực và mở rộng không gian phát triển.

Thứ ba, tư duy phát triển chuyển từ thiên về kinh tế đến phát triển toàn diện, lấy con người làm trung tâm, văn hóa là sức mạnh nội sinh

Nhận thức về văn hóa trong quá trình đổi mới ngày càng có chiều sâu. Từ việc xác định nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa, tư duy của Đảng từng bước đặt văn hóa vào vị trí rõ hơn trong mô hình phát triển. Qua Cương lĩnh năm 2011 và các Đại hội XI, XII, XIII, XIV, văn hóa được nhìn nhận không chỉ là một lĩnh vực của đời sống xã hội, mà còn là nền tảng tinh thần, mục tiêu, động lực và nguồn lực nội sinh của phát triển; đồng thời góp phần tạo nên sức mạnh mềm và vị thế quốc gia.

Cùng với đó là sự thay đổi căn bản trong cách nhìn về con người. Từ chỗ chủ yếu nhấn mạnh con người ở phương diện thụ hưởng thành quả phát triển, tư duy mới xác định con người đồng thời là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của phát triển. Phát triển con người vì thế ngày càng gắn với xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam; với giáo dục, nguồn nhân lực, khoa học - công nghệ, chăm sóc sức khỏe, an

sinh, phúc lợi và cơ hội tiếp cận nguồn lực.

Tư duy về tiến bộ và công bằng xã hội cũng có bước chuyển từ quan niệm chủ yếu phân phối lại thành quả sau phát triển sang yêu cầu thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách và suốt quá trình phát triển. Phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, bảo đảm an sinh, bảo vệ môi trường ngày càng được nhìn nhận là những thành tố hữu cơ của một mô hình phát triển thống nhất.

Đáng chú ý, tư duy lý luận đã mở rộng sang những vấn đề mới của thời đại, như: khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, biến đổi khí hậu, an ninh con người, phát triển xanh. Quan điểm không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng phản ánh sự chuyển biến rõ nét từ tư duy khai thác tài nguyên phục vụ tăng trưởng sang tư duy phát triển bền vững.

Thứ tư, phát triển tư duy về bảo vệ Tổ quốc và đối ngoại từ thế bị động đến chủ động kiến tạo môi trường hòa bình cho phát triển

Qua 40 năm, nhận thức về quốc phòng, an ninh ngày càng toàn diện

hơn. Bảo vệ Tổ quốc không chỉ là bảo vệ lãnh thổ khi có chiến tranh mà là bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân, chế độ, lợi ích quốc gia - dân tộc, môi trường hòa bình và điều kiện phát triển; kết hợp chặt chẽ quốc phòng với an ninh, kinh tế, văn hóa và đối ngoại.

Tư duy bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân gắn với thể trận lòng dân là kết quả của bước phát triển quan trọng về lý luận bảo vệ Tổ quốc.

Trong đối ngoại, bước chuyển có ý nghĩa chiến lược là từ tư duy đối đầu, khép kín đến đường lối độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế ngày càng toàn diện và sâu rộng. Việt Nam từng bước xác định rõ hơn yêu cầu vừa hợp tác vừa đấu tranh, xử lý đúng quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế, giữa lợi ích quốc gia - dân tộc với trách nhiệm của một thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

Đó là bước phát triển quan trọng từ



tư duy đối ngoại chủ yếu nhằm phá thế bao vây, cấm vận đến tư duy đối ngoại phục vụ phát triển, nâng cao vị thế quốc gia và chủ động tham gia kiến tạo môi trường quốc tế thuận lợi.

Thứ năm, đổi mới tư duy về Đảng cầm quyền, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, dân chủ và hệ thống chính trị

Nếu đổi mới kinh tế là khâu mở đầu, thì càng đi sâu vào đổi mới, yêu cầu đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền và đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng càng trở nên nổi bật.

Qua 40 năm, nhận thức về Đảng cầm quyền ngày càng đầy đủ hơn. Vị trí lãnh đạo của Đảng được đặt trong mối quan hệ với Nhân dân, Nhà nước và hệ thống chính trị: Đảng lãnh đạo nhưng đồng thời là một bộ phận của hệ thống chính trị, gắn bó với Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật. Nhận thức về xây dựng Đảng cũng được hệ thống hóa thành yêu cầu xây dựng đồng bộ về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ.

Nhận thức về phương thức lãnh

đạo của Đảng cũng phát triển theo hướng làm rõ hơn nội hàm cầm quyền. Không chỉ lãnh đạo bằng chủ trương, nghị quyết, lý luận ngày càng chú trọng cơ chế thể chế hóa, tổ chức thực hiện, kiểm tra và trách nhiệm. Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII tiếp tục đặt yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới.

Tư duy về Nhà nước phát triển từ quản lý xã hội chủ yếu bằng mệnh lệnh hành chính tới xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân và thống nhất, nhưng trong tổ chức thực hiện có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp, gắn với nâng cao hiệu lực quản lý.

Những bước phát triển trên cho thấy đổi mới tư duy lý luận của Đảng không phải sự điều chỉnh đơn tuyến trong lĩnh vực kinh tế mà là một quá trình đổi mới toàn diện hệ thống nhận thức về mô hình phát triển, phương thức phát triển và phương thức tổ chức quyền lực của xã hội.

2. Dấu ấn của Hội đồng Lý luận Trung ương trong quá trình phát triển tư duy lý luận của Đảng

Nếu 40 năm đổi mới là quá trình phát triển tư duy lý luận của toàn Đảng, được hình thành từ trí tuệ và thực tiễn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, và trong quá trình ấy, Hội đồng Lý luận Trung ương là một thiết chế có vị trí đặc biệt.

Hội đồng được thành lập ngày 30/10/1996, sau 10 năm đổi mới, khi thực tiễn đã đặt ra ngày càng nhiều vấn đề mới cần được nghiên cứu, luận giải ở tầm lý luận. Quyết định thành lập xác định nhiệm vụ của Hội đồng là tư vấn cho Bộ Chính trị về công tác lý luận và chỉ đạo các chương trình nghiên cứu nhằm xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Từ năm 1996 đến năm 2026, qua sáu nhiệm kỳ, Hội đồng từng bước trở thành một lực lượng nòng cốt

trong nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn và tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Có thể nhận diện dấu ấn đó trên năm phương diện chủ yếu.

Một là, hình thành và phát triển một thiết chế tư vấn lý luận chiến lược trực tiếp phục vụ quá trình hoạch định đường lối của Đảng

Đây là dấu ấn bao trùm nhất với sự phát triển của Hội đồng. Lý luận của Đảng được hình thành từ nhiều nguồn, từ thực tiễn lãnh đạo, quản lý; nghiên cứu của các cơ quan khoa học; tổng kết ở các ngành, địa phương; đóng góp của đội ngũ trí thức, chuyên gia. Vai trò riêng của Hội đồng là tập hợp, kết nối, chất lọc và nâng những kết quả đó thành các luận cứ lý luận - thực tiễn phục vụ trực tiếp cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng.

Qua sáu nhiệm kỳ, Hội đồng đã tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về nhiều vấn đề lớn trên các lĩnh vực và cung cấp



cơ sở lý luận, thực tiễn cho quá trình xây dựng văn kiện từ Đại hội IX đến Đại hội XIV.

Điều quan trọng không chỉ nằm ở số lượng báo cáo mà ở tính chất của hoạt động tư vấn. Báo cáo tư vấn phải tìm ra vấn đề mới từ thực tiễn, chỉ ra điểm nghẽn trong nhận thức và tổ chức thực hiện, phát hiện mô hình, cách làm mới, từ đó đề xuất quan điểm và định hướng xử lý. Đây chính là điểm gặp nhau giữa nghiên cứu lý luận và tư vấn chiến lược.

Riêng nhiệm kỳ 2021-2026, Hội đồng đã hoàn thành tám báo cáo tư vấn phục vụ các Hội nghị Trung ương 5, 6, 7, 8 khóa XIII; nhiều báo cáo được Bộ Chính trị, Ban Bí thư đánh giá cao. Những nội dung tư vấn bao quát các vấn đề trọng yếu như nông nghiệp, nông dân, nông thôn; kinh tế tập thể; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng đội ngũ trí thức; chính sách xã hội; chiến lược bảo vệ Tổ quốc. Qua đó có thể thấy, Hội đồng không đứng ngoài quá trình hoạch định đường lối để nghiên cứu một cách thuần túy

học thuật; ngược lại, công tác nghiên cứu được đặt trong mạch vận động thực tế của chương trình làm việc của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Hai là, để lại dấu ấn đặc biệt qua các cuộc tổng kết lớn - nơi thực tiễn được khái quát thành lý luận

Một đóng góp nổi bật, có tính đặc thù của Hội đồng là vai trò cơ quan thường trực trong các cuộc tổng kết lớn, như tổng kết 20 năm, 30 năm và 40 năm đổi mới.

Tổng kết thực tiễn chính là một trong những con đường quan trọng nhất để phát triển lý luận của Đảng. Với tư cách Cơ quan thường trực các Ban Chỉ đạo tổng kết, Hội đồng đã phối hợp với các ban, bộ, ngành, địa phương, các cơ quan nghiên cứu để tổng kết những vấn đề lớn của đổi mới trên các lĩnh vực kinh tế; văn hóa - xã hội; quốc phòng - an ninh - đối ngoại; hệ thống chính trị và xây dựng Đảng.

Báo cáo tổng kết 30 năm đổi mới được Bộ Chính trị thông qua và Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đánh giá cao. Đến tổng kết 40 năm đổi mới, quá trình nghiên cứu được tổ

chức với quy mô rộng lớn: 16 tỉnh, thành phố, 40 ban, bộ, ngành, cơ quan Trung ương, 8 học viện, viện nghiên cứu và đại học lớn cùng hàng nghìn nhà khoa học, chuyên gia, cán bộ lãnh đạo, quản lý tham gia.

Báo cáo tổng kết 40 năm không chỉ kế thừa các lần tổng kết trước mà cập nhật những vấn đề mới của một thế giới biến động sâu sắc, qua đó khái quát quá trình phát triển nhận thức lý luận của Đảng thành một hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, có tính khoa học, cách mạng và giá trị thực tiễn sâu sắc.

Đặc biệt, qua tổng kết 40 năm, Hội đồng đã tích cực nghiên cứu, kiến nghị bổ sung lý luận về đường lối đổi mới vào cấu thành nền tảng tư tưởng của Đảng và nội dung này được Đại hội XIV thông qua.

Nếu xem phát triển lý luận là quá trình chuyển hóa tri thức thực tiễn thành tri thức có tính khái quát, thì các cuộc tổng kết lớn chính là bước khái quát phát triển lý luận đặc biệt.

Trong quá trình đó, dấu ấn của Hội đồng là góp phần tổ chức một chu trình khép kín: thực tiễn - nghiên cứu - tổng kết - khái quát lý luận - tư vấn đường lối - trở lại chỉ đạo thực tiễn.

Ba là, đóng góp quan trọng vào bổ sung, phát triển Cương lĩnh và xây dựng văn kiện các kỳ Đại hội

Đặc biệt, qua tổng kết 40 năm, Hội đồng đã tích cực nghiên cứu, kiến nghị bổ sung lý luận về đường lối đổi mới vào cấu thành nền tảng tư tưởng của Đảng và nội dung này được Đại hội XIV thông qua.

Một dấu ấn có chiều sâu khác là sự tham gia của Hội đồng trong nghiên cứu, tổng kết Cương lĩnh năm 1991, xây dựng Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 và tổng kết quá trình thực hiện Cương lĩnh.

Trong Chương trình nghiên cứu lý luận chính trị KX.04/06-10, các nghiên cứu tập trung vào mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; các định hướng lớn về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; hệ thống chính trị và xây dựng Đảng; đồng thời có các chuyên đề phục vụ trực tiếp tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991. Báo cáo tổng kết và dự thảo Cương lĩnh bổ sung, phát



NĂM (1996-2026)

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

triển do Hội đồng chuẩn bị được sử dụng trong quá trình chuẩn bị Cương lĩnh trình Đại hội XI.

Sự đóng góp đó cho thấy vai trò của Hội đồng không chỉ thể hiện ở việc đề xuất từng chính sách hoặc từng vấn đề chuyên ngành, mà tham gia vào những vấn đề thuộc tầng sâu nhất của lý luận chính trị, từ mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam, mục tiêu, đặc trưng, phương hướng xây dựng, đến các mối quan hệ lớn có tính quy luật và phương thức lãnh đạo của Đảng.

Các chương trình nghiên cứu lý luận chính trị do Hội đồng tổ chức, quản lý cũng tạo nguồn tri thức quan trọng cho xây dựng văn kiện. Chương trình KX.04/06-10 nghiên cứu 12 cụm vấn đề lớn trên bốn lĩnh vực và cung cấp cơ sở lý luận - thực tiễn cho bổ sung, phát triển Cương lĩnh, cụ thể hóa Văn kiện Đại hội X và chuẩn bị Văn kiện Đại hội XI. Chương trình KX.04/16-20 với 34 đề tài được chất lọc kết quả

để báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIII.

Nhiệm kỳ 2021-2026, Hội đồng tiếp tục là một lực lượng nòng cốt tham gia nghiên cứu, đóng góp vào xây dựng Văn kiện Đại hội XIV qua Chương trình KX.04/21-25 với 39 đề tài; đồng thời đang chuẩn bị những nghiên cứu phục vụ Đại hội XV, trước hết qua Đề án tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam và tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh.

Trong 30 năm hoạt động, Hội đồng đã tổ chức xây dựng 63 báo cáo tư vấn, quản lý 242 đề tài cấp nhà nước, thực hiện 62 cuộc hội thảo, trao đổi lý luận quốc tế và tổ chức xuất bản 393 đầu sách lý luận chính trị.

Bốn là, góp phần tạo lập môi trường và lực lượng nghiên cứu lý luận chính trị của Đảng

Một dấu ấn không nên chỉ đo bằng những văn bản tư vấn đã được tiếp thu. Giá trị lâu dài của Hội đồng còn nằm ở khả năng quy tụ đội ngũ, tổ chức nghiên cứu liên ngành và tạo lập mạng lưới tri thức phục vụ Đảng.

Mô hình Hội đồng với các nhà lãnh đạo, nhà quản lý, nhà khoa học thuộc nhiều lĩnh vực tạo điều kiện để kết hợp tri thức hàn lâm với kinh nghiệm

thực tiễn; khoa học chính trị với kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Qua các chương trình khoa học, hội thảo, khảo sát và kỳ họp, những vấn đề lớn được tiếp cận đa chiều hơn trước khi hình thành kiến nghị tư vấn.

Trong 30 năm hoạt động, Hội đồng đã tổ chức xây dựng 63 báo cáo tư vấn, quản lý 242 đề tài cấp nhà nước, thực hiện 62 cuộc hội thảo, trao đổi lý luận quốc tế và tổ chức xuất bản 393 đầu sách lý luận chính trị. Các con số này phản ánh một chức năng rất quan trọng là xây dựng hạ tầng tri thức và không gian học thuật phục vụ sự phát triển lý luận của Đảng.

Năm là, gắn phát triển lý luận với bảo vệ nền tảng tư tưởng và đối thoại với các trào lưu tư tưởng, lý luận trên thế giới

Cùng với phát triển lý luận, Hội đồng ngày càng chủ động xây dựng cơ sở khoa học cho bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Hoạt động không chỉ dừng ở phản bác quan điểm sai trái, mà chú trọng hình thành hệ luận cứ, tổ chức tọa đàm, đối thoại và công bố các công trình làm rõ Cương lĩnh, đường lối của Đảng. Nhiệm kỳ

2016-2021, Hội đồng xây dựng hệ thống luận cứ bảo vệ nền tảng tư tưởng trước và sau Đại hội XIII, qua đó gắn chặt hơn “bảo vệ” với “phát triển” lý luận.

Đồng thời, Hội đồng mở rộng đối thoại lý luận quốc tế. Trong 30 năm, Hội đồng đã tổ chức 20 cuộc hội thảo với Đảng Cộng sản Trung Quốc, 12 cuộc với Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, 6 cuộc với Đảng Cộng sản Cuba và nhiều hoạt động với các chính đảng khác. Riêng nhiệm kỳ 2021-2026 đã có các cuộc hội thảo, trao đổi lý luận với Trung Quốc, Lào, Cuba, Nhật Bản và các chính đảng Đức.

Đây là kênh quan trọng để vừa giới thiệu thành tựu lý luận và thực tiễn đổi mới Việt Nam, vừa tham khảo kinh nghiệm quốc tế, kiểm nghiệm những vấn đề lý luận trong một không gian rộng hơn, qua đó tránh cả hai khuynh hướng, khép kín, biệt lập về tư duy hoặc sao chép máy móc mô hình bên ngoài.

3. Kết luận

Nhìn lại 40 năm đổi mới, thành tựu về tư duy lý luận không chỉ thể hiện ở những quyết sách phù hợp



trong từng giai đoạn, mà sâu xa hơn là ở quá trình tổng kết thực tiễn để hình thành hệ thống nhận thức ngày càng toàn diện về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Quá trình đó tạo nền tảng lý luận giúp công cuộc đổi mới vừa giải quyết yêu cầu trước mắt, vừa từng bước định hình phương thức phát triển đất nước.

Quá trình đó thể hiện bản lĩnh lý luận đặc sắc của Đảng, kiên định mà không giáo điều; đổi mới mà không xa rời mục tiêu; tiếp thu tinh hoa nhân loại nhưng không sao chép mô hình; xuất phát từ thực tiễn Việt Nam nhưng luôn đặt Việt Nam trong dòng chảy phát triển của thời đại.

Trong 30 năm hoạt động từ năm 1996 đến năm 2026, Hội đồng Lý luận Trung ương đã để lại dấu ấn quan trọng trong tiến trình ấy. Dấu ấn nổi bật nhất là góp phần hình thành một cơ chế ngày càng bài bản để kết nối giữa tổng kết thực tiễn với nghiên cứu lý luận, giữa nghiên cứu khoa học với tư vấn chiến lược, giữa trí tuệ của giới khoa học với quá trình hoạch định đường lối của Đảng. Các cuộc

tổng kết 20 năm, 30 năm và 40 năm đổi mới; tổng kết, bổ sung và phát triển Cương lĩnh; các chương trình nghiên cứu lý luận chính trị; hệ thống báo cáo tư vấn; quá trình tham gia xây dựng văn kiện các kỳ Đại hội là những minh chứng tập trung cho vai trò đó.

Bước vào kỷ nguyên phát triển mới, đất nước đứng trước những vấn đề chưa từng có tiền lệ. Điều đó đặt ra yêu cầu công tác lý luận phải có một bước phát triển mới về chất. Lý luận cần không chỉ theo kịp thực tiễn, mà phải có năng lực nhận diện xu hướng, dự báo tương lai, đi trước và mở đường cho thực tiễn. Đây cũng chính là yêu cầu cao nhất đối với Hội đồng Lý luận Trung ương trong chặng đường phát triển mới, trở thành một trung tâm kết nối trí tuệ, nghiên cứu và tư vấn chiến lược có tầm vóc; đóng góp vào việc tiếp tục hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới, chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, cung cấp cơ sở khoa học vững chắc để Đảng lãnh đạo đất nước thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển trong kỷ nguyên mới ■

IV. HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI



NĂM (1996-2026)

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN GẮN VỚI TỔNG KẾT THỰC TIỄN CỦA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

PGS.TS DƯƠNG TRUNG Ý

*Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản*

Trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn xác định nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn là hai mặt thống nhất của quá trình nhận thức, bổ sung, phát triển đường lối, chính sách của Đảng. Lý luận không chỉ giải thích thực tiễn, mà còn phải soi sáng con đường vận động, phát triển của thực tiễn. Tổng kết thực tiễn không chỉ phản ánh những gì đã diễn ra, mà quan trọng hơn là phát hiện quy luật, nhận diện xu hướng, dự báo khả năng phát triển và kiến tạo tương lai. Thực tiễn cách mạng Việt Nam cho thấy, mỗi bước ngoặt có ý nghĩa lịch sử đều bắt nguồn từ bản lĩnh kiên định nền tảng tư tưởng, sự nhạy bén trước

những biến đổi của đời sống và năng lực vận dụng sáng tạo quy luật khách quan vào điều kiện cụ thể của đất nước qua mỗi thời kỳ.

Bốn mươi năm đổi mới tiếp tục khẳng định một chân lý: khi lý luận bắt đúng mạch vận động của thực tiễn, giải đáp kịp thời những vấn đề do thực tiễn đặt ra, tư tưởng sẽ chuyển hóa thành đường lối, đường lối chuyển hóa thành hành động, hành động tạo nên sức mạnh vật chất và thành quả cách mạng. Ngược lại, nếu nghiên cứu lý luận chậm hơn thực tiễn, tổng kết thực tiễn dừng lại ở mô tả thành tựu, hiện tượng mà chưa đi tới bản chất, quy luật và những mâu thuẫn mới nảy sinh, việc



hoạch định chủ trương, chính sách khó tránh khỏi bị động, chủ quan duy ý chí, thiếu tầm nhìn. Trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với những yêu cầu chưa từng có, nâng cao chất lượng nghiên cứu lý luận gắn với tổng kết thực tiễn của Hội đồng Lý luận Trung ương không chỉ là yêu cầu đổi mới hoạt động khoa học, mà còn trực tiếp góp phần nâng cao năng lực tư duy chiến lược, năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; bảo đảm các quyết sách lớn vừa kiên định về nguyên tắc, vừa sáng tạo trong phương thức, vừa có căn cứ khoa học, vừa mang sức sống của thực tiễn Việt Nam.

I. TÍNH ĐẶC THÙ VÀ MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN, TỔNG KẾT THỰC TIỄN CỦA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

1. Những kết quả nổi bật

Qua các nhiệm kỳ, bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Lý luận Trung ương đã không ngừng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, từng bước khẳng định vai trò là cơ quan tư vấn

lý luận chính trị chiến lược của Đảng. Những kết quả nghiên cứu của Hội đồng không chỉ góp phần giải đáp các vấn đề lý luận và thực tiễn trước mắt, mà còn tham gia kiến tạo nền tảng tư tưởng, cơ sở khoa học và tầm nhìn dài hạn cho việc hoạch định đường lối phát triển đất nước.

Thứ nhất, Hội đồng đã góp phần quan trọng cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng, bổ sung và phát triển đường lối đổi mới của Đảng.

Đây là kết quả nổi bật nhất, đồng thời thể hiện tập trung nhất vị trí và trách nhiệm chính trị của Hội đồng. Thông qua các chương trình, đề tài, đề án và báo cáo tư vấn, Hội đồng đã tham gia nghiên cứu, chuẩn bị luận cứ phục vụ xây dựng Cương lĩnh, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, văn kiện các kỳ đại hội và nhiều nghị quyết, kết luận quan trọng của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Nhiều kết quả nghiên cứu đã góp phần làm sáng rõ hơn những vấn đề về nền tảng tư tưởng của Đảng; về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý luận về đường lối đổi mới; về các mối quan hệ lớn cần nghiên cứu làm sáng

tỏ... Giá trị quan trọng của những đóng góp này không chỉ nằm ở việc hệ thống hóa nhận thức đã có, mà còn ở khả năng phát hiện những vấn đề mới, bổ sung những luận điểm mới và cung cấp cơ sở khoa học cho sự phát triển tư duy lý luận của Đảng. Qua đó, lý luận về đường lối đổi mới từng bước được hình thành đồng bộ hơn, ngày càng phản ánh sâu sắc hơn quy luật phát triển của đất nước trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Thứ hai, Hội đồng đã có đóng góp tích cực vào việc tổng kết các chặng đường phát triển của cách mạng Việt Nam, nhất là tổng kết thực tiễn công cuộc đổi mới.

Tổng kết thực tiễn từng bước trở thành một phương thức quan trọng để kiểm nghiệm đường lối, nhận diện quy luật và phát triển lý luận. Thông qua việc nghiên cứu các giai đoạn, lĩnh vực, địa bàn, mô hình và cách làm cụ thể, Hội đồng đã góp phần khẳng định những thành tựu có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới;

đồng thời phân tích những hạn chế, bất cập, mâu thuẫn và vấn đề mới nảy sinh trong quá trình phát triển. Kết quả tổng kết đã góp phần làm sâu sắc hơn nhận thức của Đảng về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; dân chủ xã hội chủ nghĩa; xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; phát triển văn hóa, con người; bảo đảm tiến bộ, công bằng và an sinh xã hội; củng cố quốc phòng, an ninh; mở rộng đối ngoại và hội nhập quốc tế. Đặc biệt, việc nhận thức ngày càng đầy đủ hơn các mối quan hệ lớn đã giúp tư duy lý luận chuyển từ cách tiếp cận đơn tuyến sang cách tiếp cận tổng thể, hệ thống và biện chứng; thấy rõ hơn sự tác động qua lại, những điều kiện ràng buộc và yêu cầu xử lý hài hòa giữa các mục tiêu phát triển.

Qua tổng kết thực tiễn, nhiều chủ trương đúng đắn được tiếp tục khẳng định và hoàn thiện; những vấn đề chưa rõ được nhận diện thận trọng hơn; những mô hình mới, cách làm sáng tạo được nghiên cứu, khái quát và đề xuất nhân rộng. Đây chính là quá trình đưa thực tiễn vào lý luận, dùng lý luận soi



sáng thực tiễn, làm cho đường lối của Đảng vừa nhất quán về mục tiêu, nguyên tắc, vừa linh hoạt, sáng tạo trong phương thức và bước đi.

Thứ ba, nội dung nghiên cứu ngày càng toàn diện hơn, từng bước tiếp cận những vấn đề mới, khó, phức tạp và có tính liên ngành.

Hoạt động nghiên cứu của Hội đồng đã bao quát nhiều lĩnh vực trọng yếu của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; đồng thời từng bước hướng vào những vấn đề mới do thực tiễn phát triển đất nước và biến đổi của thế giới đặt ra. Phạm vi nghiên cứu không chỉ dừng ở những vấn đề lý luận cơ bản, lâu dài, mà đã quan tâm nhiều hơn đến đổi mới mô hình tăng trưởng, hoàn thiện thể chế phát triển, xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xử lý các vấn đề xã hội, môi trường, an ninh phi truyền thống; nhận diện những biến đổi trong cấu trúc xã hội, hệ giá trị, phương thức truyền thông và tâm lý xã hội.

Việc mở rộng nội dung nghiên cứu cho thấy tư duy lý luận đang chuyển

mạnh từ giải thích những vấn đề đã diễn ra sang nhận diện những xu hướng đang hình thành; từ nghiên cứu từng lĩnh vực riêng biệt sang phân tích mối liên hệ liên ngành, đa chiều; từ tư duy chủ yếu dựa trên kinh nghiệm sang coi trọng hơn bằng chứng, so sánh và dự báo. Đây là bước phát triển cần thiết để lý luận thực sự đi trước, định hướng và dẫn dắt thực tiễn.

Thứ tư, hoạt động khảo sát, nghiên cứu và tổng kết thực tiễn ngày càng được coi trọng, góp phần thu hẹp khoảng cách giữa nghiên cứu lý luận với đời sống đất nước.

Hội đồng đã tổ chức nhiều đoàn nghiên cứu, khảo sát tại các ban, bộ, ngành, địa phương, cơ sở và trên những lĩnh vực trọng điểm; trực tiếp tìm hiểu các mô hình mới, nhân tố mới, cách làm sáng tạo, đồng thời nhận diện khó khăn, điểm nghẽn và những tác động không mong muốn trong quá trình thực hiện chủ trương, chính sách. Thực tiễn địa phương và cơ sở ngày càng được coi là nguồn chất liệu sống động để kiểm nghiệm các quan điểm, giả thuyết nghiên cứu, đánh giá hiệu quả của đường lối và phát hiện những vấn đề lý luận mới.

Ý nghĩa của hoạt động này không chỉ là bổ sung thông tin cho các báo cáo, mà sâu xa hơn là góp phần đổi mới phương pháp nhận thức: xem thực tiễn không phải là nơi minh họa cho những kết luận có sẵn, mà là điểm xuất phát, tiêu chuẩn kiểm nghiệm và động lực phát triển lý luận. Qua tiếp xúc với cán bộ trực tiếp tổ chức thực hiện, người dân, doanh nghiệp và các chủ thể chịu tác động của chính sách, nhiều vấn đề đã được nhìn nhận đầy đủ hơn từ cả phương diện thiết kế thể chế, năng lực thực thi và mức độ phù hợp với đời sống.

Thứ năm, phương thức tổ chức nghiên cứu từng bước được đổi mới theo hướng mở, liên ngành, dân chủ và gắn chặt hơn với yêu cầu tư vấn chiến lược.

Bên cạnh các chương trình, đề tài nghiên cứu dài hạn, Hội đồng đã chú trọng hơn các báo cáo chuyên đề, báo cáo tư vấn và kiến nghị phục vụ trực tiếp, kịp thời sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương. Việc tổ chức hội thảo, tọa đàm, tham vấn chuyên gia và tranh luận khoa học được tăng cường; nhiều nhà lãnh đạo, quản lý, chuyên gia, nhà

khoa học trong và ngoài Hội đồng được huy động tham gia. Sự kết hợp giữa tư duy lý luận của các nhà khoa học với tri thức thực tiễn của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý đã tạo nên nguồn lực trí tuệ đa dạng, góp phần nâng cao chất lượng và tính khả thi của các kiến nghị.

Hội đồng cũng từng bước mở rộng quan hệ phối hợp với các ban, bộ, ngành, địa phương, cơ quan nghiên cứu, cơ sở đào tạo; tăng cường trao đổi lý luận với các chính đảng, tổ chức và cơ sở nghiên cứu quốc tế. Qua đó, hoạt động nghiên cứu có thêm những góc nhìn mới, điều kiện so sánh mới và khả năng tiếp cận sâu hơn đối với các xu hướng phát triển của thời đại. Phương thức hoạt động này thể hiện ngày càng rõ vai trò của Hội đồng không chỉ là một chủ thể nghiên cứu, mà còn là hạt nhân tập hợp, kết nối và phát huy tiềm năng lý luận chính trị của đất nước.

Thứ sáu, Hội đồng đã góp phần bảo vệ, bổ sung và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng, nâng cao sức thuyết phục của công tác đấu tranh lý luận.

Thông qua việc nghiên cứu, luận giải những vấn đề cơ bản của chủ



nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Hội đồng đã góp phần củng cố cơ sở khoa học cho niềm tin vào con đường mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Nhân dân ta đã lựa chọn. Nhiều kết quả nghiên cứu đã trực tiếp cung cấp luận cứ đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, những nhận thức lệch lạc, xuyên tạc về đường lối đổi mới, về chế độ xã hội chủ nghĩa và vai trò lãnh đạo của Đảng.

Đóng góp sâu sắc hơn của Hội đồng trong lĩnh vực này là làm rõ bằng lý luận và chứng minh bằng thực tiễn sức sống của con đường phát triển Việt Nam. Bảo vệ nền tảng tư tưởng không chỉ là bác bỏ những luận điệu sai trái, mà trước hết phải phát triển lý luận đủ sức giải đáp những vấn đề mới, thuyết phục cán bộ, đảng viên và Nhân dân bằng lập luận khoa học, bằng hiệu quả của thực tiễn và bằng khả năng mở ra triển vọng phát triển mới. Theo nghĩa đó, mỗi bước tiến của công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn đều trực tiếp góp phần củng cố nền tảng tư tưởng của Đảng.

Thứ bảy, đội ngũ và mạng lưới nghiên cứu lý luận từng bước được củng cố, tạo lập nguồn lực trí tuệ phục vụ các nhiệm vụ chiến lược của Đảng.

Hội đồng đã quy tụ nhiều nhà lãnh đạo, quản lý, nhà khoa học và chuyên gia có bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn và uy tín khoa học. Thông qua các chương trình nghiên cứu, hội thảo, tọa đàm và hoạt động tư vấn, sự liên kết giữa Hội đồng với các cơ quan nghiên cứu, học viện, trường đại học, ban, bộ, ngành và địa phương ngày càng được mở rộng. Đây là nền tảng quan trọng để từng bước hình thành mạng lưới nghiên cứu lý luận chính trị rộng khắp, có khả năng huy động trí tuệ của nhiều lĩnh vực và nhiều thế hệ.

Nhìn tổng thể, kết quả quan trọng nhất trong hoạt động của Hội đồng không chỉ được thể hiện ở số lượng đề tài, đề án, báo cáo hay hội thảo, mà ở sự đóng góp vào quá trình phát triển nhận thức lý luận của Đảng; vào chất lượng các chủ trương, đường lối và quyết sách chiến lược; vào năng lực nhận diện, giải thích và xử lý những vấn đề mới do thực tiễn đặt ra. Qua đó, Hội đồng từng bước khẳng

định vai trò là một trung tâm tư vấn lý luận chính trị chiến lược, nơi kết nối trí tuệ khoa học với yêu cầu lãnh đạo, cầm quyền và khát vọng phát triển đất nước.

2. Một số hạn chế và vấn đề đặt ra

Bên cạnh những kết quả quan trọng, hoạt động nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn vẫn còn một số hạn chế cần được nhìn nhận thẳng thắn, khách quan.

Trước hết, năng lực phát hiện sớm và lựa chọn đúng một số vấn đề chiến lược có lúc chưa theo kịp tốc độ vận động của thực tiễn. Một số nhiệm vụ còn dàn trải, còn ít câu hỏi nghiên cứu có tính đột phá; tính dự báo, khả năng nhận diện các xu hướng mới và những biến đổi có tính bước ngoặt chưa thật rõ. Chất lượng tổng kết thực tiễn chưa đồng đều; có trường hợp còn thiên về mô tả tình hình, khẳng định thành tựu và liệt kê hạn chế, chưa đi sâu phát hiện bản chất, cơ chế vận động, nguyên nhân sâu xa và điều kiện chuyển hóa kinh nghiệm thực tiễn thành tri thức lý luận. Dữ liệu và bằng chứng phục vụ nghiên cứu có mặt còn thiếu tính hệ thống; việc sử dụng các phương pháp định

lượng, liên ngành, so sánh và đánh giá tác động còn hạn chế. Sự liên kết giữa nghiên cứu cơ bản, tổng kết thực tiễn và tư vấn chính sách có khâu chưa chặt chẽ. Một số sản phẩm nghiên cứu còn dài, tính chất lọc chưa cao, nặng về diễn giải, thiếu luận điểm mới và kiến nghị có địa chỉ, lộ trình, nguồn lực thực hiện rõ ràng. Cơ chế theo dõi việc tiếp thu, chuyển hóa và đánh giá tác động của kết quả nghiên cứu chưa hoàn chỉnh. Nguồn lực nghiên cứu còn phân tán; cơ chế phối hợp, chia sẻ dữ liệu và huy động chuyên gia chưa thật linh hoạt. Đội ngũ chuyên gia đầu ngành có lĩnh vực còn mỏng; lực lượng kế cận am hiểu lý luận, thực tiễn, ngoại ngữ, công nghệ và phương pháp nghiên cứu hiện đại chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu. Hạ tầng dữ liệu và chuyển đổi số trong nghiên cứu lý luận còn chậm so với sự phát triển của khoa học và công nghệ.

Những hạn chế trên đặt ra một vấn đề có tính căn bản: công tác lý luận không thể chỉ theo sau để giải thích thực tiễn, mà phải nâng cao năng lực đi trước, dự báo và kiến tạo phát triển. Trong bối cảnh thế giới biến đổi



nhANH, phức tạp, khó dự báo; đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với yêu cầu cao hơn về chất lượng tăng trưởng, năng lực tự chủ, sức cạnh tranh và khát vọng vươn lên, Hội đồng cần giải quyết tốt một số mối quan hệ lớn: Giữa kiên định nền tảng tư tưởng, mục tiêu, nguyên tắc với đổi mới mạnh mẽ tư duy, nội dung và phương pháp nghiên cứu; giữa nghiên cứu cơ bản, dài hạn với tư vấn chính sách kịp thời; giữa yêu cầu bảo đảm đúng định hướng chính trị với phát huy dân chủ, sáng tạo và tranh luận khoa học; giữa yêu cầu nâng cao chất lượng sản phẩm với đổi mới căn bản cơ chế tổ chức nghiên cứu; giữa phát huy trí tuệ trong nước với chủ động tiếp thu có chọn lọc thành tựu lý luận và kinh nghiệm quốc tế... Từ đó, yêu cầu đặt ra đối với Hội đồng Lý luận Trung ương trong giai đoạn mới là phải tạo được bước chuyển mạnh từ tư duy, cách tiếp cận nghiên cứu cũ sang tư duy, cách tiếp cận mới, từ nghiên cứu những vấn đề cụ thể tự đặt hàng sang nghiên cứu nhằm giải quyết những vấn đề chiến lược; từ tổng hợp tình hình sang phát hiện bản chất và quy luật; từ kiến nghị mang

tính định hướng chung sang các phương án chính sách có căn cứ, có tính khả thi; từ hoạt động tương đối phân tán sang tổ chức mạng lưới nghiên cứu có trọng tâm, liên ngành và chia sẻ dữ liệu; từ phản ứng trước vấn đề đã xuất hiện sang chủ động dự báo, cảnh báo và kiến tạo tương lai... Đó vừa là yêu cầu đổi mới hoạt động của Hội đồng, vừa là điều kiện để nâng cao năng lực tư duy lý luận, năng lực tham mưu hoạch định đường lối và nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong kỷ nguyên phát triển mới.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN GẮN VỚI TỔNG KẾT THỰC TIỄN

Trong giai đoạn phát triển mới, nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn của Hội đồng Lý luận Trung ương không chỉ nhằm giải đáp những vấn đề đã nảy sinh, mà còn phải phát hiện sớm vấn đề, dự báo đúng xu hướng, kiến tạo luận cứ và chủ động đề xuất định hướng chiến lược cho Đảng. Điều đó đòi hỏi đổi mới đồng bộ từ tư duy, nội dung, phương pháp đến tổ

chức lực lượng, dữ liệu, sản phẩm và cơ chế chuyển hóa kết quả nghiên cứu thành chủ trương, đường lối. Trọng tâm là thực hiện tốt tám giải pháp chủ yếu sau:

1. Đổi mới căn bản cơ chế phát hiện, lựa chọn và đặt hàng nhiệm vụ, chuyển từ nghiên cứu đề tài thuần túy sang nghiên cứu theo vấn đề chiến lược

Mọi bước phát triển của tư duy lý luận đều bắt nguồn từ việc phát hiện và giải quyết đúng những mâu thuẫn do thực tiễn đặt ra. Lý luận chỉ có sức sống khi phản ánh đúng bản chất, quy luật vận động của thực tiễn, có khả năng soi đường và dẫn dắt thực tiễn. Vì vậy, chất lượng nghiên cứu trước hết phụ thuộc vào việc lựa chọn đúng vấn đề. Nếu câu hỏi nghiên cứu chưa đúng, chưa trúng, thiếu tầm chiến lược thì dù đầu tư nhiều nguồn lực, kết quả cũng khó tạo ra giá trị mới. Do đó, cần chuyển mạnh từ tư duy “xây dựng danh mục đề tài” sang “xác lập chương trình giải quyết vấn đề”; từ nghiên cứu riêng lẻ, ngắn hạn sang nghiên cứu theo chuỗi, có tích lũy và kế thừa. Mỗi nhiệm vụ phải bắt đầu bằng một

câu hỏi lý luận lớn, một mâu thuẫn thực tiễn cần lý giải, một khoảng trống nhận thức cần bổ sung hoặc một chủ trương, quyết sách cần luận cứ khoa học.

Hội đồng cần thiết lập cơ chế nhận diện vấn đề theo ba tầng. Tầng thứ nhất là những vấn đề lý luận nền tảng, lâu dài về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; Nhà nước pháp quyền, nền dân chủ và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; con người, văn hóa và mô hình phát triển Việt Nam. Tầng thứ hai là những vấn đề chiến lược trung hạn, gắn với chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và yêu cầu chuẩn bị các quyết sách lớn. Tầng thứ ba là những vấn đề mới, cấp bách, chưa có tiền lệ, cần nghiên cứu và phản ứng chính sách nhanh.

Đột phá của giải pháp này là hình thành chu trình nghiên cứu khép kín gồm các khâu: phát hiện vấn đề; thiết kế nhiệm vụ; thu thập và phân tích bằng chứng; khái quát, phát triển lý luận; xây dựng kiến nghị; theo dõi quá trình tiếp nhận, thể chế hóa và



thực hiện. Mỗi khâu phải có sản phẩm, thời hạn, người chịu trách nhiệm và tiêu chí chất lượng sản phẩm. Thực tiễn sau quyết sách phải trở thành vòng kiểm nghiệm mới của lý luận. Qua hậu đánh giá, Hội đồng xác định luận điểm nào được chứng minh, dự báo nào chưa chính xác, điều kiện nào bị bỏ sót để tiếp tục hoàn thiện nhận thức và nâng cao năng lực tư vấn.

2. Chuẩn hóa và hiện đại hóa phương pháp tổng kết thực tiễn, bảo đảm mọi kết luận lý luận đều dựa trên bằng chứng xác thực

Tổng kết thực tiễn không phải là cộng gộp báo cáo thành tích, mô tả hiện tượng hay khái quát kinh nghiệm theo lối kinh nghiệm chủ nghĩa. Đó là quá trình nghiên cứu khoa học đi từ sự kiện đến bản chất, từ hiện tượng đến quy luật, từ kinh nghiệm riêng lẻ đến tri thức có khả năng giải thích, dự báo và định hướng hành động. Tổng kết thực tiễn chỉ đạt tới tầm lý luận khi làm rõ điều gì đang diễn ra, vì sao diễn ra, chủ thể và cơ chế nào tạo ra kết quả, đâu là điều kiện phổ biến và đâu là yếu tố đặc thù.

Cần xây dựng, áp dụng thống nhất quy trình tổng kết thực tiễn của Hội đồng. Mỗi cuộc tổng kết phải có đề cương phương pháp riêng, xác định rõ câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết, khung phân tích, đơn vị khảo sát, phạm vi so sánh, nguồn dữ liệu, phương pháp xử lý và tiêu chuẩn kiểm chứng. Địa bàn khảo sát phải bao quát nơi làm tốt, nơi đạt kết quả trung bình, nơi còn khó khăn và, khi cần thiết, cả nơi thí điểm không thành công. So sánh giữa thành công và chưa thành công mới giúp nhận diện đúng điều kiện tạo nên kết quả.

Đối tượng khảo sát cần đa dạng, gồm cơ quan lãnh đạo, quản lý, cán bộ trực tiếp thực hiện, chuyên gia, doanh nghiệp, người lao động, người dân và các nhóm chịu tác động. Phương pháp nghiên cứu phải kết hợp phân tích văn bản, dữ liệu quản lý, điều tra xã hội học, phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, quan sát thực địa, nghiên cứu trường hợp, so sánh vùng, ngành và quốc tế, phân tích chuỗi thời gian và đánh giá tác động chính sách. Đối với một mô hình mới, phải làm rõ bối cảnh hình thành; chủ thể khởi xướng; cơ chế vận hành; nguồn lực,

động lực; kết quả; chi phí, hệ quả ngoài dự kiến; rủi ro; điều kiện duy trì và khả năng nhân rộng.

Đột phá cần thực hiện là xây dựng các “phòng thí nghiệm thực tiễn” và “điểm quan sát dài hạn” tại một số địa phương, ngành, lĩnh vực tiêu biểu. Thay vì chỉ khảo sát theo đợt ngắn, Hội đồng cần theo dõi liên tục sự vận động của mô hình, tác động của chính sách và biến đổi trong hành vi của các chủ thể. Dữ liệu chuỗi thời gian giúp phân biệt kết quả nhất thời với xu hướng bền vững, hiện tượng cá biệt với vấn đề có tính quy luật, đưa tổng kết thực tiễn trở thành nguồn trực tiếp bổ sung và phát triển lý luận.

3. Đổi mới mạnh mẽ sản phẩm nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế phản biện, đánh giá chất lượng và đo lường tác động

Hội đồng cần phát triển hệ sinh thái sản phẩm gồm: báo cáo chiến lược dài hạn; báo cáo luận cứ phục vụ xây dựng văn kiện, nghị quyết; báo cáo tư vấn chính sách; bản tin cảnh báo sớm; chuyên đề lý luận; báo cáo tổng kết mô hình; hồ sơ dữ liệu; bản đồ vấn đề; kịch bản dự báo; bản tóm tắt điều hành từ 3 -5 trang. Một kết quả lớn có

thể được chuyển hóa thành nhiều sản phẩm phục vụ các đối tượng khác nhau, nhưng phải thống nhất về dữ liệu, luận điểm và kiến nghị.

Mỗi báo cáo tư vấn cần trả lời rõ năm câu hỏi: Vấn đề thực chất là gì? Vì sao xuất hiện? Nếu không xử lý sẽ dẫn đến hệ quả nào? Có những phương án nào, lợi ích và sự đánh đổi ra sao? Phương án đề xuất cần điều kiện, nguồn lực, lộ trình và cơ chế kiểm soát rủi ro như thế nào? Kiến nghị phải phân định nội dung cần đổi mới nhận thức; ban hành chủ trương; thể chế hóa thành pháp luật, chính sách; tổ chức thí điểm; hoặc tiếp tục nghiên cứu.

Cần xây dựng bộ tiêu chí đánh giá trên 8 phương diện: tính đúng đắn chính trị; tính mới lý luận; độ tin cậy của dữ liệu; năng lực giải thích; giá trị dự báo; tính khả thi của kiến nghị; mức độ được sử dụng; tác động thực tế. Không áp dụng cùng một thước đo cho nghiên cứu cơ bản, báo cáo phản ứng nhanh, tổng kết mô hình và tư vấn chính sách. Cơ chế phản biện phải thực chất, có phản biện độc lập, phản biện kín với công trình quan trọng và phản biện liên ngành với vấn đề phức



tạp. Có thể tổ chức “phản biện ngược”, giao nhóm độc lập tìm chứng cứ trái chiều, kiểm tra giả định và nhận diện rủi ro bị bỏ sót.

4. Nâng cao năng lực dự báo chiến lược, nghiên cứu tương lai và so sánh quốc tế

Hội đồng cần xây dựng chương trình dự báo chiến lược thường xuyên, tập trung vào những xu hướng có khả năng làm biến đổi sâu sắc mô hình phát triển và phương thức quản trị quốc gia: cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn; phân mảnh và tái cấu trúc kinh tế thế giới; trí tuệ nhân tạo và công nghệ chiến lược; chuyển đổi số; biến đổi khí hậu; an ninh năng lượng, nguồn nước, lương thực; già hóa dân số; đô thị hóa; biến đổi cơ cấu xã hội, hệ giá trị và phương thức giao tiếp xã hội.

Phương pháp dự báo cần chuyển từ ngoại suy tuyến tính sang xây dựng nhiều kịch bản. Với mỗi vấn đề chiến lược, cần xác định kịch bản cơ sở, thuận lợi, bất lợi và đột biến; xây dựng chỉ báo sớm để nhận biết thực tế đang vận động theo kịch bản nào. Mỗi kịch bản phải gắn với phân tích tác động, mức độ sẵn sàng và phương án chính

sách tương ứng; dự báo phải được cập nhật định kỳ theo bằng chứng mới.

Nghiên cứu quốc tế phải vượt qua cách tiếp cận mô tả hoặc sao chép kinh nghiệm. Kinh nghiệm chỉ có thể tham khảo khi được đặt trong cấu trúc thể chế, điều kiện lịch sử, văn hóa, nguồn lực và tương quan lợi ích cụ thể. Mỗi nghiên cứu so sánh phải chỉ rõ yếu tố phổ biến và đặc thù; nội dung Việt Nam có thể tiếp thu; điều kiện cần điều chỉnh; nội dung không phù hợp với chế độ chính trị, trình độ phát triển, truyền thống văn hóa và lợi ích quốc gia - dân tộc.

5. Kiến tạo mạng lưới nghiên cứu lý luận quốc gia do Hội đồng Lý luận Trung ương làm hạt nhân điều phối

Cần thiết lập cơ chế phối hợp ổn định, thực chất giữa Hội đồng với các ban đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Tạp chí Cộng sản, các viện hàn lâm, trường đại học, cơ quan nghiên cứu của bộ, ngành, địa phương và các tổ chức liên quan. Sự phối hợp phải đi vào cùng xác định vấn đề, chia sẻ dữ liệu, huy động nhân lực, tổ chức khảo sát, phản biện kết quả và chuyển giao kiến nghị; khắc phục tình trạng

chủ yếu dừng ở đồng tổ chức hội thảo hoặc trao đổi tài liệu.

Đối với mỗi chương trình lớn, cần thành lập nhóm nghiên cứu liên cơ quan, gồm nhóm lý luận, phương pháp, dữ liệu, khảo sát thực tiễn, so sánh quốc tế và tư vấn chính sách. Phải quy định rõ cơ quan chủ trì, trách nhiệm cá nhân, cơ chế chia sẻ thông tin, quyền sử dụng kết quả và chế độ bảo mật. Hội đồng giữ vai trò xác định chuẩn mực khoa học, kết nối nguồn lực, kiểm soát chất lượng và tích hợp kết quả thành luận cứ chiến lược.

Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên gia theo hướng mở, động, được cập nhật bằng năng lực, lĩnh vực chuyên sâu và sản phẩm thực tế, thay vì chỉ dựa vào chức danh hoặc cơ quan công tác. Bên cạnh các nhà lý luận, cần thu hút cán bộ lãnh đạo, quản lý; chuyên gia kinh tế, pháp luật, công nghệ, xã hội học, văn hóa; doanh nhân; trí thức trẻ; trí thức Việt Nam ở nước ngoài và người trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực mới. Việc mở rộng lực lượng phải gắn với tiêu chuẩn chính trị, đạo đức khoa học, chất lượng chuyên môn và yêu cầu bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước.

6. Xây dựng đội ngũ cán bộ lý luận tinh hoa, có bản lĩnh chính trị, tư duy độc lập, năng lực liên ngành và am hiểu sâu sắc thực tiễn

Con người là nhân tố quyết định chất lượng nghiên cứu. Nghiên cứu lý luận chính trị đòi hỏi sự thống nhất giữa bản lĩnh chính trị với năng lực khoa học, giữa kiên định nguyên tắc với tư duy đổi mới, giữa tầm nhìn lý luận với sự nhạy cảm trước thực tiễn. Kiên định không đồng nghĩa với bảo thủ; đổi mới không đồng nghĩa với xa rời nền tảng tư tưởng. Bản lĩnh của nhà nghiên cứu thể hiện ở khả năng đứng vững trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời dám phát hiện cái mới, nhìn thẳng vào sự thật và đề xuất giải pháp vì lợi ích quốc gia - dân tộc.

Đổi mới đào tạo theo nguyên tắc “trưởng thành trong nghiên cứu và qua thực tiễn”. Mỗi chương trình lớn cần có chuyên gia đầu ngành dẫn dắt nhóm cán bộ trẻ; giao việc thực chất, gắn trách nhiệm với sản phẩm. Thực hiện chế độ nghiên cứu, khảo sát hoặc làm việc có thời hạn tại địa phương, bộ, ngành, doanh nghiệp, cơ sở; đưa cán bộ thực tiễn vào nhóm nghiên cứu



và tạo điều kiện để nhà nghiên cứu tham gia quá trình chuẩn bị, thực hiện, đánh giá chính sách.

Cùng với nâng cao năng lực, phải xây dựng văn hóa học thuật đề cao trung thực, tranh luận, tự phê bình và trách nhiệm. Người nghiên cứu phải dám bảo vệ kết luận có căn cứ, không né tránh vấn đề khó, không lựa chọn bằng chứng để hợp thức hóa kết luận có sẵn; nghiêm túc trong trích dẫn, kiểm chứng và bảo mật. Cần phân biệt tranh luận khoa học có trách nhiệm với biểu hiện dao động về lập trường; tạo môi trường để các ý kiến khác nhau được trao đổi thẳng thắn, trên cơ sở khoa học, trong khuôn khổ nguyên tắc và vì mục tiêu chung.

7. Xây dựng hạ tầng dữ liệu lý luận - thực tiễn và nền tảng số dùng chung, đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo có kiểm soát

Hội đồng cần xây dựng kho dữ liệu lý luận - thực tiễn dùng chung, tích hợp có chọn lọc văn kiện của Đảng; pháp luật, chính sách của Nhà nước; công trình nghiên cứu; báo cáo khảo sát; dữ liệu thống kê; kết quả điều tra xã hội học; mô hình thực tiễn; ý kiến chuyên gia; tài liệu quốc tế và sản

phẩm nghiên cứu của Hội đồng qua các thời kỳ. Dữ liệu phải được chuẩn hóa, gắn siêu dữ liệu, xác định nguồn gốc, thời điểm, độ tin cậy, chế độ cập nhật và phân quyền truy cập.

Trí tuệ nhân tạo có thể tạo bước đột phá trong tìm kiếm tài liệu, phân loại văn bản, phân tích nội dung, nhận diện chủ đề, so sánh quan điểm, phát hiện tín hiệu và hỗ trợ xây dựng kịch bản. Tuy nhiên, công nghệ chỉ là công cụ, không thể thay thế tư duy lý luận, bản lĩnh chính trị và phán đoán khoa học. Mọi kết quả do trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phải được chuyên gia kiểm chứng; không sử dụng dữ liệu không rõ nguồn; không để thuật toán quyết định kết luận chính trị hoặc khoa học.

Việc triển khai cần theo lộ trình: trước hết số hóa, chuẩn hóa dữ liệu hiện có; tiếp đó kết nối có kiểm soát với cơ sở dữ liệu của các cơ quan; sau đó phát triển công cụ phân tích và trợ lý nghiên cứu chuyên biệt. Mỗi chương trình sử dụng ngân sách nhà nước cần có nghĩa vụ nộp dữ liệu, bảng mã, báo cáo phương pháp và sản phẩm vào kho dùng chung theo chế độ phù hợp, biến kết quả của từng đề tài

thành tài sản tri thức lâu dài của Đảng và đất nước.

8. Đổi mới cơ chế lãnh đạo, quản trị nghiên cứu và chuyển hóa kết quả thành quyết sách; bảo đảm nguồn lực tương xứng cho nhiệm vụ chiến lược

Trước hết, cần xác định rõ hơn vai trò của Hội đồng là cơ quan tư vấn chiến lược về lý luận chính trị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; đồng thời là hạt nhân kết nối, điều phối và dẫn dắt hoạt động nghiên cứu lý luận trong cả nước. Trên cơ sở đó, hoàn thiện quy chế làm việc và cơ chế phối hợp giữa Hội đồng với cơ quan ra quyết định, cơ quan tham mưu chiến lược, cơ quan xây dựng chính sách và các chủ thể tổ chức thực hiện.

Cần thiết lập cơ chế giao nhiệm vụ theo “đường găng quyết sách”. Ngay từ khi xây dựng chương trình công tác của Trung ương, phải xác định quyết sách nào cần luận cứ lý luận, thời điểm cần sản phẩm, mức độ bảo mật và cơ quan tiếp nhận. Hội đồng phải được tham gia từ sớm, không chỉ nghiên cứu khi dự thảo chủ trương đã cơ bản hoàn thành. Với vấn đề mới,

cấp bách, cần có cơ chế “nhiệm vụ phản ứng nhanh”, huy động nhóm chuyên gia tinh gọn, cung cấp báo cáo ban đầu trong thời gian ngắn và tiếp tục cập nhật theo dữ liệu mới.

Đồng thời, cần hình thành cơ chế chuyển giao và phản hồi chính sách. Sau khi sản phẩm được gửi đến cơ quan có thẩm quyền, phải có đầu mối trao đổi, giải trình, tiếp thu và theo dõi việc sử dụng. Với kiến nghị chưa được chấp nhận, cần làm rõ nguyên nhân do luận cứ chưa đủ, thời điểm chưa phù hợp, nguồn lực chưa đáp ứng hay còn khác biệt trong lựa chọn chính sách. Thông tin phản hồi phải trở thành dữ liệu cải tiến nghiên cứu. Khi chủ trương được ban hành, Hội đồng cần tiếp tục theo dõi quá trình thể chế hóa, tổ chức thực hiện và kịp thời đề xuất điều chỉnh khi thực tiễn xuất hiện vấn đề mới.

Nguồn lực cho nghiên cứu lý luận phải tương xứng với tính chất của một nhiệm vụ chiến lược. Cần đổi mới cơ chế tài chính theo hướng khoán theo sản phẩm và chất lượng; linh hoạt điều chỉnh kinh phí giữa các hoạt động nghiên cứu; dành tỷ lệ thỏa đáng cho điều tra xã hội học, khảo sát dài hạn,



mua dữ liệu, thuê chuyên gia, dịch thuật và hợp tác quốc tế. Cần có cơ chế tài chính riêng cho nhiệm vụ phản ứng nhanh, nghiên cứu vấn đề mới và xây dựng cơ sở dữ liệu.

Đột phá quan trọng nhất là hình thành “cơ chế đồng hành từ nghiên cứu đến quyết sách”: cơ quan lãnh đạo đặt yêu cầu; Hội đồng tổ chức nghiên cứu, tư vấn; cơ quan chức năng thể chế hóa; địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện; Hội đồng theo dõi, đánh giá và tiếp tục khái quát lý luận. Cơ chế này khắc phục sự tách rời giữa nghiên cứu với xây dựng, thực hiện chính sách, bảo đảm lý luận được kiểm nghiệm, bổ sung và phát triển trong thực tiễn.

KẾT LUẬN

Lý luận chỉ có sức sống khi bắt nguồn từ thực tiễn, giải thích được thực tiễn và dẫn đường cho thực tiễn. Tổng kết thực tiễn chỉ đạt đến giá trị khoa học khi vượt qua sự mô tả, phát hiện được bản chất, quy luật và cung cấp chất liệu để bổ sung, phát triển lý luận. Sự thống nhất ấy là quy luật của nhận thức, đồng thời là phương pháp căn bản bảo đảm Đảng ta luôn đổi mới tư duy, hoàn

thiện đường lối và nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền.

Với vị trí là cơ quan tư vấn lý luận chính trị quan trọng của Trung ương, Hội đồng Lý luận Trung ương có trách nhiệm đi đầu trong tổ chức mối liên hệ hữu cơ giữa lý luận và thực tiễn. Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng không chỉ là cải tiến quy trình nghiên cứu, mà cần một đổi mới đồng bộ: từ cách phát hiện vấn đề, phương pháp tổng kết, tổ chức lực lượng, quản trị dữ liệu, tranh luận học thuật, hình thức sản phẩm đến cơ chế chuyển hóa và kiểm nghiệm kiến nghị. Khi nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn được tổ chức thành một chu trình khoa học, dân chủ, liên tục và hướng đích, công tác lý luận sẽ không chỉ “theo kịp” mà còn có khả năng đi trước, mở đường; không chỉ giải thích những gì đã diễn ra mà còn góp phần kiến tạo tương lai. Đó chính là đóng góp thiết thực của Hội đồng Lý luận Trung ương vào việc tiếp tục hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, văn minh, hạnh phúc trong kỷ nguyên mới ■

NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỢP TÁC VÀ ĐỐI THOẠI LÝ LUẬN QUỐC TẾ CỦA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

PGS.TS TRẦN QUỐC CƯỜNG

*Phó Trưởng Tiểu ban chuyên trách
Tiểu ban Quốc phòng, An ninh, Đối ngoại,
Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương*

Hội đồng Lý luận Trung ương là cơ quan tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các vấn đề lý luận chính trị làm cơ sở cho việc hoạch định, hoàn thiện, phát triển đường lối, chính sách của Đảng, về những chương trình, đề tài khoa học cấp nhà nước về lý luận chính trị, phục vụ trực tiếp công tác lãnh đạo của Đảng, trong đó có nhiệm vụ giúp Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh duy trì và củng cố mối quan hệ về công tác nghiên cứu, trao đổi lý luận với các cơ quan nghiên cứu của các đảng cộng sản và đảng cầm quyền trên thế giới¹.

Đánh giá về vai trò của công tác lý luận và yêu cầu đối với hoạt động của Hội đồng Lý luận Trung ương, đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh “Công tác lý luận có vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp cách mạng. Muốn lãnh đạo, cầm quyền đúng, ngang tầm sứ mệnh, Đảng phải có lý luận đúng; muốn đi xa phải có tầm nhìn xa; muốn xử lý vấn đề mới phải có tư duy mới; muốn giữ vững mục tiêu chiến lược phải không ngừng phát triển sáng tạo nền tảng tư tưởng của Đảng trên cơ sở tổng kết thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa trí tuệ nhân loại”² và “Trong những thời khắc



chuyển đổi có tính bước ngoặt, lý luận càng phải đi trước một bước. Nếu tư duy lý luận không bắt kịp thực tiễn, chúng ta sẽ lúng túng trong xác định tầm nhìn, lựa chọn mô hình, tháo gỡ điểm nghẽn và nắm bắt thời cơ. Nếu lý luận không đủ sức soi đường, không có năng lực dự báo chiến lược, chúng ta sẽ bị động trước những biến đổi lớn của thời đại”³.

Ba mươi năm qua, Hội đồng Lý luận Trung ương là đầu mối tổ chức hợp tác quốc tế về lý luận và chịu trách nhiệm về nội dung trong các cuộc hội thảo, các cuộc làm việc với các cơ quan nghiên cứu của các đảng cộng sản, đảng cầm quyền một số nước trên thế giới. Hội đồng Lý luận Trung ương đã phối hợp tổ chức nhiều hội thảo, trao đổi lý luận với các đoàn, cơ quan nghiên cứu lý luận của các đảng cộng sản và đảng cầm quyền trên thế giới, cụ thể: Tổ chức 20 cuộc hội thảo, trao đổi lý luận với Đảng Cộng sản Trung Quốc⁴; 12

cuộc hội thảo, trao đổi lý luận Đảng Nhân dân Cách mạng Lào⁵; 06 cuộc hội thảo, trao đổi lý luận Đảng Cộng sản Cuba⁶; 12 cuộc trao đổi lý luận với Đảng Cộng sản Nhật Bản⁷; 04 cuộc hội thảo và trao đổi lý luận Đảng Cộng sản Pháp⁸; 11 cuộc trao đổi lý luận với Đảng Dân chủ Xã hội Đức⁹; 06 cuộc đối thoại với Đảng Cánh tả Đức...

Các cuộc hội thảo, đối thoại lý luận với nhiều chủ đề phong phú, đa dạng, nội dung thiết thực, bổ ích; là cơ sở quan trọng giúp cho các cơ quan nghiên cứu lý luận của Việt Nam và các đảng bạn chia sẻ thông tin và kinh nghiệm; tiếp thu một số kinh nghiệm có giá trị của đối tác quốc tế góp phần tham mưu, tư vấn cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng cũng như sự chỉ đạo thực tiễn trong công cuộc đổi mới. Đồng thời, các cuộc hội thảo, đối thoại lý luận với các đảng bạn đã góp phần củng cố, tăng cường quan hệ hợp tác giữa Đảng

ta, nước ta với các đảng bạn, nước bạn¹⁰. Ngoài các cơ quan nghiên cứu lý luận của các đảng cộng sản và đảng cầm quyền trên thế giới¹¹, Hội đồng Lý luận Trung ương không ngừng thông qua cơ quan ngoại giao một số nước để thúc đẩy trao đổi chính sách với các viện nghiên cứu, cơ quan nghiên cứu chính sách tại một số nước như Đức, Úc, Nhật Bản¹²,...

Hoạt động nghiên cứu lý luận, trong đó có kết quả hoạt động hợp tác, trao đổi lý luận và kinh nghiệm thực tiễn giữa Đảng ta với các đảng cộng sản và đảng cầm quyền trên thế giới do Hội đồng Lý luận Trung ương là đầu mối tổ chức đã góp phần quan trọng trong thành tựu đạt được về sự phát triển nhận thức lý luận của Đảng ta thời gian qua. Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam đã ghi nhận: “Qua 40 năm, 8 kỳ đại hội đảng, nhận thức lý luận của Đảng về chủ nghĩa xã hội đã có những bước phát triển rất quan trọng trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, Nhà nước, xây dựng Đảng, quan hệ quốc tế”¹³, “Sự

phát triển nhận thức lý luận sau 40 năm Đổi mới đã hình thành một hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, vừa mang tính khoa học, cách mạng, vừa có giá trị thực tiễn sâu sắc. Lý luận về đường lối đổi mới chính là sự vận dụng, bổ sung, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ đổi mới; là sự bổ sung, phát triển sáng tạo lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, phù hợp với các quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn đất nước và xu thế thời đại; kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa, giá trị văn hóa và các thành tựu phát triển của nhân loại”¹⁴. Về sự phát triển nhận thức lý luận trong các lĩnh vực cụ thể thời kỳ Đổi mới, Đảng ta đánh giá: “Khẳng định kinh tế thị trường là sản phẩm chung của văn minh nhân loại, đồng thời xác định rõ mô hình kinh tế tổng quát của Việt Nam; khẳng định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực và sức mạnh nội sinh của phát triển; làm rõ và phát triển toàn diện tư duy bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong



điều kiện mới; hình thành hệ thống lý luận về nền ngoại giao toàn diện, hiện đại; phát triển nhận thức lý luận về xây dựng Đảng toàn diện, về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng rõ ràng, thống nhất”¹⁵.

Đặc biệt, Đảng ta nhấn mạnh sự phát triển đột phá nhận thức lý luận về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: “Sự đổi mới và sáng tạo liên tục trong tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam trên cơ sở kiên định, vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp thu có chọn lọc những thành tựu mới nhất về lý luận của thế giới và không ngừng tổng kết thực tiễn trong suốt 40 năm đổi mới, đã tạo nên đột phá lý luận của Đảng về mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”¹⁶.

Đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030, Đảng ta khẳng định: “Sau hơn 10 năm thực hiện Nghị quyết 37-NQ/TW, công tác lý luận đã đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần hoàn

thiện hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức, tư duy lý luận, bản lĩnh chính trị và năng lực hành động cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân; thúc đẩy sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa”¹⁷.

Tuy nhiên, Đảng ta nhận thấy “công tác lý luận còn chậm đổi mới, chưa theo kịp sự phát triển của thực tiễn, chưa phát huy tốt vai trò định hướng, dẫn dắt, thúc đẩy thực tiễn; công tác giáo dục, tuyên truyền chưa đáp ứng yêu cầu; chất lượng đội ngũ cán bộ lý luận chưa đồng đều, thiếu chuyên gia đầu ngành; phát huy dân chủ trong nghiên cứu còn hạn chế; hợp tác quốc tế chưa được quan tâm đúng mức”¹⁸. Đảng ta yêu cầu: “Tăng cường mở rộng, đa dạng hóa các hoạt động trao đổi lý luận với đảng cộng sản các nước, nhất là các đảng cộng sản các nước anh em; đổi

thoại chính sách với các đảng cộng sản ở các nước phát triển, các nước đối tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện, các tổ chức, quỹ nghiên cứu quốc tế. Đẩy mạnh hợp tác đào tạo, nghiên cứu lý luận. Tăng cường tuyên truyền, thông tin đối ngoại về đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam, thành quả lý luận của Đảng, thành tựu đổi mới của đất nước”¹⁹. Chỉ đạo công tác của Hội đồng Lý luận Trung ương, đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm yêu cầu: “Công tác lý luận giai đoạn 2026-2031 phải chủ động hơn, sắc bén hơn, không thể chỉ đi sau để giải thích thực tiễn, mà phải đi cùng, đi trước ở những vấn đề cần dự báo, đi sâu vào các vấn đề cốt lõi, đi thẳng vào các điểm nghẽn, nút thắt, mâu thuẫn mới của phát triển, qua đó tư vấn kịp thời, hiệu quả cho các quyết sách của Đảng”²⁰.

Đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới trong bối cảnh thế giới, khu vực đang trải qua những thay đổi mang tính thời đại, tạo ra nhiều thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động sâu

sắc đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội trên phạm vi toàn cầu, thúc đẩy sự xuất hiện của nhiều hình thức kinh tế mới. Các sản phẩm mang tính đột phá như trí tuệ nhân tạo (AI), mạng 5G với đặc trưng kinh tế số, chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi phát triển xanh, tuần hoàn... Môi trường chính trị, kinh tế, an ninh thế giới liên tục bất ổn, diễn biến phức tạp, nhanh chóng, khó dự báo. Các vấn đề như tranh chấp thương mại, xung đột lãnh thổ và khác biệt ý thức hệ đã góp phần tạo nên bối cảnh địa chính trị toàn cầu phức tạp và thường không ổn định. Tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên, xung đột sắc tộc, tôn giáo, can thiệp lật đổ, khủng bố, chiến tranh cục bộ, chiến tranh mạng và các thách thức an ninh phi truyền thống diễn ra gay gắt ở nhiều khu vực với nhiều đặc điểm mới. Trong nước đang triển khai những quyết sách chiến lược, đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới cao hơn, đòi hỏi công tác lý luận phải đổi mới mạnh mẽ, vươn lên tầm cao mới, nâng cao tính dự báo chiến lược, chất lượng, hiệu quả, góp phần định hướng



nhận thức, tư duy và hành động, bám sát, thúc đẩy thực tiễn, góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển, vì một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Để đáp ứng trọng trách, nhiệm vụ được giao trong kỷ nguyên mới, Hội đồng Lý luận Trung ương cần tiếp tục nâng cao hiệu quả hợp tác nghiên cứu lý luận và đối thoại chính trị với cơ quan nghiên cứu lý luận của các đảng cộng sản và đảng cầm quyền ở các nước phát triển, các nước đối tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện, các tổ chức, quỹ nghiên cứu quốc tế, các viện nghiên cứu chính sách các quốc gia trên thế giới; tập trung thực hiện theo hướng như sau:

1. Không ngừng đa dạng hóa đối tác và kênh đối thoại, mở rộng mạng lưới đối tác chiến lược

Tăng cường mở rộng, đa dạng hóa

các hoạt động trao đổi lý luận với đảng cộng sản các nước, nhất là các đảng cộng sản các nước anh em; đối thoại chính sách với các đảng cộng sản ở các nước phát triển, các nước đối tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện, các tổ chức, quỹ nghiên cứu quốc tế. Đồng thời, mở rộng đối thoại,

trao đổi lý luận với các đảng cầm quyền để nghiên cứu sâu hơn về kinh nghiệm xây dựng và thực thi chính sách quản trị xã hội của đảng cầm quyền trong môi trường xã hội số; về đạo đức cầm quyền, văn hóa cầm quyền và kiểm soát quyền lực; làm rõ những chuẩn mực mới về trách nhiệm nêu gương, liêm chính, phụng sự, kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm giải trình, quan hệ giữa quyền lực và trách

nhiệm, giữa lãnh đạo và phục vụ Nhân dân. Mở rộng mạng lưới đối tác chiến lược, kênh đối thoại, trao đổi chính sách là các viện nghiên cứu, cơ quan nghiên cứu chính sách chiến

lực tại các nước phát triển và các nước có môi trường xã hội tương đồng với Việt Nam. Đối với các nước phát triển, các nước đối tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện, Đảng ta mở rộng đối thoại với nhiều chính đảng khác nhau, cả với đảng cầm quyền, liên minh cầm quyền, cả với các đảng đối lập có mối quan hệ tích cực với Đảng ta (như Nhật Bản, Liên bang Đức, Liên bang Nga,...).

2. Đổi mới nội dung và phương thức, nền tảng đối thoại; gắn lý luận với thực tiễn; gắn kết hợp tác quốc tế với nhu cầu phát triển của Đảng, của đất nước

Thông qua hợp tác, đối thoại lý luận quốc tế để tiếp thu lý luận và kinh nghiệm thực tiễn của các đảng bạn, nước bạn, đóng góp tích cực trong nghiên cứu những vấn đề lý luận mới của thời đại và cấp bách của đất nước, nhất là mô hình phát triển Việt Nam trong kỷ nguyên mới; thể chế phát triển nhanh, bền vững; quản trị quốc gia hiện đại, kiến tạo; tự chủ chiến lược gắn với hội nhập quốc tế; tác động tổng hợp của chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu, nguồn nhân

lực và quản trị; sức mạnh tổng hợp quốc gia, sức mạnh mềm Việt Nam; hình thái cạnh tranh, xung đột mới và kinh nghiệm phát triển quốc tế... Chủ động rà soát và tham gia chuẩn hóa, làm sáng rõ và phát triển hệ khái niệm, phạm trù, ngôn ngữ lý luận của Đảng trong giai đoạn mới, góp phần xây dựng một hệ ngôn ngữ lý luận chuẩn xác, hiện đại, dễ hiểu, dễ vận dụng, giữ được bản sắc tư tưởng của Đảng, mục tiêu của Đảng.

Nhiệm vụ của hợp tác, đối thoại quốc tế về lý luận phải góp phần phục vụ công tác nghiên cứu, kiến giải, làm sáng tỏ những vấn đề chưa được nhận thức và giải quyết thấu đáo trong một số lĩnh vực chủ yếu, như: Lĩnh vực kinh tế (làm rõ các đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nền kinh tế nhiều thành phần và vai trò của các thành phần kinh tế; mối quan hệ giữa “nhà nước, thị trường và xã hội”, mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu...); lĩnh vực xây dựng và phát



triển nền văn hóa (làm rõ lý luận mới về phát triển con người toàn diện và xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời đại số; công nghiệp văn hóa, văn hóa dân tộc, văn hóa trong chính trị, kinh tế; vấn đề phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, vấn đề quản trị xã hội, già hóa dân số, chênh lệch giới tính, phân hóa giàu nghèo, bảo hiểm xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội,...); lĩnh vực phát triển khoa học và công nghệ (làm rõ những vấn đề có tính nút thắt, điểm nghẽn như cơ chế quản lý hoạt động khoa học, phân bổ nguồn lực, quản lý tài chính; vấn đề quản trị giáo dục và đào tạo, xã hội hóa giáo dục và đào tạo; vấn đề liên minh giai cấp trong thời đại số, trí thức hóa; sự chuyển dịch và mối quan hệ giữa các giai tầng để xác định vai trò nòng cốt trong liên minh giai cấp,...); lĩnh vực quốc phòng, an ninh (cần thể chế hóa đầy đủ, đồng bộ các quan điểm, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh trong xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy; cơ

chế, chính sách đặc biệt để xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận lòng dân vững chắc; thể chế hóa và triển khai thực hiện có hiệu quả nguyên tắc Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt, Nhà nước quản lý tập trung, thống nhất đối với lực lượng vũ trang, chống “dân sự hóa”, “phi chính trị hóa” Quân đội và Công an; cơ chế triển khai kết hợp giữa quốc phòng, an ninh, đối ngoại và phát triển kinh tế - xã hội; các thể chế đầu tư đặc thù cho quốc phòng, an ninh, đối ngoại để nâng cao năng lực tự chủ chiến lược của đất nước,...); lĩnh vực đối ngoại (cần thể chế hóa quan điểm xác định đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên; mối quan hệ giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh; mục tiêu đối ngoại vì hạnh phúc của Nhân dân; việc xây dựng và hoàn thiện lý luận về đối ngoại, đường lối ngoại giao mang đậm bản sắc ngoại giao Hồ Chí Minh...); lĩnh vực xây dựng Đảng (cần làm sâu sắc hơn phương thức lãnh đạo, cầm quyền, cơ chế kiểm soát quyền lực, phát huy dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất

cảm quyền; phòng, chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong Đảng. Cơ chế, điều kiện bảo đảm xây dựng được đội ngũ cán bộ trong sạch, tâm huyết, năng động, dám nghĩ dám làm, ngăn chặn tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong công tác cán bộ; lý luận về đảng cảm quyền trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số;...).

3. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong công tác nghiên cứu lý luận

Quan tâm phát triển đội ngũ cán bộ lý luận, nhất là cán bộ trẻ, có trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phương pháp khoa học, am hiểu thực tiễn, tinh thần phụng sự Đảng, phục vụ Nhân dân và năng lực đối thoại với thời đại; xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành có bản lĩnh vững vàng, tư duy hiện đại, khả năng hội nhập, năng lực nghiên cứu vấn đề mới, công nghệ, phương pháp nghiên cứu hiện đại. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, nhằm nâng cao năng lực phân tích, dự báo và tư vấn ■

¹ Quyết định số 10-QĐ/TW, ngày 06/3/2026 của Bộ Chính trị về việc thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2026 - 2031.

^{2,3} Phát biểu chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm trong buổi làm việc với Hội đồng Lý luận Trung ương về triển khai các nhiệm vụ lý luận nhiệm kỳ 2026 - 2031, Hà Nội, ngày 09/6/2026.

⁴ Khai mạc Hội thảo Lý luận lần thứ 20 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc về chủ đề “Con đường và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội thế kỷ XXI”, Ninh Bình, ngày 12/11/2025.

⁵ Hội thảo Lý luận lần thứ 12 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào với chủ đề “Sắp xếp, tổ chức bộ máy hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển mới:



NĂM (1996-2026)

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

Kinh nghiệm của Việt Nam và Lào”, Đà Nẵng, ngày 28/10/2025.

⁶ Hội thảo Lý luận lần thứ 5 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Cuba, Lahabana, ngày 03/5/2023.

⁷ Trao đổi Lý luận lần thứ 12 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Nhật Bản, Tokyo, ngày 27-28/8/2026.

⁸ Hội thảo lý luận lần thứ 4 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Pháp với chủ đề “An ninh con người trong bối cảnh thế giới thay đổi và thực tiễn chính sách ứng phó của Việt Nam và Pháp”, Hà Nội, ngày 29/10/2024.

⁹ Đối thoại lý luận lần thứ 10 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Dân chủ Xã hội Đức, Hà Nội, ngày 29/10/2025.

¹⁰ Diễn hình như: Tọa đàm chuyên đề về những kinh nghiệm quan trọng của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam trong lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội Nhân dịp kỷ niệm 105 năm thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc và hướng tới kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 08/7/2026, tại Khách sạn Daewoo, Hà Nội.

¹¹ Diễn hình như: GS. TS Nguyễn Xuân Thắng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Trưởng đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam trao đổi với Hạ Nghị sỹ Koichi Hagiuda, Quyền Tổng Thư ký Đảng Dân chủ Tự do Nhật Bản tại Tokyo, ngày 26/8/2026.

¹² Diễn hình như: GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Trưởng đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam trao đổi khoa học với Viện Nghiên cứu Quốc gia về Chính sách Nhật Bản (GRIPS) về chính sách phát triển kinh tế, quản lý xã hội đặc thù trong xã hội dân số già và sự phát triển bùng nổ của trí tuệ nhân tạo, công nghệ lượng tử trong kỷ nguyên số, tác động đến xã hội, quản trị toàn cầu tại Tokyo, ngày 25/8/2026.

^{13, 14, 15, 16} *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2026, tập 2, tr.197-198, 204-205, 204, 50.

^{17, 18, 19} Kết luận số 231-KL/TW, ngày 08/01/2026 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị Khóa XI về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030.

²⁰ Phát biểu chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm trong buổi làm việc với Hội đồng Lý luận Trung ương về triển khai các nhiệm vụ lý luận nhiệm kỳ 2026-2031, Hà Nội, ngày 09/6/2026.

ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

GS.TS NGUYỄN QUANG THUẬN

Phó Trưởng Tiểu ban chuyên trách

Tiểu ban Kinh tế, Khoa học công nghệ và Môi trường

Hội đồng Lý luận Trung ương

Sau 30 năm xây dựng và phát triển, Hội đồng Lý luận Trung ương đã có những đóng góp rất quan trọng trong công tác nghiên cứu, phát triển lý luận của Đảng, từng bước khẳng định vai trò là cơ quan tư vấn chiến lược về lý luận chính trị, đồng thời là đầu mối kết nối các cơ quan nghiên cứu lý luận, đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học của cả nước. Trong bối cảnh thế giới biến động nhanh, yêu cầu phát triển đất nước ngày càng cao với chất lượng mới dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính, việc đổi mới phương thức hoạt động của Hội đồng trở thành yêu cầu cấp thiết

nhằm đáp ứng những yêu cầu mới đặt ra cho công tác nghiên cứu lý luận, tư vấn chính sách cho Đảng và Nhà nước. Bài viết này sẽ phân tích bối cảnh, yêu cầu mới đặt ra cho công tác nghiên cứu lý luận và định hướng giải pháp đổi mới phương thức hoạt động của Hội đồng Lý luận trung ương trong giai đoạn mới.

1. Bối cảnh và yêu cầu đặt ra đối với đổi mới phương thức hoạt động của Hội đồng Lý luận Trung ương

Sau 30 năm xây dựng và phát triển, Hội đồng Lý luận Trung ương đã có những đóng góp quan trọng, nổi bật trên nhiều phương diện: tư vấn các vấn đề lý luận và chiến lược phát triển



đất nước; tổ chức, điều phối hoạt động nghiên cứu lý luận chính trị; thúc đẩy gắn kết nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn; tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; đồng thời mở rộng trao đổi, hợp tác lý luận quốc tế. Những đóng góp đó góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng, hoàn thiện đường lối, chủ trương của Đảng, phát triển nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta và giải đáp những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn đổi mới, phát triển đất nước.

Một đặc điểm nổi bật trong hoạt động của Hội đồng là vai trò trung tâm kết nối công tác nghiên cứu lý luận chính trị giữa các cơ quan nghiên cứu lý luận, các cơ quan tham mưu của Đảng, các bộ, ngành và địa phương; kết nối đội ngũ nhà khoa học, chuyên gia với những người trực tiếp lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện chính sách; kết nối tổng kết thực tiễn trong nước với nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm quốc tế. Vai trò này giúp tập hợp nguồn lực trí tuệ, thúc đẩy phối hợp liên ngành, hạn chế sự phân

tán trong nghiên cứu và tạo điều kiện chuyển hóa kết quả nghiên cứu thành luận cứ khoa học phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban chấp hành trung ương, mà thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Tuy nhiên, bối cảnh mới quốc tế và trong nước cũng đang đặt ra những yêu cầu đổi mới phương thức hoạt động của Hội đồng để đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn tới.

1.1. Bối cảnh quốc tế và trong nước

Thế giới đang trải qua những chuyển biến sâu sắc về tương quan sức mạnh, cấu trúc kinh tế, khoa học - công nghệ và quản trị toàn cầu. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, điều chỉnh chuỗi cung ứng, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, biến đổi khí hậu, già hóa dân số và các rủi ro an ninh phi truyền thống đang tác động đồng thời đến môi trường phát triển của các quốc gia và quan hệ quốc tế. Nhiều vấn đề mới không thể giải thích đầy đủ bằng những khuôn khổ lý luận, tư duy cũ hoặc bằng kinh nghiệm của một giai đoạn nhất định.

Đối với Việt Nam, yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước, đặc

biệt thực hiện mục tiêu Đại hội XIV của Đảng đề ra đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, đến 2045 trở thành nước phát triển thu nhập cao, phấn đấu tăng trưởng GDP đạt 2 con số giai đoạn 2026-2030 đòi hỏi phải có những giải pháp đồng bộ, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh, phát huy các động lực tăng trưởng mới, hoàn thiện thể chế, xây dựng nền quản trị hiện đại và chủ động hội nhập quốc tế... Nhiệm vụ, mục tiêu quan trọng đó đang đặt ra những vấn đề lý luận lớn cần phải được nghiên cứu, luận giải một cách bài bản, khoa học. Công tác lý luận phải đi trước một bước, cần có năng lực nhận diện sớm xu thế, phân tích các kịch bản, đánh giá tác động và đề xuất lựa chọn chính sách phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước.

1.2. Yêu cầu phát triển lý luận ngày càng gắn với thực tiễn

Thực tiễn đổi mới tiếp tục xuất hiện những mô hình, quan hệ và vấn đề mới, trong khi khoảng cách giữa tốc độ biến đổi của đời sống với tính kịp thời của nghiên cứu và tổng kết là một thách thức. Nếu nghiên cứu chủ yếu

dựa trên tài liệu thứ cấp, hội nghị, hội thảo hoặc những báo cáo đã được chuẩn hóa, nguy cơ chậm phát hiện vấn đề và thiếu bằng chứng thực tiễn sẽ tăng lên.

Do đó, phương thức hoạt động cần tạo điều kiện để dữ liệu, khảo sát và trải nghiệm thực tế được đưa vào nghiên cứu ngay từ khâu xác định vấn đề. Tổng kết thực tiễn phải có phương pháp, có tiêu chí, có so sánh theo thời gian và không gian, đồng thời phân biệt giữa hiện tượng đặc thù với xu hướng phổ biến. Các kết luận cần thể hiện rõ căn cứ, giới hạn và điều kiện áp dụng, qua đó nâng cao tính khoa học và khả năng sử dụng trong công tác tham mưu, tư vấn.

1.3. Nâng cao chất lượng tư vấn chiến lược

Các quyết sách lớn thường liên quan đến nhiều mục tiêu, nhiều nhóm lợi ích và nhiều cấp độ quản lý. Một kiến nghị có thể tạo ra tác động tích cực ở lĩnh vực này nhưng phát sinh tác động tiêu cực ở lĩnh vực khác. Vì vậy, tư vấn chiến lược không chỉ dừng ở việc nêu quan điểm chung, mà cần phân tích phương án, điều kiện thực hiện, nguồn lực, tác động phân phối,



rủi ro và khả năng điều chỉnh khi bối cảnh thay đổi.

Hội đồng cần có phương thức làm việc đủ linh hoạt để xử lý cả nhiệm vụ đột xuất lẫn chương trình nghiên cứu dài hạn; đồng thời duy trì tính độc lập tương đối trong đánh giá khoa học, tạo không gian cho các ý kiến khác nhau và phản biện có trách nhiệm. Chất lượng tư vấn được đo bằng mức độ làm rõ vấn đề, độ vững chắc của luận cứ, tính khả thi của kiến nghị và khả năng hỗ trợ quá trình ra quyết định. Đồng thời, yêu cầu nghiên cứu mang tính liên ngành rất cao cũng như việc chủ trì phối hợp với các cơ quan nghiên cứu hàng đầu của đất nước.

1.4. Môi trường thông tin mới đòi hỏi đổi mới công tác lý luận và truyền thông khoa học

Không gian số làm thay đổi căn bản cách thức tạo dựng, chia sẻ và tiếp nhận thông tin. Các luận điểm chính trị - xã hội có thể lan truyền nhanh, bị tách khỏi bối cảnh hoặc được trình bày dưới dạng nội dung ngắn, cảm xúc mạnh. Điều này vừa tạo cơ hội phổ biến tri thức, vừa làm gia tăng nguy cơ thông tin sai lệch và đơn giản hóa những vấn đề vốn phức tạp.

Phương thức hoạt động của Hội đồng cần kết hợp nghiên cứu chuyên sâu với khả năng chuyển tải kết quả nghiên cứu thành các sản phẩm phù hợp: báo cáo chính sách, chuyên đề chuyên sâu, các bài viết phổ biến tri thức, dữ liệu hỏi - đáp và tài liệu phục vụ các nhóm đối tượng khác nhau. Việc phản bác quan điểm sai trái cần kịp thời nhưng không được đánh đổi độ chính xác; cần dựa trên kiểm chứng nguồn tin, lập luận chặt chẽ và ngôn ngữ thuyết phục.

1.5. Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo mở ra cơ hội, đồng thời đặt ra yêu cầu quản trị mới

Các công cụ số, cơ sở dữ liệu và trí tuệ nhân tạo có thể hỗ trợ tìm kiếm tài liệu, phân tích văn bản, nhận diện xu hướng, hệ thống hóa tri thức và tăng tốc độ xử lý thông tin. Tuy nhiên, công nghệ không tự thay thế được năng lực phán đoán, trách nhiệm học thuật và hiểu biết bối cảnh. Dữ liệu thiếu tính đại diện, nguồn tin không đáng tin cậy hoặc kết quả do hệ thống tự động tạo ra nhưng không được kiểm chứng có thể dẫn đến sai lệch.

Vì vậy, đổi mới phương thức hoạt động phải bao gồm cả hạ tầng công

nghe lẫn quy trình quản trị tri thức, bảo mật, kiểm chứng và trách nhiệm sử dụng. Cần xây dựng kho dữ liệu nghiên cứu có cấu trúc, hệ thống lưu trữ kết quả đề tài và khuyến nghị chính sách, cơ chế chia sẻ có phân quyền, cũng như quy định rõ việc sử dụng công cụ số trong nghiên cứu và soạn thảo.

1.6. Đòi hỏi nâng cao tính chuyên nghiệp, liên thông, phối hợp giữa các cơ quan nghiên cứu và cơ quan quản lý

Khi phạm vi vấn đề nghiên cứu mở rộng và yêu cầu phản ứng chính sách tăng lên, phương thức điều hành dựa chủ yếu vào từng nhiệm vụ riêng biệt sẽ khó phát huy tối đa nguồn lực. Hội đồng cần có cơ chế lựa chọn ưu tiên, phân công rõ trách nhiệm, theo dõi tiến độ và đánh giá chất lượng đầu ra. Đồng thời, cần phải là trung tâm kết nối tri thức, phát huy mạng lưới các cơ quan nghiên cứu và các chuyên gia theo từng lĩnh vực, kết hợp nghiên cứu liên ngành, đa ngành đảm bảo các kết quả nghiên cứu vừa cập nhật, vừa chuyên sâu và toàn diện.

Trong bối cảnh mới yêu cầu công tác tổ chức nghiên cứu phải có tính

chuyên nghiệp cao. Yêu cầu chuyên nghiệp không đồng nghĩa với hành chính hóa hoạt động học thuật. Ngược lại, cần giảm các khâu thủ tục không tạo giá trị, tăng thời gian dành cho nghiên cứu và trao đổi chuyên môn; tạo môi trường để chuyên gia có thể tranh luận, kiểm chứng và đề xuất phương án khác nhau. Trách nhiệm giải trình phải đi cùng với tôn trọng tính độc lập, trung thực và chuẩn mực khoa học.

2. Định hướng giải pháp chủ yếu đổi mới phương thức hoạt động của Hội đồng Lý luận Trung ương giai đoạn mới

Bước vào giai đoạn mới, những yêu cầu đặt ra đối với Hội đồng là hết sức to lớn. Trọng tâm là Tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, và định hướng phát triển đất nước cho 100 năm tiếp theo; Tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; tiếp tục nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam, lý luận về đường lối đổi mới; Tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận nhằm xác lập mô hình phát



triển Việt Nam trong kỷ nguyên mới... Do vậy, phương thức hoạt động của Hội đồng phải được đổi mới đồng bộ, giải quyết tốt các yêu cầu đặt ra. Định hướng đổi mới phương thức hoạt động của Hội đồng cần quán triệt những chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại Hội nghị công bố thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2026–2031 ngày 10/3/2026. Đồng chí nhấn mạnh Hội đồng Lý luận Trung ương cần tiếp tục khẳng định và nâng tầm vai trò hạt nhân, nòng cốt trong công tác lý luận của Đảng. Đồng thời, công tác lý luận phải đi trước một bước, chủ động nghiên cứu, phát hiện và luận giải những vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn trong nước và biến đổi của tình hình thế giới. Hội đồng cần chủ động tiếp cận, sử dụng các phương pháp, công cụ nghiên cứu hiện đại, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu lý luận với dữ liệu thực tiễn, tăng cường khả năng tổng hợp, phân tích và dự báo xu hướng phát triển mới của thế giới và những vấn đề đặt ra với Việt Nam.

Những định hướng này gợi mở yêu cầu chuyển đổi đồng bộ phương thức hoạt động của Hội đồng Lý luận

Trung ương. Lý luận phải đi trước một bước, chủ động phát hiện vấn đề, tổ chức nghiên cứu có hệ thống, bài bản trên cơ sở phối hợp liên ngành, gắn chặt giữa nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn; từ tổng kết kinh nghiệm đơn thuần sang phân tích có hệ thống, dựa trên bằng chứng; từ trao đổi tri thức theo từng sự kiện sang xây dựng mạng lưới chuyên gia và hợp tác thường xuyên; từ đánh giá hoạt động theo số lượng sản phẩm sang xem xét chất lượng luận cứ và giá trị sử dụng trong hoạch định chủ trương, chính sách. Trên cơ sở đó, các giải pháp cần tập trung vào những nội dung sau:

2.1. Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức, hoạt động của Hội đồng phù hợp với bối cảnh và yêu cầu, điều kiện mới

Theo Quyết định số 10-QĐ/TW ngày 6/3/2026 của Bộ Chính trị, Hội đồng do Bộ Chính trị thành lập, thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Mô hình này tạo điều kiện kết nối sức mạnh của Hội đồng với tiềm lực nghiên cứu, đội ngũ chuyên gia, cơ sở vật chất của Học viện. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đánh giá “Hội đồng nhiệm kỳ này được kiện toàn

theo tinh thần đổi mới mạnh mẽ về tổ chức bộ máy, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; đồng thời cũng thể hiện rõ chủ trương của Đảng về sắp xếp tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư vấn chiến lược; gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, đào tạo cán bộ và phát triển tri thức khoa học chính trị”. Trong thời gian tới, cần tiếp tục hoàn thiện mô hình, chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng để phát huy tốt nhất tiềm năng, thế mạnh của Hội đồng trong điều kiện mới. Đồng thời, xây dựng cơ chế chính sách phù hợp để Hội đồng thực sự trở thành trung tâm kết nối tri thức của các cơ quan nghiên cứu hàng đầu của đất nước, các chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế.

2.2. Chuyển mạnh sang tư vấn chiến lược chủ động, dựa trên chương trình nghiên cứu dài hạn

Trước hết, cần xây dựng chương trình nghiên cứu và tư vấn trung hạn, dài hạn gắn với những vấn đề chiến lược của đất nước, đồng thời duy trì cơ chế tiếp nhận và xử lý các nhiệm vụ đột xuất. Chương trình cần được hình thành trên cơ sở rà soát các vấn

đề lớn, tham vấn các cơ quan lãnh đạo, quản lý, chuyên gia và địa phương; xác định rõ câu hỏi nghiên cứu, sản phẩm dự kiến, thời hạn và cơ quan phối hợp.

Hội đồng nên chủ động xây dựng danh mục các vấn đề cần theo dõi thường xuyên, các vấn đề mới xuất hiện và những chủ đề có ý nghĩa dự báo dài hạn. Đối với mỗi vấn đề, cần tổ chức theo dõi diễn biến, tổng hợp bằng chứng, xây dựng các kịch bản và chuẩn bị phương án tư vấn khi cần thiết. Cách làm này giúp Hội đồng không chỉ phản hồi yêu cầu mà còn góp phần phát hiện sớm vấn đề, mở rộng dự địa lựa chọn chính sách và nâng cao tính chiến lược của hoạt động tư vấn.

2.3. Đổi mới tổ chức nghiên cứu theo hướng liên ngành, liên cơ quan và gắn chặt với thực tiễn

Cần thiết kế các nhóm nghiên cứu theo vấn đề thay vì chỉ theo ranh giới ngành hoặc cơ quan. Những chủ đề như năng suất và chất lượng tăng trưởng, kinh tế số, phát triển nguồn nhân lực, đổi mới mô hình quản trị, phát triển vùng hay bảo đảm an sinh đều đòi hỏi phối hợp giữa kinh tế học,



chính trị học, xã hội học, luật học, khoa học công nghệ và các lĩnh vực chuyên môn khác.

Mỗi chương trình nghiên cứu nên kết hợp tổng quan học thuật, phân tích dữ liệu, khảo sát thực tế, trao đổi với chủ thể thực thi và phản biện độc lập. Cần xác định rõ cơ chế lựa chọn chuyên gia, trách nhiệm của nhóm chủ trì, quy trình thẩm định và phương thức sử dụng kết quả. Đối với các vấn đề gắn với địa phương, nên tổ chức mạng lưới địa bàn nghiên cứu và cơ chế cập nhật thông tin định kỳ để kết quả không chỉ phản ánh thời điểm khảo sát.

2.4. Phát huy vai trò kết nối của Hội đồng trong toàn bộ hệ sinh thái nghiên cứu lý luận

Vai trò kết nối cần được xác định là lợi thế tổ chức cốt lõi của Hội đồng. Để phát huy vai trò này, cần hình thành cơ chế phối hợp thường xuyên giữa Hội đồng với các cơ quan nghiên cứu lý luận, cơ quan tham mưu của Đảng, các bộ, ngành, địa phương, cơ sở đào tạo và mạng lưới chuyên gia. Cơ chế phối hợp phải dựa trên phân công rõ ràng, chia sẻ thông tin, tránh trùng lặp nhiệm vụ và tạo

điều kiện để kết quả nghiên cứu được kế thừa.

Có thể phát triển các nhóm chuyên gia thường trực hoặc mạng lưới chuyên gia theo chủ đề; tổ chức diễn đàn trao đổi định kỳ; xây dựng danh mục chuyên gia và cơ sở dữ liệu về công trình, đề tài, khuyến nghị chính sách. Hội đồng cần đóng vai trò hạt nhân, điều phối các vấn đề nghiên cứu và kết nối nguồn lực, nhưng không làm thay chức năng chuyên môn của các cơ quan, tổ chức khác. Mục tiêu là tạo hệ sinh thái nghiên cứu có tính liên thông, trong đó tri thức được tích lũy và phát triển liên tục.

2.5. Nâng cao chất lượng tổng kết thực tiễn và cơ chế phản hồi chính sách

Cần chuẩn hóa quy trình tổng kết thực tiễn theo hướng xác định rõ vấn đề, giả thuyết, nguồn dữ liệu, phương pháp thu thập, tiêu chí đánh giá và giới hạn của kết luận. Bên cạnh báo cáo định tính, cần tăng cường sử dụng dữ liệu thống kê, dữ liệu hành chính, khảo sát chuyên sâu và so sánh giữa các địa phương, ngành hoặc giai đoạn. Khi dữ liệu chưa đầy đủ, báo cáo phải nêu rõ khoảng trống và mức độ chắc chắn của nhận định.

Sau khi kiến nghị được chuyển đến cơ quan có thẩm quyền, cần có cơ chế theo dõi việc tiếp nhận và phản hồi. Việc đánh giá không nhất thiết chỉ căn cứ vào việc kiến nghị có được chấp thuận hay không, mà cần xem xét chất lượng luận cứ, mức độ phù hợp với yêu cầu thực tiễn, khả năng làm rõ lựa chọn chính sách và những đóng góp đối với nhận thức chung. Cơ chế phản hồi sẽ giúp Hội đồng học hỏi từ quá trình tư vấn, nâng cao chất lượng các nghiên cứu tiếp theo.

2.6. Kết hợp bảo vệ nền tảng tư tưởng với phát triển lý luận và truyền thông khoa học

Hoạt động bảo vệ nền tảng tư tưởng cần được triển khai theo hướng chủ động nghiên cứu những vấn đề còn có ý kiến khác nhau; xây dựng luận cứ từ sớm; tăng cường đối thoại và giải thích khoa học. Cần phân biệt rõ giữa quan điểm sai trái có chủ đích, thông tin sai lệch và những băn khoăn chính đáng của người dân hoặc các nhóm xã hội. Mỗi loại vấn đề cần có cách tiếp cận phù hợp, tránh phản ứng một chiều hoặc sử dụng cùng một cách thức cho mọi tình huống.

Hội đồng nên phối hợp với các cơ quan truyền thông, cơ sở nghiên cứu và chuyên gia để chuyển hóa kết quả nghiên cứu thành sản phẩm ngắn gọn, chính xác, dễ tiếp cận; đồng thời duy trì các công trình chuyên sâu phục vụ đội ngũ nghiên cứu và hoạch định chính sách. Hiệu quả của hoạt động này cần được đánh giá bằng chất lượng lập luận, độ tin cậy của thông tin, khả năng giải thích vấn đề và mức độ lan tỏa tri thức, không chỉ bằng số lượng bài viết hay hoạt động.

2.7. Hiện đại hóa phương thức làm việc trên nền tảng số và quản trị tri thức

Cần từng bước xây dựng môi trường làm việc số phục vụ quản lý nhiệm vụ, lưu trữ tài liệu, tổ chức hội nghị, kết nối chuyên gia, theo dõi tiến độ và khai thác kết quả nghiên cứu. Một kho tri thức dùng chung có cấu trúc cần lưu trữ các báo cáo, đề tài, biên bản hội thảo, dữ liệu khảo sát, kiến nghị và kết quả phản hồi, kèm theo quy định về quyền truy cập, bảo mật và cập nhật.

Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo cần theo nguyên tắc hỗ trợ chứ không thay thế trách nhiệm của người nghiên cứu.



Các công cụ có thể được sử dụng để tìm kiếm tài liệu, phân loại văn bản, gợi ý chủ đề, tổng hợp sơ bộ hoặc phân tích dữ liệu, nhưng thông tin và trích dẫn phải được kiểm chứng từ nguồn gốc. Cần xây dựng quy trình kiểm soát chất lượng, lưu giữ nguồn tham khảo và bảo vệ dữ liệu nhạy cảm; đồng thời bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, chuyên gia tham gia hoạt động của Hội đồng.

2.8. Chuyên nghiệp hóa tổ chức, quy trình và đánh giá hiệu quả hoạt động

Đổi mới phương thức hoạt động cần được thể chế hóa thành quy trình rõ ràng từ xác định vấn đề, xây dựng nhiệm vụ, tuyển chọn chuyên gia, tổ chức nghiên cứu, phản biện, thẩm định đến sử dụng và theo dõi kết quả. Cần phân biệt các loại sản phẩm theo mục đích: báo cáo chiến lược, báo cáo nhanh, nghiên cứu chuyên sâu, tổng kết thực tiễn và sản phẩm phổ biến tri thức; mỗi loại có tiêu chí và thời hạn phù hợp.

Công tác đánh giá cần chuyển trọng tâm từ số lượng hoạt động sang chất lượng và tác động. Những tiêu chí có thể xem xét gồm: mức độ mới của vấn đề; độ tin cậy của bằng chứng; tính

chặt chẽ của lập luận; khả năng sử dụng trong tư vấn; mức độ phối hợp liên cơ quan; việc tiếp thu và phản hồi kiến nghị; đóng góp vào phát triển đội ngũ và tích lũy tri thức. Cùng với đó, cần quan tâm bồi dưỡng cán bộ làm công tác nghiên cứu, điều phối và tham mưu; xây dựng đội ngũ có năng lực phân tích, tổ chức công việc, giao tiếp học thuật và làm việc trong môi trường số.

2.9. Mở rộng hợp tác quốc tế theo hướng thực chất, có trọng tâm

Hợp tác quốc tế cần được gắn với những vấn đề nghiên cứu cụ thể và nhu cầu phát triển lý luận trong nước. Thay vì chỉ tập trung vào các hoạt động trao đổi chung, nên lựa chọn một số chủ đề ưu tiên để tổ chức nghiên cứu so sánh, đối thoại chuyên sâu, trao đổi học giả và xây dựng sản phẩm chung khi phù hợp. Các chủ đề có thể gắn với quản trị phát triển, chuyển đổi số, chính sách công nghiệp, phát triển bền vững, xây dựng Đảng, quản trị xã hội và những vấn đề lý luận nảy sinh trong bối cảnh quốc tế mới.

Quá trình tiếp thu kinh nghiệm cần dựa trên nguyên tắc chọn lọc, đối

chiều và vận dụng sáng tạo. Cần tăng cường năng lực ngoại ngữ, kỹ năng nghiên cứu so sánh và khả năng công bố, trình bày kết quả nghiên cứu trong các diễn đàn học thuật phù hợp. Hợp tác quốc tế có hiệu quả khi góp phần làm sâu sắc nhận thức về những vấn đề của Việt Nam, đồng thời nâng cao năng lực đối thoại và vị thế học thuật của đội ngũ nghiên cứu lý luận.

KẾT LUẬN

Sau 30 năm xây dựng và phát triển, Hội đồng Lý luận Trung ương đã khẳng định vai trò quan trọng trong tư vấn chiến lược, tổ chức nghiên cứu lý luận chính trị, gắn nghiên cứu với tổng kết thực tiễn, tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và thúc đẩy hợp tác lý luận quốc tế. Đặc điểm nổi bật trong đóng góp của Hội đồng là khả năng kết nối các cơ quan, tổ chức và đội ngũ trí thức để tập hợp, phát triển và chuyển hóa tri thức thành luận cứ phục vụ sự lãnh đạo của Đảng.

Bước vào giai đoạn mới, những biến đổi nhanh chóng của môi trường quốc tế, yêu cầu phát triển đất nước và sự phát triển của công nghệ đặt ra đòi hỏi phải đổi mới phương thức hoạt động theo hướng chủ động,

chuyên nghiệp, liên thông, dựa trên bằng chứng và hiện đại. Trọng tâm không chỉ là đổi mới cách tổ chức hội nghị hay quy trình hành chính, mà là nâng cao năng lực phát hiện vấn đề chiến lược, tổ chức nghiên cứu liên ngành, kết nối tri thức với thực tiễn, bảo đảm phản biện khoa học và chuyển hóa kết quả nghiên cứu thành tư vấn có giá trị.

Để thực hiện yêu cầu đó, cần đồng bộ các giải pháp: trước hết tiếp tục hoàn thiện mô hình phát triển, chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng trong điều kiện mới; xây dựng chương trình nghiên cứu dài hạn; đổi mới tổng kết thực tiễn; phát huy mạng lưới phối hợp và chuyên gia; nâng cao chất lượng bảo vệ nền tảng tư tưởng trên cơ sở khoa học; phát triển hạ tầng số và quản trị tri thức; chuyên nghiệp hóa tổ chức, đánh giá kết quả; mở rộng hợp tác quốc tế có trọng tâm. Khi các giải pháp này được triển khai nhất quán, Hội đồng sẽ có điều kiện phát huy tốt hơn vai trò là đầu mối kết nối trí tuệ, góp phần phát triển lý luận và cung cấp luận cứ chiến lược cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước trong giai đoạn mới ■



HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG TRONG BỐI CẢNH MỚI: SUY NGHĨ VỀ VAI TRÒ NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN VÀ TƯ VẤN CHIẾN LƯỢC

GS.TS LẠI QUỐC KHÁNH

*Phó Trưởng Tiểu ban chuyên trách Tiểu ban Văn hóa, Xã hội, Con người,
Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương*

Mở đầu

Tri thức luôn là một nguồn quan trọng tạo nên quyền lực. Từ rất sớm, Francis Bacon đã khái quát mối quan hệ giữa tri thức và sức mạnh của con người bằng mệnh đề nổi tiếng: “Tri thức của con người và quyền lực của con người thống nhất làm một”¹. Trong xã hội hiện đại, cùng với sự gia tăng về quy mô và tốc độ sản xuất tri thức, phương thức tạo lập, lưu chuyển, thẩm định và chuyển hóa tri thức thành năng lực nhận thức và hành động cũng đang thay đổi sâu sắc. Sự phát triển của khoa học và công nghệ, số hóa, dữ liệu lớn, các mạng lưới tri thức xuyên quốc gia và đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI) đang làm giảm mạnh chi phí tìm kiếm, xử lý và sản xuất thông tin. Trong điều kiện

đó, lợi thế ngày càng phụ thuộc vào khả năng phát hiện đúng vấn đề, huy động những nguồn tri thức cần thiết, lựa chọn, thẩm định và kết nối chúng để phục vụ nhận thức và hành động. Cùng với sự biến đổi của môi trường tri thức, *cấu trúc của quyền lực tri thức cũng đang thay đổi.*

Think tank là một trong những thiết chế thể hiện tập trung sự biến đổi ấy. Ranh giới của think tank ngày càng mở rộng, với nhiều hình thức tổ chức tri thức - chính sách mới. Wellstead và Howlett vì thế đề xuất khái niệm rộng hơn là *knowledge-based policy influence organisations*, đồng thời chỉ ra sự chuyển dịch từ sản xuất tri thức (*knowledge generation*), phổ biến tri thức (*knowledge diffusion*) đến huy động tri

thức (*knowledge mobilisation*)². Điều đáng chú ý phía sau sự thay đổi này là: *giá trị của một thiết chế tri thức ngày càng không chỉ nằm ở tri thức mà nó trực tiếp sản xuất, mà còn ở khả năng phát hiện vấn đề, tổ chức mạng lưới, huy động, thẩm định, tích hợp và đưa tri thức vào quá trình hình thành quyết sách.*

AI làm cho sự chuyển dịch đó trở nên cấp thiết hơn. Nghiên cứu gần đây về AI tạo sinh trong các think tank ở Anh cho thấy AI đã bắt đầu được sử dụng trong hoạt động phân tích chính sách, dù hiện còn khá hạn chế; đặc biệt, những hoạt động như nhận diện và định nghĩa vấn đề, phát triển ý tưởng và phương án chính sách vẫn phụ thuộc đáng kể vào con người³. Một nghịch lý vì thế xuất hiện: khả năng tạo ra và tiếp cận thông tin càng trở nên phổ biến thì năng lực phán đoán, thẩm định, tích hợp tri thức càng trở nên có giá trị. Trong thời đại AI, *vấn đề ngày càng không chỉ là ai có nhiều thông tin hơn, mà là ai có khả năng định hướng, tổ chức và đưa ra những phán đoán đáng tin cậy về tri thức.*

Từ cách tiếp cận đó, bài viết phân tích sự biến đổi của think tank hiện đại và của quyền lực tri thức, trên cơ sở đó

đúc rút và nhấn mạnh một số vai trò của Hội đồng Lý luận Trung ương trong bối cảnh mới. Bài viết không nhằm đối chiếu Hội đồng với một mô hình think tank có sẵn, cũng không nhắc lại, diễn giải hay minh họa cho những chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng đã được quy định. Vấn đề được đặt ra là: *trước những biến đổi sâu sắc của môi trường và quyền lực tri thức, những vai trò nào cần được đặc biệt nhấn mạnh để tạo nên giá trị đặc thù của Hội đồng Lý luận Trung ương trong bối cảnh mới?*

1. Think tank hiện đại: Từ tổ chức nghiên cứu chính sách đến chủ thể trong hệ sinh thái tri thức

Think tank: khái niệm và sự đa dạng của các mô hình

Mặc dù đã trở thành một bộ phận quen thuộc của đời sống chính sách hiện đại, think tank vẫn là một khái niệm khó xác định thống nhất. Các tổ chức được gọi là think tank rất khác nhau về nguồn gốc, vị trí thể chế, nguồn tài chính, quan hệ với nhà nước và các chính đảng, lĩnh vực nghiên cứu, đối tượng tác động cũng như phương thức tham gia vào quá trình chính sách. Vì vậy, khó có thể coi một mô hình think tank cụ thể là khuôn mẫu phổ quát.



Trong cách hiểu truyền thống, đặc biệt chịu ảnh hưởng từ kinh nghiệm Hoa Kỳ và một số nước phương Tây, *think tank* thường được mô tả là những tổ chức nghiên cứu chính sách tương đối độc lập, có năng lực chuyên môn, sản xuất các phân tích và khuyến nghị nhằm tác động đến quá trình hoạch định chính sách. Tuy nhiên, Diane Stone lưu ý rằng không có một định nghĩa được thừa nhận chung về *think tank* cũng như sự đồng thuận về vai trò và chức năng của chúng; đồng thời phê phán những “huyền thoại” gắn với cách nhận diện loại hình tổ chức này, trong đó có hình ảnh *think tank* như một “cầu nối” chuyển tải tri thức từ nghiên cứu sang chính sách⁴. Khi khái niệm *think tank* được mở rộng ra ngoài không gian Anglo-American, giới hạn của cách tiếp cận này càng rõ: các tổ chức nghiên cứu và tư vấn chính sách có thể gắn với chính phủ, cơ quan công quyền, chính đảng, trường đại học, doanh nghiệp hoặc các tổ chức xã hội với mức độ tự chủ rất khác nhau.

Trường hợp Trung Quốc cho thấy khá rõ sự đa dạng đó. Nghiên cứu của Karthik Nachiappan sử dụng cách tiếp cận *knowledge regime* để phân tích các

think tank trong chính cấu trúc thể chế nơi chúng hoạt động, qua đó cho thấy các *think tank* chính thức và bán chính thức có thể tạo ảnh hưởng đáng kể thông qua những quan hệ thể chế với các chủ thể hoạch định chính sách⁵. Điều này gợi ý rằng quan hệ giữa *think tank* và quyền lực chính trị không thể giản lược thành sự đối lập “độc lập - phụ thuộc”.

Từ đó, thay vì chỉ hỏi một tổ chức có đáp ứng những thuộc tính của một mô hình *think tank* định sẵn hay không, cần quan tâm nhiều hơn đến vị trí của nó trong hệ thống tri thức - chính sách, loại tri thức mà nó tạo ra, những chủ thể mà nó hướng tới và cơ chế thông qua đó tri thức được chuyển hóa thành ảnh hưởng. Theo nghĩa mở, có thể xem *think tank* là những tổ chức lấy tri thức chuyên môn làm nguồn lực chủ yếu để tham gia nhận diện vấn đề, hình thành ý tưởng, phân tích, tư vấn và tác động đến chính sách. Cách tiếp cận này chuyển trọng tâm từ câu hỏi *think tank* “là gì” sang *think tank* “làm gì”, “quan hệ với ai” và “tri thức của nó vận động như thế nào” trong hệ thống chính sách.

Từ sản xuất tri thức đến huy động tri thức

Sự đa dạng về mô hình dẫn tới một câu hỏi quan trọng hơn: giá trị của think tank nằm ở việc sản xuất tri thức hay ở khả năng làm cho tri thức tạo ra ảnh hưởng? Mô hình truyền thống thường hình dung một chuỗi tương đối tuyến tính: nghiên cứu vấn đề, sản xuất báo cáo, đề xuất khuyến nghị và chuyển giao kết quả cho người hoạch định chính sách. Nhưng trên thực tế, giữa *có tri thức* và *tri thức có ảnh hưởng* tồn tại một khoảng cách đáng kể.

Stone phê phán hình ảnh think tank như một “cầu nối” đơn giản giữa nghiên cứu và chính sách, bởi chính các tương tác và trao đổi giữa chuyên gia với quá trình chính sách đã làm mờ ranh giới giữa hai lĩnh vực⁶. Theo hướng đó, Wellstead và Howlett đề xuất mở rộng phạm vi nghiên cứu từ think tank sang *knowledge-based policy influence organisations* (KBPIOs) và phân biệt ba dạng hoạt động: sản xuất tri thức (*knowledge generation*), phổ biến tri thức (*knowledge diffusion*) và huy động tri thức (*knowledge mobilisation*)⁷.

Sự phân biệt này cho thấy sản xuất tri thức là cần thiết nhưng chưa đủ. Một nghiên cứu có chất lượng không tự động trở thành tri thức có ảnh hưởng.

Giữa nghiên cứu và quyết sách còn có quá trình lựa chọn vấn đề, tổng hợp bằng chứng, chuyển dịch ngôn ngữ chuyên môn, kết nối với các chủ thể chính sách và đưa tri thức vào đúng bối cảnh, thời điểm. *Knowledge mobilisation* vì thế nhấn mạnh quá trình chủ động đưa tri thức vào những quan hệ và mạng lưới mà tại đó nó có thể được tiếp nhận, diễn giải, kết hợp và chuyển hóa thành hành động. Nghiên cứu của Bornbaum và cộng sự về *knowledge broker* trong lĩnh vực y tế cũng nhận diện ba nhóm vai trò chủ yếu: quản trị tri thức (*knowledge management*), kết nối và trao đổi (*linkage and exchange*), và xây dựng năng lực (*capacity building*)⁸.

Theo nghĩa đó, think tank hiện đại không chỉ tạo ra các sản phẩm nghiên cứu mà còn tham gia định hình dòng chảy của tri thức: nhận diện vấn đề, đưa ý tưởng vào tranh luận, kết nối chuyên gia với người làm chính sách, tổng hợp bằng chứng và chuyển dịch tri thức chuyên môn thành dạng có thể sử dụng. Chất lượng nghiên cứu vẫn là nền tảng của thẩm quyền chuyên môn, nhưng nghiên cứu ngày càng trở thành một khâu trong chuỗi giá trị tri thức rộng hơn. Từ đây xuất hiện một bước



chuyển tiếp: từ việc xem xét think tank như một tổ chức riêng lẻ sang đặt nó trong hệ thống tư vấn và hệ sinh thái tri thức - chính sách rộng lớn hơn.

Từ tổ chức đơn lẻ đến hệ sinh thái tri thức - chính sách

Sự chuyển dịch từ sản xuất sang huy động tri thức đồng thời làm thay đổi đơn vị phân tích về think tank. Các nghiên cứu về hệ thống tư vấn chính sách (policy advisory system) đặt các nguồn tư vấn trong một cấu trúc gồm nhiều chủ thể tương tác. Craft và Howlett chỉ ra rằng những biến đổi của quản trị hiện đại đang làm mờ các ranh giới truyền thống giữa chủ thể bên trong và bên ngoài nhà nước, cũng như giữa nội dung “kỹ thuật” và “chính trị”, qua đó đòi hỏi xem xét lại quan hệ giữa vị trí của chủ thể và nội dung tư vấn trong việc tạo ảnh hưởng⁹.

Cách tiếp cận này phản ánh một thực tế: trước những vấn đề ngày càng phức hợp, *rất ít tổ chức có thể tự mình nắm giữ toàn bộ tri thức cần thiết*. Tri thức được tạo ra và phân bố giữa các trường đại học, viện nghiên cứu, cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, mạng lưới chuyên gia, tổ chức quốc tế và nhiều thiết chế khác. Tổng quan của

Fiaz Hussain, Denise Tsang và Zain Rafique cho thấy nghiên cứu về *policy advisory systems* ngày càng quan tâm tới toàn bộ cấu trúc, chủ thể và quan hệ của hệ thống tư vấn thay vì chỉ từng nguồn tư vấn riêng lẻ¹⁰. Howlett, Galanti, Migone và Vicentini gần đây tiếp tục chỉ ra xu hướng các hệ thống tư vấn trở nên ngày càng lai ghép (hybrid), với những liên kết linh hoạt hơn giữa nhà nước và các chủ thể phi nhà nước trong một hệ sinh thái ngày càng đa dạng của các nhà sản xuất và trung gian tri thức¹¹.

Trong cấu trúc đó, *năng lực kết nối trở thành một nguồn tạo giá trị quan trọng*. Vấn đề không chỉ là sản xuất thêm tri thức mà còn là tìm được tri thức thích hợp, huy động những chủ thể đang nắm giữ các loại tri thức khác nhau và tạo ra không gian để chúng gặp gỡ, đối thoại và bổ sung cho nhau. Các nghiên cứu về *knowledge brokerage* cho thấy chủ thể trung gian không đơn thuần vận chuyển thông tin; thông qua lựa chọn, kết nối, tổng hợp và diễn giải, họ còn tham gia định hình tri thức nào được chú ý và một vấn đề được hiểu như thế nào¹². Nghiên cứu về các *boundary organizations* cũng cho thấy vai trò của những thiết chế tạo lập giao

diện giữa tri thức chuyên môn với quá trình quản trị và quyết sách¹³.

Như vậy, giá trị của think tank hiện đại ngày càng *không chỉ được tạo ra bên trong một tổ chức mà còn phụ thuộc vào vị trí của nó trong mạng lưới, khả năng tiếp cận và huy động các nguồn tri thức bên ngoài, kết nối các cộng đồng chuyên môn và tổ chức tương tác giữa tri thức với quá trình quyết sách*. Với ba sự chuyển dịch - từ một mô hình tương đối đồng nhất sang sự đa dạng về thể chế; từ sản xuất sang huy động tri thức; và từ tổ chức đơn lẻ sang hệ thống, mạng lưới và hệ sinh thái tri thức - chính sách - có thể thấy sự biến đổi của think tank không chỉ là sự thích nghi của một loại hình tổ chức. Phía sau nó là một vấn đề sâu hơn: *sự biến đổi của quyền lực tri thức trong xã hội hiện đại*.

2. Sự biến đổi của quyền lực tri thức trong xã hội hiện đại

Tri thức như một nguồn của quyền lực

Mối quan hệ giữa tri thức và quyền lực từ lâu đã là một vấn đề quan trọng của khoa học xã hội. Tri thức tạo ra khả năng nhận thức, giải thích, dự báo và lựa chọn phương án hành động; bởi vậy, sự phân bố không đồng đều về tri

thức cũng tạo ra khác biệt về năng lực tác động đến hành vi và quyết định. Tuy nhiên, nói tri thức là một nguồn của quyền lực chưa đủ. Vấn đề quan trọng hơn là *tri thức được thừa nhận, tổ chức và chuyển hóa thành quyền lực như thế nào*.

Một cách tiếp cận có ảnh hưởng đối với vấn đề này là Lý thuyết về cộng đồng nhận thức (*epistemic communities*). Peter M. Haas định nghĩa *epistemic community* là mạng lưới các chuyên gia có năng lực và thẩm quyền được thừa nhận trong một lĩnh vực, cùng chia sẻ những niềm tin có tính chuẩn tắc, nhận thức về quan hệ nhân quả, tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của tri thức và một định hướng chính sách chung¹⁴. Đặc biệt trong điều kiện bất định, khi người ra quyết định không thể tự mình nắm bắt đầy đủ những vấn đề phức tạp, trong khi đó các cộng đồng chuyên gia có thể cung cấp những cách nhận diện vấn đề, giải thích quan hệ nhân quả và xác định khả năng hành động. Haas nhận xét: “control over knowledge and information is an important dimension of power” - kiểm soát tri thức và thông tin là một chiều kích quan trọng của quyền lực¹⁵.



Nhận định này cho phép nhìn quyền lực tri thức không đơn thuần là hệ quả của việc “biết nhiều hơn”. Tri thức còn tham gia định hình một vấn đề được hiểu như thế nào, nguyên nhân của nó được giải thích ra sao và những phương án nào được coi là khả thi. Điều đó cũng cho thấy cần phân biệt *tri thức* với *thẩm quyền tri thức* (epistemic authority): sở hữu chuyên môn không mặc nhiên đồng nghĩa với việc được thừa nhận như một nguồn có thẩm quyền. *Trong môi trường có nhiều nguồn tri thức cùng tham gia vào quá trình chính sách, thì uy tín, độ tin cậy, tính chính danh và tiêu chuẩn xác lập thẩm quyền chuyên môn trở thành những vấn đề ngày càng quan trọng.* Các nghiên cứu gần đây về chuyên môn và hệ thống tư vấn chính sách cũng nhấn mạnh chính những vấn đề về thẩm quyền, độ tin cậy, tính chính danh và tính nghiêm ngặt của tư vấn trong môi trường ngày càng mở và đa chủ thể¹⁶.

Từ đây, tôi đề xuất phân biệt hai chiều cạnh có quan hệ chặt chẽ với nhau: *quyền lực của tri thức* (power of knowledge) - *năng lực mà tri thức đem lại cho chủ thể trong việc hiểu, giải thích, dự báo và tác động tới thực tiễn;*

với quyền lực đối với tri thức (power over knowledge) - *khả năng tác động đến vấn đề nào được nghiên cứu, nguồn tri thức nào được lựa chọn, tiêu chuẩn nào được sử dụng để thẩm định và tri thức nào cuối cùng đi vào quá trình ra quyết định.* Theo chiều cạnh thứ hai, một chủ thể không nhất thiết phải trực tiếp sản xuất phần lớn tri thức nhưng vẫn có thể tạo ảnh hưởng đáng kể thông qua việc xác lập vấn đề, lựa chọn, kết nối, thẩm định và tổ chức các nguồn tri thức. Đây chính là *điểm xuất phát để nhận diện những biến đổi mới của quyền lực tri thức.*

Từ sở hữu tri thức đến tổ chức dòng chảy và mạng lưới tri thức

Một trong những biến đổi đáng chú ý hiện nay là sự chuyển dịch tương đối từ sở hữu tri thức sang khả năng tiếp cận, huy động và tổ chức tri thức. Khi tri thức chuyên môn tương đối khan hiếm và tập trung, chủ thể sở hữu tri thức có lợi thế rõ rệt. Nhưng cùng với sự phát triển của khoa học, số hóa và chuyên môn hóa, tri thức ngày càng được sản xuất với quy mô lớn và phân tán giữa nhiều cá nhân, tổ chức và cộng đồng. Đối với những vấn đề phức hợp, rất ít chủ thể có thể tự mình sở hữu đầy

đủ những tri thức cần thiết. *Lợi thế, vì vậy, ngày càng phụ thuộc vào khả năng tiếp cận và huy động tri thức vượt ra ngoài biên giới của chính tổ chức mình.*

Sự chuyển dịch này đồng thời làm thay đổi cấu trúc chủ thể của quyền lực tri thức. Nếu lý thuyết *epistemic communities* của Haas cho thấy ảnh hưởng của các mạng lưới chuyên gia có chung những tiêu chuẩn và cách hiểu chuyên môn, thì nghiên cứu về *policy advisory systems* mở rộng đơn vị phân tích sang toàn bộ cấu trúc gồm nhiều nguồn tư vấn cùng tham gia quá trình chính sách¹⁷. Nghiên cứu của Stone về cộng đồng chính sách xuyên quốc gia G20 cũng cho thấy think tank, chuyên gia và các chủ thể tri thức có thể tạo thành những mạng lưới qua đó ý tưởng được lưu chuyển, khuếch đại và tham gia vào quá trình điều phối chính sách¹⁸. Theo hướng đó, *quyền lực tri thức ngày càng không chỉ là quyền lực của chủ thể biết, mà còn là quyền lực của chủ thể có khả năng kết nối những người biết.*

Từ những nghiên cứu trên, bài viết đề xuất một khái quát: *quyền lực tri thức đang có sự chuyển dịch từ việc kiểm soát một “kho tri thức” sang khả năng tổ chức một “dòng chảy tri thức”.*

Tổ chức dòng chảy tri thức là khả năng nhận diện những nguồn tri thức cần thiết, tiếp cận và huy động các chủ thể đang nắm giữ chúng, đồng thời tạo lập những quan hệ cho phép các tri thức phân tán gặp gỡ và bổ sung cho nhau. Điều đó *không làm giảm vai trò của người trực tiếp sản xuất tri thức, nhưng đặt hoạt động sản xuất vào một cấu trúc rộng hơn, trong đó năng lực tổ chức tri thức của nhiều chủ thể trở thành một nguồn quyền lực riêng.*

Từ sản xuất tri thức đến lựa chọn, thẩm định và tích hợp tri thức

Sự gia tăng nhanh chóng của các nguồn tri thức làm xuất hiện một nghịch lý: *càng có nhiều tri thức, việc xác định tri thức nào đáng tin cậy và có ý nghĩa càng trở nên khó khăn.* Khi lượng nghiên cứu, dữ liệu, phân tích và ý kiến chuyên gia ngày càng lớn, vấn đề không chỉ là tạo thêm tri thức mà còn là lựa chọn cái gì, tin vào đâu và kết hợp những tri thức khác nhau như thế nào. Vì vậy, bên cạnh người sản xuất tri thức, vai trò của những chủ thể có khả năng lựa chọn, thẩm định và tích hợp tri thức ngày càng nổi lên.

Các nghiên cứu về *knowledge brokering* cho thấy rõ sự xuất hiện của lớp



chức năng trung gian này. Tổng quan hệ thống của Bornbaum và cộng sự nhận diện ba nhóm vai trò chủ yếu của *knowledge broker*: quản trị tri thức, kết nối và trao đổi giữa các chủ thể, và xây dựng năng lực sử dụng tri thức¹⁹. MacKillop, Quarmbay và Downe đồng thời lưu ý rằng môi giới tri thức không phải là một quá trình trung tính và cũng không mặc nhiên dẫn tới chính sách dựa trên bằng chứng tốt hơn²⁰. Chủ thể lựa chọn và cung cấp bằng chứng vì thế cũng tham gia xác định tri thức nào được chú ý, được coi trọng và có cơ hội đi vào quá trình quyết sách.

Trong bối cảnh đó, *thẩm định và tích hợp tri thức trở thành những năng lực đặc biệt quan trọng*. Môi trường tư vấn mở và đa chủ thể đem lại nhiều nguồn chuyên môn hơn nhưng cũng làm cho các vấn đề về thẩm quyền, độ tin cậy và tính chính danh của chuyên gia trở nên phức tạp hơn²¹. Thách thức không chỉ là tìm được chuyên gia mà còn là nhận diện chuyên môn phù hợp, đánh giá chất lượng bằng chứng, mức độ chắc chắn và giới hạn của các kết luận. Đồng thời, những vấn đề chiến lược thường đòi hỏi nhiều loại tri thức mà kết quả không hoàn toàn tương thích.

Tích hợp tri thức vì thế không phải là phép cộng cơ học các ý kiến chuyên gia, mà là hoạt động trí tuệ nhằm đặt các bằng chứng và cách tiếp cận khác nhau trong một cấu trúc phân tích chung, nhận diện điểm thống nhất, khác biệt và những đánh đổi để hình thành một cách hiểu có thể phục vụ hành động.

Theo nghĩa đó, *quyền lực tri thức không chỉ thuộc về người tạo ra tri thức hay kết nối các nguồn tri thức mà còn gắn với chủ thể có năng lực lựa chọn, thẩm định và tích hợp chúng*. Chính ở những khâu này, quyền lực đối với tri thức có thể chuyển hóa thành khả năng định hình cách một vấn đề được nhận thức trước khi nó trở thành đối tượng của quyết định.

AI - dư thừa thông tin và sự gia tăng giá trị của phán đoán tri thức

Sự phát triển của công nghệ số và đặc biệt là trí tuệ nhân tạo đang tạo thêm động lực mạnh cho những chuyển dịch nói trên. AI làm giảm đáng kể chi phí tìm kiếm, xử lý, tổng hợp và tạo lập thông tin. Tuy nhiên, nghiên cứu của Pautz và cộng sự về AI tạo sinh trong các think tank ở Anh cho thấy một bức tranh cần được nhìn nhận

thận trọng: tại thời điểm khảo sát, GenAI mới đóng vai trò tương đối hạn chế, chủ yếu hỗ trợ một số công việc thường quy, phổ biến và xuất bản kết quả; trong khi việc hình thành ý tưởng và phương án chính sách vẫn chủ yếu do con người thực hiện²².

Điều đáng chú ý từ góc độ quyền lực tri thức không chỉ là AI có thể thực hiện những công việc nào, mà sâu hơn là AI đang làm thay đổi cấu trúc của sự khan hiếm trong quá trình tạo lập tri thức. Khi việc tìm kiếm, tạo văn bản và tổng hợp sơ bộ trở nên nhanh và rẻ hơn, khả năng sản xuất thêm thông tin không còn nhất thiết tạo ra lợi thế như trước. Ngược lại, *lượng thông tin càng lớn càng làm tăng nhu cầu xác định cái gì đúng, cái gì quan trọng, nguồn nào đáng tin và kết luận nào có ý nghĩa trong một bối cảnh cụ thể*.

Theo nghĩa đó, AI làm nổi bật hơn sự khác biệt giữa khả năng tạo lập thông tin và khả năng đưa ra phán đoán về tri thức. AI có thể mở rộng mạnh mẽ năng lực xử lý thông tin, nhưng việc xác lập vấn đề, kiểm chứng nguồn, lựa chọn tiêu chuẩn đánh giá, diễn giải ý nghĩa, cân nhắc những đánh đổi về giá trị và chịu trách nhiệm đối với kết luận

vẫn đặt ra vai trò không thể giản lược của con người. *Nghịch lý của quyền lực tri thức trong thời đại AI* vì thế là: *khả năng tiếp cận và tạo ra thông tin càng được phổ cập thì năng lực phán đoán đâu là tri thức đáng tin cậy và có ý nghĩa càng trở thành một nguồn lực khan hiếm*. Đối với các thiết chế nghiên cứu và tư vấn, câu hỏi ngày càng không chỉ là sản xuất được bao nhiêu tri thức, mà còn là có đủ năng lực và uy tín để thẩm định, định hướng và chịu trách nhiệm đối với tri thức được đưa vào quá trình quyết sách hay không.

Từ chuyển giao tri thức đến đồng kiến tạo và bảo đảm độ tin cậy của tri thức

Những chuyển dịch trên cũng đặt lại quan hệ giữa người sản xuất và người sử dụng tri thức. Mô hình tuyến tính thường hình dung nghiên cứu tạo ra tri thức, sau đó chuyển giao cho người ra quyết định. Nhưng khi vấn đề chính sách trở nên phức hợp và tri thức cần thiết phân tán giữa nhiều chủ thể, ranh giới này ngày càng khó duy trì tuyệt đối. Câu hỏi nghiên cứu có thể hình thành từ thực tiễn; người làm chính sách tham gia xác định nhu cầu tri thức; chuyên gia thuộc nhiều lĩnh vực cùng giải thích vấn đề; còn kinh nghiệm thực tiễn lại trở



thành đầu vào cho nghiên cứu tiếp theo.

Các nghiên cứu về *boundary organizations*, *boundary work* và *co-production* cho thấy ý nghĩa của những không gian trong đó khoa học, chính sách và thực tiễn tương tác. Thay vì chỉ chuyển một sản phẩm tri thức đã hoàn thành qua ranh giới giữa nghiên cứu và chính sách, các chủ thể có thể tham gia từ quá trình xác định vấn đề, hình thành câu hỏi đến kiến tạo tri thức có khả năng sử dụng²³. Vì vậy, *tổ chức không gian tương tác tri thức - nơi các cộng đồng chuyên môn và chủ thể quyết sách có thể đối thoại trong khi vẫn duy trì những tiêu chuẩn cần thiết về chất lượng tri thức - trở thành một năng lực ngày càng quan trọng*.

Sự gia tăng số lượng chủ thể và nguồn tri thức đồng thời đặt ra yêu cầu về bảo đảm độ tin cậy của tri thức. Theo nghĩa bài viết này đề xuất, *bảo đảm độ tin cậy của tri thức là năng lực thiết lập những quy trình và điều kiện để người sử dụng có căn cứ tin cậy vào tri thức được cung cấp: nguồn được nhận diện, bằng chứng được thẩm định, những ý kiến khác nhau được đối chiếu, giới hạn và mức độ bất định được làm rõ, đồng thời trách nhiệm đối*

với kết quả tổng hợp có thể được xác định. Bảo đảm không có nghĩa tuyên bố một tri thức là chân lý tuyệt đối, mà là tạo lập cơ sở cho sự tin cậy có trách nhiệm trong điều kiện luôn tồn tại bất định và khác biệt chuyên môn.

Nhìn tổng thể, có thể nhận diện *bốn chuyển dịch nổi bật của quyền lực tri thức*: từ sở hữu tri thức sang tổ chức dòng chảy và mạng lưới tri thức; từ sản xuất sang lựa chọn, thẩm định và tích hợp tri thức; từ ưu thế về thông tin sang năng lực phán đoán, lựa chọn trong môi trường thông tin dư thừa; và từ chuyển giao một chiều sang đồng kiến tạo và bảo đảm độ tin cậy của tri thức. Những chuyển dịch này không diễn ra tuần tự và cũng không làm mất đi các hình thức quyền lực cũ; chúng đan xen với nhau, nhưng cho thấy trọng lượng ngày càng tăng của các năng lực xác lập vấn đề, kết nối, huy động, thẩm định, tích hợp và bảo đảm độ tin cậy của tri thức.

Nếu nhận định đó có cơ sở, giá trị của một thiết chế tri thức - tư vấn chiến lược không thể chỉ được đo bằng lượng tri thức mà nó trực tiếp sản xuất. Điều quan trọng không kém là nó phát hiện được những vấn đề gì, tiếp cận và huy động được những nguồn lực trí tuệ nào,

tổ chức được những mạng lưới nào, thẩm định và tích hợp tri thức ra sao, và có khả năng tạo lập sự tin cậy đối với tri thức được đưa vào quá trình quyết sách đến đâu. Chính từ đây có thể đặt lại câu hỏi về vai trò của Hội đồng Lý luận Trung ương trong bối cảnh mới.

3. Suy nghĩ về vai trò của Hội đồng Lý luận Trung ương trong bối cảnh mới

Những biến đổi của think tank hiện đại và quyền lực tri thức được phân tích ở trên gợi mở nhiều suy tư về vai trò của Hội đồng Lý luận Trung ương. Vấn đề không phải là đối chiếu Hội đồng với một mô hình think tank có sẵn, càng không phải “think tank hóa” Hội đồng hay diễn giải lại những chức năng, nhiệm vụ đã được quy định. Câu hỏi đáng quan tâm hơn là: *trong một thế giới mà tri thức ngày càng phong phú nhưng phân tán, chuyên môn hóa và biến đổi nhanh; khi AI làm giảm mạnh chi phí sản xuất thông tin nhưng làm tăng nhu cầu thẩm định và phán đoán, một thiết chế lý luận - tư vấn chiến lược cấp cao có thể tạo ra giá trị đặc thù ở đâu?*

Điểm xuất phát để trả lời câu hỏi đó vẫn là quan niệm của chủ nghĩa Mác -

Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của lý luận và quan hệ giữa lý luận với thực tiễn. Trong tác phẩm *Làm gì?*, V.I.Lênin khẳng định: *“Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng”*²⁴. Hồ Chí Minh ví lý luận như *“cái kim chỉ nam”*²⁵, chỉ phương hướng cho hoạt động thực tiễn; đồng thời nhấn mạnh học lý luận là *“học để vận dụng”*, và khi vận dụng phải *“bổ sung, làm phong phú thêm lý luận bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn cách mạng của ta”*²⁶. Nhìn từ sự biến đổi của quyền lực tri thức hiện đại, quan hệ biện chứng đó có thêm những điều kiện và phương thức thực hiện mới: giữa thực tiễn ngày càng phức hợp với nhận thức và quyết sách chiến lược cần cả một quá trình phát hiện vấn đề - huy động tri thức - đối thoại và tích hợp - thẩm định và bảo đảm độ tin cậy của tri thức - chuyển hóa thành năng lực tư duy chiến lược, rồi trở lại thực tiễn để kiểm nghiệm và tiếp tục phát hiện những vấn đề mới.

Trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đặt trong bối cảnh những biến đổi mới của quyền lực tri thức và think tank hiện đại, có thể nhấn mạnh một số vai



trò đặc thù của Hội đồng Lý luận Trung ương như sau:

Một là, vai trò phát hiện, xác lập và định hình những vấn đề lý luận - chiến lược mới. Tổng Bí thư Tô Lâm yêu cầu Hội đồng “*chủ động nghiên cứu, phát hiện và luận giải những vấn đề lý luận mới nảy sinh từ thực tiễn*” trong nước cũng như từ những biến đổi sâu sắc của tình hình thế giới²⁷. Trong bối cảnh mới, từ khóa “phát hiện” có ý nghĩa đặc biệt. Khi thông tin và sản phẩm phân tích ngày càng dồi dào, lợi thế chiến lược không chỉ thuộc về chủ thể trả lời tốt những câu hỏi đã có, mà còn *thuộc về chủ thể nhận ra sớm câu hỏi nào cần phải được đặt ra*. Những biến đổi của lực lượng sản xuất, AI, cấu trúc xã hội, địa chính trị, văn hóa, môi trường hay phương thức quản trị thường xuất hiện trong thực tiễn trước khi được nhận thức đầy đủ về lý luận. *Nhận diện những tín hiệu và mâu thuẫn mới, chuyển chúng thành vấn đề nghiên cứu có tầm chiến lược vì thế là một biểu hiện quan trọng của quyền lực xác lập vấn đề (problem-setting power)*. Theo nghĩa đó, Hội đồng không chỉ tham gia giải đáp các vấn đề lý luận mà còn có thể góp phần định hình chương trình nghị sự lý luận - chiến

lược, kể cả đối với những vấn đề chưa trở nên hiển nhiên.

Hai là, vai trò hạt nhân quy tụ và tổ chức mạng lưới tri thức chiến lược. Tri thức cần thiết cho lãnh đạo và quyết sách ngày nay phân bố trong các học viện, trường đại học, viện nghiên cứu, cơ quan quản lý, địa phương, doanh nghiệp, cộng đồng chuyên gia, nhà hoạt động thực tiễn và các mạng lưới tri thức trong và ngoài nước. Tổng Bí thư Tô Lâm yêu cầu Hội đồng “*tiếp tục khẳng định và nâng tầm vai trò hạt nhân, nòng cốt trong công tác lý luận của Đảng*”, đồng thời phát huy vai trò trung tâm tập hợp các nhà khoa học, chuyên gia và nhà hoạt động thực tiễn, mở rộng mạng lưới trí thức²⁸. Có thể nhìn yêu cầu này từ cấu trúc quyền lực tri thức mới: *hạt nhân không nhất thiết là nơi chứa nhiều tri thức nhất, mà là nơi có khả năng làm cho mạng lưới tri thức vận hành hiệu quả nhất*. Vai trò của Hội đồng vì thế không chỉ là tập hợp chuyên gia mà còn là kiến tạo và tổ chức mạng lưới trí tuệ, kết nối đúng chủ thể với đúng vấn đề, huy động tri thức vượt qua biên giới ngành, lĩnh vực và tổ chức. *Quyền lực của “người biết” được bổ sung bằng quyền lực*

của chủ thể có khả năng kết nối những người biết.

Ba là, vai trò kiến tạo không gian đối thoại, phản biện và tích hợp tri thức. Mạng lưới càng rộng không có nghĩa tri thức chiến lược tự động tốt hơn. Các ngành khoa học có thể nhìn cùng một hiện tượng từ những hệ quy chiếu khác nhau; chuyên gia có thể bất đồng; tri thức khoa học, tri thức thể chế và kinh nghiệm thực tiễn cũng không dễ dàng quy đổi cho nhau. Giá trị của một thiết chế nằm ở giao điểm của nhiều cộng đồng tri thức vì thế không phải là phép cộng các ý kiến, mà là tổ chức sự tương tác có chất lượng giữa các loại tri thức: đưa tri thức chuyên ngành vào đối thoại liên ngành, lý luận vào đối thoại với thực tiễn, tri thức trong nước vào đối thoại với tri thức quốc tế; đồng thời tạo điều kiện để các giả định được phản biện và những cách giải thích cạnh tranh được kiểm tra. Sản phẩm quan trọng khi đó là tri thức tích hợp, có khả năng nhận diện bản chất, quan hệ, xu thế và những lựa chọn chiến lược của vấn đề.

Bốn là, vai trò thẩm định, bảo đảm độ tin cậy và định hướng tri thức, góp phần giữ vững “chủ quyền tư duy lý

luận” trong thời đại AI. Tổng Bí thư Tô Lâm đặt yêu cầu đổi mới mạnh mẽ tư duy và phương pháp nghiên cứu lý luận trong bối cảnh chuyển đổi số và AI, chủ động sử dụng các công cụ hiện đại để nâng cao năng lực tổng hợp, phân tích và dự báo²⁹. Tuy nhiên, cùng với cơ hội đó là một vấn đề sâu hơn: AI có thể mở rộng mạnh mẽ khả năng tìm kiếm, tổng hợp và tạo lập thông tin, nhưng việc trả lời những câu hỏi như: ai xác lập vấn đề, ai lựa chọn tiêu chuẩn thẩm định, ai định hướng giá trị và ai chịu trách nhiệm cuối cùng đối với tri thức được tạo ra vẫn không thể giao hoàn toàn cho máy.

Theo nghĩa đó, AI phải được đặt dưới sự thẩm định và định hướng của trí tuệ con người trong hoạt động lý luận. Ở tầng sâu hơn, đây không chỉ là vấn đề kỹ thuật hay nhận thức luận mà còn là vấn đề của quyền lực tri thức. Bài viết vì vậy đề xuất khái niệm “chủ quyền tư duy lý luận” để chỉ khả năng tự chủ trong xác lập vấn đề, lựa chọn hệ khái niệm và phương pháp, thẩm định tri thức, định hướng giá trị và hình thành những luận giải về con đường phát triển của đất nước. AI có thể trở thành công cụ mạnh trong nghiên cứu



lý luận, nhưng quyền định hướng, phán đoán và chịu trách nhiệm cuối cùng phải thuộc về con người. *Thẩm định và bảo đảm độ tin cậy của tri thức trong thời đại AI, theo nghĩa đó, cũng là một phương diện của việc giữ vững chủ quyền tư duy lý luận.*

Năm là, vai trò chuyển hóa hệ sinh thái tri thức thành năng lực nhận thức và tư duy chiến lược phục vụ sự lãnh đạo của Đảng. Đây là điểm hội tụ của bốn vai trò trên. Hồ Chí Minh nhấn mạnh học lý luận “là học để vận dụng chứ không phải học lý luận vì lý luận”³⁰. Trong điều kiện hiện đại, “vận dụng” không đơn giản là chuyển một kết quả nghiên cứu đã hoàn thành cho người ra quyết định. Giữa một hệ sinh thái tri thức rộng lớn và quyết sách chiến lược cần có quá trình chuyển hóa: từ dữ liệu và nghiên cứu riêng biệt thành nhận thức tổng hợp; từ tri thức chuyên ngành thành tri thức liên ngành; từ nhiều cách giải thích thành khả năng nhận diện bản chất và xu thế; từ các dự báo thành nhận diện cơ hội, rủi ro và lựa chọn chiến lược. Giá trị đặc thù của Hội đồng theo đó *không nhất thiết nằm ở việc sở hữu nhiều tri thức hơn các chủ thể khác, mà ở khả năng làm cho*

tri thức của nhiều chủ thể trở thành năng lực nhận thức và tư duy chiến lược phục vụ sự lãnh đạo của Đảng.

Năm phương diện trên tạo thành một chu trình tri thức chiến lược hướng vào trong: từ thực tiễn phát hiện và xác lập vấn đề; từ vấn đề huy động mạng lưới tri thức; từ mạng lưới tổ chức đối thoại và tích hợp; từ tri thức đa dạng tiến hành thẩm định, định hướng và bảo đảm độ tin cậy của tri thức; từ đó chuyển hóa thành năng lực nhận thức và tư duy chiến lược, rồi trở lại thực tiễn để kiểm nghiệm và tiếp tục phát hiện vấn đề mới. Nhưng hệ sinh thái tri thức hiện đại không dừng lại trong phạm vi quốc gia. Điều đó dẫn tới một phương diện thứ sáu, mở chu trình này ra không gian tri thức quốc tế.

Sáu là, vai trò thúc đẩy đối thoại lý luận và lan tỏa thành tựu lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam trong không gian tri thức quốc tế. Tổng Bí thư Tô Lâm yêu cầu Hội đồng tăng cường đối ngoại lý luận, mở rộng trao đổi lý luận và đối thoại chính sách với các chính đảng và tổ chức nghiên cứu trên thế giới; qua đó vừa tiếp thu tinh hoa trí tuệ nhân loại, vừa lan tỏa những giá trị lý luận và thực tiễn của cách mạng Việt

Nam³¹. Trong một thế giới mà tri thức ngày càng được hình thành và lưu chuyển qua các mạng lưới xuyên quốc gia, năng lực tự chủ về lý luận không đồng nghĩa với khép kín tri thức; trái lại, nó còn được củng cố thông qua khả năng đối thoại, tiếp nhận có chọn lọc và đóng góp tri thức của mình vào những cuộc thảo luận rộng lớn hơn.

Theo hướng đó, Hội đồng có thể đóng vai trò như một cầu nối hai chiều của tri thức lý luận: kết nối giới nghiên cứu lý luận Việt Nam với các mạng lưới học thuật và lý luận quốc tế; đưa những vấn đề, kinh nghiệm và thành tựu lý luận từ thực tiễn Việt Nam vào đối thoại quốc tế; đồng thời tiếp nhận những tri thức, cách tiếp cận và phản biện từ bên ngoài để kiểm nghiệm, bổ sung và phát triển lý luận trong nước. *Chủ quyền tư duy lý luận vì thế không đối lập với hội nhập tri thức; năng lực đối thoại lý luận từ một vị thế tự chủ chính là một biểu hiện của chủ quyền ấy.*

Tuy nhiên, đối thoại lý luận quốc tế đồng thời đòi hỏi năng lực “chuyển dịch” giữa những ngôn ngữ và hệ khái niệm khác nhau (epistemic translation): *diễn giải sáng rõ những vấn đề và thành tựu lý luận của Việt Nam*

bằng ngôn ngữ có khả năng đối thoại với học thuật quốc tế, nhưng không để những hệ khái niệm từ bên ngoài mặc nhiên trở thành khuôn khổ quy chiếu cho việc nhận thức và giải thích thực tiễn Việt Nam. Yêu cầu này cũng phù hợp với nhấn mạnh gần đây của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm về việc chuẩn hóa, làm sáng rõ và phát triển hệ khái niệm, phạm trù, ngôn ngữ lý luận của Đảng theo hướng chuẩn xác, hiện đại, dễ hiểu, dễ vận dụng, đồng thời giữ được bản sắc tư tưởng của Đảng³². Theo nghĩa đó, *năng lực chuyển dịch ngôn ngữ và hệ khái niệm trong đối thoại quốc tế cũng là một biểu hiện của chủ quyền tư duy lý luận.*

Sáu phương diện trên không phải là sáu chức năng hay nhiệm vụ mới được đề xuất cho Hội đồng Lý luận Trung ương. Chúng là sáu chiều cạnh của một vai trò tổ chức tri thức chiến lược, được rút ra từ những biến đổi của think tank hiện đại và quyền lực tri thức đã phân tích ở hai phần trên, đồng thời đặt trong quan hệ với những yêu cầu mới đối với công tác lý luận. Năm phương diện đầu tạo thành chu trình tri thức chiến lược hướng vào trong; phương diện thứ sáu mở chu trình ấy ra bên ngoài, để tri



thức lý luận Việt Nam tham gia vào các mạng lưới quốc tế và những tri thức, phản biện từ thế giới trở lại làm phong phú hệ sinh thái tri thức trong nước.

Từ đó, có thể thử *định vị* Hội đồng Lý luận Trung ương như một hạt nhân tổ chức tri thức chiến lược trong hệ sinh thái tri thức phục vụ sự lãnh đạo của Đảng. Khái niệm này không nhằm thay thế cách xác định chính thức về vị trí, chức năng của Hội đồng, mà nhấn mạnh một phương diện tạo nên giá trị của Hội đồng trong cấu trúc tri thức mới. Nếu think tank hiện đại đang chuyển từ sản xuất sang huy động tri thức, nếu quyền lực tri thức ngày càng gắn với tổ chức dòng chảy, mạng lưới, lựa chọn, thẩm định, tích hợp và bảo đảm độ tin cậy của tri thức, thì *lợi thế đặc thù của Hội đồng có thể nằm ở khả năng đứng tại điểm giao của các dòng tri thức và chuyển hóa sự đa dạng của chúng thành năng lực nhận thức và tư duy chiến lược*.

Theo cách nhìn đó, bên cạnh câu hỏi “Hội đồng trực tiếp sản xuất được những tri thức gì?”, cần quan tâm hơn tới câu hỏi “*Hội đồng làm cho hệ sinh thái tri thức của đất nước tạo ra giá trị chiến lược như thế nào?*”. Chính ở khả năng phát hiện những vấn đề cần nhận

thức, huy động trí tuệ mà hệ thống đang có, tổ chức đối thoại, thẩm định và bảo đảm độ tin cậy của tri thức, rồi chuyển hóa trí tuệ phân tán thành năng lực tư duy chiến lược, khái niệm “hạt nhân, nòng cốt” trong công tác lý luận có thể được bổ sung một nội hàm phù hợp với thời đại của mạng lưới tri thức và trí tuệ nhân tạo.

KẾT LUẬN

Sự biến đổi của think tank hiện đại cho thấy một chuyển dịch sâu hơn trong cấu trúc của quyền lực tri thức. Khi tri thức ngày càng phong phú, phân tán và được tạo ra với tốc độ chưa từng có, đặc biệt dưới tác động của AI, lợi thế không còn chỉ thuộc về chủ thể trực tiếp sở hữu hay sản xuất nhiều tri thức. Quyền lực tri thức ngày càng gắn với khả năng phát hiện và xác lập vấn đề, tổ chức mạng lưới và dòng chảy tri thức, lựa chọn, thẩm định, tích hợp, bảo đảm độ tin cậy của tri thức và chuyển hóa tri thức thành năng lực nhận thức và hành động. Trong điều kiện đó, *phán đoán của con người và năng lực chịu trách nhiệm đối với tri thức càng trở nên quan trọng*.

Từ cách tiếp cận này, vai trò của Hội đồng Lý luận Trung ương có thể được

nhìn nhận thêm từ phương diện *hạt nhân tổ chức tri thức chiến lược trong hệ sinh thái tri thức phục vụ sự lãnh đạo của Đảng*. Đây không phải là sự “think tank hóa” Hội đồng hay diễn giải lại những chức năng, nhiệm vụ đã được quy định, mà là sự nhấn mạnh những phương diện có thể tạo nên giá trị đặc thù của Hội đồng trong bối cảnh mới: làm cho những nguồn trí tuệ phân tán được kết nối, thẩm định và chuyển

hóa thành năng lực tư duy chiến lược; đồng thời mở rộng đối thoại lý luận với thế giới trên nền tảng giữ vững chủ quyền tư duy lý luận. *Trong bối cảnh quyền lực tri thức đang biến đổi sâu sắc, năng lực tổ chức và chuyển hóa trí tuệ của toàn bộ hệ sinh thái tri thức thành năng lực tư duy chiến lược chính là một phương diện quan trọng làm nên giá trị đặc thù của Hội đồng Lý luận Trung ương* ■

¹ Nguyên văn: “Human knowledge and human power meet in one”. Xem: Francis Bacon, *Novum Organum*, bk. I, aphorism 3, trans. James Spedding, in *The Works of Francis Bacon*, vol. 1 (London: Longman, 1858), 60.

² Adam M. Wellstead and Michael Howlett, “(Re)Thinking Think Tanks in the Age of Policy Labs: The Rise of Knowledge-Based Policy Influence Organisations,” *Australian Journal of Public Administration* 81, no. 1 (2022): 224-232, DOI: 10.1111/1467-8500.12528.

³ Hartwig Pautz, Arno van der Zwet, Pedro Munoz-Ramirez, and Scott Leatham, “Generative Artificial Intelligence in Policy Analysis: A Study of UK Think Tanks” *AI & Society* 41 (2026): 7421-7431, DOI: 10.1007/s00146-026-03084-9.

⁴ Diane Stone, “Recycling Bins, Garbage Cans or Think Tanks? Three Myths Regarding Policy Analysis Institutes,” *Public Administration* 85, no. 2 (2007): 259-278, DOI: 10.1111/j.1467-9299.2007.00649.x.

⁵ Karthik Nachiappan, “Think Tanks and the Knowledge-Policy Nexus in China,” *Policy and Society* 32, no. 3 (2013): 255-265, DOI: 10.1016/j.polsoc.2013.07.006.

⁶ Diane Stone, “Recycling Bins, Garbage Cans or Think Tanks? Three Myths Regarding Policy Analysis Institutes,” *Public Administration* 85, no. 2 (2007): 259-278, DOI:



10.1111/j.1467-9299.2007.00649.x.

⁷ Adam M. Wellstead and Michael Howlett, “(Re)Thinking Think Tanks in the Age of Policy Labs: The Rise of Knowledge-Based Policy Influence Organisations,” *Australian Journal of Public Administration* 81, no. 1 (2022): 224-232, DOI: 10.1111/1467-8500.12528.

⁸ Catherine C. Bornbaum, Kathy Kornas, Leslea Peirson, and Laura C. Rosella, “Exploring the Function and Effectiveness of Knowledge Brokers as Facilitators of Knowledge Translation in Health-Related Settings: A Systematic Review and Thematic Analysis,” *Implementation Science* 10 (2015): 162, DOI: 10.1186/s13012-015-0351-9.

⁹ Jonathan Craft and Michael Howlett, “Policy Formulation, Governance Shifts and Policy Influence: Location and Content in Policy Advisory Systems,” *Journal of Public Policy* 32, no. 2 (2012): 79-98, DOI: 10.1017/S0143814X12000049.

¹⁰ Fiaz Hussain, Denise Tsang, and Zain Rafique, “Policy Advisory Systems and Public Policy Making: Bibliometric Analysis, Knowledge Mapping, Operationalization, and Future Research Agenda,” *Review of Policy Research* 41, no. 5 (2024): 713-739, DOI: 10.1111/ropr.12564.

¹¹ Michael Howlett, Maria Tullia Galanti, Andrea Migone, and Giulia Vicentini, “Management and Quality: Third-Generation Research into Policy Advisory Systems,” *Policy and Society* 44, no. 3 (2025): 279-290, DOI: 10.1093/polsoc/puaf023.

¹² Eleanor MacKillop, Sarah Quarmby, and James Downe, “Does Knowledge Brokering Facilitate Evidence-Based Policy? A Review of Existing Knowledge and an Agenda for Future Research,” *Policy & Politics* 48, no. 2 (2020): 335-353, DOI: 10.1332/030557319X15740848311069.

¹³ Daniel Compagnon and Steven Bernstein, “Nondemarcated Spaces of Knowledge-Informed Policy Making: How Useful Is the Concept of Boundary Organization in IR?,” *Review of Policy Research* 34, no. 6 (2017): 812-826, DOI: 10.1111/ropr.12258.

¹⁴ Peter M. Haas, “Introduction: Epistemic Communities and International Policy Coordination,” *International Organization* 46, no. 1 (1992): 1-35, DOI: 10.1017/S0020818300001442.

¹⁵ Haas, “Introduction: Epistemic Communities and International Policy Coordination.” Cụm từ nguyên văn: “control over knowledge and information is an important dimension of power.”

¹⁶ Jonathan Craft, Brian Head, and Michael Howlett, “Expertise, Policy Advice, and Policy Advisory Systems in an Open, Participatory, and Populist Era: New Challenges to Research and Practice,” *Australian Journal of Public Administration* 83, no. 2 (2024): 143-155, DOI:

10.1111/1467-8500.12630.

¹⁷ Jonathan Craft and Michael Howlett, “Policy Formulation, Governance Shifts and Policy Influence: Location and Content in Policy Advisory Systems” *Journal of Public Policy* 32, no. 2 (2012): 79-98, DOI: 10.1017/S0143814X12000049.

¹⁸ Diane Stone, “The Group of 20 Transnational Policy Community: Governance Networks, Policy Analysis and Think Tanks,” *International Review of Administrative Sciences* 81, no. 4 (2015): 793-811, DOI: 10.1177/0020852314558035.

¹⁹ Catherine C. Bornbaum, Kathy Kornas, Leslea Peirson, and Laura C. Rosella, “Exploring the Function and Effectiveness of Knowledge Brokers as Facilitators of Knowledge Translation in Health-Related Settings: A Systematic Review and Thematic Analysis,” *Implementation Science* 10 (2015): 162, DOI: 10.1186/s13012-015-0351-9.

²⁰ Eleanor MacKillop, Sarah Quarmby, and James Downe, “Does Knowledge Brokering Facilitate Evidence-Based Policy? A Review of Existing Knowledge and an Agenda for Future Research,” *Policy & Politics* 48, no. 2 (2020): 335-353, DOI: 10.1332/030557319X15740848311069.

²¹ Craft, Head, and Howlett, “Expertise, Policy Advice, and Policy Advisory Systems” 143-155.

²² Hartwig Pautz, Arno van der Zwet, Pedro Munoz-Ramirez, and Scott Leatham, “Generative Artificial Intelligence in Policy Analysis: A Study of UK Think Tanks” *AI & Society* 41 (2026): 7421-7431, DOI: 10.1007/s00146-026-03084-9.

²³ Daniel Compagnon and Steven Bernstein, “Nondemarcated Spaces of Knowledge-Informed Policy Making: How Useful Is the Concept of Boundary Organization in IR?,” *Review of Policy Research* 34, no. 6 (2017): 812-826, DOI: 10.1111/ropr.12258.

²⁴ V.I. Lênin, *Toàn tập*, t.6. Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1975, 30.

²⁵ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.5. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, 273.

²⁶ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.11. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, 96.

^{27, 28, 29, 31} Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, phát biểu tại Hội nghị công bố Quyết định của Bộ Chính trị thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2026-2031, Hà Nội, ngày 10/3/2026.

³⁰ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t. 11. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, 95.

³² Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, phát biểu tại buổi làm việc với Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2026-2031, Hà Nội, ngày 09/6/2026.



PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CÁC TIỂU BAN CHUYÊN MÔN TRONG VIỆC CHUYÊN SÂU HÓA CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN

PGS.TS NGUYỄN MINH TUẤN

Ban Thư ký khoa học Hội đồng Lý luận Trung ương

Các tiểu ban chuyên môn thuộc Hội đồng là các đơn vị do Thường trực Hội đồng thành lập gồm một số ủy viên Hội đồng có trình độ, kinh nghiệm chuyên sâu không chỉ trực tiếp nghiên cứu, tổng hợp kết quả nghiên cứu mà còn giữ vai trò cầu nối, phối hợp trong việc triển khai nghiên cứu những vấn đề có liên quan. Các tiểu ban thuộc Hội đồng còn sử dụng một số chuyên gia là cộng tác viên ngoài Hội đồng theo từng lĩnh vực chuyên môn để tham mưu, giúp Hội đồng, trực tiếp là Thường trực Hội đồng tổ chức, thực hiện các hoạt động khoa học, nghiên cứu, chất lọc, tư vấn về lý luận chính trị nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng.

Hội đồng Lý luận Trung ương gồm có 04 tiểu ban:

- Tiểu ban Chính trị.
- Tiểu ban Kinh tế, Khoa học công nghệ, Môi trường.
- Tiểu ban Văn hóa, Xã hội, Con người.
- Tiểu ban Quốc phòng, An ninh, Đối ngoại.

Hoạt động của Hội đồng Lý luận Trung ương chủ yếu thông qua tiểu ban của Hội đồng và Thường trực Hội đồng. Chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng Lý luận Trung ương phụ thuộc vào chất lượng của từng tiểu ban của Hội đồng.

Vì vậy, việc nâng cao trình độ chuyên môn chuyên sâu của mỗi

thành viên tiểu ban trong nghiên cứu lý luận chính trị có ý nghĩa quan trọng, có tác động trực tiếp đến chất lượng hoạt động của từng tiểu ban và cả Hội đồng Lý luận Trung ương.

1. Tính tất yếu phát huy vai trò của tiểu ban chuyên môn trong việc chuyên sâu hóa công tác nghiên cứu lý luận

Thứ nhất, xuất phát từ vai trò của lý luận chính trị và nghiên cứu lý luận chính trị

Lý luận được hiểu là “Hệ thống tư tưởng chủ đạo trong một lĩnh vực tri thức; kinh nghiệm loài người đã được khái quát; sự tổng hợp các tri thức về tự nhiên và xã hội tích lũy được trong quá trình lịch sử”¹.

Lý luận của Đảng là lý luận chính trị, lý luận cách mạng, lý luận về con đường giải phóng dân tộc, về xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Công tác lý luận của Đảng là bộ phận cấu thành của công tác tư tưởng, gồm toàn bộ các hoạt động có định hướng, có tổ chức, có kế hoạch của Đảng để tiến hành các công việc nghiên cứu, giáo dục, truyền bá lý luận và đấu tranh trên lĩnh vực lý luận.

Công tác lý luận có vị trí quan trọng hàng đầu trong hoạt động lãnh đạo và tăng cường sức chiến đấu; xác lập, truyền bá và phát triển hệ tư tưởng của Đảng. Nghiên cứu, phát triển lý luận là tiền đề nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực của đảng cầm quyền góp phần xây dựng và hoàn thiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; là cơ sở, điều kiện để thống nhất nhận thức, ý chí và hành động trong Đảng, trong xã hội, cung cấp những luận cứ khoa học xác đáng và trực tiếp tiến hành cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận, nhất là chống lại các luận điệu xuyên tạc, phản động; là vũ khí sắc bén tấn công lại sự phá hoại của các thế lực thù địch trên trận địa tư tưởng.

Vai trò “đi trước, mở đường” của lý luận đòi hỏi phải nâng cao trình độ, tư duy lý luận trong bất cứ điều kiện, hoàn cảnh nào.

Thứ hai, xuất phát từ thực tiễn công tác nghiên cứu lý luận của Hội đồng lý luận Trung ương

Hội đồng Lý luận Trung ương không chỉ trực tiếp thực hiện chương trình, dự án nghiên cứu khoa học do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao mà còn tập hợp, tiếp thu, chất lọc, thẩm định để thực hiện nhiệm



vụ tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các vấn đề lý luận chính trị, làm cơ sở cho việc hoạch định, hoàn thiện, phát triển đường lối của Đảng. Những căn cứ lý luận cho việc hoạch định chính sách còn là yếu tố quan trọng, quyết định đến hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, cung cấp luận cứ khoa học, nâng cao năng lực, tầm nhìn, rèn luyện tư duy chiến lược cho cán bộ, nhất là cán bộ trung, cao cấp của Đảng học tập tại Học viện. Những thành tựu nổi bật về kinh tế - xã hội của 40 năm đổi mới đất nước đã ghi nhận những đóng góp to lớn của nghiên cứu lý luận đổi mới tư duy của toàn Đảng, trong đó Hội đồng Lý luận Trung ương là cơ quan tổng hợp, trung cất, chắt lọc các kết quả nghiên cứu, tham mưu, tư vấn cho Đảng về hoàn thiện đường lối đổi mới.

Lý luận về đường lối đổi mới đã trở thành một bộ phận quan trọng trong nền tảng tư tưởng của Đảng.

Thứ ba, xuất phát từ yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng lý luận Trung ương trong giai đoạn mới

Hội đồng Lý luận Trung ương là cơ quan thuộc Học viện Chính trị quốc

gia Hồ Chí Minh, có chức năng giúp Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh làm nhiệm vụ tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các vấn đề lý luận chính trị, làm cơ sở cho việc hoạch định, hoàn thiện, phát triển đường lối của Đảng; về những chương trình, đề tài khoa học cấp nhà nước về lý luận chính trị, phục vụ trực tiếp công tác lãnh đạo của Đảng.

Giai đoạn mới đòi hỏi năng lực dự báo rất cao của Đảng, cần nâng cao trí tuệ, tầm nhìn, tư duy lý luận hiện đại trước sự tiến triển của xu thế lớn: hoà bình, hợp tác và phát triển là nhân tố thuận lợi cho sự nghiệp cách mạng nước ta; đồng thời những bất ổn định do chiến tranh, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, hoạt động can thiệp, lật đổ, ly khai, khủng bố, tranh chấp chủ quyền... đang đặt ra nhiều thách thức lớn.

Đặc biệt, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, toàn cầu hóa kinh tế và thông tin quốc tế, Công nghệ AI... tạo ra những cơ hội phát triển, đồng thời cũng tạo ra không ít khó khăn, thách thức cho các nước, nhất là

các nước đang phát triển. Vai trò ngày càng tăng của tri thức, của các phương tiện thông tin đại chúng, các khuynh hướng tư tưởng, lý luận, chính trị, cả tiến bộ và phản động, tiếp tục đấu tranh gay gắt với nhau, trực tiếp xâm nhập vào nước ta, tác động đến tư tưởng, lối sống, nếp sống của con người.

Sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong 40 năm qua tiếp tục được đẩy mạnh, thế và lực, uy tín quốc tế của đất nước ngày một cao. Bên cạnh đó, những biến đổi mạnh mẽ cơ cấu giai cấp - xã hội ngày càng đa dạng, phức tạp hơn; sự đa dạng về lợi ích kinh tế, sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng, sự phân hóa giàu - nghèo giữa các tầng lớp dân cư, các tiêu cực và tệ nạn xã hội (quan liêu, tham nhũng, lãng phí...) đang tác động mạnh mẽ đến đời sống Nhân dân.

Trong nhiệm kỳ này (2026-2031), ngoài nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên là tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận cung cấp những luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, trước hết phục vụ cho các kỳ học của cơ quan lãnh đạo của Đảng, Văn kiện Đại hội

XV của Đảng, nhiệm vụ lớn mà Trung ương giao Hội đồng là tổng kết 100 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991.

Những nhiệm vụ cụ thể:

1- Hội đồng có nhiệm vụ trực tiếp thực hiện một số chương trình, dự án nghiên cứu khoa học do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao cho Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hội đồng hoặc do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hội đồng đề xuất được Bộ Chính trị, Ban Bí thư chấp thuận; đồng thời thực hiện chức năng tư vấn của Hội đồng thông qua Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và thực hiện một số nhiệm vụ khác do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

2. Tổ chức thực hiện tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1930-2030), định hướng lãnh đạo phát triển đất nước trong 100 năm tiếp theo (2030-2130) và tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội theo sự phân công.

3. Chủ trì, quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ



đặc biệt cấp quốc gia “Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2026 - 2030” (Chương trình KX.04/26-30).

4. Giúp Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh thẩm định những vấn đề mà các ngành, các cấp, các địa phương trình Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng.

5. Tham mưu cho Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh nghiên cứu, đề xuất những luận cứ về lý luận đấu tranh và trực tiếp tham gia đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái với quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng.

6. Giúp Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư duy trì và củng cố mối quan hệ về công tác nghiên cứu, trao đổi lý luận với các cơ quan nghiên cứu của các đảng cộng sản và đảng cầm quyền trên thế giới.

2. Đề xuất giải pháp phát huy vai trò của các tiểu ban chuyên môn trong việc chuyên sâu hóa công tác nghiên cứu lý luận

Thứ nhất, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của mỗi cán bộ các tiểu ban chuyên môn trong việc chuyên

sâu hóa công tác nghiên cứu lý luận

Về nhận thức chung, công tác lý luận của Đảng dựa trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp thu có chọn lọc những phát triển mới về lý luận của các nước, những giá trị tiến bộ của văn minh nhân loại, coi trọng tổng kết kinh nghiệm và hoàn cảnh thực tiễn Việt Nam. Kiên trì thế giới quan, phương pháp luận khoa học và các giá trị cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới của Đảng; phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời, tiếp thu các thành tựu mới, tinh hoa của nhân loại. Nâng cao hiệu quả đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch; uốn nắn những nhận thức lệch lạc.

Về yêu cầu nhận thức và ý thức trách nhiệm của từng thành viên tiểu ban chuyên môn, công tác nghiên cứu lý luận phải thực sự coi trọng đặc biệt để có đủ kiến thức chuyên sâu về lý luận trên lĩnh vực công tác của tiểu ban. Việc lựa chọn các thành viên của tiểu ban không chỉ dựa trên năng lực mà còn có tính chất cơ cấu ngành, lĩnh vực công tác để đảm bảo tính toàn diện trong tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận.

Điều đó đòi hỏi mỗi thành viên tiểu ban phải rèn luyện ý thức chính trị, nâng cao trách nhiệm chính trị, không ngừng học tập, bổ sung kiến thức lý luận, nhất là trên lĩnh vực tham mưu của tiểu ban.

Thứ hai, kết hợp chặt chẽ nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn, tham gia từ sớm, từ đầu các hoạt động tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận những vấn đề lớn, quan trọng về lý luận

Hoạt động lý luận nói chung và nghiên cứu lý luận phải gắn với thực tiễn, cán bộ lý luận phải bám sát thực tế và gắn chặt với hoạt động thực tiễn, đáp ứng và phục vụ yêu cầu phát triển đất nước, bảo đảm hài hòa giữa trước mắt với lâu dài, giữa nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng.

Thực tiễn ngành và lĩnh vực mà thành viên tiểu ban chuyên môn đang công tác không chỉ để tham gia (hoặc chủ trì) tổng kết thực tiễn, nắm bắt kết quả tổng kết thực tiễn của cơ quan, lĩnh vực công tác mà còn có trách nhiệm cung cấp thông tin, kết quả, dữ liệu cho Tiểu ban; đồng thời nhóm thư ký cũng chia sẻ thông tin, sử dụng chung kết quả nghiên cứu.

Mỗi thành viên của tiểu ban phải đảm nhận các nhiệm vụ nghiên cứu

thực tiễn theo kế hoạch hằng năm của tiểu ban, tham gia tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, góp ý khi được các cơ quan, ban ngành yêu cầu Hội đồng lý luận Trung ương cho ý kiến, đề từng văn bản trả lời mang trong đó những đóng góp ý kiến xác đáng, chất lượng của từng thành viên của cả tiểu ban, góp phần nâng cao chất lượng, uy tín của cả Hội đồng lý luận Trung ương.

Thứ ba, phối hợp chặt chẽ, thực chất với các cơ quan nghiên cứu lý luận, trực tiếp và thường xuyên với Nhóm thư ký của tiểu ban

Tiểu ban chuyên môn của Hội đồng lý luận Trung ương là tiểu ban chuyên môn, chuyên sâu về một trong những vấn đề, nội dung lãnh đạo của Đảng. Thành viên của tiểu ban chuyên môn còn có trách nhiệm liên hệ mật thiết với các chuyên gia, nhà khoa học theo lĩnh vực chuyên môn của tiểu ban để tổ chức nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tọa đàm, hội thảo khoa học, khảo sát thực tế về các chủ đề được Thường trực Hội đồng phân công; tổng hợp ý kiến của Hội đồng, hoàn thiện các dự thảo đề án, báo cáo tư vấn, báo cáo chuyên đề được Thường trực Hội đồng giao; kế thừa, chất lọc kết quả



ngiên cứu của các cấp, các ngành, các địa phương, trong và ngoài nước báo cáo Hội đồng, Thường trực Hội đồng.

Hầu hết thành viên của tiểu ban chuyên môn hoạt động kiêm nhiệm, thời gian dành cho công tác nghiên cứu lý luận là rất ít. Vì thế, mỗi tiểu ban chuyên môn lại có nhóm thư ký phục vụ trực tiếp cho tiểu ban chuyên môn đó. Nhóm thư ký là lực lượng chuyên nghiệp, được lựa chọn từ những cán bộ khoa học có kiến thức chuyên môn sâu, có kinh nghiệm thực tiễn. Nhóm thư ký thường là người có trách nhiệm soạn thảo, dự thảo, cầu nối liên hệ giữa các cơ quan liên quan, những chuyên gia cấp cao, nhà khoa học có uy tín để phục vụ cho tiểu ban chuyên môn hoạt động hài hoà, đảm bảo đúng quy chế và thảo luận, đề xuất, kiến nghị có chất lượng để Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương quyết định.

Thứ tư, coi trọng việc xây dựng môi trường dân chủ đi đôi với nêu cao trách nhiệm chính trị mỗi cá nhân nghiên cứu lý luận chuyên sâu

Nghiên cứu lý luận đòi hỏi môi trường khoa học, dân chủ. Nghiên cứu lý luận chính trị càng cần phải có môi trường thực sự dân chủ để trao đổi,

phản biện, tìm ra chân lý trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau, theo phương châm “chưa tiếp thu nhưng không bao giờ bác bỏ”. Môi trường dân chủ là yêu cầu khách quan vì khi dự báo, phân tích, đề xuất cái mới (đương nhiên là khác - trái với cái hiện hành) bằng lập luận khoa học, thuyết phục, tinh thần xây dựng, có nguyên tắc theo “bốn kiên định” của Đảng. Đại hội XIII khẳng định: “Thực hiện nghiêm Quy định dân chủ trong nghiên cứu lý luận chính trị, tạo môi trường dân chủ, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo, phát huy trí tuệ của các tổ chức và cá nhân”.

Đó là Quy định số 285-QĐ/TW, ngày 25/4/2015 của Bộ Chính trị “*Về dân chủ trong nghiên cứu lý luận chính trị trong các cơ quan đảng, nhà nước*”. Theo đó, phát triển lý luận đi đôi với bảo vệ những nguyên lý khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, đấu tranh chống các luận điểm xuyên tạc, cơ hội và xét lại. Mở rộng dân chủ, phát huy tự do tư tưởng trong nghiên cứu khoa học, phát triển lý luận, nhưng phải tuân theo nguyên tắc tổ chức của Đảng trong phổ biến kết quả nghiên cứu.

Đó còn là yêu cầu thực hiện nghiêm Quy chế làm việc của Hội đồng: Hội

đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ; tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Mỗi nhiệm vụ giao cho một người chủ trì và chịu trách nhiệm. Phát huy dân chủ, khuyến khích tìm tòi sáng tạo trong nghiên cứu lý luận chính trị ở Hội đồng. Trong nghiên cứu, thảo luận và hội thảo, thực hiện phát huy dân chủ, khuyến khích tranh luận, tìm tòi những quan điểm, cách tiếp cận, giải pháp mới và những vấn đề lý luận - thực tiễn mới nảy sinh. Đối với những đề xuất mới, dù của một người, cần được nghiên cứu chu đáo. Những đề xuất, kiến nghị khác với đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách hiện hành của Đảng và Nhà nước được thảo luận, tranh luận trong sinh hoạt nội bộ của Hội đồng hoặc nếu có ý kiến bảo lưu đều phải báo cáo bằng văn bản với Bộ Chính trị, Ban Bí thư; không được truyền bá ra bên ngoài.

Thứ năm, bám sát vào yêu cầu nghiên cứu lý luận của Đảng và của các cuộc họp Ban Chấp hành, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương

Nghiên cứu lý luận được Đảng quan tâm thường xuyên, đặt ra những nhiệm vụ cho cả nhiệm kỳ, thậm chí trong một giai đoạn dài tầm chiến lược.

Đó là những vấn đề lớn, những đòi hỏi công tác lý luận phải giải đáp những vấn đề lớn của đất nước đặt ra. Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị xác định: *“Từ nay đến năm 2030, tiếp tục làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn, hoàn thiện hệ thống các quan điểm về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nâng cao năng lực khoa học phục vụ phát triển công tác lý luận, bảo đảm cung cấp các luận cứ khoa học, lý luận vững chắc cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa”*².

Những nhiệm vụ cụ thể cũng được xác định:

(1) Nghiên cứu, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

(2) Tiếp tục làm sáng rõ nhận thức, quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

(3) Tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về đảng cầm quyền, về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, phát huy và thực thi dân chủ trong Đảng, nâng cao tầm trí tuệ, văn hóa, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.



(4) Nghiên cứu sự phát triển văn hóa và con người trong thời kỳ mới.

(5) Nghiên cứu những vấn đề mới trong lý luận và phê bình văn học, nghệ thuật.

(6) Nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

(7) Nghiên cứu những vấn đề đặt ra trong cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận.

(8) Nghiên cứu những vấn đề cơ bản của thời đại ngày nay và của thế giới đương đại.

(9) Chủ động nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc các lý thuyết phát triển, các trào lưu lý luận và các thành tựu khoa học xã hội của thế giới.

(10) Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục lý luận trong hệ thống các nhà trường trong cả nước.

(11) Thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động lý luận và công tác chỉ đạo, quản lý nghiên cứu lý luận.

Đó là Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, theo đó, Đảng đã

giao nhiệm vụ, xác định đầy đủ, rõ các nhiệm vụ, đề án đối với từng cơ quan tham mưu, giúp việc, cấp ủy trực thuộc Trung ương để nghiên cứu xây dựng các văn kiện cho các kỳ học trung ương và được tiến hành ngay sau Đại hội theo đúng phương châm: rõ việc, rõ cơ quan, rõ thời gian hoàn thành, rõ sản phẩm, rõ trách nhiệm giải trình.

Thứ sáu, tham gia hợp tác quốc tế trong công tác nghiên cứu lý luận

Thành viên tiểu ban cần tham gia tích cực vào các chương trình hợp tác quốc tế trong công tác lý luận, nâng cao trình độ, năng lực nghiên cứu, nhất là năng lực phân tích, dự báo, trên cơ sở kinh nghiệm của các nước, các đảng cầm quyền, phù hợp với thông lệ quốc tế và xuất phát từ thực tiễn Việt Nam.

Những nước cần nghiên cứu trao đổi về lý luận là những nước phát triển hoặc có trình độ phát triển tương đồng. Những đảng cần trao đổi học thuật là những đảng cầm quyền có uy tín, đặc biệt là Đảng Cộng sản Trung Quốc với nhiều nét tương đồng trong tiến trình cải cách, đổi mới ■

¹ *Từ điển Triết học*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, tr.526.

² Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030.

PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CHUYÊN GIA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ VÀ KẾT NỐI ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

PGS.TS NGUYỄN VĂN GIANG

Ban Thư ký khoa học Hội đồng Lý luận Trung ương

1. Phát triển mạng lưới chuyên gia nghiên cứu khoa học lý luận chính trị phục vụ hoạt động của Hội đồng Lý luận Trung ương

1.1. Phát triển mạng lưới chuyên gia nghiên cứu khoa học lý luận chính trị cho Hội đồng Lý luận Trung ương là một yêu cầu khách quan và cấp bách, đóng vai trò quyết định đến chất lượng tham mưu chiến lược cho Đảng. Thế giới và trong nước đang trải qua những biến động nhanh chóng, phức tạp (chuyển đổi số, địa chính trị, biến đổi khí hậu, các mô hình kinh tế mới). Nhu cầu lý luận đặt ra những câu hỏi hoàn toàn mới vượt

ngoài các khung lý thuyết truyền thống. Hội đồng Lý luận Trung ương cần lực lượng chuyên gia sâu về từng lĩnh vực (kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng) để phân tích đa chiều, dự báo chính xác và đưa ra các đề xuất chính sách có luận cứ khoa học vững chắc. Lực lượng nghiên cứu chuyên trách của Hội đồng có hạn. Mạng lưới chuyên gia giúp kết nối các nhà khoa học, nhà nghiên cứu hàng đầu từ các viện nghiên cứu, trường đại học, học viện, và cả cán bộ thực tiễn trên toàn quốc (và cả chuyên gia kiều bào). Chuyên gia ở các ngành, địa phương



mang lại góc nhìn đa dạng, giúp lý luận không rơi vào giáo điều, xơ cứng mà bám sát hơi thở đời sống. Xây dựng mạng lưới sẽ cho phép triển khai các mô hình hợp tác đa dạng (đặt hàng đề tài, tư vấn độc lập, phản biện xã hội, tổ chức nhóm nghiên cứu liên ngành).

Giúp Hội đồng dễ dàng tiếp cận các phương pháp nghiên cứu tiên tiến, dữ liệu lớn (Big Data) và các xu hướng tư tưởng, lý luận mới trên thế giới để chất lọc, vận dụng phù hợp với Việt Nam. Có thể nói, mạng lưới chuyên gia đóng vai trò như “bộ não mở rộng”, giúp Hội đồng Lý luận Trung ương thực hiện tốt sứ mệnh là trung tâm kết nối trí tuệ, cung cấp các luận cứ khoa học vững chắc cho các quyết sách chiến lược của Đảng và Nhà nước.

1.2. Trên thế giới, mô hình tổ chức và thu hút mạng lưới chuyên gia nghiên cứu tư vấn chính sách công/lý luận chiến lược thường được vận hành dưới hình thức các Think Tank

(Túi khôn). Bài học từ các quốc gia sở hữu hệ thống tư vấn chính sách hàng đầu mang lại nhiều gợi mở quan trọng, như:

Trung Quốc có mô hình tư vấn chính sách khá gần gũi với Việt Nam thông qua hệ thống Học viện Khoa học Xã hội,

Có thể nói, mạng lưới chuyên gia đóng vai trò như “bộ não mở rộng”, giúp Hội đồng Lý luận Trung ương thực hiện tốt sứ mệnh là trung tâm kết nối trí tuệ, cung cấp các luận cứ khoa học vững chắc cho các quyết sách chiến lược của Đảng và Nhà nước.

Trường Đảng Trung ương và hệ thống các trường đại học hàng đầu. Trung Quốc coi việc phát triển mạng lưới chuyên gia là nhiệm vụ chiến lược cấp quốc gia (theo Đề án năm 2015 của Trung ương ĐCS Trung Quốc về *Xây dựng Trí khó kiểu mới đặc sắc Trung Quốc*). Mô hình “Liên minh Trí khó” (Trí khó liên minh) kết nối liên thông giữa nghiên cứu viên cơ hữu tại Trường Đảng/Viện Hàn lâm với các chuyên gia tư vấn độc lập và giảng viên đại học thông qua các chương trình “đặt hàng” cấp Nhà nước.

Mỹ là quốc gia phát triển mô hình Think Tank quy mô nhất thế giới (với các viện nghiên cứu nổi tiếng như

Brookings, CSIS, RAND). Cơ chế “Cửa xoay” (Revolving Door): Cho phép sự dịch chuyển linh hoạt giữa chính khách, quan chức chính phủ và các nhà nghiên cứu tại Think Tank. Chuyên gia có kinh nghiệm thực tiễn quản lý nhà nước sẽ quay về Think Tank để nghiên cứu lý luận/chính sách, và ngược lại. Các dự án nghiên cứu chính sách được tài trợ bởi ngân sách nhà nước, các quỹ từ thiện hoặc doanh nghiệp, nhưng được trao quyền tự chủ tuyệt đối về tài chính và nhân sự cho Trưởng nhóm nghiên cứu (Principal Investigator).

Đức và Châu Âu: Mô hình Think Tank gắn liền với các Đảng chính trị

Tại Đức, mỗi đảng chính trị lớn đều có một Viện nghiên cứu/Quỹ lý luận chính trị riêng (như Quỹ Konrad Adenauer - KAS của Đảng CDU, Quỹ Friedrich Ebert - FES của Đảng SPD). Ngân sách nhà nước cấp kinh phí hoạt động cho các Quỹ lý luận này dựa trên tỷ lệ ghế của Đảng trong Quốc hội, giúp các chuyên gia an tâm nghiên cứu dài hạn mà không bị áp lực thương mại hóa. Các viện nghiên cứu này tạo mạng lưới đối thoại đa tầng, đóng vai trò cầu nối, thường xuyên tổ chức các

cuộc đối thoại không chính thức giữa giới học thuật, chính giới và công chúng để kiểm chứng lý luận trước khi đưa vào hoạch định chính sách...

1.3. Để mạng lưới chuyên gia nghiên cứu khoa học lý luận chính trị vận hành hiệu quả, thực chất và đáp ứng đúng yêu cầu của Hội đồng Lý luận Trung ương, việc phát triển mạng lưới cần đáp ứng các yêu cầu cốt lõi sau đây:

Một là, yêu cầu về tiêu chuẩn và năng lực chuyên gia: Chuyên gia phải là những nhà khoa học đầu ngành, có công trình nghiên cứu công bố uy tín, hiểu biết sâu sắc về lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng. Không chỉ dừng lại ở lý thuyết thuần túy, chuyên gia phải có khả năng phân tích đa chiều, phát hiện các xu hướng mới, đưa ra các cảnh báo sớm và đề xuất giải pháp có tính khả thi cao; có kinh nghiệm thực tiễn phong phú, am hiểu thực tế sinh động tại các địa phương, bộ, ngành hoặc có kinh nghiệm trực tiếp tham gia xây dựng, hoạch định chính sách.

Hai là, yêu cầu về cơ cấu và quy mô mạng lưới: Mạng lưới phải bao phủ



đầy đủ các lĩnh vực trọng yếu (Kinh tế, Chính trị, Xây dựng Đảng, Xã hội, Quốc phòng - An ninh, Đối ngoại, Văn hóa - Tư tưởng, Chuyển đổi số, Kỷ nguyên mới...). Cơ cấu độ tuổi cần cân đối, kết hợp hài hòa giữa các chuyên gia lão thành/đầu ngành (dày dặn kinh nghiệm, bản lĩnh) và các nhà khoa học trẻ/triển vọng (tư duy đổi mới, tiếp cận phương pháp nghiên cứu hiện đại). Đa dạng hóa nguồn nhân lực với sự kết nối không chỉ các chuyên gia cơ hữu trong hệ thống cơ quan Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm, mà còn mở rộng đến các trường đại học, cán bộ thực tiễn ở địa phương và các nhà khoa học kiều bào.

Ba là, yêu cầu về bản lĩnh chính trị và đạo đức khoa học: Chuyên gia phải tuyệt đối trung thành với nền tảng tư tưởng của Đảng, giữ vững bản lĩnh chính trị trước các trào lưu tư tưởng lệch lạc, thù địch; có tính khách quan và trung thực khoa học, tôn trọng sự thật khách quan, dám nghĩ, dám nói, dám đề xuất các quan điểm mới dựa trên luận cứ khoa học vững chắc và tinh thần đổi mới sáng tạo, không phụ họa hay “xu thời”; tuân thủ nghiêm

ngặt các quy định về bảo mật thông tin, tài liệu nội bộ và các định hướng tư vấn chiến lược của Đảng.

Bốn là, yêu cầu về cơ chế vận hành và quản trị: Quản lý mạng lưới theo cơ chế mở, hướng vào sản phẩm đầu ra (nghiên cứu, báo cáo tư vấn) thay vì quản lý theo hình thức hành chính, biên chế cứng nhắc. Xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa về hồ sơ năng lực, thế mạnh chuyên sâu và các sản phẩm nghiên cứu của chuyên gia để chủ động “đặt hàng” đúng người, đúng việc. Mạng lưới phải phản ứng nhanh trước các sự kiện chính trị - xã hội phát sinh, sẵn sàng cung cấp luận cứ tư vấn khẩn cấp cho Hội đồng khi có yêu cầu đột xuất.

Năm là, yêu cầu về môi trường làm việc và đãi ngộ: Phải bảo đảm dân chủ khoa học, tạo lập không gian đối thoại cởi mở, an toàn để chuyên gia tự do trao đổi, phản biện các vấn đề lý luận khó, mới và nhạy cảm. Có chính sách thưởng thường, thù lao thỏa đáng theo giá trị của sản phẩm tư vấn; tôn vinh danh dự và đóng góp của chuyên gia khi công trình của họ được ứng dụng vào văn kiện, nghị quyết của Đảng. Có cơ chế thông tin ngược để chuyên gia

biết được các đề xuất, kiến nghị của mình được Lãnh đạo tiếp thu và hiện thực hóa như thế nào.

1.4. Để xây dựng và phát triển hiệu quả mạng lưới chuyên gia phục vụ Hội đồng Lý luận Trung ương, cần triển khai đồng bộ các giải pháp cụ thể sau:

Thứ nhất, thống nhất nhận thức, quyết tâm chính trị và quan tâm xây dựng thể chế phù hợp yêu cầu xây dựng và phát triển hiệu quả mạng lưới chuyên gia phục vụ Hội đồng Lý luận Trung ương

Hội đồng Lý luận Trung ương là cơ quan tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các vấn đề lý luận chính trị, định hướng phát triển đất nước và xây dựng Đảng. Việc thống nhất nhận thức và quyết tâm chính trị khi xây dựng, phát triển mạng lưới chuyên gia phục vụ Hội đồng là yếu tố mang tính quyết định thành công vì để việc tổ chức mạng lưới chuyên gia này có hiệu quả đòi hỏi sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, sự quan tâm, tạo điều kiện, hỗ trợ của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và các ban, bộ ngành có liên quan. Nếu

không thống nhất nhận thức về tầm quan trọng của mạng lưới chuyên gia, việc huy động trí tuệ sẽ mang tính hình thức, thiếu chiều sâu và thiếu nguồn lực, động lực.

Việc quan tâm xây dựng thể chế đồng bộ và vững chắc cũng là điều kiện tiên quyết để mạng lưới chuyên gia của Hội đồng Lý luận Trung ương không dừng lại ở mức độ “tập hợp hình thức” mà thực sự vận hành đúng hướng, hiệu quả và bền vững. Thể chế giúp định hình mối quan hệ hợp tác giữa Hội đồng Lý luận Trung ương với các học viện, trung tâm nghiên cứu lớn trong và ngoài nước; quy định rõ cấp độ tiếp cận dữ liệu kinh tế - xã hội, bảo mật thông tin và tình hình thực tiễn cho các chuyên gia trong mạng lưới. Thể chế tạo ra “vùng an toàn” cho các nhà khoa học mạnh dạn đề xuất các quan điểm mới, giải pháp đột phá khác với lối mòn tư duy truyền thống mà không ngại rủi ro về mặt thủ tục. Thể chế giúp chuẩn hóa toàn bộ chuỗi giá trị của công tác nghiên cứu lý luận, giúp Hội đồng chuyển giao đúng bài toán thực tiễn từ Trung ương, Bộ Chính trị đến đúng chuyên gia có năng lực. Thể chế giúp giải quyết



“điểm nghẽn” về cơ chế đãi ngộ và thu hút nhân tài. Nếu không có thể chế vượt trội, Hội đồng sẽ rất khó thu hút và giữ chân các trí thức, chuyên gia đầu ngành (đặc biệt là các chuyên gia ngoài khu vực công hoặc chuyên gia quốc tế).

Thứ hai, xây dựng mô hình quản lý và tổ chức mạng lưới linh hoạt

Cần phân hạng và đa dạng hóa hình thức hợp tác. Có thể phân loại chuyên gia thành 3 nhóm: Chuyên gia cao cấp/đầu ngành (tư vấn chiến lược), Chuyên gia chuyên sâu/theo lĩnh vực (thực hiện đề tài, dự án), và Nhà khoa học trẻ triển vọng (nghiên cứu viên hỗ trợ). Áp dụng hình thức cộng tác linh hoạt: Hợp đồng tư vấn theo vụ việc, hợp đồng nghiên cứu theo giai đoạn, hoặc mời kiêm nhiệm mà không bị gò bó bởi thủ tục hành chính, biên chế. Xây dựng Cơ sở dữ liệu chuyên gia số. Tích hợp nền tảng số quản lý hồ sơ năng lực, công trình nghiên cứu, thể mạnh tư vấn và chỉ số ảnh hưởng khoa học của từng chuyên gia (bao gồm cả chuyên gia kiều bào).

Thứ ba, xây dựng cơ chế tài chính và đãi ngộ phù hợp

Hoàn thiện cơ chế khoán kinh phí

và “đặt hàng” nhiệm vụ theo hướng chuyển từ cơ chế quản lý tài chính hành chính sang khoán chi đến sản phẩm cuối cùng. Trao quyền tự chủ tối đa cho chủ nhiệm đề tài trong việc chi trả thù lao chuyên gia. Đổi mới định mức chi cho các sản phẩm nghiên cứu lý luận cấp chiến lược theo hướng tăng mạnh thù lao đối với các báo cáo tư vấn, bài phản biện chuyên sâu, tư tưởng chỉ đạo mang tính khai phá (có thể áp dụng cơ chế thỏa thuận giá trị cho các công trình đặc biệt). Nghiên cứu thành lập *Quỹ hỗ trợ nghiên cứu lý luận chính trị* để tài trợ nhanh cho các đề xuất nghiên cứu sáng tạo, đột xuất phát sinh từ thực tiễn. Có chính sách thưởng bằng tài chính và tôn vinh xứng đáng cho các chuyên gia có báo cáo tư vấn được Bộ Chính trị, Ban Bí thư tiếp thu, đưa vào văn kiện, nghị quyết của Đảng.

Thứ tư, kiến tạo môi trường làm việc và tự do sáng tạo khoa học

Xây dựng không gian đối thoại cởi mở, dân chủ. Cam kết bảo đảm nguyên tắc tự do tư tưởng, tự do sáng tạo trong nghiên cứu khoa học lý luận. Khuyến khích các quan điểm phản biện thẳng thắn, đa chiều dựa trên cơ

sở khoa học và thực tiễn. Tổ chức định kỳ các *Diễn đàn lý luận kín* – nơi các chuyên gia có thể thảo luận tự do về các vấn đề mới, nhạy cảm, không công bố rộng rãi. Cho phép chuyên gia trong mạng lưới tiếp cận các thông tin, dữ liệu, báo cáo chuyên đề mang tính nội bộ, phục vụ trực tiếp cho công tác nghiên cứu tư vấn chính sách. Tạo điều kiện cho chuyên gia tham gia các đoàn khảo sát thực tế chuyên sâu tại các địa phương, bộ ngành và khảo sát nước ngoài. Mở rộng hợp tác quốc tế và nâng tầm chuyên gia, đưa chuyên gia lý luận tham gia các diễn đàn, hội thảo tư vấn chính sách quốc tế; tổ chức các chương trình trao đổi khoa học với các Viện nghiên cứu (Think Tank) hàng đầu thế giới. Đặt hàng các chuyên gia viết và xuất bản các tác phẩm lý luận bằng tiếng nước ngoài để lan tỏa nền tảng tư tưởng, đường lối của Đảng ra thế giới.

Thứ năm, đổi mới quy trình đánh giá và ứng dụng kết quả

Cần chuyển dứt khoát sang đánh giá dựa trên giá trị tư vấn thực tiễn, tức là không chỉ dựa vào số lượng bài báo hay độ dày của báo cáo, mà tập trung vào tính mới, tính dự báo, tính khả thi và hàm lượng đóng góp cho văn kiện, chính sách. Thiết lập cơ chế phản hồi kết quả, khi bài viết/báo cáo tư vấn của chuyên gia được Bộ Chính trị, Ban Bí thư sử dụng, Hội đồng cần thông báo cho chuyên gia biết đóng góp của họ đã được ứng dụng như thế nào cùng gửi thư cảm ơn để tạo động lực tinh thần cho các nhà khoa học.

2. Kết nối đội ngũ trí thức trong và ngoài nước phục vụ hoạt động của Hội đồng Lý luận Trung ương

2.1. Kết nối đội ngũ trí thức trong và ngoài nước là một yêu cầu khách quan, mang tính chiến lược nhằm gia tăng “hàm lượng trí tuệ” và mở rộng tầm nhìn cho công tác nghiên cứu lý luận chính trị phục vụ Đảng và Nhà nước. Các thách thức lớn hiện nay như chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo (AI),



biến đổi khí hậu, dịch bệnh, hay sự dịch chuyển địa chính trị - kinh tế toàn cầu đều mang tính xuyên quốc gia. Lý luận chính trị không thể khép kín mà phải nắm bắt được các xu hướng tư tưởng, các mô hình phát triển và quản trị tiên tiến trên thế giới. Trí thức kiều bào và chuyên gia quốc tế chính là “cầu nối” đưa các tri thức, phương pháp nghiên cứu hiện đại về Việt Nam. Đội ngũ trí thức, nhà khoa học người Việt Nam ở nước ngoài sở hữu tiềm lực tri thức rất lớn, làm việc tại các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức tư vấn hàng đầu thế giới. Họ có tình yêu quê hương, mong muốn đóng góp cho sự phát triển của đất nước. Trí thức trong nước nắm chắc thực tiễn, truyền thống văn hóa và bản chất hệ thống chính trị Việt Nam; trong khi trí thức ngoài nước có lợi thế về phương pháp luận hiện đại, tư duy phản biện đa chiều và dữ liệu quốc tế. Sự kết nối này tạo ra sức mạnh cộng hưởng, khắc phục tư duy lối mòn hay góc nhìn phiến diện. Hơn nữa, trí thức ở ngoài nước thường có cách tiếp cận độc lập, giúp Hội đồng Lý luận Trung ương có thêm những góc nhìn phản biện khách quan đối với các chính

sách, mô hình phát triển. Do đó, sự kết hợp giữa tri thức trong nước và thông tin, xu hướng toàn cầu giúp Hội đồng đưa ra các dự báo chiến lược chính xác hơn, chủ động ứng phó với các biến động từ bên ngoài. Kết nối đội ngũ trí thức trong và ngoài nước còn giúp Hội đồng Lý luận Trung ương chuyển từ mô hình nghiên cứu khép kín sang mô hình mạng lưới linh hoạt, giúp Hội đồng tiếp cận nhanh nhất với các công trình nghiên cứu mới nhất trên thế giới; tạo môi trường cho các nhà khoa học trẻ trong nước giao lưu, hợp tác nghiên cứu với các chuyên gia quốc tế, qua đó nâng cao năng lực nghiên cứu theo chuẩn mực quốc tế.

2.2. Việc kết nối đội ngũ trí thức trong và ngoài nước phục vụ hoạt động của Hội đồng Lý luận Trung ương là một nhiệm vụ có tính chiến lược cao. Để việc kết nối này đi vào thực chất, linh hoạt và phát huy tối đa hiệu quả, cần bảo đảm các yêu cầu có tính nguyên tắc sau đây:

- Mọi hoạt động kết nối phải lấy nền tảng tư tưởng của Đảng (chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh) làm kim chỉ nam; hướng tới mục tiêu phát triển đất nước, độc lập dân tộc và

chủ nghĩa xã hội. Đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết; thu hút và phát huy trí thức trên tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, khơi dậy tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc và lòng khát khao cống hiến của trí thức (đặc biệt là trí thức kiều bào) đối với sự nghiệp xây dựng Tổ quốc. Tuân thủ quy định bảo mật, bảo đảm tính kỷ luật, quy chế bảo vệ bí mật nhà nước, đặc biệt đối với các định hướng chính sách, dữ liệu nội bộ và kết quả tư vấn cấp chiến lược.

- Tạo không gian đối thoại cởi mở, an toàn. Cần xây dựng cơ chế thảo luận dân chủ, tôn trọng các góc nhìn, quan điểm nghiên cứu khác nhau dựa trên luận cứ khoa học và thực tiễn vững chắc. Áp dụng linh hoạt các nguyên tắc thảo luận chuyên sâu, cho phép tổ chức các diễn đàn lý luận kín (áp dụng các quy tắc bảo mật thông tin), giúp trí thức trong và ngoài nước thẳng thắn phản biện các vấn đề khó, mới và nhạy cảm mà không bị rào cản tâm lý. Trọng dụng và lắng nghe thực chất, tránh hình thức, phong trào; các ý kiến đóng góp, báo cáo phản biện của trí thức phải được tiếp thu, tổng hợp và phản hồi (Feedback loop) một cách nghiêm túc, minh bạch.

- Chuyển từ quản lý hành chính sang cơ chế “đặt hàng”. Thay vì gò bó trí thức vào các thủ tục hành chính, biên chế cứng nhắc, cần áp dụng cơ chế đặt hàng bài toán lớn/sản phẩm tư vấn chuyên sâu (Policy Papers) theo từng chủ đề chiến lược. Xây dựng định mức chi trả thù lao, kinh phí nghiên cứu phù hợp với giá trị trí thức và tiệm cận với mặt bằng quốc tế. Đơn giản hóa thủ tục thanh quyết toán, chấp nhận cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng. Thành lập kênh chuyển giao thông tin nhanh, bảo đảm các công trình, đề xuất có giá trị của trí thức trong và ngoài nước được tổng hợp và chuyển trực tiếp tới Lãnh đạo Hội đồng cũng như Thường trực Ban Bí thư, Bộ Chính trị một cách nhanh chóng.

Xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) và Mạng lưới kết nối số bảo đảm kết nối hoạt động và quản lý hồ sơ năng lực, hướng nghiên cứu chính, công trình đã công bố của trí thức trong và ngoài nước để chủ động tìm kiếm, kết nối “đúng người, đúng việc”. Kết hợp linh hoạt giữa các hình thức trực tiếp (mời về nước khảo sát thực tế, tham dự hội thảo) và trực tuyến (tọa đàm chuyên đề, làm việc nhóm qua nền tảng bảo



mật) nhằm tối ưu hóa thời gian của các chuyên gia quốc tế và kiều bào. Xây dựng mô hình nghiên cứu hỗn hợp bảo đảm ghép nối các chuyên gia kiều bào/quốc tế với các nhà khoa học, cán bộ nghiên cứu trẻ trong nước để vừa nâng cao chất lượng báo cáo, vừa chuyển giao phương pháp luận và tư duy nghiên cứu hiện đại.

- Sàng lọc và đánh giá khách quan. Có cơ chế chủ động nắm bắt, rà soát thông tin để lựa chọn đúng những trí thức có tâm, có tầm, không bị thao túng bởi các lực lượng thù địch hay có mục đích chính trị đen tối. Chủ động định hướng truyền thông, bảo đảm các nội dung trao đổi, kết nối được định hướng đúng đắn, không để các thế lực xấu lợi dụng các diễn đàn khoa học để xuyên tạc, chống phá đường lối của Đảng và Nhà nước.

2.3. Để thu hút và phát huy tối đa tiềm năng của đội ngũ trí thức, chuyên gia Việt Nam ở nước ngoài đóng góp cho công tác nghiên cứu, tư vấn lý luận chính trị của Hội đồng Lý luận Trung ương, cần thực hiện một hệ thống giải pháp đồng bộ, linh hoạt và vượt qua các rào cản hành chính thông thường. Dưới đây là các giải

pháp cụ thể:

(1) Thiết lập cơ chế tiếp cận, thu hút và bảo đảm môi trường học thuật

Tạo lập cơ chế “Không gian trao đổi cởi mở”. Thiết lập các diễn đàn, tọa đàm lý luận chuyên đề theo hình thức khép kín, bảo mật. Áp dụng quy tắc không công bố danh tính người phát biểu nhằm giúp các trí thức kiều bào tự tin đưa ra những góc nhìn phản biện khách quan, tư duy mới mà không lo ngại rào cản tâm lý hay ảnh hưởng truyền thông.

(2) Áp dụng cơ chế “Đặt hàng bài toán lớn” thay vì tuyển dụng hành chính:

Trí thức ở nước ngoài đa số có công việc ổn định tại các viện, trường, tập đoàn lớn. Hội đồng nên áp dụng cơ chế “đặt hàng sản phẩm tư vấn” theo từng chủ đề chiến lược thay vì yêu cầu họ về nước làm việc cố định hay tham gia biên chế. Cho phép trí thức kiều bào tham gia mạng lưới các bản tin tham khảo nội bộ, dữ liệu kinh tế - xã hội tổng hợp và báo cáo chuyên đề của Việt Nam để họ có đủ cơ sở dữ liệu thực tiễn phản biện và đề xuất chính sách sát với tình hình đất nước.

(3) Xây dựng chính sách tài chính và tôn vinh, ghi nhận

Xác lập cơ chế thù lao và khoán chi theo giá trị sản phẩm. Xây dựng định mức chi trả thù lao tư vấn cho chuyên gia kiều bào theo cơ chế thỏa thuận dựa trên chất lượng và độ phức tạp của bài tư vấn, tiệm cận với mặt bằng quốc tế. Đơn giản hóa thủ tục thanh quyết toán tài chính, áp dụng cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, chấp nhận chứng từ thanh toán điện tử quốc tế để tránh phiền hà thủ tục hành chính.

Có hình thức vinh danh, khen thưởng cấp Nhà nước hoặc trao biểu trưng tri ân đối với những trí thức kiều bào có đóng góp xuất sắc, có các đề xuất được đưa vào Nghị quyết, Văn kiện của Đảng. Mời đại diện trí thức kiều bào tiêu biểu tham dự các sự kiện trọng đại của đất nước, các Đại hội Đảng hoặc các Hội nghị lý luận toàn quốc với tư cách đại biểu khách mời đặc biệt.

(4) *Xây dựng “Mạng lưới Trí thức Lý luận Việt Nam Toàn cầu” trên nền tảng số.* Thiết lập cổng thông tin, nền tảng kết nối bảo mật dành riêng cho mạng lưới chuyên gia lý luận trong và ngoài nước. Tích hợp cơ sở dữ liệu về hồ sơ chuyên môn, hướng nghiên

cứu chính và công trình đã công bố của trí thức kiều bào để chủ động tìm kiếm và kết nối đúng người khi phát sinh bài toán thực tiễn. Duy trì các kênh làm việc thường xuyên qua nền tảng họp trực tuyến bảo mật. Tổ chức định kỳ các chuyến công tác ngắn hạn (1-2 tuần) về Việt Nam dành cho trí thức kiều bào để tham gia khảo sát thực địa tại các địa phương, gặp gỡ lãnh đạo Đảng, Nhà nước và làm việc trực tiếp với Hội đồng. Ghép nối các chuyên gia kiều bào đóng vai trò cố vấn/đồng chủ nhiệm đề tài với các nhà khoa học trẻ, cán bộ nghiên cứu cơ hữu của Hội đồng Lý luận Trung ương hoặc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh để vừa giúp nâng cao chất lượng đề tài, vừa là kênh chuyển giao phương pháp nghiên cứu hiện đại cho lực lượng nghiên cứu lý luận trong nước.

Sự kết hợp giữa tinh thần cầu thị, môi trường học thuật cởi mở và cơ chế tài chính linh hoạt sẽ là chìa khóa mở ra cánh cửa thu hút nguồn tài nguyên trí tuệ vô giá của cộng đồng trí thức Việt Nam ở nước ngoài, phục vụ trực tiếp cho sự nghiệp phát triển lý luận của Đảng trong kỷ nguyên mới ■



NĂM (1996-2026)

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ CÁN BỘ NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CHẤT LƯỢNG CAO ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG TRONG THỜI KỲ PHÁT TRIỂN MỚI

TS. LÊ THỊ THÚY

Ban Thư ký khoa học Hội đồng Lý luận Trung ương

Trong thời kỳ phát triển mới, trước những biến đổi nhanh chóng, sâu sắc và khó dự báo của tình hình thế giới và trong nước, yêu cầu đối với công tác lý luận của Đảng đang chuyển mạnh từ tổng kết, lý giải thực tiễn sang chủ động nhận diện vấn đề mới, dự báo xu hướng, phát triển lý luận và cung cấp luận cứ khoa học cho hoạch định đường lối, chính sách. Vì vậy, xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận chính trị chất lượng cao có năng lực tư duy chiến lược, dự báo, liên ngành và tham mưu chính sách ngang tầm nhiệm vụ là khâu then chốt để nâng cao năng lực

nghiên cứu, tư vấn chiến lược của Hội đồng Lý luận Trung ương, đáp ứng yêu cầu “lý luận phải đi trước một bước”, góp phần mở đường cho sự phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

1. Yêu cầu mới đặt ra đối với công tác nghiên cứu lý luận của Hội đồng Lý luận Trung ương

Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đặt ra ngày càng nhiều vấn đề mới, phức tạp cả về lý luận và thực tiễn, đòi hỏi công tác nghiên cứu lý luận phải có bước phát triển mạnh mẽ, thực chất và đi trước một bước. Thực tiễn đổi mới ngày càng đi vào chiều sâu, cùng với những biến động nhanh

chóng, khó lường của tình hình thế giới, khu vực và những yêu cầu mới của quá trình phát triển đất nước đã làm xuất hiện nhiều vấn đề chưa từng có tiền lệ, đòi hỏi phải được nhận thức, lý giải và định hướng bằng tư duy lý luận khoa học. Bởi vậy, công tác nghiên cứu lý luận phải nâng cao năng lực phát hiện vấn đề, nhận diện xu hướng, phân tích bản chất, dự báo khả năng phát triển và chủ động kiến giải những vấn đề mới do thực tiễn đặt ra.

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị Công bố thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương (nhiệm kỳ 2026 - 2031), Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh những nội dung mang tính định hướng chiến lược đối với Hội đồng Lý luận Trung ương: “cần tiếp tục khẳng định và nâng tầm vai trò hạt nhân, nòng cốt trong công tác lý luận của Đảng. Trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước, công tác lý luận càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi chính lý luận góp phần hình thành nên nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam trong hoạt động của Đảng với tầm nhìn chiến lược dài hạn, lộ trình, bước đi trong từng giai đoạn, từng thời kỳ để phát triển đất nước”.

Trước hết, công tác nghiên cứu lý luận phải gắn chặt hơn nữa với tổng kết thực tiễn, lấy thực tiễn đất nước làm điểm xuất phát, đồng thời trở lại phục vụ trực tiếp cho thực tiễn. Nghiên cứu lý luận phải kịp thời phát hiện những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn đổi mới, nhất là những vấn đề có ý nghĩa chiến lược, những điểm nghẽn và mâu thuẫn mới trong quá trình phát triển; từ đó khái quát thành những luận cứ khoa học, góp phần bổ sung, phát triển nhận thức lý luận và hoàn thiện đường lối, chủ trương của Đảng. Tổng kết thực tiễn ở tầm lý luận đòi hỏi cách tiếp cận khoa học, công phu, nghiêm túc, tránh tình trạng tách rời giữa nghiên cứu lý luận với hoạt động thực tiễn, giữa cán bộ lý luận với cán bộ lãnh đạo, quản lý và giữa nghiên cứu với hoạch định chính sách. Những hạn chế này từng được chỉ ra trong quá trình tổng kết hoạt động nghiên cứu lý luận, khi sự gắn bó giữa nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn và tham mưu chính sách chưa thật chặt chẽ.

Thứ hai, nghiên cứu lý luận phải nâng cao mạnh mẽ năng lực phân tích, dự báo và phát hiện những vấn đề có tính chiến lược. Trong điều kiện



thế giới biến động nhanh, cạnh tranh chiến lược giữa các nước diễn biến phức tạp, các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống đan xen, cùng với những biến đổi sâu sắc về khoa học - công nghệ, kinh tế, xã hội, yêu cầu đặt ra không chỉ là nhận biết cái đang có mà quan trọng hơn là nhìn thấy cái đang hình thành và có thể xảy ra. Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị đã xác định yêu cầu tiếp tục phát triển đội ngũ cán bộ lý luận, các chuyên gia đầu ngành, nâng cao trình độ, năng lực nghiên cứu, nhất là năng lực phân tích, dự báo. Vì vậy, nghiên cứu lý luận phải chuyển mạnh từ tư duy phản ứng sang tư duy chủ động, từ nghiên cứu những vấn đề đã rõ sang nghiên cứu những vấn đề mới, khó, phức tạp và có tính dự báo dài hạn; từng bước hình thành năng lực cảnh báo sớm, tham mưu chiến lược và định hướng phát triển.

Thứ ba, nghiên cứu lý luận phải nâng cao tính khoa học, tính liên ngành, tính thực tiễn và khả năng tham gia hoạch định chính sách. Những vấn đề lớn của đất nước hiện nay ngày càng có tính liên ngành, không thể giải quyết bằng cách tiếp

cận đơn tuyến hoặc khép kín trong phạm vi một chuyên ngành. Do đó, cần tăng cường sự kết nối giữa các lĩnh vực khoa học, giữa các cơ quan nghiên cứu, đào tạo, quản lý và thực tiễn; đồng thời phát huy trí tuệ của đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài hệ thống. Hội đồng Lý luận Trung ương cần tiếp tục phát huy vai trò đầu mối trong việc tập hợp các chuyên gia, nhà khoa học có tâm, có tầm; mở rộng các hình thức thảo luận, tranh luận, đối thoại lý luận trên tinh thần khoa học, dân chủ và cầu thị, qua đó tạo điều kiện để các ý tưởng mới có giá trị được phát hiện, kiểm chứng và phát triển.

Thứ tư, nghiên cứu lý luận phải chủ động tham gia sâu hơn vào cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Trong điều kiện bùng nổ thông tin, sự phát triển mạnh mẽ của không gian mạng và sự gia tăng của các quan điểm sai trái, thù địch, công tác lý luận không chỉ có nhiệm vụ xây dựng, phát triển hệ thống lý luận mà còn phải kịp thời cung cấp những luận cứ khoa học, có sức thuyết phục để đấu tranh, phản bác những quan điểm xuyên tạc, sai trái.

Tài liệu tổng kết hoạt động của Hội đồng Lý luận Trung ương cho thấy đấu tranh tư tưởng, lý luận trong điều kiện mới đòi hỏi tính chiến đấu cao hơn, đồng thời phải gắn với năng lực nghiên cứu và khả năng thích ứng trước sự bùng nổ của thông tin và mạng thông tin toàn cầu.

Thứ năm, nghiên cứu lý luận phải mở rộng nghiên cứu, học tập và tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế, trên cơ sở giữ vững tính độc lập, tự chủ và vận dụng sáng tạo vào điều kiện Việt Nam. Thực tiễn phát triển của đất nước đặt ra yêu cầu phải chủ động nghiên cứu các mô hình phát triển, kinh nghiệm quản trị, những thành tựu lý luận và thực tiễn của thế giới, nhất là những mô hình năng động, sáng tạo, hiệu quả; từ đó bổ sung cơ sở khoa học cho quá trình nhận thức và giải quyết những vấn đề của Việt Nam. Đồng thời, cần khắc phục tình trạng hợp tác quốc tế về lý luận còn hạn chế về phạm vi và hiệu quả, từng bước đưa nghiên cứu lý luận Việt Nam tham gia sâu hơn vào các diễn đàn học thuật và đối thoại lý luận quốc tế.

Từ những yêu cầu trên có thể khẳng định, nhiệm vụ đặt ra đối với công tác

nghiên cứu lý luận trong thời kỳ phát triển mới là phải tạo được bước chuyển căn bản từ nghiên cứu thụ động sang chủ động, từ giải thích sang kiến giải, từ tổng kết kinh nghiệm sang phát triển lý luận, từ nghiên cứu đơn ngành sang tiếp cận liên ngành, từ cung cấp tri thức sang cung cấp luận cứ khoa học phục vụ hoạch định đường lối, chính sách. Công tác lý luận phải thực sự trở thành lực lượng đi trước, mở đường về nhận thức; vừa kiên định những nguyên lý nền tảng, vừa không ngừng đổi mới tư duy, tổng kết thực tiễn, phát hiện và giải quyết những vấn đề mới. Đây chính là yêu cầu khách quan đặt ra đối với Hội đồng Lý luận Trung ương và đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận chính trị, đồng thời là cơ sở trực tiếp để xác định những yêu cầu mới đối với việc xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận chính trị chất lượng cao trong giai đoạn hiện nay.

Không thể có lý luận mới nếu thiếu những con người có tư duy mới; không thể nâng tầm tham mưu chiến lược nếu đội ngũ nghiên cứu chưa được nâng tầm tương ứng. Do đó, xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận chất lượng cao phải được xem là nhiệm vụ



chiến lược, lâu dài và cấp thiết.

2. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận chính trị chất lượng cao của Hội đồng Lý luận Trung ương

2.1. Khái niệm nguồn nhân lực chất lượng cao

Nguồn nhân lực chất lượng cao là bộ phận quan trọng cấu thành nguồn nhân lực quốc gia; lực lượng này không chỉ có kiến thức chuyên môn mà còn phải có kỹ năng, thái độ, tác phong làm việc và tinh thần trách nhiệm phù hợp với yêu cầu của công việc. Đặc biệt, trong hệ thống chính trị, nguồn nhân lực chất lượng cao giữ vai trò quan trọng trong tham mưu hoạch định chiến lược, kế hoạch, giải pháp phát triển đất nước và tổ chức thực hiện các chủ trương đó.

Nguồn nhân lực chất lượng cao là bộ phận ưu tú của nguồn nhân lực xã hội, được cấu thành bởi những cá nhân có trình độ chuyên môn, năng lực tư duy và kỹ năng nghề nghiệp vượt trội, có phẩm chất, trách nhiệm và khả năng sáng tạo cao, có năng lực thích ứng với những biến đổi của thực tiễn và có khả năng tạo ra những giá trị mới, đóng góp quan trọng vào sự phát triển của tổ

chức, ngành, lĩnh vực và đất nước. Nguồn nhân lực chất lượng cao không chỉ được đo bằng trình độ học vấn, học hàm, học vị hay bằng cấp, mà phải được thể hiện ở năng lực thực chất, hiệu quả hoạt động, khả năng sáng tạo, mức độ đóng góp và khả năng đáp ứng những yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn. Nguồn nhân lực chất lượng cao còn phải có khả năng tạo ra tri thức mới, giải quyết những vấn đề khoa học và thực tiễn phức tạp, có khả năng dẫn dắt chuyên môn và lan tỏa tri thức. Vì vậy, trong lĩnh vực lý luận chính trị, khái niệm này cần được cụ thể hóa thành những tiêu chí phù hợp với đặc thù của lao động lý luận.

2.2. Khái niệm đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận chính trị chất lượng cao

Cán bộ nghiên cứu lý luận chính trị là những người được tổ chức, cơ quan, đơn vị có chức năng nghiên cứu, tham mưu về lý luận chính trị tuyển dụng, bố trí và giao nhiệm vụ nghiên cứu các vấn đề về chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những vấn đề lý luận và thực tiễn của công cuộc đổi mới, xây

dựng và bảo vệ Tổ quốc; đồng thời tham gia tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận và cung cấp luận cứ khoa học phục vụ hoạch định, hoàn thiện đường lối, chính sách. Như vậy, cán bộ nghiên cứu lý luận chính trị không chỉ làm công việc nghiên cứu lý thuyết, mà còn thực hiện chức năng quan trọng là kết nối giữa nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn và tham mưu chính sách.

Đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận chính trị chất lượng cao là bộ phận tinh túy của đội ngũ cán bộ làm công tác nghiên cứu lý luận chính trị, bao gồm những cán bộ, chuyên gia có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất và đạo đức khoa học, trình độ chuyên môn sâu, tư duy lý luận sắc bén, phương pháp nghiên cứu khoa học hiện đại, am hiểu thực tiễn, có năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề lý luận mới, phân tích, dự báo xu hướng phát triển, đồng thời có khả năng chuyển hóa kết quả nghiên cứu thành những luận cứ khoa học có giá trị phục vụ xây dựng, bổ sung và phát triển đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.

Khái niệm này cần được hiểu theo hai phương diện thống nhất. *Thứ nhất*, đó là đội ngũ có chất lượng khoa học

cao, thể hiện ở trình độ chuyên môn, năng lực tư duy lý luận, phương pháp nghiên cứu, khả năng nghiên cứu độc lập và liên ngành, năng lực tổng kết thực tiễn, phân tích và dự báo. *Thứ hai*, đó là đội ngũ có chất lượng chính trị và hiệu quả thực tiễn cao, thể hiện ở bản lĩnh chính trị, trách nhiệm trước Đảng, trước đất nước và Nhân dân, tính trung thực và liêm chính khoa học, khả năng gắn nghiên cứu với thực tiễn và khả năng cung cấp những luận cứ có giá trị cho hoạch định đường lối, chính sách.

Đối với Hội đồng Lý luận Trung ương, khái niệm đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận chính trị chất lượng cao còn cần được mở rộng theo đặc thù chức năng tư vấn của Hội đồng. Theo đó, một cán bộ nghiên cứu giỏi không chỉ tạo ra công trình có giá trị học thuật mà còn phải có khả năng nhìn thấy vấn đề trước khi vấn đề trở thành yêu cầu cấp bách của thực tiễn; nhận diện đúng bản chất của vấn đề; đặt vấn đề nghiên cứu ở tầm chiến lược; dự báo các khả năng phát triển; và quan trọng nhất là chuyển hóa kết quả nghiên cứu thành những luận cứ, kiến nghị có tính khả thi đối với quá trình hoạch định chính sách.



Đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận chính trị chất lượng cao là đội ngũ không chỉ có trình độ học vấn cao hoặc có nhiều học hàm, học vị mà cần được nhìn nhận một cách toàn diện, bao gồm cả phẩm chất, năng lực, hiệu quả nghiên cứu và khả năng đóng góp cho sự phát triển lý luận. Họ cần đáp ứng các tiêu chuẩn cơ bản sau:

- Có bản lĩnh, lập trường chính trị vững vàng; trung thực khoa học; có trách nhiệm với Đảng, Nhà nước và xã hội.

- Có kiến thức vững chắc về lý luận chính trị, đồng thời có chuyên môn sâu trong lĩnh vực nghiên cứu.

- Có khả năng phát hiện vấn đề, xây dựng giả thuyết, lựa chọn phương pháp, phân tích dữ liệu, tổng kết thực tiễn và hình thành các luận cứ khoa học có giá trị.

- Có khả năng tư duy độc lập, phản biện, khái quát hóa thực tiễn và phát triển những luận điểm, cách tiếp cận mới.

- Có khả năng nhận diện những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn, tổng kết thực tiễn để bổ sung, phát triển lý luận và đề xuất giải pháp chính sách.

- Kết quả nghiên cứu có chất lượng,

có khả năng được sử dụng trong tham mưu, hoạch định chính sách, đào tạo, tuyên truyền và đóng góp cho sự phát triển lý luận.

Xây dựng và phát triển đội ngũ là quá trình có mục tiêu, có tổ chức và lâu dài nhằm hình thành, củng cố, nâng cao và phát huy số lượng, cơ cấu, phẩm chất, trình độ, năng lực và hiệu quả hoạt động của đội ngũ, thông qua các hoạt động như quy hoạch, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đánh giá, đãi ngộ, tạo môi trường nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp.

Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận chính trị chất lượng cao là quá trình có mục tiêu, có tổ chức và lâu dài của Đảng, Nhà nước và các cơ quan, tổ chức có chức năng nghiên cứu, đào tạo và tham mưu lý luận chính trị nhằm hình thành, củng cố và phát triển một đội ngũ cán bộ có cơ cấu hợp lý, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn sâu, năng lực nghiên cứu khoa học, tư duy lý luận và sáng tạo, khả năng tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận và tham mưu chính sách; đồng thời tạo lập môi trường, cơ chế và điều kiện cần thiết để đội ngũ phát huy năng lực,

nâng cao chất lượng và hiệu quả đóng góp đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tổng Bí thư Tô Lâm tại Hội nghị Công bố Thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương (Nhiệm kỳ 2026 - 2031) đã yêu cầu: *“Đội ngũ cán bộ lý luận nhiệm kỳ 2026 - 2031 phải nỗ lực vươn lên tầm cao mới, nâng cao năng lực dự báo chiến lược, góp phần định hình các định hướng phát triển đất nước vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội”*.

2.3. Những vấn đề đặt ra đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận chính trị chất lượng cao của Hội đồng Lý luận Trung ương

Trong những năm qua, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận chính trị đã được Đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; đội ngũ cán bộ, chuyên gia lý luận từng bước được củng cố, phát triển và có những đóng góp quan trọng vào tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận, xây dựng đường lối của Đảng. Đối với Hội đồng Lý luận Trung ương, qua nhiều nhiệm kỳ, đội ngũ các nhà khoa học, chuyên gia và cán bộ nghiên cứu đã góp phần thực hiện nhiều nhiệm vụ nghiên cứu có tầm chiến lược, phục vụ trực tiếp việc

xây dựng các văn kiện Đại hội Đảng và giải quyết những vấn đề lý luận, thực tiễn lớn của đất nước. Nhiệm kỳ 2026–2031 tiếp tục đặt ra yêu cầu Hội đồng phải trở thành nơi hội tụ, kết tinh trí tuệ của các nhà lý luận, chuyên gia và nhà hoạt động thực tiễn, thực sự là trung tâm nghiên cứu và tư vấn chiến lược những vấn đề lớn của đất nước. Tuy nhiên, trước sự biến đổi nhanh chóng của thực tiễn và yêu cầu nâng cao chất lượng tư vấn chiến lược, đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận chính trị vẫn đứng trước một số điểm nghẽn cần được nhận diện và tháo gỡ.

Một là, chất lượng đội ngũ chưa thật sự đồng đều, trong khi còn thiếu những chuyên gia có khả năng dẫn dắt các lĩnh vực nghiên cứu mới và phức tạp. Vấn đề nổi lên là thiếu cán bộ có trình độ chuyên sâu, tư duy độc lập, có khả năng đứng đầu một hướng nghiên cứu và kiến giải những vấn đề lý luận có tầm chiến lược. Thực trạng chung của nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam cũng cho thấy tình trạng thiếu các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành trong một số lĩnh vực; chất lượng nhân lực chưa phải lúc nào cũng tương xứng với yêu cầu phát triển. Đối



với nghiên cứu lý luận chính trị, khoảng cách giữa “có trình độ” và “có năng lực dẫn dắt nghiên cứu” là rất đáng lưu ý. Một đội ngũ có nhiều cán bộ được đào tạo bài bản nhưng thiếu những nhà nghiên cứu có khả năng đặt ra vấn đề mới, tạo lập trường phái nghiên cứu, dẫn dắt nhóm chuyên gia và đưa ra những kiến giải có tính đột phá thì khó đáp ứng đầy đủ yêu cầu của một cơ quan tư vấn chiến lược ở tầm Trung ương. Kết luận Số 231-KL/TW của Bộ Chính trị đã nhận định: “đội ngũ cán bộ lý luận “đông nhưng chưa mạnh” và thiếu các chuyên gia đầu ngành”¹.

Hai là, nguy cơ hẫng hụt đội ngũ kế cận và sự chuyển tiếp giữa các thế hệ chưa thật sự vững chắc. Lao động lý luận là loại lao động có tính tích lũy cao; một cán bộ muốn trở thành chuyên gia đầu ngành phải trải qua quá trình học tập, nghiên cứu, khảo sát thực tiễn và tích lũy tri thức lâu dài. Vì vậy, việc phát triển cán bộ trẻ không thể chỉ tiến hành khi xuất hiện nhu cầu nhân sự mà phải được chuẩn bị từ sớm, có lộ trình và có người dẫn dắt. Đội ngũ chất lượng cao phải bảo đảm đồng thời hai yêu cầu: giữ được những chuyên

gia có kinh nghiệm, vốn tri thức và bản lĩnh đã được kiểm chứng; đồng thời tạo được lớp cán bộ trẻ có khả năng tiếp nhận, phát triển và vượt qua những thành tựu của thế hệ trước. Đây cũng chính là tinh thần mà việc kiện toàn Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2026-2031 hướng tới khi nhấn mạnh sự kết hợp giữa lực lượng kế cận với các nhà khoa học giàu kinh nghiệm nhằm bảo đảm tính liên tục và tạo động lực đổi mới sáng tạo.

Ba là, năng lực phát hiện vấn đề mới, tư duy dự báo và kiến giải những vấn đề chưa có tiền lệ còn là khâu cần được đặc biệt nâng cao. Trong điều kiện phát triển mới, nếu nghiên cứu lý luận chỉ dừng ở tổng kết những vấn đề đã diễn ra thì khó đáp ứng vai trò “đi trước mở đường”. Những biến đổi nhanh chóng về mô hình phát triển, khoa học - công nghệ, kinh tế số, trí tuệ nhân tạo, quan hệ quốc tế, quản trị quốc gia, biến đổi xã hội và những vấn đề an ninh truyền thống, phi truyền thống đang đặt ra hàng loạt câu hỏi mới. Trong khi đó, yêu cầu đối với Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ mới là phải tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận mới và cấp bách, nâng cao chất lượng

nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và tư vấn chiến lược. Điểm nghẽn vì vậy nằm ở khả năng chuyển từ mô tả hiện tượng sang phân tích bản chất, từ giải thích quá khứ sang dự báo tương lai và kiến tạo những luận cứ cho các quyết sách dài hạn.

Bốn là, khoảng cách giữa nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn và tư vấn chính sách vẫn cần tiếp tục được thu hẹp. Giá trị của nghiên cứu lý luận đối với Hội đồng Lý luận Trung ương không chỉ nằm ở tính đúng đắn về mặt học thuật mà còn ở khả năng trả lời những câu hỏi lớn của thực tiễn và cung cấp luận cứ cho lãnh đạo, chỉ đạo. Trong khi đó, hoạt động nghiên cứu lý luận dễ rơi vào tình trạng thiên về khái quát lý thuyết, còn tổng kết thực tiễn có thể thiên về mô tả kinh nghiệm nếu thiếu phương pháp khái quát ở tầm lý luận. Yêu cầu hiện nay của Hội đồng là phải gắn chặt hơn nữa nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn, chuẩn bị luận cứ khoa học cho các văn kiện và các quyết sách lớn của Đảng.

Năm là, năng lực nghiên cứu liên ngành, ngoại ngữ, hội nhập quốc tế và khai thác các phương pháp nghiên cứu hiện đại chưa trở thành năng lực phổ

biến trong đội ngũ. Những vấn đề chiến lược hiện nay không còn tồn tại trong ranh giới của một chuyên ngành. Một vấn đề về phát triển kinh tế có thể đồng thời là vấn đề về thể chế, xã hội, văn hóa, công nghệ, môi trường, quan hệ quốc tế và quản trị quốc gia. Vì vậy, cán bộ nghiên cứu lý luận chất lượng cao phải có khả năng kết nối nhiều nguồn tri thức, làm việc trong các nhóm nghiên cứu liên ngành, tiếp cận có chọn lọc thành tựu khoa học thế giới và đối thoại với các học giả quốc tế. Trong yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, Đảng cũng nhấn mạnh các năng lực về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế. Đối với Hội đồng, đây không còn là những năng lực bổ trợ mà ngày càng trở thành điều kiện cần để nâng cao chất lượng nghiên cứu và tư vấn chiến lược.

Sáu là, cơ chế tuyển chọn, sử dụng, đánh giá và trọng dụng cán bộ chưa thật sự tạo được động lực mạnh để phát huy tối đa tài năng nghiên cứu.

Một trong những điểm nghẽn của phát triển nhân lực chất lượng cao nói chung là khoảng cách giữa đào tạo với sử dụng, giữa năng lực thực chất với



cơ chế đánh giá và giữa đóng góp của cá nhân với chế độ đãi ngộ. Nghiên cứu về quản lý nhân lực khoa học lý luận chính trị cũng đặt vấn đề phải đổi mới đồng bộ các khâu tuyển dụng, đào tạo, sử dụng và đánh giá nhân lực. Đối với cán bộ nghiên cứu lý luận, nếu việc đánh giá còn thiên về bằng cấp, chức danh, thâm niên hoặc số lượng sản phẩm mà chưa coi trọng đầy đủ tính mới của vấn đề nghiên cứu, chất lượng luận cứ, khả năng dự báo và mức độ đóng góp cho tư vấn chiến lược thì khó tạo ra động lực để cán bộ dấn thân vào những vấn đề khó, mới và có độ rủi ro khoa học cao.

Bảy là, môi trường nghiên cứu và cơ chế phát huy dân chủ, tranh luận khoa học cần tiếp tục được đổi mới. Nghiên cứu lý luận có đặc trưng là lao động sáng tạo, trong đó chất lượng của sản phẩm phụ thuộc nhiều vào khả năng đặt câu hỏi, tranh luận, phản biện và bảo vệ những luận điểm khoa học. Vì vậy, một môi trường nghiên cứu hành chính, chưa khuyến khích đầy đủ những cách tiếp cận mới sẽ khó tạo ra những đột phá về lý luận. Hội đồng với vai trò tập hợp các nhà khoa học, chuyên gia và nhà hoạt động thực tiễn

cần phát huy mạnh hơn nữa lợi thế của một “mạng lưới trí tuệ”, mở rộng các hình thức trao đổi, phản biện, tọa đàm chuyên sâu và nghiên cứu liên ngành. Định hướng nhiệm kỳ 2026–2031 cũng nhấn mạnh việc mở rộng mạng lưới trí thức, tăng cường hợp tác nghiên cứu liên ngành và liên kết quốc tế.

Tám là, chính sách thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài lý luận chưa tạo được sức hút tương xứng với tính đặc thù của lao động nghiên cứu. Nhân tài lý luận cần một môi trường có điều kiện nghiên cứu, có quyền tiếp cận thông tin và thực tiễn, có cơ hội trao đổi học thuật, có không gian sáng tạo và có cơ chế ghi nhận tương xứng với đóng góp. Nguồn nhân lực chất lượng cao nói chung chỉ phát huy được đầy đủ khi có sự kết hợp giữa đào tạo, sử dụng, đãi ngộ và môi trường làm việc phù hợp. Đối với Hội đồng, yêu cầu này càng rõ nét bởi đội ngũ chuyên gia đầu ngành có tính khan hiếm, trong khi quá trình đào tạo để đạt tới trình độ chuyên gia chiến lược cần nhiều năm. Nếu không có cơ chế đủ linh hoạt để thu hút và giữ chân người tài, việc xây dựng đội ngũ chất lượng cao sẽ khó đạt được tính bền vững.

Chín là, chuyển đổi số đang tạo ra yêu cầu mới nhưng năng lực số và phương thức nghiên cứu chưa được đổi mới tương xứng. Sự phát triển của dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các công cụ phân tích hiện đại đang làm thay đổi phương thức sản xuất tri thức. Cán bộ nghiên cứu lý luận không chỉ cần đọc, phân tích và tổng hợp tài liệu theo phương thức truyền thống mà phải biết khai thác dữ liệu, sử dụng công cụ số, kiểm chứng thông tin và kết hợp các phương pháp định tính với định lượng khi cần thiết. Tuy nhiên, chuyển đổi số chỉ thực sự có ý nghĩa khi đi cùng đổi mới phương pháp tư duy, phương pháp nghiên cứu và phương thức tổ chức công việc. Đây là một yêu cầu mới đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu của Hội đồng trong quá trình xây dựng năng lực nghiên cứu và tư vấn chiến lược hiện đại.

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để hình thành một đội ngũ có khả năng tạo ra tri thức lý luận mới và cung cấp những luận cứ chiến lược có chất lượng cao cho Đảng. Đây là yêu cầu xây dựng một đội ngũ “tinh hoa, chuyên nghiệp, sáng tạo, có khả năng dẫn dắt tư duy và dự báo chiến lược”. Chính yêu cầu

này đòi hỏi Hội đồng phải đổi mới đồng bộ từ quy hoạch nguồn nhân lực, phát hiện và tuyển chọn nhân tài, đào tạo và truyền nghề, tổ chức mạng lưới nghiên cứu, cơ chế sử dụng và đánh giá, đến chính sách trọng dụng, đãi ngộ; qua đó biến nguồn nhân lực lý luận thành một nguồn lực trí tuệ chiến lược, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

3. Giải pháp xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ lý luận chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của Hội đồng Lý luận Trung ương trong thời kỳ phát triển mới

Từ yêu cầu đổi mới công tác lý luận, trong xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận chính trị hiện nay, cần chuyển mạnh sang phát triển nguồn nhân lực lý luận chất lượng cao, tinh hoa, có năng lực nghiên cứu độc lập, tư duy chiến lược, khả năng dự báo và tư vấn chính sách. Đối với Hội đồng, đây không chỉ là yêu cầu về công tác cán bộ mà còn là điều kiện trực tiếp để nâng cao năng lực nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và tư vấn chiến lược của Hội đồng. Trong nhiệm kỳ 2026-2031, Hội đồng được xác định là trung tâm tập hợp các nhà khoa học,



chuyên gia, đồng thời phải tăng cường gắn kết nghiên cứu lý luận với dữ liệu thực tiễn. Vì vậy, cần thực hiện các giải pháp sau:

Một là, xây dựng quy hoạch tổng thể và chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ lý luận chất lượng cao theo yêu cầu nhiệm vụ của Hội đồng Lý luận Trung ương

Trước hết cần đổi mới tư duy quy hoạch đội ngũ, từ quy hoạch theo cơ cấu tổ chức, biên chế sang quy hoạch theo yêu cầu nhiệm vụ, năng lực chuyên môn và nhu cầu phát triển lý luận trong từng giai đoạn. Quy hoạch phải trả lời được những câu hỏi: đất nước đang và sẽ đặt ra những vấn đề lý luận nào; những lĩnh vực nào cần chuyên gia đầu ngành; những năng lực mới nào cần được hình thành; đội ngũ kế cận được chuẩn bị ra sao.

Trên cơ sở đó, xây dựng cơ cấu đội ngũ hợp lý giữa chuyên gia đầu ngành, cán bộ nghiên cứu nòng cốt và cán bộ trẻ có triển vọng; giữa các lĩnh vực lý luận chính trị truyền thống với những lĩnh vực mới như quản trị quốc gia, kinh tế số, trí tuệ nhân tạo, phát triển bền vững, quan hệ quốc tế, an ninh phi truyền thống, văn hóa và biến đổi xã

hội. Cần có quy hoạch riêng cho chuyên gia đầu ngành, trưởng nhóm nghiên cứu, cán bộ trẻ tài năng và lực lượng chuyên gia cộng tác. Cách tiếp cận này phù hợp với yêu cầu nghiên cứu, dự báo nhu cầu và quy hoạch tổng thể nguồn nhân lực khoa học lý luận chính trị đã được đề xuất trong các nghiên cứu về quản lý nhân lực lý luận chính trị. Quy hoạch phải có tính động và mở, thường xuyên được cập nhật trên cơ sở biến đổi của thực tiễn và chương trình nghiên cứu của Hội đồng. Theo đó, quy hoạch cần trở thành công cụ chủ động tạo nguồn, phát hiện nhân tài và chuẩn bị đội ngũ cho những vấn đề lý luận của tương lai.

Hai là, đổi mới căn bản cơ chế phát hiện, tuyển chọn và thu hút nhân tài lý luận

Muốn có đội ngũ chất lượng cao trước hết phải có cơ chế phát hiện đúng người, lựa chọn đúng năng lực và sử dụng đúng sở trường. Cần tiếp cận cả bằng cấp, học hàm, học vị, thâm niên cũng như năng lực tư duy, khả năng phát hiện vấn đề, năng lực nghiên cứu độc lập, tư duy phản biện, khả năng tổng kết thực tiễn và dự báo. Tiêu chí tuyển chọn cần bao gồm cả “phẩm

chất chính trị, năng lực khoa học, năng lực thực tiễn, tiềm năng phát triển”.

Đồng thời, mở rộng phương thức thu hút chuyên gia từ các viện nghiên cứu, trường đại học, cơ quan hoạch định chính sách, các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và đội ngũ trí thức Việt Nam ở nước ngoài.

Đặc biệt, cần xây dựng cơ chế để Hội đồng trở thành nơi hội tụ trí tuệ chứ không chỉ là một cơ quan sử dụng nhân lực theo nghĩa truyền thống. Định hướng nhiệm kỳ 2026-2031 đã nhấn mạnh việc mở rộng mạng lưới trí thức, kết nối với các trung tâm nghiên cứu, tăng cường nghiên cứu liên ngành và liên kết quốc tế.

Ba là, xây dựng cơ chế đào tạo, bồi dưỡng đặc thù đối với cán bộ nghiên cứu lý luận

Đội ngũ chuyên gia lý luận không thể hình thành trong thời gian ngắn. Vì vậy, cần coi đào tạo, bồi dưỡng là một quá trình chiến lược, liên tục và có sự kế thừa giữa các thế hệ. Cán bộ phải được đào tạo sâu về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng; đồng thời được trang bị kiến thức về kinh tế, chính trị, xã hội, khoa học - công nghệ, quản trị

quốc gia, quan hệ quốc tế và những vấn đề mới của thời đại.

Bốn là, xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành gắn với phát triển thế hệ cán bộ trẻ kế cận

Một trong những nhiệm vụ có tính chiến lược là giải quyết đồng thời hai nhiệm vụ: giữ vững và phát huy đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm; đồng thời tạo nguồn chuyên gia trẻ có khả năng kế tục và phát triển vượt lên thế hệ trước. Đối với chuyên gia đầu ngành, cần tạo điều kiện để họ tập trung vào những vấn đề lớn, khó, có tính nền tảng và chiến lược; khuyến khích họ dẫn dắt nhóm nghiên cứu, đào tạo cán bộ trẻ và tham gia tư vấn những vấn đề quan trọng. Đối với cán bộ trẻ, cần có chương trình phát triển riêng, giao nhiệm vụ có tính thử thách, tạo cơ hội tiếp cận thực tiễn và tham gia các nhóm nghiên cứu liên ngành, qua đó biến tri thức cá nhân thành tri thức tổ chức, hạn chế tình trạng phụ thuộc quá lớn vào một số cá nhân và bảo đảm tính kế thừa của đội ngũ.

Năm là, đổi mới phương thức sử dụng và đánh giá cán bộ theo năng lực thực chất và giá trị sản phẩm nghiên cứu



Cần chuyển sang đánh giá toàn diện dựa trên chất lượng và hiệu quả thực chất. Đối với cán bộ nghiên cứu lý luận, cần quan tâm các tiêu chí: khả năng phát hiện vấn đề mới; chất lượng luận cứ; tính mới và giá trị khoa học; năng lực tổng kết thực tiễn; năng lực phân tích và dự báo; khả năng nghiên cứu liên ngành; khả năng chuyển hóa kết quả nghiên cứu thành kiến nghị chính sách; mức độ đóng góp cho nhiệm vụ chung của Hội đồng. Đồng thời, cần có cơ chế giao nhiệm vụ theo năng lực và sở trường, khuyến khích cán bộ chuyên sâu vào những lĩnh vực mà mình có ưu thế. Nghiên cứu về quản lý nhân lực khoa học lý luận chính trị cũng nhấn mạnh yêu cầu quản lý, sử dụng hợp lý và hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học, gắn phát triển nhân lực với bố trí, sử dụng và phát huy năng lực.

Sáu là, xây dựng môi trường nghiên cứu dân chủ, khoa học, cởi mở và khuyến khích sáng tạo

Để tạo ra những đột phá về lý luận, cần có môi trường cho phép nêu vấn đề mới, tranh luận khoa học, phản biện và kiểm chứng luận điểm. Hội đồng cần phát huy mạnh hơn vai trò là nơi

hội tụ các quan điểm, cách tiếp cận và nguồn tri thức khác nhau. Cần tăng cường các diễn đàn khoa học chuyên sâu, hội thảo kín theo vấn đề, nhóm nghiên cứu liên ngành, cơ chế phản biện nhiều vòng và trao đổi giữa nhà nghiên cứu với cán bộ hoạch định chính sách, cán bộ thực tiễn. Qua đó, mỗi sản phẩm nghiên cứu phải trải qua quá trình “thử lửa” về cả phương diện khoa học và thực tiễn. Môi trường nghiên cứu cũng phải bảo đảm dân chủ nhưng có nguyên tắc, cởi mở nhưng có kỷ luật khoa học, khuyến khích sáng tạo nhưng đề cao trách nhiệm chính trị và liêm chính học thuật. Đây là điều kiện quan trọng để hình thành những nhà nghiên cứu có tư duy độc lập, bản lĩnh và khả năng kiến giải những vấn đề khó.

Bảy là, tăng cường năng lực nghiên cứu liên ngành, dự báo chiến lược và ứng dụng phương pháp nghiên cứu hiện đại

Yêu cầu mới đòi hỏi cán bộ lý luận phải chuyển từ phương thức nghiên cứu thiên về mô tả, tổng kết sang nghiên cứu giải thích, dự báo và kiến tạo chính sách. Những vấn đề lớn của đất nước hiện nay đều có tính liên ngành, do đó

cần hình thành các nhóm nghiên cứu kết hợp giữa lý luận chính trị với kinh tế, xã hội học, luật học, khoa học dữ liệu, công nghệ, quan hệ quốc tế và các lĩnh vực chuyên môn khác.

Đặc biệt, trong bối cảnh chuyển đổi số và AI, Hội đồng cần chủ động sử dụng các công cụ nghiên cứu hiện đại, khai thác dữ liệu thực tiễn, tăng cường phân tích dữ liệu và các phương pháp dự báo. Chỉ đạo đối với nhiệm kỳ 2026-2031 đã nhấn mạnh việc gắn dữ liệu thực tiễn với nghiên cứu lý luận, gắn phân tích khoa học với dự báo chiến lược và chủ động sử dụng phương pháp, công cụ nghiên cứu hiện đại.

Điều này đòi hỏi mỗi cán bộ nghiên cứu chất lượng cao phải từng bước hình thành năng lực số, năng lực dữ liệu, năng lực dự báo và năng lực làm việc trong môi trường nghiên cứu liên ngành.

Tám là, xây dựng cơ chế đặc thù để trọng dụng, đãi ngộ và giữ chân nhân tài lý luận

Nhân tài lý luận là nguồn lực đặc biệt, cần được trọng dụng theo một cơ chế phù hợp với đặc thù lao động khoa học. Cần khắc phục tư duy bình quân trong sử dụng và đãi ngộ; từng bước

gắn chế độ đãi ngộ với năng lực, mức độ đóng góp và giá trị của sản phẩm nghiên cứu.

Đối với chuyên gia đầu ngành và cán bộ trẻ có triển vọng đặc biệt, cần có cơ chế giao nhiệm vụ nghiên cứu phù hợp, bảo đảm điều kiện về thời gian, thông tin, dữ liệu, kinh phí, khảo sát thực tế và giao lưu học thuật. Động lực đối với người làm lý luận không chỉ là thu nhập mà còn là được tin tưởng, được giao việc lớn, được tạo không gian sáng tạo và được ghi nhận đúng mức những đóng góp trí tuệ.

Do đó, trọng dụng nhân tài phải tạo điều kiện để tài năng có thể phát triển và tạo ra thành tích.

Chín là, xây dựng Hội đồng Lý luận Trung ương trở thành hạt nhân của mạng lưới nghiên cứu lý luận chính trị trong cả nước và mở rộng hợp tác quốc tế

Trong điều kiện mới, không thể xây dựng đội ngũ chất lượng cao chỉ bằng lực lượng cán bộ làm việc trong một cơ quan. Cần xây dựng một mạng lưới nghiên cứu lý luận mở, trong đó Hội đồng giữ vai trò hạt nhân kết nối các viện nghiên cứu, học viện, trường đại học, cơ quan tham mưu của Đảng, các



bộ, ngành, địa phương và các chuyên gia trong, ngoài nước. Cùng với đó, cần mở rộng hợp tác quốc tế về lý luận, tăng cường đối thoại chính sách và trao đổi học thuật; chủ động nghiên cứu kinh nghiệm của các nước nhưng phải bảo đảm nguyên tắc tiếp thu có chọn lọc, vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện Việt Nam. Qua đó, đội ngũ cán bộ lý luận vừa nâng cao năng lực hội nhập, vừa tăng khả năng nhận diện những xu hướng lớn của thời đại.

Tóm lại, xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ lý luận chất lượng cao của Hội đồng Lý luận Trung ương trong thời kỳ phát triển mới phải được tiến hành đồng bộ từ quy hoạch nguồn nhân lực, phát hiện và thu hút nhân tài, đào tạo và truyền nghề, sử dụng và đánh giá, trọng dụng và đãi ngộ, đến xây dựng môi trường nghiên cứu và mạng lưới hợp tác. Trong đó, trọng tâm không phải là mở rộng đội ngũ theo chiều rộng mà là tạo dựng đội ngũ tinh hoa có khả năng dẫn dắt tư duy lý luận, phát hiện vấn đề mới, dự

báo chiến lược và cung cấp luận cứ khoa học có giá trị cho Đảng.

Trong thời kỳ phát triển mới, yêu cầu đặt ra đối với Hội đồng không chỉ là có đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận chất lượng cao, mà cao hơn là xây dựng được một cộng đồng trí tuệ có khả năng tạo ra tri thức lý luận mới, nhận diện sớm những vấn đề chiến lược, dự báo đúng xu hướng phát triển và cung cấp những luận cứ khoa học có giá trị cho Đảng. Đây chính là thước đo quan trọng của chất lượng đội ngũ và cũng là nền tảng để nâng cao chất lượng công tác lý luận. Với cách tiếp cận đó, xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ lý luận chất lượng cao của Hội đồng Lý luận Trung ương phải trở thành một nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài nhưng có những khâu đột phá, góp phần xây dựng nền lý luận ngày càng khoa học, cách mạng, sâu sắc; đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, cầm quyền của Đảng và yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong thời kỳ mới ■

¹ Kết luận Số 231-KL/TW, ngày 08/01/2026 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị khóa XI về “Công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030”.

VAI TRÒ THAM MƯU, GIÚP VIỆC CỦA VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG TRONG 30 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN - NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

ThS. TRẦN THỊ MINH THU

Chánh Văn phòng Hội đồng Lý luận Trung ương

Ba mươi năm xây dựng và phát triển của Hội đồng Lý luận Trung ương là một chặng đường gắn liền với quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng, với sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ khi được thành lập năm 1996 đến nay, qua các nhiệm kỳ, chức năng, nhiệm vụ, mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của Hội đồng từng bước được bổ sung, hoàn thiện để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn và tư vấn những vấn đề chiến lược phục vụ sự lãnh đạo của Đảng.

Nhìn lại chặng đường 30 năm ấy, thành tựu của Hội đồng trước hết là

kết quả của sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, trực tiếp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự đóng góp trí tuệ, tâm huyết và trách nhiệm của các thế hệ Thường trực Hội đồng, thành viên Hội đồng, các tiểu ban, Ban Thư ký khoa học, các chuyên gia, nhà khoa học, cộng tác viên cùng sự phối hợp của các ban, bộ, ngành Trung ương, các địa phương, cơ quan nghiên cứu trong và ngoài nước.

Trong thành tựu chung đó có sự đóng góp bền bỉ, thường xuyên và trực tiếp của Văn phòng Hội đồng Lý luận Trung ương.

Với tư cách là cơ quan tham mưu, giúp việc của Hội đồng, trực tiếp và thường xuyên là Thường trực Hội



đồng, Văn phòng không chỉ thực hiện những công việc hành chính, quản trị hay bảo đảm điều kiện hoạt động. Quan trọng hơn, qua 30 năm, Văn phòng từng bước trở thành một bộ phận hữu cơ trong cơ chế tổ chức và vận hành hoạt động của Hội đồng; là đầu mối tham mưu, tổng hợp, phối hợp, kết nối và bảo đảm để các chủ trương, chương trình, nhiệm vụ nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và tư vấn của Hội đồng được triển khai đồng bộ, đúng tiến độ và đạt chất lượng.

Từ thực tiễn 30 năm qua, có thể nhìn nhận vai trò tham mưu, giúp việc của Văn phòng Hội đồng trên một số phương diện chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, Văn phòng góp phần chuyển hóa chủ trương, định hướng của Hội đồng và Thường trực Hội đồng thành chương trình, kế hoạch và những nhiệm vụ cụ thể có thể tổ chức thực hiện

Đặc thù của Hội đồng Lý luận Trung ương là hoạt động trên những vấn đề lớn, khó, phức tạp, có tính chiến lược, liên ngành và dài hạn. Một nhiệm vụ nghiên cứu, một báo cáo tư vấn hay một đề án tổng kết lớn

thường không phải là sản phẩm của một cá nhân hoặc một đơn vị riêng lẻ, mà là kết quả của quá trình huy động, tập hợp và chất lọc trí tuệ của nhiều cơ quan, nhiều lĩnh vực, nhiều thế hệ cán bộ và nhà khoa học.

Vì vậy, từ một định hướng nghiên cứu hoặc một nhiệm vụ được giao đến khi hình thành được sản phẩm tư vấn có chất lượng là cả một quá trình gồm nhiều công đoạn: xây dựng chương trình, xác định tiến độ, phân công nhiệm vụ; tổ chức nghiên cứu, khảo sát, hội thảo, tọa đàm; huy động chuyên gia; tập hợp tài liệu; phối hợp giữa các cơ quan; theo dõi tiến độ và chuẩn bị các điều kiện để Thường trực Hội đồng xem xét, cho ý kiến.

Ở phía sau quá trình đó luôn có công tác tham mưu, tổng hợp và tổ chức thực hiện của Văn phòng.

Điều này đặc biệt thể hiện trong những nhiệm vụ lớn của Hội đồng qua các thời kỳ, như tham gia tổng kết các chặng đường đổi mới; tổng kết việc thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; nghiên cứu phục vụ xây dựng văn kiện các kỳ Đại hội Đảng; tổ chức các chương trình nghiên cứu

lý luận chính trị; triển khai các đề tài, đề án và xây dựng nhiều báo cáo tư vấn trình Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Thực tiễn đó cho thấy, chất lượng của công tác tham mưu, tư vấn không chỉ phụ thuộc vào chất lượng nghiên cứu khoa học, mà còn phụ thuộc rất lớn vào chất lượng tổ chức nghiên cứu. Văn phòng chính là một trong những mắt xích quan trọng bảo đảm sự thống nhất giữa yêu cầu chính trị, chương trình công tác và quá trình tổ chức thực hiện.

Thứ hai, Văn phòng là một đầu mối quan trọng kết nối các nguồn lực trí tuệ, góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp trong hoạt động của Hội đồng

Hội đồng Lý luận Trung ương hoạt động theo mô hình hội đồng, với đặc trưng nổi bật là tập hợp và phát huy trí tuệ của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, các chuyên gia, nhà khoa học thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau.

Sức mạnh của Hội đồng vì vậy không chỉ nằm ở từng cá nhân thành viên mà còn nằm ở khả năng kết nối và tổ chức để những tri thức, kinh nghiệm và kết quả nghiên cứu khác nhau bổ sung cho nhau, cùng hướng đến giải quyết một vấn đề chung.

Trong quá trình đó, Văn phòng giữ vai trò đầu mối phối hợp thường xuyên giữa Thường trực Hội đồng với các tiểu ban, Ban Thư ký khoa học, thành viên Hội đồng, các chuyên gia tư vấn; giữa Hội đồng với các ban, bộ, ngành Trung ương, địa phương, các học viện, viện nghiên cứu, trường đại học và các cơ quan có liên quan.

Nếu nghiên cứu khoa học tạo ra tri thức thì hoạt động của Văn phòng góp phần tổ chức, kết nối và đưa các nguồn tri thức đó vào đúng nhiệm vụ, đúng thời điểm và đúng yêu cầu.

Đây là một chức năng không dễ nhìn thấy qua từng sản phẩm cụ thể,

Chất lượng của công tác tham mưu, tư vấn không chỉ phụ thuộc vào chất lượng nghiên cứu khoa học, mà còn phụ thuộc rất lớn vào chất lượng tổ chức nghiên cứu. Văn phòng chính là một trong những mắt xích quan trọng bảo đảm sự thống nhất giữa yêu cầu chính trị, chương trình công tác và quá trình tổ chức thực hiện.



nhưng lại có ý nghĩa rất lớn đối với hiệu quả hoạt động của một thiết chế tư vấn chiến lược như Hội đồng Lý luận Trung ương.

Cũng từ yêu cầu đó, người cán bộ Văn phòng ngày nay không thể chỉ làm tốt công việc hành chính thuần túy. Công tác tổng hợp đòi hỏi phải nắm được chương trình hoạt động chung; hiểu yêu cầu của từng nhiệm vụ; nhận diện được mối liên hệ giữa các vấn đề; biết lựa chọn và kết nối thông tin; chủ động phát hiện vấn đề để tham mưu cho lãnh đạo.

Nói cách khác, cần chuyển mạnh từ tư duy “theo dõi công việc” sang “tham mưu công việc”; từ “xử lý việc được giao” sang “chủ động dự báo yêu cầu công việc”; từ “tổng hợp thông tin” sang từng bước hình thành năng lực phân tích và quản trị thông tin phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo.

Thứ ba, Văn phòng góp phần bảo đảm tính liên tục, kế thừa và tích lũy tri thức trong hoạt động nghiên cứu lý luận và tư vấn của Hội đồng

Ba mươi năm hoạt động của Hội đồng đã hình thành một khối lượng rất lớn tài liệu, hồ sơ nghiên cứu, báo cáo tư vấn, sản phẩm khoa học, biên

bản hội nghị, kết quả khảo sát, ý kiến chuyên gia, tư liệu quốc tế và nhiều nguồn thông tin có giá trị.

Đây không đơn thuần là hồ sơ hành chính. Đó là một bộ phận quan trọng trong “tài sản tri thức” của Hội đồng được tích lũy qua các nhiệm kỳ.

Một vấn đề lý luận hôm nay nhiều khi đã được đặt ra từ nhiều năm trước. Một kiến nghị hiện nay có thể bắt đầu từ kết quả của nhiều cuộc khảo sát, hội thảo và nghiên cứu trước đó. Có những vấn đề từng được nghiên cứu, đã được thể chế hóa trong đường lối, chủ trương; cũng có những vấn đề tiếp tục vận động, xuất hiện những nội dung mới, cần được nghiên cứu ở tầm cao hơn.

Vì vậy, công tác văn thư, lưu trữ, thông tin, tư liệu không thể chỉ được nhìn nhận như một khâu kỹ thuật. Đây còn là công việc bảo đảm sự kế thừa của tư duy lý luận, sự liên tục của quá trình nghiên cứu và khả năng truy xuất căn cứ khoa học cho hoạt động tư vấn. Trong bối cảnh chuyển đổi số, yêu cầu này càng trở nên cấp thiết.

Văn phòng cần tiếp tục chuyển mạnh từ “lưu giữ tài liệu” sang “quản trị tri thức”; từ số hóa đơn lẻ sang xây

dựng hệ thống dữ liệu có cấu trúc; từ cung cấp tài liệu theo yêu cầu sang chủ động tổ chức nguồn dữ liệu, thông tin và tư liệu phục vụ nghiên cứu, dự báo và tư vấn. Kho tư liệu được tích lũy qua 30 năm không chỉ là nơi lưu giữ lịch sử hoạt động của Hội đồng, mà phải trở thành một nguồn lực trực tiếp phục vụ những nhiệm vụ mới của Hội đồng.

Thứ tư, Văn phòng góp phần bảo đảm các nguồn lực và điều kiện để hoạt động khoa học, tư vấn của Hội đồng được triển khai thông suốt, hiệu quả và đúng quy định

Đằng sau mỗi cuộc khảo sát thực tế, mỗi hội nghị, hội thảo, tọa đàm, mỗi chương trình nghiên cứu, mỗi hoạt động hợp tác quốc tế là một hệ thống công việc bảo đảm về tài chính, cơ sở vật chất, phương tiện, lễ tân, hậu cần và nhiều điều kiện khác.

Những công việc này có thể không trực tiếp tạo ra một luận điểm khoa học, nhưng lại là điều kiện để luận điểm khoa học được nghiên cứu, trao đổi, kiểm nghiệm và hoàn thiện.

Trong suốt quá trình hoạt động của Hội đồng, công tác tài chính, quản trị của Văn phòng luôn phải giải quyết

đồng thời hai yêu cầu: một mặt, bảo đảm kịp thời các điều kiện thực hiện nhiệm vụ chính trị và nghiên cứu khoa học; mặt khác, phải tuân thủ chặt chẽ các quy định, sử dụng nguồn lực tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch.

Chất lượng phục vụ trong một cơ quan tham mưu chiến lược vì vậy không nên được hiểu đơn thuần là “đáp ứng yêu cầu”, mà phải hướng tới “bảo đảm tốt nhất cho nhiệm vụ chính trị”. Đó là sự chủ động chuẩn bị từ sớm, từ xa; dự báo nhu cầu; phối hợp nhịp nhàng; hạn chế tối đa những vướng mắc có thể ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công việc chung.

Thứ năm, Văn phòng góp phần mở rộng không gian nghiên cứu, trao đổi lý luận và kết nối Hội đồng với thực tiễn trong nước và quốc tế

Lý luận chỉ có sức sống khi bắt nguồn từ thực tiễn, giải đáp những vấn đề do thực tiễn đặt ra và trở lại định hướng cho thực tiễn.

Bởi vậy, khảo sát thực tế tại các địa phương, làm việc với các bộ, ngành, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu; tổ chức hội nghị, hội thảo và tọa đàm; trao đổi với các chuyên gia, nhà



quản lý và những người trực tiếp hoạt động thực tiễn luôn là một phương thức quan trọng trong hoạt động của Hội đồng.

Văn phòng là một đầu mối tham gia tổ chức những hoạt động đó, giúp kết nối giữa cơ quan nghiên cứu lý luận với đời sống thực tiễn phong phú của đất nước.

Đồng thời, nghiên cứu lý luận trong điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng không thể khép kín trong phạm vi quốc gia. Việc nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, đối thoại lý luận, trao đổi với các cơ quan nghiên cứu của các đảng cộng sản, đảng cầm quyền và các tổ chức nghiên cứu trên

thế giới có ý nghĩa quan trọng trong việc mở rộng tầm nhìn, tiếp nhận có chọn lọc những giá trị tri thức của nhân loại và nhận diện sâu hơn những xu thế vận động mới của thế giới.

Trong lĩnh vực này, Văn phòng cùng các đơn vị liên quan tham gia từ xây dựng kế hoạch, tổ chức đoàn ra,

đoàn vào, hội thảo, tọa đàm, công tác lễ tân, tài chính đến tổng hợp kết quả hoạt động. Mục tiêu cuối cùng không chỉ là tổ chức thành công một hoạt động đối ngoại, mà quan trọng hơn là làm cho mỗi hoạt động đối ngoại thực sự phục vụ nhiệm vụ nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn và tư vấn chiến lược của Hội đồng.

Từ tham mưu, tổng hợp đến văn thư, lưu trữ; từ tổ chức cán bộ đến tài chính, quản trị; từ thông tin, tư liệu, công nghệ đến đối ngoại và hậu cần, tất cả đều nằm trong một chuỗi thống nhất phục vụ nhiệm vụ chính trị trung tâm của Hội đồng.

Ba mươi năm qua cũng cho thấy một điều: Văn phòng Hội đồng không phải là tập hợp cơ học của những bộ phận thực hiện các nghiệp vụ khác nhau.

Từ tham mưu, tổng hợp đến văn thư, lưu trữ; từ tổ chức cán bộ đến tài chính, quản trị; từ thông tin, tư liệu, công nghệ đến đối ngoại và hậu cần, tất cả đều nằm trong một chuỗi thống nhất phục vụ nhiệm vụ chính trị trung tâm của Hội đồng.

Giá trị của Văn phòng không nằm ở số lượng công việc đã xử lý, mà trước hết ở mức độ mà những công việc đó góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng.

Một chương trình công tác được tham mưu khoa học hơn; một nhiệm vụ được theo dõi chặt chẽ hơn; một nguồn thông tin được cung cấp đúng lúc hơn; một cuộc khảo sát được tổ chức thiết thực hơn; một nguồn kinh phí được bố trí kịp thời và sử dụng hiệu quả hơn; một hồ sơ nghiên cứu được lưu giữ đầy đủ hơn - tất cả cuối cùng đều phải hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và tư vấn của Hội đồng.

Đó cũng chính là thước đo cao nhất đối với chất lượng tham mưu, giúp việc của Văn phòng.

Bước vào nhiệm kỳ 2026-2031 và chặng đường phát triển mới, chức năng, nhiệm vụ và mô hình hoạt động của Hội đồng có những yêu cầu mới. Hội đồng là cơ quan thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, giúp Học viện thực hiện nhiệm vụ tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề lý luận chính trị; đồng thời đang tham gia triển khai những nhiệm vụ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, trong đó có tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh

và chuẩn bị những luận cứ khoa học phục vụ bổ sung, phát triển đường lối của Đảng trong giai đoạn mới.

Những nhiệm vụ đó đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với Văn phòng Hội đồng. Trong thời gian tới, Văn phòng cần tập trung vào một số phương hướng lớn:

Một là, tiếp tục nâng cao chất lượng tham mưu tổng hợp, coi đây là nhiệm vụ trung tâm của Văn phòng

Công tác tham mưu phải ngày càng chủ động hơn, có tính dự báo hơn, bám sát chương trình toàn khóa và những nhiệm vụ trọng tâm của Hội đồng; kịp thời phát hiện những công việc cần xử lý, những điểm nghẽn trong quá trình triển khai để tham mưu Thường trực Hội đồng chỉ đạo.

Mỗi cán bộ làm công tác tổng hợp phải từng bước nâng cao năng lực nghiên cứu, phân tích và khái quát vấn đề; không chỉ “biết việc” mà cần từng bước “hiểu việc”, hiểu mục tiêu cuối cùng của nhiệm vụ mà mình đang phục vụ.

Hai là, đổi mới mạnh mẽ công tác phối hợp và điều phối

Trong bối cảnh những vấn đề nghiên cứu ngày càng mang tính liên



ngành, liên lĩnh vực, cần hình thành cơ chế phối hợp chặt chẽ hơn giữa Văn phòng với Ban Thư ký khoa học, các tiểu ban, thành viên Hội đồng, chuyên gia tư vấn cấp cao và các đơn vị có liên quan của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Văn phòng phải thực sự trở thành một đầu mối thông suốt của Cơ quan Hội đồng, góp phần làm giảm các khâu trung gian, tăng tốc độ xử lý công việc và nâng cao trách nhiệm trong phối hợp.

Ba là, đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với xây dựng hệ thống quản trị tri thức của Hội đồng

Cần từng bước hình thành cơ sở dữ liệu dùng chung về các chương trình, đề tài, đề án, báo cáo tư vấn, kết quả khảo sát, hội thảo, tư liệu nghiên cứu và ý kiến chuyên gia qua các thời kỳ; tăng khả năng tìm kiếm, kết nối và khai thác thông tin.

Việc ứng dụng công nghệ mới, trong đó có trí tuệ nhân tạo, cần được nghiên cứu, triển khai phù hợp với đặc thù của cơ quan lý luận chính trị, trên cơ sở bảo đảm tuyệt đối yêu cầu về an ninh, an toàn và bảo mật thông tin.

Mục tiêu của chuyển đổi số không phải chỉ để thay đổi công cụ làm việc, mà phải góp phần thay đổi phương thức quản trị và nâng cao chất lượng tham mưu.

Bốn là, xây dựng đội ngũ cán bộ Văn phòng theo hướng chuyên nghiệp, tinh gọn, trách nhiệm và có năng lực thích ứng cao

Đặc thù của Văn phòng Hội đồng đòi hỏi cán bộ vừa phải vững nghiệp vụ chuyên môn, vừa có bản lĩnh chính trị, tinh thần trách nhiệm, khả năng phối hợp và ý thức phục vụ nhiệm vụ chung.

Đặc biệt, cần quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ tham mưu, tổng hợp có khả năng tiếp cận những vấn đề lý luận và thực tiễn lớn; cán bộ thông tin, tư liệu có năng lực quản trị dữ liệu; cán bộ tài chính, quản trị có khả năng tham mưu và chủ động xử lý những yêu cầu ngày càng đa dạng của hoạt động khoa học.

Mỗi vị trí việc làm phải gắn với trách nhiệm cụ thể; mỗi cán bộ phải nhận thức rằng chất lượng công việc của mình, dù trực tiếp hay gián tiếp, đều tác động đến chất lượng hoạt động chung của Hội đồng ■